

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI THÔNG TIN CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC,
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM, TRUNG CẤP SƯ PHẠM NĂM HỌC 2019 - 2020

A. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ QUY MÔ ĐÀO TẠO

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm		Trung cấp sư phạm	
				Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học
1	Khối ngành III	52	629	1650	x	x	x	x	x
2	Khối ngành VII	51	459	2052	x	x	x	x	x

B. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ SINH VIÊN TỐT NGHIỆP VÀ TỶ LỆ SINH VIÊN CÓ VIỆC LÀM SAU 01 NĂM

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)				Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	TB	
1	Khối ngành III	242	1.7%	29.3%	66.9%	2.1%	
2	Khối ngành VII	188	2.1%	39.4%	56.9%	1.6%	

C. CÔNG KHAI CÁC MÔN HỌC CỦA TỪNG KHÓA HỌC, CHUYÊN NGÀNH

C1. KHOA KINH TẾ CHÍNH TRỊ

1. Tiến sĩ Kinh tế chính trị (Áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
I Các học phần bắt buộc (6TC)					
1.	Lịch sử các học thuyết kinh tế nâng cao	Nghiên cứu chuyên sâu quá trình phát sinh, phát triển và chuyển hóa của các tư tưởng và học thuyết kinh tế lớn như học thuyết giá trị, giá trị thặng dư và phân phối thu nhập, học thuyết tái sản xuất và khủng hoảng kinh tế, học thuyết về tiền tệ, học thuyết về thể chế kinh tế, các giá trị cốt lõi của học thuyết kinh tế Mác – Lênin, quan niệm về vai trò của nhà nước trong nền kinh tế... v.v. Bước đầu, môn học cũng giới thiệu những nét khái quát về lịch sử tư tưởng kinh tế của Việt Nam.	3	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
2.	Kinh tế Chính trị của sự phát triển	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cho người học các mô hình phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu: mô hình phát triển tuần tự, mô hình phát triển rút ngắn, mô hình Xô Viết... - Nghiên cứu quá trình phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam dưới tác động của các nhân tố: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, hội nhập... từ đó làm rõ hơn các quy luật và các xu hướng phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong giai đoạn hiện đại. - Trang bị cho người học không chỉ những tri thức mà cả phương pháp luận để xem xét, phân tích, đánh giá quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam; đề xuất những giải pháp nhằm phát triển đất nước nhanh và bền vững. 	3	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
II Học phần tự chọn (3/9TC)					
3.	Nghèo đói, bất bình đẳng và chính phủ ở các nước kém phát triển	Cung cấp cho người học các khái niệm, cách đo lường và phân tích nghèo đói và bất bình đẳng, mối quan hệ giữa bất bình đẳng và nghèo đói, các nhân tố tác động tới nghèo đói và bất bình đẳng và vai trò của chính phủ trong giảm nghèo và bất bình đẳng nhằm hướng tới mục tiêu nâng cao thu nhập và công bằng xã hội trong phát triển kinh tế-xã hội.	3	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
4.	Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế	Tìm hiểu tác động của những thay đổi trong cấu trúc đương đại của nền kinh tế chính trị toàn cầu đối với các mối quan hệ nhà nước-thị trường, về mức độ, phạm vi và quyền hạn của nhà nước đối với các quá trình làm chính sách và các công cụ mà qua đó chính sách công được thực thi. Căn cứ vào những vấn đề rút ra từ việc nghiên cứu, học phần góp phần gợi mở một số khuyến nghị cho Việt Nam về việc	3	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		giải quyết mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.			
5.	Phân tích chính sách kinh tế - xã hội nâng cao	Phân tích làm rõ những đặc điểm riêng của từng chính sách: tăng trưởng kinh tế, cơ cấu kinh tế, tài chính - tiền tệ, chính sách lao động - việc làm, ... và đưa ra những gợi ý để người học có thể vận dụng trong quá trình tham gia hoạch định, phân tích và tổ chức thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội; đánh giá tác động của các chính sách đến các đối tượng khác nhau của chính sách.	3	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
III	Chuyên đề (6TC)				
6.	Phương pháp nghiên cứu định lượng	Cung cấp những kiến thức về phương pháp nghiên cứu định lượng trong kinh tế và kinh doanh. NCS có thể vận dụng kiến thức được học vào hoạt động nghiên cứu (từ cách thiết kế nghiên cứu, soạn bộ câu hỏi đến thực hiện phân tích tương quan và hồi qui, phương pháp phân tích đa biến, viết báo cáo đánh giá ..v.v.)	2	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
7	Phân tích kinh tế về các thể chế chính trị	Nghiên cứu sinh nắm được những nội dung chủ yếu của môn học phân tích kinh tế thể chế chính trị theo các mức độ như: mức 1 – có khả năng tái hiện; mức 2 – có khả năng tái tạo; mức 3 – có khả năng lập luận; mức 4 – có khả năng sáng tạo	2	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
8	Kinh tế chính trị hiện đại	Cung cấp cho người học những cách tiếp cận mới, sâu sắc hơn dựa trên những phân tích, đánh giá đa chiều, khả năng nhận biết, lượng hóa xu thế phát triển của các nhân tố trong lĩnh vực kinh tế chính trị hiện đại như lợi ích nhóm, chính phủ và chính sách công, phát triển kinh tế và các vấn đề xã hội, thể chế kinh tế trong nền kinh tế toàn cầu...Cụ thể, môn học giúp người học đạt được các nội dung chính như: i) Nắm được các cách tiếp cận của khoa học kinh tế chính trị hiện đại (<i>cấp độ 2</i>); ii) Nhận biết được bản chất của các hiện tượng, các quá trình kinh tế dưới góc nhìn của kinh tế chính trị hiện đại (<i>cấp độ 2</i>); iv) Hiểu và vận dụng được các nguyên tắc của kinh tế chính trị hiện đại vào phân tích đánh giá các vấn đề kinh tế đương đại nhất là các vấn đề thực tiễn nảy sinh trong nền kinh tế Việt Nam (<i>cấp độ 3</i>).	2	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Tiểu luận: 20% Thi cuối kỳ: 60%
Các học phần tự chọn (6/9TC)					
9	Quản lý nhà nước kinh tế nâng cao	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống về Kinh tế và quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; Quy luật kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế, chức năng quản lý nhà	3	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		nước về kinh tế, các nguyên tắc quản lý nhà nước về kinh tế; Các phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế; Các công cụ quản lý nhà nước về kinh tế; ...			
10	Kinh tế thế giới hiện đại	Cung cấp cho người học các kiến thức về: các đặc điểm, động thái, xu thế phát triển của kinh tế thế giới, những thay đổi cơ cấu trong nền kinh tế thế giới; chuyển biến trong tư duy về phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế; xu hướng chuyển dịch sang nền kinh tế mới, toàn cầu hoá kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế và xu thế xu thế biến đổi các thể chế kinh tế toàn cầu; ...	3	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
11	Hoạch định phát triển	Trang bị cho người học các phương pháp tiếp cận hình thành hệ thống công cụ hoạch định phát triển kinh tế - xã hội (các công cụ này hiện nay đang được sử dụng phổ biến ở Việt Nam), đó là: Chiến lược phát triển, Quy hoạch phát triển, Kế hoạch phát triển. Việc đề cập các công cụ này được tiếp cận theo góc độ: các công cụ hình thành một quy trình thực hiện tuần tự, mỗi công cụ sau phải dựa trên yêu cầu, nội dung đặt ra của công cụ trước thành một logic nội dung có mối quan hệ mật thiết với nhau.	3	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%

2. Tiến sĩ Quản lý Kinh tế (Áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
I	Các học phần bắt buộc (6TC)				
1	Quản lý nhà nước kinh tế nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	3	Học kỳ: 1,2	
2	Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	3	Học kỳ: 1,2	
II	Học phần tự chọn (3/9TC)				
3	Quản lý công và lãnh đạo	Cung cấp cho người học các kiến thức như: Vai trò, cơ cấu và những đặc điểm cơ bản của quản lý trong khu vực công; Đặc điểm tổ chức và hoạt động của các tổ chức công (đặc biệt là các tổ chức nhà nước); Vai trò chức năng và cơ cấu thực hiện chức năng của hành chính công trong quản lý xã hội; Quản lý công theo cách tiếp cận mới với việc áp dụng những bài học thành công trong quản lý của khu vực tư, các mô hình quản lý công, các xu hướng cải cách khu vực công trên thế giới và liên hệ với thực tiễn Việt Nam, ...	3	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
4	Phân tích chính sách kinh tế - Xã hội	Cung cấp cho người học các kiến thức như: các nguyên tắc, mục tiêu, yêu cầu, quy trình và các nội dung cần thực hiện của hoạt động phân tích chính sách trong	3	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		toàn bộ quá trình chính sách: hoạch định, tổ chức thực hiện, đánh giá và điều chỉnh các chính sách kinh tế - xã hội. Các nội dung nghiên cứu được gắn với việc phân tích các tình huống cụ thể.			Thi cuối kỳ: 60%
5	Chính sách xã hội: các vấn đề và những sự lựa chọn	Giúp người học có hiểu biết về nội dung chính sách xã hội, các chính sách xã hội cơ bản; lựa chọn ưu tiên các chính sách xã hội phù hợp với từng thời kỳ, từng vùng, từng địa phương nhằm góp phần phát triển bền vững.	3	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
III Các chuyên đề (6TC)					
6	Phương pháp nghiên cứu định lượng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	2	Học kỳ: 1,2	
7	Các lý thuyết quản lý kinh tế hiện đại	Giúp người học hình thành các kỹ năng: - Phân tích, tổng hợp và đánh giá những ưu thế, hạn chế của từng học thuyết quản lý và sự phù hợp của mỗi học thuyết thực tiễn quản lý gắn với từng giai đoạn phát triển của xã hội và bối cảnh cụ thể của tổ chức. - Thuyết phục (bằng lời nói, bằng văn bản), thuyết trình, nêu vấn đề và có thể xử lý một vấn đề thực tiễn quản lý với các kiến thức khoa học của các lý thuyết quản lý.	2	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
8	Quản lý công trong điều kiện toàn cầu hóa	Giúp người học nhận biết được đặc trưng, các biểu hiện mới của quá trình toàn cầu hoá kinh tế và những cơ hội, thách thức đối với quản lý công trong bối cảnh toàn cầu hoá; Phân biệt được quản lý công với nghĩa là quản lý trong khu vực công và quản lý công với nghĩa là một các tiếp cận mới trong hành chính công, ...	2	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thảo luận: 10% Thi hết môn: 60%
IV Các học phần tự chọn (6/9TC)					
9	Tư duy phân biện	Giúp người học hiểu, làm rõ bản chất, đặc trưng, các tiêu chuẩn của tư duy và các vấn đề căn bản của logic hình thức và logic biện chứng; Hiểu và biết cách phân tích các khía cạnh khác nhau của những vấn đề kinh tế - xã hội, từ đó có tầm nhìn khái quát trước các vấn đề nghiên cứu hoặc thực tiễn đặt ra, làm cơ sở cho việc ra quyết định; Vận dụng các kiến thức trên, biết cách lập luận để biện minh cho cách nhìn nhận và đánh giá các vấn đề quản lý kinh tế - xã hội của riêng mình dựa trên những minh chứng thuyết phục và quan điểm đa chiều đã tham khảo và chọn lọc.	3	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
10	Quản trị và phát triển	Giúp người học hiểu, làm rõ bản chất, các khái niệm và lý thuyết về quản trị và mối quan hệ giữa quản trị với phát triển; Hiểu và phân tích được các khía cạnh khác nhau của quản trị tốt bao gồm hệ thống hành chính, dân chủ, sự tham gia và vai trò của xã hội dân sự; Vận dụng các kiến thức để phân tích và đưa ra các	3	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		quan điểm riêng về vai trò của quản trị đối với phát triển tại các nước đang phát triển.			
11	Quản lý tri thức	Cung cấp những vấn đề cơ bản về quản lý tri thức: quan niệm, lịch sử hình thành và vai trò của quản lý tri thức; chu trình quản lý tri thức, nội dung cũng như các mô hình quản lý tri thức truyền thống và các mô hình hiện hành; các vấn đề quản lý cơ bản trong việc sáng tạo, chia sẻ và ứng dụng tri thức; nhận diện tình hình quản lý tri thức ở Việt Nam giai đoạn gần đây.	3	Học kỳ: 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%

3. Thạc sĩ Kinh tế chính trị

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
I	Khối kiến thức chung		8		
1	Triết học	Cung cấp các kiến thức về những vấn đề chung và cơ bản của con người, thế giới quan và vị trí của con người trong thế giới quan, những vấn đề có kết nối với chân lý, sự tồn tại, kiến thức, giá trị, quy luật, ý thức, và ngôn ngữ; giúp người học giải quyết những vấn đề nhân sinh quan trên cơ sở phê phán, duy lý trong việc lập luận.	4	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
2	Tiếng Anh cơ bản	Được tổ chức đào tạo chung trong toàn ĐHQGHN cho các học viên và được đánh giá ở bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương IELTS 4.5.	4	Học kỳ: 1	(không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy)
II	Kiến thức chuyên ngành		47		
	Các học phần bắt buộc		21		
3	Thiết kế nghiên cứu luận văn	Trang bị cho học viên kiến thức và các kỹ năng cần thiết để tiến hành thực hiện một hay nhiều nghiên cứu độc lập.	2	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
4	Lý thuyết kinh tế vi mô	Hình thành hệ thống lý thuyết kinh tế vi mô theo cách tiếp cận hiện đại; Hiểu rõ cách phát triển mối liên kết của lý thuyết vi mô theo các chủ đề riêng biệt trong các lĩnh vực có liên quan đến kinh tế học; Phân tích lý thuyết kinh tế theo các mô hình của kinh tế vi mô theo các chủ đề và cách tiếp cận hiện đại; rèn luyện cho người học khả năng tư duy hệ thống thông qua phát triển các mối liên hệ lý thuyết từ kinh tế học vi mô sang một số lĩnh vực có liên quan.	2	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
5	Lý thuyết kinh tế vĩ mô	Hiểu rõ mục tiêu bao quát của kinh tế vĩ mô nghiên cứu về những biến động kinh tế ngắn hạn và tăng trưởng kinh tế dài hạn; Hiểu được một số thành tố quan trọng quyết định GDP; Nhận thức được những khó khăn thách thức trong việc thi hành những chính sách vĩ mô của chính phủ nhằm điều tiết hoạt động của nền kinh tế.	2	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
6	Lịch sử các học thuyết kinh tế nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế chính trị (Áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	3	Học kỳ: 2	
7	Kinh tế chính trị Việt Nam	Cung cấp cho người học các tri thức kinh tế chính trị chuyên sâu về các vấn đề kinh tế - xã hội cấp thiết Việt Nam. Người học hiểu được những vấn đề lý luận chung nhất về các vấn đề kinh tế - xã hội cấp bách; Biết sử dụng các tri thức lý luận để phân tích thực tiễn ở nước ta hiện nay; Phân tích, đánh giá được những thành tựu, hạn chế và các vấn đề Kinh tế chính trị cấp thiết ở nước ta hiện nay và đưa ra được khuyến nghị các chính sách cho những năm tới.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
8	Kinh tế chính trị của sự phát triển	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	3	Học kỳ: 2	
9	Lịch sử kinh tế Việt Nam	Có kiến thức chung một cách có hệ thống về lịch sử kinh tế Việt nam và những vấn đề cơ bản về mô hình phát triển kinh tế của một số giai đoạn phát triển. Trên cơ sở những bài học kinh nghiệm của Việt Nam trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế có thể phân tích một số vấn đề kinh tế trong lịch sử.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
10	Toàn cầu hóa và kinh tế chính trị quốc tế	Hiểu, làm rõ khái niệm, (i) bản chất, đặc trưng, các biểu hiện mới và cơ hội, thách thức của quá trình toàn cầu hoá. (ii) đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị quốc tế; Hiểu rõ một số lý thuyết cơ bản trong kinh tế chính trị quốc tế. Phân tích được một số vấn đề về toàn cầu hoá và kinh tế chính trị quốc tế hiện nay; Vận dụng các kiến thức trên vào phân tích tác động của quá trình toàn cầu hoá đối với Việt Nam và các phản ứng chính sách của Việt Nam trước các vấn đề kinh tế chính trị quốc tế hiện nay.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
Các học phần tự chọn			26		
11	Kinh tế chính trị Mác-xít	Trang bị cho người học các phương pháp tiếp cận hiện đại để hình thành tư duy phân tích và đánh giá chuyên sâu các vấn đề về kinh tế chính trị Mác-xít; <i>Hiểu và biết phân tích, đánh giá</i> lý luận cũng như thực tiễn những vấn đề KTCT dưới góc độ duy vật biện chứng và duy vật lịch sử trên nền tảng những kiến thức cơ bản và hệ thống về Kinh tế chính trị Mác-xít. Từ đó có thể <i>vận dụng</i> được những kiến thức được trang bị vào việc tìm hiểu, phân tích, đánh giá sự vận động của nền kinh tế thị trường hiện đại nói chung, nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam nói riêng.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
12	Nghèo đói, bất bình đẳng và chính phủ ở các nước kém phát triển	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	3	Học kỳ: 3	
13	Chính trị và phát triển	Hiểu rõ các phạm trù, nội dung cơ bản của chính trị học phát triển; vai trò, những nhân tố chính trị tác động đến các quá trình phát triển xã hội. Trên cơ sở đó, hình thành khả năng phân tích, đánh giá sự tác động của các yếu tố chính trị đến sự phát triển xã hội; hình thành kỹ năng tham gia chính trị.	2	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
16	Môi trường và phát triển	Cung cấp những kiến thức cơ bản về môi trường, gắn kết những vấn đề môi trường và phát triển, tạo cơ sở để nghiên cứu những lĩnh vực khác như quản lý khoa học - công nghệ và môi trường, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn. Hiểu được các mối liên kết giữa các vấn đề khác nhau về môi trường và tài nguyên thiên nhiên và các hoạt động kinh tế ảnh hưởng lên môi trường và tài nguyên thiên nhiên; Biết cách sử dụng các công cụ kinh tế phù hợp để giải quyết các vấn đề môi trường và tài nguyên thiên nhiên và cải cách vấn đề quyền sở hữu/thể chế.	2	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
17	Công nghiệp hóa ở các nước đang phát triển	Cung cấp cho người học (i) các kiến thức cơ bản và hệ thống về công nghiệp hóa ở các nước đang phát triển. (ii) phương pháp tiếp cận hiện đại để hình thành tư duy phân tích, đánh giá chuyên sâu các vấn đề liên quan đến công nghiệp hóa tại các nước đang phát triển trên thế giới và Việt Nam.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
18	Nông nghiệp trong phát triển kinh tế	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nông nghiệp, đánh giá vai trò của nông nghiệp, vai trò của công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, tầm quan trọng của chính sách nông nghiệp. Vận dụng kiến thức phân tích, tổng hợp và đánh giá vị trí, vai trò của nông nghiệp trong quá trình phát triển kinh tế	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
19	Tăng trưởng phát triển và sự chuyển đổi kinh tế	Cung cấp cho học viên những kiến thức về tăng trưởng kinh tế trong một nền kinh tế chuyển đổi dựa trên những luận cứ khoa học và tư duy kinh tế chính trị. Phân tích, tổng hợp, đánh giá các vấn đề kinh tế chính trị về tăng trưởng và chuyển đổi kinh tế, trong đó có Việt Nam.	2	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
20	Kinh tế chính trị về nền kinh tế tri thức	Có kiến thức cơ bản về một nền kinh tế tri thức, những điều kiện để phát triển nền kinh tế tri thức, phân tích được những điểm mạnh, điểm yếu đối với một quốc gia khi đặt mục tiêu hướng tới một nền kinh tế tri thức, đồng thời vận dụng kiến thức đã học để phân tích khả năng phát triển nền kinh tế tri thức ở VN dưới góc độ Kinh tế chính trị.	2	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
21	Tăng trưởng kinh tế và phát triển con người	Cung cấp cho người học một cách tiếp cận chuyên sâu về quá trình tăng trưởng kinh tế và phát triển con người. Cụ thể: i) Hiểu rõ các quan niệm và bản chất của	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		quá trình phát triển con người; ii) Nhận biết được sự tương tác giữa quá trình tăng trưởng kinh tế và quá trình phát triển con người; iii) Hiểu và vận dụng được các chính sách hướng tăng trưởng kinh tế đến mục tiêu phát triển con người; iv) Nhận biết được một số quá trình tăng trưởng kinh tế vì mục tiêu phát triển con người ở một số quốc gia trên thế giới; iv) Hiểu và vận dụng được các nguyên tắc của quá trình tăng trưởng vì mục tiêu phát triển con người vào quá trình tăng trưởng kinh tế hiện thực ở Việt Nam.			Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
22	Toàn cầu hóa và chính sách công	- Phân biệt, phân tích được (i) khái niệm, đặc trưng và biểu hiện mới của toàn cầu hoá với tính cách là xu hướng, khuôn khổ phát triển mới của nền kinh tế thế giới. (ii) đặc trưng, quy trình hoạch định, đánh giá Chính sách công và Chính sách công ở một số nước trên thế giới. - Phân tích đánh giá được (i) các chiều hướng tiến triển, tác động của toàn cầu hoá đến Chính sách công trên các cấp độ: quốc gia, khu vực và toàn cầu. (ii) vị trí, vai trò, tính đặc thù, lộ trình và bước đi trong xây dựng và thực hiện Chính sách công của VN trong tiến trình toàn cầu hóa.	2	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
23	Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	3	Học kỳ: 3	
24	Chính sách xã hội: các vấn đề và những sự lựa chọn	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Quản lý Kinh tế (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	3	Học kỳ: 1	
25	Những vấn đề về chính sách thị trường lao động	Cung cấp cho học viên những công cụ phân tích kinh tế về hoạt động của thị trường lao động; những kiến thức về các thể chế và chính sách công để đánh giá hiệu lực của hợp đồng, điều khoản và điều kiện do người lao động và doanh nghiệp thỏa thuận trên thị trường lao động; Có kiến thức chung về những xu hướng, sự phát triển của thị trường lao động và những vấn đề thời sự trên thị trường lao động.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
26	Quản lý khoa học công nghệ	Có kiến thức cơ bản về khoa học và công nghệ và quản lý khoa học và công nghệ. Hiểu rõ chiến lược phát triển cũng như những nội dung quản lý về (1) hoạt động khoa học và công nghệ; (2) các nguồn lực khoa học và công nghệ cũng như về (3) thị trường khoa học và công nghệ. Có thể đánh giá tình hình thực tế phát triển khoa học và công nghệ ở Việt Nam cũng như tình hình quản lý khoa học và công nghệ ở Việt Nam hiện nay.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
27	Quản lý công và Lãnh đạo	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Quản lý Kinh tế (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	3	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
					Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
28	Phân tích chính sách kinh tế - xã hội nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	3	Học kỳ: 2	
29	Thương mại quốc tế	Có kiến thức về các lý thuyết thương mại quốc tế, đặc biệt những vấn đề mới và có liên quan đến các nước đang phát triển trong buôn bán quốc tế một cách có hệ thống. Hiểu rõ những nguyên tắc được vận dụng trong chính sách thương mại quốc tế, và những vấn đề đang đặt ra trong quá trình tự do hoá thương mại toàn cầu để giải thích, đánh giá chính sách và động thái thương mại quốc tế và của VN. Vận dụng các lý thuyết và Chính sách thương mại quốc tế để triển khai và thực hiện các nghiên cứu liên quan đến Thương mại quốc tế, đưa ra giải pháp và kiến nghị.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
30	Tài chính tiền tệ quốc tế	- Hiểu được các lý thuyết về: Cán cân thanh toán quốc tế; Những nhân tố tác động tới tỷ giá hối đoái; Hoạt động của các chính sách kinh tế vĩ mô trong một nền kinh tế mở; Các nguyên tắc hoạt động của hệ thống tiền tệ quốc tế và chính sách kinh tế vĩ mô quốc tế; Khủng hoảng tài chính-tiền tệ... - Hiểu được các quan hệ kinh tế tổng thể có tính tương tác lẫn nhau như tăng trưởng, thất nghiệp, lạm phát, tỷ giá hối đoái, cán cân thanh toán và sự phối hợp các chính sách kinh tế vĩ mô quốc tế cũng như tính phức tạp, đa chiều và đa quan điểm về những vấn đề này để có thể phân tích và đánh giá một cách độc lập và có tính phê phán đối với các vấn đề lý thuyết cũng như thực tiễn.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
31	Các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô	Có khả năng nhận biết và phân biệt được các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô mà chính phủ có thể sử dụng được để can thiệp vào nền kinh tế; Hiểu rõ nội dung cũng như các ưu điểm, nhược điểm và điều kiện áp dụng của từng công cụ quản lý kinh tế vĩ mô từ đó có thể vận dụng phân tích tình huống thực tế tại Việt Nam; Có khả năng lập luận, phân tích, đánh giá các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô mà chính phủ đã sử dụng để can thiệp vào nền kinh tế trong tình hình cụ thể của đất nước...	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
32	Hệ thống thông tin quản lý	Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về tổ chức thông tin và hệ thống thông tin; Cơ sở công nghệ thông tin của hệ thống thông tin; Phân tích, thiết kế cài đặt hệ thống thông tin; Hệ thống thông tin phục vụ quản lý doanh nghiệp.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
	Luận văn thạc sĩ		9	Học kỳ: 4	

4. Thạc sĩ Quản lý Kinh tế

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
I	Khối kiến thức chung		8		
	Các học phần được giảng dạy trong chương trình tương tự CTĐT thạc sĩ Kinh tế Chính trị				
II	Khối kiến thức chuyên ngành		47		
	Các học phần bắt buộc				
1	Quản lý công và lãnh đạo	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Quản lý Kinh tế (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	3	Học kỳ: 1	
2	Nghèo đói, bất bình đẳng và chính phủ ở các nước kém phát triển	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	3	Học kỳ: 3	
3	Phân tích chính sách kinh tế - xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Quản lý Kinh tế (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	3	Học kỳ: 1	
4	Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao	Mục tiêu cần đạt tới của môn học này là hiểu một cách có hệ thống kiến thức quản lý nhà nước về kinh tế và bước đầu vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn quản lý nhà nước về kinh tế vi mô và vĩ mô.	3	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
5	Quản trị chiến lược trong các tổ chức công	Học viên sẽ nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị chiến lược trong tổ chức công và các tổ chức hoạt động kinh doanh như tập đoàn kinh tế nhà nước, doanh nghiệp. Các kiến thức chuyên sâu là những kiến thức thực tiễn để ứng dụng vào quản trị chiến lược vào tổ chức như xây dựng bản đồ chiến lược, xác định các chỉ số đo lường hiệu quả hoạt động, các loại hình chiến lược cạnh tranh sẽ được truyền tải đến học viên thông qua các bài giảng ứng dụng thực tiễn.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
6	Thiết kế nghiên cứu luận văn	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị	2	Học kỳ: 1	
7	Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	3	Học kỳ: 1	
8	Phân tích các vấn đề về tiền tệ và ngân hàng	Người học được cung cấp phương pháp tiếp cận hiện đại để hình thành tư duy phân tích, đánh giá chuyên sâu các hoạt động của thị trường tài chính nói chung, hệ thống ngân hàng nói riêng trong bối cảnh kinh tế hiện đại. Trên cơ sở đó, người học có được năng lực nghiên cứu độc lập, khả năng phân tích thực tiễn và	2	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		vận dụng lý thuyết vào giải quyết những vấn đề nóng bỏng trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng của thế giới và Việt Nam trong bối cảnh hội nhập ngày nay.			
9	Các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị	3	Học kỳ: 2	
Các học phần tự chọn			22/44		
10	Toàn cầu hóa và chính sách công	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị	2	Học kỳ: 3	
11	Chính sách và các vấn đề tài chính quốc tế	Cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản về (i) tài chính quốc tế; những đặc điểm và bản chất những vấn đề cơ bản của tài chính quốc tế như cán cân thanh toán, các thị trường tài chính quốc tế (Thị trường ngoại hối, thị trường Đô la Châu Âu và thị trường trái phiếu Châu Âu), hệ thống tiền tệ quốc tế, nợ quốc tế.... (ii) thị trường ngoại hối Việt Nam và chính sách tỷ giá hối đoái của Việt Nam. Hiểu được các yếu tố tác động tới tỷ giá hối đoái và một số nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ và bảo hiểm rủi ro tỷ giá hối đoái.	2	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
12	Quản lý khoa học công nghệ	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị	3	Học kỳ: 1	
13	Chính sách xã hội: các vấn đề và những sự lựa chọn	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Quản lý Kinh tế (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	3	Học kỳ: 2	
14	Quản lý tài nguyên và môi trường	Cung cấp các kiến thức đa chiều về các loại hình tài nguyên và yếu tố môi trường; cơ sở lý luận và phương pháp luận quản lý tài nguyên và môi trường; một số văn bản quản lý tài nguyên và môi trường chủ yếu của Việt Nam. Cụ thể: i) kiến thức về bản chất tài nguyên và yếu tố môi trường; ii) các nguyên lý và phương pháp quản lý các dạng tài nguyên thiên nhiên cơ bản; iii) nguyên lý và các công cụ quản lý môi trường chủ yếu.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
15	Những vấn đề về chính sách thị trường lao động	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị	3	Học kỳ: 2	
16	Quản lý tài chính công	Cung cấp (i) cơ sở lý thuyết và thực tiễn về vai trò của khu vực công trong nền kinh tế thị trường hiện đại trong bối cảnh toàn cầu hóa và xu hướng dịch chuyển sang nền kinh tế tri thức. (ii) cơ sở hình thành các chính sách chi tiêu và thuế khóa của nhà nước và tác động của các kiểu loại chính sách này đến nền kinh tế, đến người sản xuất và tiêu dùng trên cơ sở các mục tiêu (tăng trưởng, hiệu quả,	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		công bằng) mà các chính sách này theo đuổi. Hiểu rõ các xu hướng tranh luận về chính sách công, đặc biệt ở các nước đang phát triển.			
17	Đàm phán và quản lý xung đột	Có thể dựng và triển khai (i) chiến lược đàm phán trong nhiều tình huống khác nhau; (ii) xây dựng chiến lược, thuyết phục các cá nhân và nhóm lợi ích trong giải quyết xung đột. (iii) nhận diện xung đột và giải quyết xung đột.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
18	Quản trị tài chính dành cho các nhà hoạch định chính sách	Cung cấp cho học viên (i) hệ thống lý thuyết cơ bản và các vấn đề chính của quản trị tài chính dành cho các nhà quản lý các nhà hoạch định chính sách. (ii) các công cụ phân tích, đánh giá tình hình tài chính để ra quyết định trong đầu tư công. (iii) vận dụng các kiến thức lý thuyết và các công cụ phân tích tài chính vào giải quyết các vấn đề thực tế trong quản lý tài chính công. (iv) giải quyết một số bài toán của quản trị tài chính như dự toán vốn đầu tư, phân tích báo cáo tài chính phần mềm máy tính.	2	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
19	Kinh tế học ứng dụng trong lĩnh vực công	Cung cấp hệ thống lý thuyết và thực tiễn về vai trò của khu vực công trong nền kinh tế thị trường hiện đại và tính đặc thù của vấn đề gắn với điều kiện của các nước đang phát triển. Hiểu được cơ sở hình thành các chính sách chi tiêu và thuế khóa của nhà nước và tác động của các kiểu loại chính sách này đến nền kinh tế, đến người sản xuất và tiêu dùng trên cơ sở các mục tiêu (tăng trưởng, hiệu quả, công bằng) mà các chính sách này theo đuổi. Nắm được các xu hướng tranh luận về chính sách công, đặc biệt ở các nước đang phát triển.	2	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
20	Quản lý an ninh kinh tế	Học viên có những kiến thức cơ bản về (i) an ninh kinh tế, nội hàm của an ninh kinh tế, các nguy cơ đe dọa đến an ninh kinh tế ở nước ta hiện nay, (ii) công tác quản lý về an ninh kinh tế, công tác tổ chức lực lượng, phương tiện, biện pháp quản lý về an ninh kinh tế ở nước ta hiện nay. (iii) quản lý về an ninh tài chính, ngân hàng, quản lý về an ninh công nghiệp, năng lượng, ... (iv) hiểu và vận dụng trong công tác phối hợp lực lượng nhằm tổ chức tốt công tác quản lý về an ninh trên các lĩnh vực này một cách hiệu quả.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
21	Phụ nữ trong quản lý tổ chức công	Cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về (i) vai trò, vị trí của phụ nữ trong các tổ chức công cũng như những vấn đề cơ bản về giới tính, các nhân tố ảnh hưởng đến quyền nữ giới và cách mạng bình đẳng giới. (ii) kỹ năng và khả năng lãnh đạo để phát huy quyền lực của phụ nữ trong kinh doanh, trong xã hội dân sự, đặc biệt trong các tổ chức công và những mâu thuẫn và thách thức của phụ nữ trong lãnh đạo, quản lý.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
22	Lý thuyết kinh tế vi mô	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị	3	Học kỳ: 1	

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
23	Lý thuyết kinh tế vĩ mô	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị	3	Học kỳ: 1	
24	Quản lý kho bạc nhà nước	Học viên hiểu được một số vấn đề cơ bản về hoạt động nghiệp vụ Kho bạc nhằm thực hiện chính sách tài khóa; phân tích chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn KBNN; sơ đồ hóa tổ chức bộ máy của KBNN; mô tả các quy trình nghiệp vụ Kho bạc chủ yếu: thu, chi NSNN, phát hành trái phiếu chính phủ, quản lý ngân quỹ nhà nước, tổng kế toán nhà nước, ...	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Thảo luận: 20% Thi hết môn: 60%
25	Quản lý ngân sách nhà nước	Học viên hiểu được những vấn đề cơ bản về ngân sách nhà nước, phân tích vai trò ngân sách nhà nước; sơ đồ hóa hệ thống ngân sách nhà nước gắn với nguồn thu, nhiệm vụ chi của từng cấp ngân sách, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý ngân sách nhà nước trong chu trình ngân sách nhà nước; nắm được các nhân tố ảnh hưởng đến thu, chi, bội chi ngân sách nhà nước, lựa chọn được các giải pháp hiệu quả quản lý thu, chi, cân đối ngân sách nhà nước trong các điều kiện hoàn cảnh cụ thể gắn quản lý ngân sách nhà nước với quản lý nợ và tiền tệ, tín dụng, ...	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Thảo luận: 20% Thi hết môn: 60%
	Luận văn thạc sĩ		9	Học kỳ: 4	

5. Cử nhân Kinh tế

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
I. Khối kiến thức chung			27		
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin 1	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác-Lênin thông qua bộ phận cơ bản cấu thành của nó là Triết học Mác – Lênin. Xây dựng nền tảng lý luận để tiếp cận các nội dung còn lại của Chủ nghĩa Mác - Lênin (Kinh tế chính trị học và CNXHKKH) Xác lập cơ sở lý luận và phương pháp luận đúng đắn để tiếp cận nội dung của các khoa học cụ thể.	2	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin 2	Cung cấp cho sinh viên nội dung những kiến thức cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác- lenin thông qua bộ phận cơ bản cấu thành của nó là Kinh tế chính trị học và Chủ nghĩa xã hội khoa học. Xác lập cơ sở lý luận và phương pháp luận đúng đắn để tiếp cận nội dung của các khoa học cụ thể.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nắm được khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Nắm được phương pháp và phương pháp luận của chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc nhận thức và giải quyết các vấn đề lý luận và thực	2	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		tiên của dân tộc và nhân loại. Hiểu được những giá trị khoa học, cách mạng, nhân văn trong cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng Hồ Chí Minh. Hiểu được một cách có thể hệ thống nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta.			
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về: (i) Hoàn cảnh lịch sử, quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam – chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam; (ii) Những kiến thức cơ bản và có hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng, bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.	3	Học kỳ: 4	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
5	Tin học cơ sở	Cung cấp các kiến thức cơ bản về (i) thông tin, công cụ xử lý thông tin, mạng truyền thông, một số phần mềm ứng dụng, (ii) “hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ”: kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu quan hệ, quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ, kiến thức cơ bản về lập trình quản lý với Visual Basic và cơ sở dữ liệu quan hệ	3	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
6	Tiếng Anh cơ sở 1	Người học có thể (i) Giao tiếp trong những tình huống đơn giản thông qua việc trao đổi thông tin trực tiếp. (ii) Miêu tả một cách đơn giản về bản thân, các hoạt động và những vấn đề gần gũi, liên quan trực tiếp đến cuộc sống của mình	4	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 20% Kiểm tra 1 (Nghe, đọc, viết):10% Kiểm tra 2 (Nói):10% Thi cuối kỳ: 60%
7	Tiếng Anh cơ sở 2	Sử dụng các cấu trúc ngôn từ và kỹ năng giao tiếp một cách rõ ràng, thành thạo trong giao tiếp hàng ngày theo văn phong phù hợp với văn cảnh; Mở rộng vốn kiến thức nền liên quan đến các vấn đề của đời sống. Có thể trình bày các nội dung thông tin đơn giản bằng tiếng anh	5	Học kỳ: 4	Chuyên cần: 20% Kiểm tra 1 (Nghe, đọc, viết):10% Kiểm tra 2 (Nói):10% Thi cuối kỳ: 60%
8	Tiếng Anh cơ sở 3	Sử dụng các cấu trúc ngôn từ và kỹ năng giao tiếp để phục vụ cho công tác học tập và nghiên cứu theo chuyên ngành. Mở rộng vốn kiến thức nền liên quan đến các vấn đề của đời sống và học thuật. Tạo các phát ngôn tương đối dài, phức tạp và phù hợp với chuyên ngành học. Có thể trình bày các nội dung thông tin tương đối phức tạp bằng tiếng anh	5	Học kỳ: 5	Chuyên cần: 20% Kiểm tra 1 (Nghe, đọc, viết):10% Kiểm tra 2 (Nói):10% Thi cuối kỳ: 60%
9	Giáo dục thể chất			Học kỳ: 2	

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
10	Giáo dục quốc phòng an ninh			Học kỳ: 2	
11	Kỹ năng bổ trợ	Trang bị những kiến thức cơ bản về vai trò, tầm quan trọng cũng như hiệu quả của các kỹ năng bổ trợ trong học tập, trong công việc và trong đời sống; Hình thành và rèn luyện cho người học các kỹ năng bổ trợ quan trọng như kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian hiệu quả, phòng vấn tìm việc thành công, soạn thảo văn bản, giao tiếp hiệu quả và kỹ năng thuyết trình ấn tượng.		Học kỳ: 6	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
Khối kiến thức theo lĩnh vực			10		
12	Toán cao cấp	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Toán cao cấp để phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu kinh tế. Sinh viên được tiếp cận các kiến thức cơ bản về phương trình vi phân và sai phân, nhất là lớp phương trình vi phân, sai phân tuyến tính; có thể áp dụng kiến thức vào phân tích các mô hình kinh tế.	4	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
13	Xác suất thống kê	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê: bản chất của xác suất, các tính chất cũng như các phương pháp tính xác suất một cách khoa học, hiểu được khái niệm biến ngẫu nhiên, phân phối của biến ngẫu nhiên, các đặc trưng của biến ngẫu nhiên và một số phân phối hay gặp trong thực tế; hiểu được cách giải các bài toán cơ bản của thống kê như bài toán tương quan và hồi quy...; có thể ứng dụng vào giải quyết các bài toán thống kê trong nghiên cứu... như luật số lớn, định lý giới hạn trung tâm.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
14	Toán kinh tế	Cung cấp cho sinh viên một số nguyên lý về kinh tế học và các phương pháp phân tích hệ thống kinh tế để xây dựng mô hình toán kinh tế	3	Học kỳ: 4	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
II	Khối kiến thức theo khối ngành		16		
	Các học phần bắt buộc		14		
15	Nhà nước và pháp luật đại cương	Nhận diện được đối tượng nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu khoa học nhà nước và pháp luật đại cương. Hiểu những khái niệm, phạm trù học phần và vận dụng được những tri thức và phương pháp của học phần để giải các vấn đề cụ thể của các khoa học pháp lý chuyên ngành	2	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
16	Kinh tế vi mô	Cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về kinh tế học vi mô xét trên góc độ phân tích thị trường và hành vi của người tiêu dùng, hành vi của doanh nghiệp tham gia trên các thị trường đầu vào và đầu ra, và vai trò của Chính phủ nhằm điều tiết thị trường.	3	Học kỳ: 1	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
17	Kinh tế vĩ mô	Hiểu rõ mục tiêu bao quát của kinh tế vĩ mô nghiên cứu về những biến động kinh tế ngắn hạn và tăng trưởng kinh tế dài hạn. Lý giải các biến động và khủng hoảng kinh tế thế giới hiện nay có ảnh hưởng như thế nào đến tăng trưởng kinh tế của các nước.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
18	Nguyên lý thống kê kinh tế	Hiểu rõ được quá trình nghiên cứu thống kê các hiện tượng kinh tế xã hội. Nắm vững các phương pháp điều tra, tổng hợp, phân tích các hiện tượng kinh tế xã hội, từ đó xác định được tính quy luật về mặt lượng của hiện tượng, phát hiện và xác định các nhân tố ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của chúng đến hiện tượng nghiên cứu.	3	Học kỳ: 3	Điểm Bài tập cá nhân tuần: 10% Điểm Tiểu luận học phần: 10% Điểm Kiểm tra: 20% Điểm thi hết môn: 60%
19	Kinh tế lượng	Hiểu rõ bản chất hợp nhất của lý thuyết kinh tế, công cụ toán học, và phương pháp luận thống kê của kinh tế lượng. Hiểu rõ cách thức và các bước cơ bản tiến hành một nghiên cứu thực nghiệm qua việc ứng dụng phương pháp cơ bản của kinh tế lượng là phân tích hồi quy. Trên cơ sở những kiến thức cơ bản, sinh viên có thể tiếp tục nghiên cứu những chương trình mở rộng hơn nữa lý thuyết và ứng dụng của kinh tế lượng trong nghiên cứu kinh tế và dự báo chính sách.	3	Học kỳ: 5	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
Các học phần tự chọn			2/8		
20	Kỹ năng làm việc theo nhóm	Hiểu được các khái niệm cơ bản về làm việc nhóm, điểm mạnh điểm yếu trong triển khai làm việc nhóm Có thể xây dựng và quản lý nhóm làm việc hiệu quả; Phương thức đánh giá hiệu quả làm việc của nhóm; Các biện pháp đào tạo và phát triển nhóm; Các kỹ năng hỗ trợ nhằm tăng hiệu quả nhóm làm việc	2	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Điểm bài tập nhóm: 20% Thi cuối kỳ: 60%
21	Lịch sử văn minh thế giới	Cung cấp những kiến thức cơ bản và hệ thống về những thành tựu văn hóa, văn minh nhân loại. Được trang bị các phương pháp và những lý thuyết nghiên cứu cơ bản về văn hóa, văn minh	2	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
22	Xã hội học đại cương	Cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về xã hội học, bao gồm: đối tượng, chức năng, quá trình hình thành và phát triển của xã hội học, các khái niệm, phạm trù và nguyên lý cơ bản của xã hội học, các lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học, một số lý thuyết và phương pháp xã hội học. Hình thành một số kỹ năng thu thập, xử lý thông tin trong phân phương pháp nghiên cứu xã hội học...	2	Học kỳ: 1	- Bài tập cá nhân: 25% - Thảo luận nhóm: 15% - Thi cuối kỳ: 60%
23	Logic học	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản và có hệ thống về các hình thức tồn tại của tư duy như: khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh và các quy luật lô gích hình thức cơ bản của tư duy như : Luật đồng nhất; Luật cấm mâu thuẫn; Luật bài trung; Luật lý do đầy đủ. Từ đó sinh viên hình dung được một cách cụ thể vai trò và tác động của tư duy lô gích trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn. Giúp người học có khả năng tìm kiếm, nhận dạng và khắc phục những lỗi lô gích của tư duy trong quá trình phản ánh, đồng thời xây dựng được phương pháp tư duy chính xác chặt chẽ, khoa học	2	Học kỳ: 1	Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 10% Bài tập lớn: 20% Thi cuối kỳ: 60%
III. Khối kiến thức theo nhóm ngành			20		
<i>Các học phần bắt buộc</i>			17		
24	Luật kinh tế	Có những kiến thức cơ bản về thương nhân và hành vi thương mại, về hợp đồng.. Vận dụng lý thuyết để (i) giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động của doanh nghiệp...; (ii) đánh giá các quy định pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng.	2	Học kỳ: 3	Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 10% Bài tập lớn: 20% Thi cuối kỳ: 60%
25	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về phương pháp nghiên cứu trong kinh tế học. Thông qua học phần sinh viên sẽ nắm được các nguyên lý cơ bản trong phương pháp nghiên cứu, biết được mục đích nghiên cứu là gì cũng như cách thức tiến hành nghiên cứu, sinh viên sẽ nắm được các bước trong quy trình nghiên cứu, từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu cho tới tiến hành thu thập và xử lý dữ liệu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ:30% Thi cuối kỳ: 60%
26	Kinh tế vi mô chuyên sâu	Củng cố và hoàn thiện và phát triển những vấn đề chủ yếu về lý thuyết kinh tế học vi mô:	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ:30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		<p>(i) Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự hình thành, phát triển của công cụ lý thuyết hành vi kinh tế trong việc ra quyết định chính sách của các tổ chức, công ty và chính phủ; qua đó hiểu rõ xu hướng vận động của nền kinh tế trong khung cảnh hiện đại.</p> <p>(ii) vận dụng các công cụ và phương pháp phân tích những vấn đề kinh tế vi mô chủ yếu để nắm vững những mô hình chủ yếu trong chương trình các môn kinh tế học ngành và có thể sử dụng khung phân tích đó để giải quyết những bài toán cụ thể trong lĩnh vực khoa học kinh tế ngành.</p>			
27	Kinh tế vi mô chuyên sâu	<p>Cung cấp cái nhìn khách quan về các quan điểm của các trường phái kinh tế về các vấn đề kinh tế học vi mô. Giúp người học: (i) Hiểu khái niệm, mục tiêu nghiên cứu và những vấn đề liên quan đến chu kỳ kinh doanh (hay những dao động kinh tế ngắn hạn) và tăng trưởng kinh tế dài hạn. (ii) Biết cách vận dụng những mô hình nền kinh tế đóng và mở phù hợp để xác định và lý giải nguyên nhân của biến động sản lượng, việc làm và lạm phát trong ngắn hạn và tăng trưởng kinh tế trong dài hạn. (iii) Có thể phân tích và lý giải tác động của các chính sách vĩ mô đối với những mục tiêu kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn.</p>	3	Học kỳ: 4	<p>Chuyên cần và bài tập cá nhân: 20%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ (1 bài): 20%</p> <p>Thi cuối kỳ (thi viết): 60%</p>
28	Kinh tế phát triển	<p>Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phát triển: tăng trưởng và phát triển kinh tế; những lý thuyết khái quát về sự phát triển; những kinh nghiệm lịch sử của các quốc gia trong quá trình phát triển; những đặc điểm căn bản hiện nay của các nước đang phát triển; những vấn đề đặt ra trong quá trình phát triển và các giải pháp cho nó.</p> <p>Giúp người học tiếp cận những chính sách kinh tế và xã hội của chính phủ để khởi động, thúc đẩy, và đảm bảo cho quá trình phát triển bền vững.</p>	3	Học kỳ: 5	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thuyết trình nhóm: 10%</p> <p>Dự án học phần: 20%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
29	Lịch sử các học thuyết kinh tế	<p>Hiểu rõ về sự hình thành, phát sinh và phát triển của các học thuyết kinh tế trong lịch sử. Mô tả được sự chuyển hóa của các học thuyết kinh tế. So sánh và đánh giá các học thuyết kinh tế</p> <p>Vận dụng các học thuyết kinh tế để lý giải các hiện tượng, các quá trình kinh tế đã và đang diễn ra.</p>	3	Học kỳ: 3	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Bài tập nhóm: 10%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Bài thi cuối kỳ: 60%</p>
Các học phần tự chọn			3/12		
30	Nguyên lý kế toán	<p>Hiểu được bản chất và vai trò của kế toán; các nguyên tắc kế toán chung và sự vận dụng chúng vào công tác kế toán một cách đơn giản.</p> <p>Hiểu được đối tượng và phương pháp của kế toán; các yếu tố cấu thành bộ máy kế toán : chứng từ, tài khoản, sổ sách, báo cáo.</p>	3	Học kỳ: 2	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Bài tập nhóm: 10%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Bài thi cuối kỳ: 60%</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
31	Nguyên lý quản trị kinh doanh	Hiểu được các khái niệm, vai trò chức năng căn bản của hoạt động quản trị kinh doanh của một doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường hiện đại. Nắm được các vấn đề căn bản mà các nhà quản trị doanh nghiệp phải thấu hiểu và phải làm khi tiến hành các hoạt động kinh doanh.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
32	Nguyên lý Marketing	Hiểu biết về thị trường và nhu cầu của khách hàng; nhận biết và dự đoán được những cơ hội và đe dọa từ phía môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
33	Quản trị học	Cung cấp các kiến thức về: các hoạt động quản trị và các công việc của nhà quản trị trong một tổ chức; có khả năng phân tích, khái quát các hiện tượng thực tế	3	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
IV. Khối kiến thức ngành			62		
<i>Các học phần bắt buộc</i>			21		
34	Phân tích chính sách kinh tế xã hội	Cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về chính sách kinh tế - xã hội và phân tích chính sách kinh tế - xã hội.	3	Học kỳ: 5	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
35	Kinh tế chính trị học	Cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản, hệ thống và cập nhật về Kinh tế chính trị; từ đó góp phần hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học và tư duy kinh tế. Trên cơ sở đó, người học có thể tiếp thu các kiến thức chuyên ngành; có khả năng nhận thức được những vấn đề kinh tế hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới.	3	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
36	Kinh tế công cộng	Cung cấp cho người học cơ sở kinh tế của vai trò chính phủ trong nền kinh tế thị trường ở cấp độ tái tạo. Vận dụng được kiến thức về lý thuyết cũng như một số công cụ phân tích hiệu quả của chi tiêu công cộng; bản chất của thuế, sự phân phối gánh nặng thuế, và tác động của chính sách thuế đến hiệu quả ở cấp độ tái tạo và lập luận. Áp dụng phân tích các vấn đề hiệu quả trong lựa chọn công cộng và tác động của các nhân tố kinh tế chính trị đến sự vận động của khu vực công.	3	Học kỳ: 5	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
37	Kinh tế quốc tế	<p>Được cung cấp các kiến thức về (i) lý thuyết thương mại quốc tế cơ bản, cổ điển và hiện đại; (ii) các công cụ và tác động của chính sách thương mại quốc tế; (iii) bản chất và đặc điểm của thị trường ngoại hối, tỷ giá hối đoái, cán cân thanh toán, tác động của cơ chế hoạt động của các hệ thống tiền tệ quốc tế đối với nền kinh tế của mỗi quốc gia và nền kinh tế toàn cầu.</p> <p>Có thể vận dụng được các mô hình lý thuyết cơ bản trong việc giải thích xu thế vận động của các nguồn lực và tác động của chúng trong bối cảnh kinh tế toàn cầu;</p>	3	Học kỳ: 4	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
38	Kinh tế tiền tệ - ngân hàng	<p>Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về (i) tiền tệ, hoạt động hệ thống ngân hàng trong một quốc gia; vai trò của ngân hàng thương mại và ngân hàng Trung ương đối với quá trình điều tiết và kiểm soát lượng tiền trong nền kinh tế mở. (ii) phương pháp phân tích thị trường để hình thành tư duy về vấn đề sử dụng vốn tiền tệ có hiệu quả trong kinh tế thị trường hiện đại.</p>	3	Học kỳ: 4	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
39	Kinh tế môi trường	<p>Hình thành khả năng lập luận và sáng tạo về các vấn đề liên quan đến kinh tế môi trường, cụ thể:</p> <p>(i) Xác định các vấn đề môi trường, giải thích mối quan hệ giữa dân số, môi trường và tăng trưởng kinh tế, sự tương tác giữa hệ kinh tế và hệ môi trường, lý giải được nguyên nhân kinh tế của tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường và biến đổi khí hậu; xác định tổng giá trị kinh tế, đánh giá giá trị hàng hóa, dịch vụ môi trường.</p> <p>(ii) Xác định vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế trong việc bảo vệ môi trường, ứng dụng các biện pháp kinh tế nhằm làm chậm lại, chấm dứt hoặc đảo ngược tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường; phân tích, so sánh ưu nhược điểm của các công cụ kinh tế dùng để kiểm soát ô nhiễm.</p> <p>Đề xuất các giải pháp kinh tế nhằm quản lý và bảo vệ môi trường, phát triển bền vững; áp dụng các quy tắc khai thác tài nguyên bền vững vào thực tiễn; gợi ý các chiến lược, hành động ứng phó với ô nhiễm, suy thoái môi trường và biến đổi khí hậu.</p>	3	Học kỳ: 5	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
40	Lịch sử kinh tế	Có hệ thống kiến thức chung về (i) lịch sử kinh tế của một số nước và nền kinh tế Việt nam. (ii) mô hình phát triển kinh tế của một số nước. (iii) bài học kinh nghiệm của các nước và của Việt Nam trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế. Hình thành tư duy xem xét đánh giá các vấn đề kinh tế từ góc độ lịch sử kinh tế.	3	Học kỳ: 4	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
Các học phần tự chọn theo nhóm			30/51		
Các học phần chuyên sâu về kinh tế học thể chế			12		
41	Kinh tế học thể chế	Cung cấp cho người học các kiến thức căn bản về (i) Kinh tế học thể chế, (ii) Các lý luận và mô hình chủ yếu của kinh tế học thể chế mới. Trên cơ sở các mô hình và lý luận này, kinh tế học thể chế tập trung phân tích các hệ thống và chế độ kinh tế, quản trị doanh nghiệp, giám sát tài chính,.. Có thể sử dụng kiến thức được học để phân tích các hiện tượng chính trị, cấu trúc thị trường của khu vực chính trị; các hành động tìm kiếm chênh lệch về lợi ích thông qua các cơ quan chính phủ; và phân tích các tác động và ảnh hưởng của các nhóm lợi ích và các hành vi của các tổ chức khác nhau đối với các thay đổi trong chính sách kinh tế.	3	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
42	Kinh tế học về chi phí giao dịch	Học phần cung cấp cho người học cách tiếp cận chuyên sâu về kinh tế học thể chế từ những chi phí nảy sinh trong các giao dịch kinh tế. Cụ thể, học phần giúp người học đạt được các nội dung chính như: i) Hiểu rõ bản chất của các hợp đồng giao dịch kinh tế (<i>cấp độ 1</i>); ii) Nhận biết được nguồn gốc, bản chất và tác động của chi phí giao dịch trong các thỏa ước kinh tế (<i>cấp độ 1</i>); iii) Hiểu được cấu trúc hành vi của các chủ thể giao dịch - các hãng và vai trò của nhà nước (<i>cấp độ 1</i>); iv) Hiểu và vận dụng được các nguyên tắc kiểm soát các chi phí giao dịch (<i>cấp độ 2</i>); v) Hiểu được cách tiếp cận các chi phí giao dịch trong môi trường toàn cầu (<i>cấp độ 1</i>).	3	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
43	Chính phủ và chính sách công	Học phần cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về vai trò của chính phủ trong xây dựng, quyết định, thực thi và đánh giá chính sách công. Cụ thể, học phần giúp người học đạt được các nội dung chính như:	3	Học kỳ: 7	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		<p>i) Hiểu rõ các khái niệm và vai trò của chính phủ đối với các loại chính sách công (<i>cấp độ 1</i>); ii) Hiểu rõ vai trò của chính sách công và chu trình của chính sách công;</p> <p>iii) Nhận biết được các nhân tố tác động đến vai trò của chính phủ trong xây dựng, quyết định, thực thi và đánh giá chính sách công (<i>cấp độ 2</i>); iv) Hiểu được đặc điểm xây dựng, quyết định, thực thi và đánh giá chính sách công của chính phủ theo các mô hình tổ chức nhà nước khác nhau (<i>cấp độ 2</i>); v) Hiểu và vận dụng được các nguyên tắc xây dựng, quyết định, thực thi và đánh giá chính sách công của chính phủ Việt Nam (<i>cấp độ 3</i>);</p>			
44	Thế chế kinh tế Việt Nam	<p>Nhận biết và trình bày được những nội dung chủ yếu của học phần Thế chế Kinh tế Việt Nam. Mô tả được những đặc trưng cơ bản về thể chế kinh tế ở Việt Nam.</p> <p>Phân tích và đánh giá được những chuyển biến cơ bản về cải cách thể chế kinh tế ở Việt Nam trước và sau đổi mới kinh tế.</p> <p>Đánh giá được xu hướng và triển vọng của nền kinh tế dưới tác động của những thay đổi về thể chế kinh tế theo hướng kinh tế thị trường Định hướng XHCN ở Việt Nam.</p>	3	Học kỳ: 7	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Bài tập nhóm: 15%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 15%</p> <p>Kiểm tra cuối kỳ: 60%</p>
Các học phần chuyên sâu về kinh tế chính trị			12		
45	Kinh tế chính trị quốc tế	<p>Giúp người học hiểu rõ khái niệm cơ bản của kinh tế chính trị quốc tế</p> <p>Giúp người học nắm bắt được nội dung cơ bản của các trường phái lý thuyết chính về kinh tế chính trị quốc tế. Giúp người học nắm bắt được một số vấn đề kinh tế chính trị quốc tế nổi bật hiện nay.</p>	3	Học kỳ: 6	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Bài tập nhóm: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Kiểm tra cuối kỳ: 60%</p>
46	Kinh tế chính trị về các nền kinh tế chuyển đổi	<p>Hiểu được thực chất của mô hình kinh tế kế hoạch hoá tập trung (dựa trên nền tảng sở hữu công cộng), căn nguyên đưa đến sự chuyển đổi từ kế hoạch hoá tập trung sang mô hình kinh tế thị trường. Hiểu được logic và phân tích được những nội dung cơ bản, những con đường khác nhau của tiến trình chuyển sang kinh tế thị trường ở các nền kinh tế chuyển đổi trong đó có Việt Nam. Những kiến thức được trang bị giúp cho người học nhận thức được những vấn đề kinh tế chính trị nổi bật đang đặt ra đối với các nền kinh tế chuyển đổi, từ đó hiểu và đánh giá được những thách thức của quá trình chuyển đổi - nhất là đối với Việt Nam trên con đường tiếp tục đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững, phân tích và đánh giá được chiến lược cũng như các chính sách kinh tế vĩ mô hiện hành.</p>	3	Học kỳ: 6	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Bài tập nhóm: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Kiểm tra cuối kỳ: 60%</p>
47	Lợi ích kinh tế và quan hệ phân phối	<p>Cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về lợi ích kinh tế, từ bản chất, nội dung, các hình thức, vai trò... của lợi ích kinh tế; quan hệ giữa lợi ích kinh</p>	3	Học kỳ: 7	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Bài tập nhóm: 15%</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		tế và phân phối thu nhập, các hình thức phân phối thu nhập; việc thực hiện các lợi ích kinh tế và phân phối thu nhập ở Việt Nam trong những năm qua. Trên cơ sở đó, người học có thể phân tích, lập luận, tranh luận... những vấn đề liên quan đến lợi ích kinh tế và phân phối thu nhập			Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
48	Những vấn đề kinh tế chính trị ở Việt Nam	Người học có các kiến thức chuyên sâu về Kinh tế chính trị ở Việt Nam hiện nay: nền kinh tế thị trường ở Việt Nam; doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; vai trò nhà nước trong nền kinh tế thị trường Việt Nam; hội nhập quốc tế của Việt Nam; Phát triển bền vững ở Việt Nam. Suy luận, bổ sung, hoàn thiện những kiến thức đó gắn với những điều kiện cụ thể của Việt Nam trong từng giai đoạn phát triển.	3	Học kỳ: 7	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
Các học phần bổ trợ			18/27		
49	Thể chế chính trị thế giới	Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về (i) cấu trúc, bản chất và các loại hình thể chế chính trị thế giới. (ii) chức năng và nhiệm vụ của các cơ quan hành pháp, lập pháp và tư pháp cũng như việc xây dựng luật. Hình thành kiến thức nền tảng để tiếp tục nghiên cứu các học phần khác cũng như có nhận thức và liên hệ với đời sống chính trị trong nước và trên thế giới trên cơ sở nghiên cứu một số hệ thống đảng phái chính trị hiện nay.	3	Học kỳ: 5	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
50	Mô hình nhà nước phúc lợi	Người học có các kiến thức cơ bản, hệ thống về (i) Mô hình nhà nước phúc lợi; từ đó góp phần hình thành thể giới quan, phương pháp luận và tư duy khoa học kinh tế chính trị và kinh tế thể chế. (ii) Nhận biết các mô hình nhà nước phúc lợi thông qua các đặc trưng cơ bản của từng mô hình. (iii) Phân loại các quốc gia vào mô hình nhà nước phúc lợi theo các tiêu chí đã xác định. (iv) So sánh các mô hình nhà nước phúc lợi, đánh giá ưu, nhược điểm của từng mô hình và gợi mở khả năng vận dụng mô hình nhà nước phúc lợi ở Việt Nam	3	Học kỳ: 5	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
51	Nông nghiệp, nông dân và nông thôn	Có các kiến thức cơ bản, từ những khái niệm, đặc điểm, vai trò... của nông nghiệp, nông thôn, nông dân và quan hệ giữa chúng để có thể suy luận, nhận biết những điều kiện cụ thể của Việt Nam trong từng giai đoạn phát triển.	3	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
52	Kinh tế chính trị Mỹ	Giúp người học hình thành hệ thống kiến thức cơ bản về: (i) lịch sử phát triển và một số vấn đề nổi bật của kinh tế Mỹ nhìn từ góc độ chính trị. (ii) những đặc điểm và yếu tố cơ bản chi phối quá trình hoạch định chính sách kinh tế-xã hội ở Mỹ.	3	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		Trên cơ sở kiến thức nền tảng, người học hiểu được hoạt động và vai trò giữa các chủ thể cơ bản của hệ thống kinh tế và chính trị Mỹ như Nhà nước, các đảng phái, các công ty, nghiệp đoàn, phương tiện thông tin đại chúng, các nhóm vận động... và mối quan hệ qua lại giữa các chủ thể này.			
53	Kinh tế học về những vấn đề xã hội	Cung cấp các kiến thức cơ bản như các khái niệm, các loại hình, nguyên nhân và tác động của các vấn đề xã hội dưới góc độ kinh tế học; Người học có thể sử dụng các công cụ kinh tế học để phân tích, đánh giá các vấn đề xã hội hiện nay của Việt Nam; Trao đổi, tranh luận, phản biện và đưa ra một số khuyến nghị chính sách cho các vấn đề trong thời gian tới	3	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
54	Mô hình kinh tế thị trường ở Việt Nam	Cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản, hệ thống về mô hình kinh tế thị trường; quá trình hình thành, những nhân tố chủ yếu chi phối và những đặc trưng cơ bản của mô hình kinh tế thị trường Việt Nam. Trên cơ sở đó, người học có thể hiểu được bản chất, những đặc trưng, xu hướng vận động, phát triển của kinh tế thị trường ở Việt Nam; bước đầu tìm tòi, suy nghĩ để đưa ra những khuyến nghị về chính sách nhằm xây dựng, hoàn thiện mô hình kinh tế thị trường Việt Nam.	3	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
55	Kinh tế chính trị về cải cách kinh tế ở Trung Quốc	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế và chính trị về cải cách, mở cửa kinh tế ở Trung Quốc. Trên cơ sở kiến thức đó, người học có thể (i) phân tích và so sánh được những chuyển biến cơ bản về kinh tế và chính trị trong công cuộc cải cách, mở cửa kinh tế ở Trung Quốc. (ii) Đánh giá được xu hướng phát triển của nền kinh tế Trung Quốc dưới góc độ kinh tế chính trị. Đồng thời biết liên hệ với thực tiễn.	3	Học kỳ: 7	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
56	Kinh tế chính trị về phát triển kinh tế xã hội Nhật Bản	Cung cấp cho người học những tri thức Kinh tế chính trị về phát triển kinh tế xã hội Nhật Bản: những nhân tố bên trong và bên ngoài ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Nhật Bản; các xu hướng và quy luật chủ yếu chi phối quá trình đó...	3	Học kỳ: 7	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
57	Kinh tế chính trị về nền kinh tế khu vực Đông Nam Á	Cung cấp cho người học những tri thức Kinh tế chính trị về nền kinh tế khu vực Đông Nam Á: những nhân tố bên trong và bên ngoài ảnh hưởng đến quá trình phát triển nền kinh tế khu vực; các xu hướng và quy luật chủ yếu chi phối quá trình đó...	3	Học kỳ: 7	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
Thực tập thực tế và niên luận			5		
58	Thực tập thực tế	Thông qua học phần, sinh viên nắm được các kiến thức thực tiễn về các khía cạnh kinh tế cơ bản (cấp độ 2) như: Môi trường thể chế kinh tế chính trị xã hội ở Việt Nam mà các tổ chức kinh tế đang hoạt động. Tác động của toàn cầu hóa đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Nhận diện được các nguồn lực tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam nói chung và của các doanh nghiệp nói riêng. Các cách thức lựa chọn hướng đến sự tăng trưởng bền vững cho nền kinh tế Việt Nam nói chung hay định hướng phát triển cho các doanh nghiệp nói riêng.	2	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 30% Bảo cáo thực tập: 70%
59	Niên luận	Học viên vận dụng những kiến thức chuyên môn để thực hiện một vấn đề nghiên cứu trong thực tiễn	3	Học kỳ: 6	Đánh giá điểm bài viết
Khóa luận tốt nghiệp			6		
60	Khoá luận tốt nghiệp	Sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên môn để thực hiện một vấn đề nghiên cứu trong thực tiễn.	6	Học kỳ: 8	
(Hoặc) Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			6		
61	Toàn cầu hóa và phát triển kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> - Người học có thể: - (i) Hiểu được khái niệm, đặc trưng và phân tích biểu hiện mới của toàn cầu hoá với tính cách là xu hướng, khuôn khổ phát triển mới của nền kinh tế thế giới. - (ii) Hiểu được khái niệm, một số lý thuyết về phát triển kinh tế và phân tích được những nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế. - (iii) Hiểu, phân tích được các chiều hướng tiến triển, tác động của toàn cầu hoá đến phát triển kinh tế trên các cấp độ: quốc gia, khu vực và toàn cầu. - (iv) Hiểu, phân tích được vị trí, vai trò, tính đặc thù, lộ trình và bước đi trong phát triển kinh tế của Việt Nam trong tiến trình toàn cầu hóa. 	3	Học kỳ: 8	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
62	Quản lý nhà nước về kinh tế	Hình thành hệ thống kiến thức quản lý nhà nước về kinh tế và bước đầu vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn quản lý nhà nước về kinh tế vi mô và vĩ mô.	3	Học kỳ: 8	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Kiểm tra cuối kỳ: 60%

6. Cử nhân Kinh tế chất lượng cao theo Thông tư 23

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
I	Khối kiến thức chung		21		
1	Triết học Mác - Lênin	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất của triết học Mác – Lênin; Xác lập cơ sở lý luận và phương pháp luận đúng đắn để tiếp cận nội dung của các khoa học cụ thể.	3	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ:30% Thi cuối kỳ: 60%
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Giúp người học hiểu được các vấn đề về Kinh tế chính trị Mác – Lênin, từ lịch sử hình thành, phát triển đến đối tượng, phương pháp nghiên cứu, chức năng...; những vấn đề cơ bản về kinh tế thị trường: hàng hóa, thị trường, vai trò của các chủ thể kinh tế tham gia thị trường; những vấn đề cơ bản nhất học thuyết giá trị thặng dư – hòn đá tảng của học thuyết kinh tế C. Mác, bao gồm nguồn gốc, bản chất, các hình thức biểu hiện... của giá trị thặng dư; độc quyền, quan hệ cạnh tranh và độc quyền, độc quyền nhà nước, tác động hai mặt của chúng trong nền kinh tế thị trường; ...	2	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ:30% Thi cuối kỳ: 60%
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ:30% Thi cuối kỳ: 60%
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ:30% Thi cuối kỳ: 60%
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	2	Học kỳ: 3	
6	Tiếng Anh B1	Sử dụng các cấu trúc ngôn từ và kỹ năng giao tiếp để phục vụ cho công tác học tập và nghiên cứu theo chuyên ngành; Mở rộng vốn kiến thức nền liên quan đến các vấn đề của đời sống và học thuật. Tạo các phát ngôn tương đối dài, phức tạp và phù hợp với chuyên ngành học. Trình bày các nội dung thông tin tương đối phức tạp bằng tiếng anh	5	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 20% Kiểm tra 1 (Nghe, đọc, viết): 10% Kiểm tra 2 (Nói):10% Thi cuối kỳ: 60%
7	Tiếng Anh B2	Sử dụng các cấu trúc ngôn từ và kỹ năng giao tiếp để phục vụ cho công tác học tập và nghiên cứu theo chuyên ngành; Mở rộng vốn kiến thức nền liên quan đến các vấn đề của đời sống và học thuật. Tạo các phát ngôn tương đối dài, phức tạp và phù hợp với chuyên ngành học. Trình bày các nội dung thông tin tương đối phức tạp bằng tiếng anh	5	Học kỳ: 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ:30% Thi cuối kỳ: 60%
8	Giáo dục thể chất	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế			

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
9	Giáo dục Quốc Phòng – an ninh	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế			
II	Khối kiến thức theo lĩnh vực		13		
10	Toán cao cấp	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	4	Học kỳ: 1	
11	Xác suất thống kê	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 2	
12	Toán kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 5	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
13	Tin học cơ sở 2	Cung cấp các kiến thức cơ bản về (i) thông tin, công cụ xử lý thông tin, mạng truyền thông, một số phần mềm ứng dụng, (ii) “hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ”: kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu quan hệ, quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ, kiến thức cơ bản về lập trình quản lý với Visual Basic và cơ sở dữ liệu quan hệ	3	Học kỳ: 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
III	Khối kiến thức theo khối ngành		18		
III.1	Các học phần bắt buộc		16		
14	Nhà nước và pháp luật đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	2	Học kỳ: 2	
15	Kinh tế vi mô	Cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về kinh tế học vi mô xét trên góc độ phân tích thị trường và hành vi của người tiêu dùng, hành vi của doanh nghiệp tham gia trên các thị trường đầu vào và đầu ra, và vai trò của Chính phủ nhằm điều tiết thị trường.	4	Học kỳ: 1	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
16	Kinh tế vĩ mô	Hiểu rõ mục tiêu bao quát của kinh tế vĩ mô nghiên cứu về những biến động kinh tế ngắn hạn và tăng trưởng kinh tế dài hạn. Lý giải các biến động và khủng hoảng kinh tế thế giới hiện nay có ảnh hưởng như thế nào đến tăng trưởng kinh tế của các nước.	4	Học kỳ: 2	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
17	Nguyên lý thống kê kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
18	Kinh tế lượng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 4	
III.2	Các học phần tự chọn		2/8		
19	Kỹ năng làm việc theo nhóm	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	2	Học kỳ: 3	

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
20	Lịch sử văn minh thế giới	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	2	Học kỳ: 3	
21	Xã hội học đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	2	Học kỳ: 3	
22	Logic học	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	2	Học kỳ: 3	
IV	Khối kiến thức theo nhóm ngành		25		
IV.1	Các học phần bắt buộc		22		
23	Luật kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	2	Học kỳ: 3	
24	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
25	Kinh tế vi mô chuyên sâu	Củng cố và hoàn thiện và phát triển những vấn đề chủ yếu về lý thuyết kinh tế học vi mô: (i) Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự hình thành, phát triển của công cụ lý thuyết hành vi kinh tế trong việc ra quyết định chính sách của các tổ chức, công ty và chính phủ; qua đó hiểu rõ xu hướng vận động của nền kinh tế trong khung cảnh hiện đại. (ii) vận dụng các công cụ và phương pháp phân tích những vấn đề kinh tế vi mô chủ yếu để nắm vững những mô hình chủ yếu trong chương trình các môn kinh tế học ngành và có thể sử dụng khung phân tích đó để giải quyết những bài toán cụ thể trong lĩnh vực khoa học kinh tế ngành.	4	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
26	Kinh tế vĩ mô chuyên sâu	Cung cấp cái nhìn khách quan về các quan điểm của các trường phái kinh tế về các vấn đề kinh tế học vĩ mô. Giúp người học: (i) Hiểu khái niệm, mục tiêu nghiên cứu và những vấn đề liên quan đến chu kỳ kinh doanh (hay những dao động kinh tế ngắn hạn) và tăng trưởng kinh tế dài hạn. (ii) Biết cách vận dụng những mô hình nền kinh tế đóng và mở phù hợp để xác định và lý giải nguyên nhân của biến động sản lượng, việc làm và lạm phát trong ngắn hạn và tăng trưởng kinh tế trong dài hạn. (iii) Có thể phân tích và lý giải tác động của các chính sách vĩ mô đối với những mục tiêu kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn.	4	Học kỳ: 4	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 20% Kiểm tra giữa kỳ (1 bài): 20% Thi cuối kỳ (thi viết): 60%
27	Kinh tế phát triển	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 5	

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
28	Kinh tế quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
29	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Hiểu rõ về sự hình thành, phát sinh và phát triển của các học thuyết kinh tế trong lịch sử. Mô tả được sự chuyên hóa của các học thuyết kinh tế. So sánh và đánh giá các học thuyết kinh tế; Vận dụng các học thuyết kinh tế để lý giải các hiện tượng, các quá trình kinh tế đã và đang diễn ra.	3	Học kỳ: 4	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi cuối kỳ: 60%
IV.2	Các học phần tự chọn		3/12		
30	Nguyên lý kế toán	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 4	
31	Nguyên lý quản trị kinh doanh	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 4	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
32	Nguyên lý Marketing	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 4	
33	Quản trị học	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 4	
V	Khôi kiến thức ngành		65		
V.1	Các học phần bắt buộc		21		
34	Kinh tế học thể chế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 5	
35	Chính phủ và chính sách công	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 7	
36	Kinh tế chính trị quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 6	
37	Thương mại quốc tế	Khóa học cung cấp cho sinh viên những lý thuyết và thực hành cơ bản liên quan đến lĩnh vực thương mại quốc tế; các lý thuyết thương mại để phân tích lý do tại sao các quốc gia tham gia vào thương mại quốc tế, ...	3	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
38	Kinh tế tiền tệ - ngân hàng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 5	
39	Kinh tế môi trường	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 6	

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
40	Kinh tế công cộng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 4	
V.2	<i>Các học phần tự chọn</i>		30/69		
41	Kinh tế chính trị học	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
42	Thể chế kinh tế Việt Nam	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
43	Những vấn đề kinh tế chính trị ở Việt Nam	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
44	Lợi ích kinh tế và quan hệ phân phối	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
45	Kinh tế chính trị về các nền kinh tế chuyển đổi	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
46	Thể chế chính trị thế giới	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
47	Toàn cầu hóa và phát triển kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
48	Kinh tế chính trị Mỹ	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
49	Kinh tế chính trị về cải cách kinh tế ở Trung Quốc	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
50	Kinh tế chính trị về phát triển kinh tế xã hội Nhật Bản	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
51	Kinh tế chính trị về nền kinh tế khu vực Đông Nam Á	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
52	Lịch sử kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
53	Kinh tế học về những vấn đề xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
54	Kinh tế học báo chí truyền thông	Người học có thể vận dụng vào việc phân tích, đánh giá, phản biện các vấn đề về thị trường truyền thông, các ngành công nghiệp và thực tế tại các tổ chức báo chí truyền thông. Ngoài ra, học phần còn phân tích các chủ thể và nhân tố đa dạng đang tạo ra những tác động và ảnh hưởng đối với lĩnh vực kinh tế báo chí truyền thông như công nghệ, toàn cầu hoá, thể chế. Các vấn đề về xu hướng mới, đặc biệt là sự phát triển nhanh chóng của các ngành công nghiệp truyền thông xã hội cũng sẽ được đề cập trong nội dung học phần.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
55	Mô hình nhà nước phúc lợi	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
56	Nông nghiệp, nông dân và nông thôn	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
57	Những vấn đề về chính sách thị trường lao động	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
58	Kinh tế học ứng dụng trong lĩnh vực công	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị	3	Học kỳ: 3	
59	Ngoại giao kinh tế chính trị	Cung cấp cho sinh viên cả quan điểm học thuật và thực hành về ngoại giao kinh tế - chính trị thông qua việc phân tích các case study; các vấn đề của nghiệp vụ ngoại giao về kinh tế - chính trị, đi sâu vào công tác lễ tân ngoại giao, lãnh sự.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
60	Thương mại điện tử	Người học sẽ có được sự hiểu biết về các công nghệ dựa trên Internet làm nền tảng cho việc cung cấp sản phẩm và dịch vụ thông qua một dự án phát triển ứng dụng tương tác thực hành.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 5% Bài tập về nhà: 5% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Bài tập nhóm: 20% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
61	Quản lý nhà nước về kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
62	Phân tích chính sách kinh tế xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
63	Quản lý thị trường bất động sản	Trang bị cho sinh viên kiến thức khái quát về bất động sản và quản lý thị trường bất động sản; Cơ sở khoa học của quản lý thị trường bất động sản; Quản lý thị trường bất động sản tại một số nước trên thế giới; Pháp luật về bất động	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		sản; Kinh doanh bất động sản; Quản lý Nhà nước đối với thị trường bất động sản ở Việt Nam; ...			Kiểm tra cuối kỳ: 60%
64	Quản lý và Phát triển cộng đồng	Cung cấp cho người học kiến thức về nội dung về lịch sử và diễn tiến của phát triển cộng đồng; Những lý luận cơ bản về quản lý cộng đồng và phát triển cộng đồng; Các phương pháp và Công cụ trong quản lý và phát triển cộng đồng; Tổ chức phát triển cộng đồng; Cán bộ quản lý và phát triển cộng đồng.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
65	Quản lý thị trường khoa học - công nghệ	Trang bị kiến thức tổng quan về hoạt động Quản lý thị trường khoa học – công nghệ; Hệ thống tổ chức hoạt động khoa học - công nghệ; Quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học - công nghệ; Thực trạng quản lý thị trường khoa học công nghệ Việt Nam; Giải pháp đổi mới cơ chế quản lý thị trường khoa học - công nghệ Việt Nam; Thực tiễn quản lý thị trường khoa học công nghệ ở các cấp ở Việt Nam.	3	Học kỳ: 3	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
66	Kinh tế học về chi phí giao dịch	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
V.3 Thực tập thực tế và niên luận			7		
67	Thực tập thực tế	Thông qua các hoạt động thực tiễn tại các cơ sở thực tập, làm việc, tiếp cận cơ sở thực tập như một thành viên không chính thức, học phần cung cấp cho sinh viên các thông tin thực tế về các khía cạnh khác nhau của nền kinh tế nói chung và cơ sở thực tập nói riêng: môi trường tăng trưởng và phát triển, môi trường cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu, các nguồn lực tăng trưởng bao gồm cả nguồn lực thể chế, các bất cập định hướng phát triển trong các mô hình tăng trưởng, các mô hình kinh doanh.	4	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 30% Báo cáo: 70%
68	Niên luận	Người học vận dụng những kiến thức chuyên môn để thực hiện một vấn đề nghiên cứu trong thực tiễn	3	Học kỳ: 6	Báo cáo: 100%
V.4 Khóa luận tốt nghiệp			7		
69	Khoá luận tốt nghiệp	Sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên môn để thực hiện một vấn đề nghiên cứu trong thực tiễn.	7	Học kỳ: 8	Bài khóa luận: 100%

C2. KHOA KINH TẾ VÀ KINH DOANH QUỐC TẾ

1. Cử nhân Kinh tế quốc tế

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
I	Khối kiến thức chung		27		
		Các học phần được giảng dạy trong chương trình tương tự CTĐT cử nhân Kinh tế			
II	Khối kiến thức theo lĩnh vực		10		
		Các học phần được giảng dạy trong chương trình tương tự CTĐT cử nhân Kinh tế			
III	Khối kiến thức theo khối ngành		16		
		Các học phần được giảng dạy trong chương trình tương tự CTĐT cử nhân Kinh tế			
IV.	Khối kiến thức theo nhóm ngành		20		
		Các học phần được giảng dạy trong chương trình tương tự CTĐT cử nhân Kinh tế			
V.	Khối kiến thức theo ngành		51		
V.1	Các học phần bắt buộc				
1.	Thương mại quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chất lượng cao theo TT 23	3	HK5	
2.	Đầu tư quốc tế	Cung cấp kiến thức tổng quát về đầu tư quốc tế và các tập đoàn xuyên quốc gia cho sinh viên; Có thể phân tích tình hình, xu hướng của FDI và tác động của FDI ở một nước chủ nhà và chính sách FDI của các nước chủ nhà.	3	HK6	Chuyên cần: 10% Kiểm tra 10 phút: 10% Bài thuyết trình nhóm : 20% Bài kiểm tra cuối khóa: 60%
3.	Tài chính quốc tế	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mặt lý thuyết và thực tế về hoạt động của các chính sách kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở, hệ thống tiền tệ quốc tế và xác định tỷ giá hối đoái trong ngắn hạn và dài hạn. Xây dựng hệ thống lý thuyết và các vấn đề thực tiễn đối với các vấn đề kinh tế và chính sách hiện tại của Việt Nam.	3	HK5	Chuyên cần: 5% Thảo luận: 5% Bài tập nhóm: 10% Bài thuyết trình nhóm : 20% Bài kiểm tra cuối khóa: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
4.	Quản trị quốc tế, quản trị đa văn hóa và xuyên quốc gia	Cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về quản trị quốc tế và trang bị cho sinh viên kỹ năng ứng dụng quản trị trong môi trường đa văn hóa.	3	HK6	Chuyên cần: 10% Thuyết trình nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
5.	Kinh doanh quốc tế	Người học hiểu và nắm được bản chất, xu thế phát triển và các nguyên nhân tăng trưởng của kinh doanh quốc tế. - Hiểu được (i) thực chất và các nhân tố cấu thành nên môi trường kinh doanh quốc gia và quốc tế; tác động của các nhân tố này tới hoạt động kinh doanh của các công ty. (ii) thực chất của quá trình hoạch định và thực hiện các chiến lược kinh doanh quốc tế của các công ty. - Biết vận dụng các kiến thức cơ bản của kinh doanh quốc tế để hiểu và có những đánh giá về những thay đổi của môi trường kinh doanh quốc tế và tác động của chúng đến hoạt động kinh doanh quốc tế của các công ty. Thông qua các nghiên cứu tình huống xây dựng kỹ năng xử lý vấn đề đặt ra trong hoạt động kinh doanh quốc tế của công ty. - Xây dựng kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng viết, trình bày một bài luận hoặc một vấn đề khoa học.	3	HK5	Điểm chuyên cần.: 5% Điểm bài tập cá nhân /tuần:15% Điểm kiểm tra giữa kỳ :15% Điểm thi kết thúc môn học: 60%
Các học phần tự chọn			36/57		
6.	Kinh tế đối ngoại Việt Nam	Hiểu rõ (i) những đặc điểm phát triển cơ bản của nền kinh tế thế giới hiện đại ảnh hưởng đến phát triển kinh tế đối ngoại của Việt Nam.(ii) những kiến thức cơ bản về kinh tế đối ngoại như: Cơ sở phát triển kinh tế đối ngoại, quá trình đổi mới chính sách kinh tế đối ngoại, quan điểm chính sách cơ bản về phát triển kinh tế đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam; các hình thức cơ bản về phát triển kinh tế đối ngoại và sự tham gia của Việt Nam vào các tổ chức kinh tế quốc tế; một số vấn đề trong phát triển kinh tế đối ngoại hiện nay và chiến lược phát triển kinh tế đối ngoại của Việt Nam...	3	HK5	Chuyên cần : 10% Bài kiểm tra tuần:10% Kiểm tra giữa kỳ:20% Thi cuối kỳ: 60%
7.	Công ty xuyên quốc gia	Giúp người học: Hiểu rõ các khái niệm, bản chất, đặc điểm và chiến lược hoạt động của các TNCs; các lý thuyết truyền thông giải thích sự hình thành TNCs và các tác động của TNCs đối với tăng trưởng kinh tế thế giới trên bốn lĩnh vực: thúc đẩy thương mại, Đầu tư quốc tế, chuyển giao và phát triển công nghệ, tạo việc làm và phát triển nguồn nhân lực. Thông qua học tập, thảo luận trên lớp và tự nghiên cứu, môn học giúp người học hiểu rõ về mặt lý thuyết cũng như thực tiễn các tác động của TNCs đối với nền kinh tế thế giới nói chung và đối với phát triển kinh tế ở Việt Nam nói riêng ở bốn lĩnh vực trên.	3	HK6	Chuyên cần : 10% Bài kiểm tra cá nhân:10% Kiểm tra giữa kỳ:20% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
8.	Các vấn đề chính sách trong nền kinh tế quốc tế	Biết các vấn đề chính sách kinh tế quốc tế từ hai góc độ lý thuyết và thực tiễn về hệ thống kinh tế quốc tế và chính sách kinh tế quốc tế liên quan; Hình thành kỹ năng thu thập thông tin, phân tích và đánh giá, xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện công việc được phân công; có đủ kiến thức để người học phân tích hệ thống và nhiều chiều cạnh về chính sách và thay đổi chính sách trong nền kinh tế quốc tế; ...	3	HK5	Chuyên cần:10%. Kiểm tra giữa kỳ:30% Thi cuối kỳ:60%
9.	Toàn cầu hóa và khu vực hóa trong nền kinh tế quốc tế	Giúp người học: (i) Hiểu được khái niệm, đặc trưng và biểu hiện mới của toàn cầu hoá và khu vực hóa kinh tế với tính cách là xu hướng, khuôn khổ phát triển mới của nền kinh tế thế giới. (ii) Hiểu được các chiều hướng tiến triển, tác động của toàn cầu hoá và khu vực hóa kinh tế đến nền kinh tế thế giới trên các cấp độ: quốc gia, khu vực và toàn cầu. (iii) Hiểu được vị trí, vai trò, tính đặc thù, lộ trình và bước đi của Việt Nam trong tiến trình toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế thế giới. (iv) Hình thành được khung khổ phân tích hệ thống và nhiều chiều cạnh về toàn cầu hoá và khu vực hóa kinh tế, trên cơ sở đó nhận diện được tọa độ của Việt Nam và đánh giá được các lựa chọn chính sách của Việt Nam trong tiến trình toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế thế giới.	3	HK5	
10.	Thương mại điện tử	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chất lượng cao theo TT 23	3	HK7	
11.	Logistics	Hiểu bản chất và vai trò của Logistics trong việc tổ chức và thực hiện các hoạt động kinh doanh nói chung và kinh doanh quốc tế nói riêng; Hiểu về sự cần thiết và giải thích được tầm quan trọng của Logistics đối với tổ chức.	3	HK6	Chuyên cần: 10% Trình bày bài tập nhóm:10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
12.	Quản trị tài chính quốc tế	Hiểu rõ những khái niệm cơ bản về tài chính quốc tế như các thị trường tài chính quốc tế, tỷ giá hối đoái và các nhân tố tác động đến tỷ giá hối đoái; các hệ thống tỷ giá hối đoái. Nắm bắt được ảnh hưởng của biến động tỷ giá đến các hoạt động của công ty đa quốc gia; các biện pháp quản trị rủi ro tỷ giá. Ngoài ra, sinh viên còn hiểu được cách thức quản trị tài sản và nợ trong dài hạn.	3	HK7	Chuyên cần: 10% Các bài kiểm tra ngắn: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi kết thúc môn học: 60%
13.	Thanh toán quốc tế	Cung cấp những kiến thức cơ bản về thanh toán quốc tế như bản chất, đặc điểm, vai trò của thanh toán quốc tế. Hiểu rõ quy trình, nội dung và cách thức thanh toán quốc tế, từ đó ứng dụng vào thực tế để lựa chọn các phương tiện, hình thức thanh toán phù hợp với từng thương vụ cụ thể trong hoạt động thương mại quốc tế	3	HK6	Chuyên cần:10%. Kiểm tra giữa kỳ:30% Thi cuối kỳ:60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
14.	Quản lý nợ nước ngoài	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nợ nước ngoài của một quốc gia; Hình thành kiến thức khoa học để lý giải về sự cần thiết của vay nợ nước ngoài cùng các biện pháp tháo gỡ khi một nước con nợ mắc nợ quá nhiều, tạo điều kiện cho người học có thể vận dụng những kiến thức lý luận chung về quản lý nguồn vốn ODA, vay nợ nước ngoài vào điều kiện thực tiễn cuộc sống để giải quyết các tình huống cụ thể liên quan vay, sử dụng, trả nợ nước ngoài.	3	HK7	Chuyên cần:10%. Kiểm tra giữa kỳ:30% Thi cuối kỳ:60%
15.	Phân tích chi phí và lợi ích	Cung cấp cho người học một cách tiếp cận phù hợp trong việc đánh giá tính kinh tế của các dự án hay chính sách công được sử dụng. Ngoài ra, môn học sẽ rèn luyện kỹ năng và thái độ cho sinh viên đạt cấp độ 2	3	HK7	Chuyên cần:10% Tham gia thảo luận, bài tập:10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 60%
16.	Quản trị chuỗi cung ứng	- Phân loại các mô hình quản trị chuỗi cung ứng, các nội dung về xây dựng chiến lược hậu cần, cách thức xây dựng kế hoạch cung ứng. - Áp dụng các mô hình quản trị chuỗi cung ứng vào một tình huống mới, triển khai vận hành một kế hoạch cung ứng cho doanh nghiệp. - Phân tích và so sánh việc tổ chức quy trình sản xuất trong quản lý chuỗi cung ứng, các kỹ thuật tối ưu hoá mạng lưới cung ứng, các hệ thống cung ứng, và các chiến lược phân phối.	3	HK7	Chuyên cần: 10% Trình bày bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài tập ứng dụng, câu hỏi tự luận, bài tập tình huống: 60%
17.	Kinh tế môi trường	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	HK7	
18.	Marketing quốc tế	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động marketing trên thị trường quốc tế; trên cơ sở đó có thể ứng dụng vào hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp.	3	HK6	Chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ (trình bày bài tập nhóm): 10% Thi cuối kỳ: 60%
19.	Quản trị dự án quốc tế	- Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, thực hiện và vận hành dự án quốc tế; các chức năng và hoạt động cốt yếu trong quản lý điều hành một dự án; những căn cứ cơ sở để ra các quyết định có ý nghĩa then chốt của các chủ thể tham gia quản trị dự án. - Phương pháp tư duy, xử lý số liệu cơ bản để trực tiếp tham gia hoặc tổ chức soạn thảo lập dự án; đọc hiểu, phân tích đánh giá, thẩm định, lựa chọn dự án tài trợ theo các tiêu chuẩn phổ biến; khả năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu, khả năng làm việc theo nhóm khi tham gia quản lý điều hành dự án theo các giai đoạn và tiến độ dự án.	3	HK7	Chuyên cần:10%. Kiểm tra giữa kỳ:30% Thi cuối kỳ:60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
20.	Phân tích rủi ro quốc gia	Trang bị cho sinh viên nhận thức cơ bản về tầm quan trọng của phân tích rủi ro quốc gia đối với các quyết định trong quan hệ kinh tế quốc tế; Cung cấp các thông tin về những tổ chức phân tích, xếp hạng phân tích rủi ro quốc gia có uy tín trên thế giới; nắm bắt các quy trình, cách thức phân tích rủi ro quốc gia của các tổ chức này; Liên hệ, áp dụng phân tích rủi ro quốc gia Việt Nam: đánh giá, phân biện chỉ số xếp hạng Việt Nam của một số tổ chức hiện hành; thảo luận tìm giải pháp hạ thấp chỉ số rủi ro quốc gia; Hiểu, phân biệt và sử dụng được các chỉ số phân tích rủi ro quốc gia của các tổ chức phân tích rủi ro quốc gia khác nhau; lựa chọn và sử dụng được một số phương pháp phân tích, đánh giá, xếp loại rủi ro quốc gia phù hợp; vận dụng phân tích rủi ro quốc gia vào thực tiễn việc giải quyết các vấn đề kinh tế và kinh doanh quốc tế.	3	(Tự chọn)	Chuyên cần:10%. Kiểm tra giữa kỳ:30% Thi cuối kỳ:60%
21.	Kinh tế tiền tệ ngân hàng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	HK 6	
22.	Quản trị rủi ro trong kinh doanh quốc tế	Sinh viên hiểu và nắm bắt được những kiến thức cơ bản về rủi ro và các loại rủi ro trong hoạt động kinh doanh quốc tế. Sinh viên được trang bị một số công cụ phân tích đánh giá rủi ro trong kinh doanh quốc tế; Hình thành cách thức giải quyết bài bản cho sinh viên khi gặp phải những vấn đề phức tạp như rủi ro trong kinh doanh quốc tế; ...	3	(Tự chọn)	Chuyên cần: 5% Bài tập nhóm: 15% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ : 60%
23.	Vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương	- Cung cấp những kiến thức về cơ bản về nghiệp vụ thuê phương tiện để chuyên chở hàng hóa XNK, quy trình nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa trong giao dịch thương mại quốc tế. Hiểu được xu hướng phát triển của hoạt động kinh doanh vận tải, dịch vụ bảo hiểm của Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế. - Vận dụng các dịch vụ vận tải và bảo hiểm trong giao dịch thương mại quốc tế ứng dụng vào thực tế để thực hiện các công việc như lựa chọn các phương thức thuê tàu để chuyên chở hàng hóa XNK, lựa chọn các điều kiện bảo hiểm trong quá trình thực hiện hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu. - Hình thành phương pháp nghiên cứu các vấn đề lý luận cũng như thực tiễn một cách khoa học.	3	(Tự chọn)	Chuyên cần: 10%. Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
24.	Hệ thống thông tin kinh tế	Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về các hệ thống thông tin quản lý trong kinh tế Người học có được kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh hiện đại; Hiểu rộng và cập nhật về công nghệ phần cứng, phần mềm, quản trị dữ liệu, mạng và truyền thông, bảo mật và an toàn dữ liệu ứng dụng trong hệ thống thông tin; Nắm vững kiến thức cơ bản về phân tích và quản trị các hệ thống thông tin trong quản lý, kinh doanh của các công ty, tổ chức, ...	3	(Tự chọn)	Chuyên cần: 10%. Kiểm tra giữa kỳ:30% Thi cuối kỳ:60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
25.	Thực tập thực tế	Mỗi sinh viên sau khi thực tập phải viết báo cáo tổng hợp về các nội dung kiến thức, thực tiễn thu được tại đơn vị thực tập. Sinh viên thực tập sẽ được sự hướng dẫn của cán bộ tại đơn vị đến thực tập và của giáo viên hướng dẫn.	2	HK7	Chuyên cần: 40% Báo cáo: 60%
26.	Niên luận	Sinh viên thực hiện bài nghiên cứu tổng hợp	3	HK 7	Báo cáo: 100%
27.	Giao dịch thương mại quốc tế (Môn học thay thế khóa luận)	Hiểu rõ (i) bản chất, đặc điểm và các phương thức giao dịch thương mại quốc tế. (ii) các yếu tố quyết định việc sử dụng phương thức nào để đẩy mạnh phát triển xuất khẩu; (iii) các điều kiện giao dịch quốc tế; (iv) bản chất và nội dung của hợp đồng thương mại quốc tế, soạn thảo, kí kết và thực hiện hợp đồng thương mại quốc tế, các chứng từ cần có khi thực hiện hợp đồng;	3	HK 8	Chuyên cần: 10%. Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
28.	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế (Môn học thay thế khóa luận)	Cung cấp những kiến thức chung cơ bản về đàm phán kinh doanh quốc tế, hiểu rõ được các yếu tố sách lược, các phương thức, các kiểu của đàm phán, nắm được những vấn đề cơ bản của giao tiếp đàm phán, hiểu được đặc điểm tâm lý và những điều cần chú ý khi đàm phán với đối tác nước ngoài.	3	HK 8	Chuyên cần: 10% Bài kiểm tra tuần: 5% Bài kiểm tra tháng: 5% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
29.	Khóa luận tốt nghiệp	Sau khi tích lũy đủ tín chỉ sinh viên thực hiện bài khóa luận	6	HK8	Bài khóa luận: 100%

2. Chất lượng cao theo thông tư 23 Kinh tế quốc tế

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
I.	Khối kiến thức chung		21		
	Các học phần được giảng dạy trong chương trình tương tự CTĐT cử nhân Kinh tế Chất lượng cao theo TT 23				
II	Kiến thức theo lĩnh vực		13		
	Các học phần được giảng dạy trong chương trình tương tự CTĐT cử nhân Kinh tế Chất lượng cao theo TT 23				
III.	Kiến thức theo khối ngành		18		
	Các học phần được giảng dạy trong chương trình tương tự CTĐT cử nhân Kinh tế Chất lượng cao theo TT 23				
IV	Khối kiến thức theo nhóm ngành		25		

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
	Các học phần được giảng dạy trong chương trình tương tự CTĐT cử nhân Kinh tế Chất lượng cao theo TT 23				
V	Kiến thức theo ngành		68		
V.1	Học phần bắt buộc		15		
1.	Thương mại quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chất lượng cao theo TT 23	3	HK5	
2.	Đầu tư quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	HK6	
3.	Tài chính quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	HK5	
4.	Quản trị quốc tế, quản trị đa văn hóa và xuyên quốc gia	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	HK6	
5.	Kinh doanh quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	HK5	Điểm chuyên cần.: 10% Điểm bài tập cá nhân / tuần: 15% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 15% Điểm thi kết thúc môn học: 60%
V.2	Các học phần tự chọn		36/72		
6.	Kinh tế đối ngoại Việt Nam	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	HK5	
7.	Công ty xuyên quốc gia	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	HK6	
8.	Các vấn đề chính sách trong nền kinh tế quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	HK6	
9.	Toàn cầu hóa và khu vực hóa trong nền kinh tế quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	HK5	

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
10.	Thương mại điện tử	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chất lượng cao theo TT 23	3	HK7	
11.	Logistics	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	HK6	
12.	Quản trị tài chính quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	HK7	
13.	Thanh toán quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	HK6	
14.	Kế toán quốc tế ***	- Cung cấp cho người học nội dung các nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận và hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế cũng như các mô hình vận dụng hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế. - Có kiến thức cơ bản về nguyên lý kế toán - Có kiến thức đầy đủ về hệ thống kế toán Mỹ - từ chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán, xử lý số liệu đến xây dựng hệ thống báo cáo tài chính. Hiểu được sự khác nhau cơ bản về kế toán trong các loại hình doanh nghiệp của Mỹ	3	HK7	Bài tập cá nhân (2 bài):20% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10% Thi cuối kỳ:60%.
15.	Giao dịch thương mại quốc tế ***	Cung cấp cho người học nội dung bản chất, đặc điểm và các phương thức giao dịch thương mại quốc tế. Nắm được các yếu tố quyết định việc sử dụng phương thức nào để đẩy mạnh phát triển xuất khẩu; các điều kiện giao dịch quốc tế; hiểu được bản chất và nội dung của hợp đồng thương mại quốc tế, soạn thảo, kí kết và thực hiện hợp đồng thương mại quốc tế, các chứng từ cần có khi thực hiện hợp đồng; và ứng dụng incoterms vào thực tiễn; ...	3	HK6	Đi học đầy đủ:5% Bài tập cá nhân (1 bài): 5% Bài tập nhóm (1 bài): 15% Kiểm tra đánh giá giữa kì: 15% Bài thi kết thúc môn: 60%
16.	Quản lý nợ nước ngoài	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	HK7	
17.	Phân tích chi phí và lợi ích	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	HK6	
18.	Quản trị chuỗi cung ứng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	HK7	
19.	Kinh tế môi trường	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	HK7	
20.	Marketing quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	HK6	

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
21.	Quản trị dự án quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	(Tự chọn)	
22.	Kinh tế tiền tệ ngân hàng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	HK 6	
23.	Quản trị rủi ro trong kinh doanh quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	(Tự chọn)	
24.	Vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	(Tự chọn)	
25.	Hệ thống thông tin kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	(Tự chọn)	
26.	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	(Tự chọn)	
27.	Kinh doanh ngoại hối	Cung cấp và trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kinh doanh ngoại hối. Thông qua môn học, người học sẽ hiểu và áp dụng được các nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối hiện nay như nghiệp vụ giao ngay, nghiệp vụ kỳ hạn, nghiệp vụ hoán đổi, nghiệp vụ tương lai và nghiệp vụ quyền chọn, ...	3	(Tự chọn)	Chuyên cần: 10%. Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
28.	Thương mại và phát triển	Cung cấp cho người học hệ thống các lý luận và kiến thức thực tiễn về tác động của thương mại quốc tế đến các khía cạnh phát triển bao gồm kinh tế, môi trường và văn hoá - xã hội; Hệ thống hoá các vấn đề cơ bản về thương mại quốc tế gồm các nguyên lý kinh tế của thương mại quốc tế, chính sách thương mại quốc tế, tính kinh tế chính trị của việc hoạch định chính sách thương mại quốc tế và cập nhật cho người học những nhìn nhận sâu sắc về bối cảnh, thực tiễn, xu hướng và các thách thức trong phát triển thương mại quốc tế; ...	3	(Tự chọn)	Chuyên cần: 10%. Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
29.	Công nghệ mới trong kinh doanh quốc tế	Đem lại cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công nghệ mới và hiểu về những tiềm năng ứng dụng trong hoạt động kinh doanh nói chung và kinh doanh quốc tế nói riêng.	3	(Tự chọn)	Chuyên cần: 10%. Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
Thực tập thực tế và niên luận			7		
30.	Thực tập thực tế	Cung cấp kiến thức thực tế trong lĩnh vực Kinh tế quốc tế. Hình thành cho sinh viên kỹ năng tiếp cận với các vấn đề phát triển, kỹ năng xác định phương hướng học tập và làm việc sau khi ra trường. Tạo điều kiện để sinh viên được tiếp xúc trực tiếp với các cán bộ, nghiên cứu viên làm việc tại các cơ quan, tổ chức	3	HK7	Chuyên cần: 10% Báo cáo thu hoạch thực tế: 90%
31.	Niên luận	Cung cấp kiến thức thực tế trong lĩnh vực Kinh tế quốc tế	4	HK7	Bài Niên luận: 100%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		Hình thành cho sinh viên kỹ năng tiếp cận với các vấn đề phát triển, kỹ năng xác định phương hướng học tập và làm việc sau khi ra trường. Tạo điều kiện để sinh viên được tiếp xúc trực tiếp với kiến thức thực tế			
	Khóa luận tốt nghiệp		7		
32.	Khóa luận	Tổng hợp, phân tích, nghiên cứu, vận dụng các kiến thức trong toàn khóa học để hoàn thành bài niên luận và trình bày báo cáo trước hội đồng	7	HK8	Bài Khóa luận: 100%

3. Thạc sĩ Kinh tế quốc tế

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
I.	Kiến thức chung		8		
	Các học phần được giảng dạy trong chương trình tương tự CTĐT thạc sĩ Kinh tế Chính trị				
II.	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành		42		
1.	Thương mại quốc tế: Chính sách và thực tiễn	Cung cấp các kiến thức chuyên sâu về các lý thuyết thương mại quốc tế và có thể ứng dụng các lý thuyết này vào giải quyết các vấn đề chính sách nảy sinh trong bối cảnh thương mại toàn cầu; Thực hiện phân tích đánh giá các lợi ích thu được từ thương mại - yếu tố quan trọng nhất trong các phân tích thương mại.	03	HK3	Điểm kiểm tra, bài tập trong kỳ: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi cuối kỳ: 60%
2.	Quản trị tài chính quốc tế	Cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính quốc tế dưới góc độ vi mô nhằm giúp người học hiểu rõ những vấn đề cơ bản về môi trường tài chính quốc tế và những yếu tố tác động đến các doanh nghiệp hoạt động trên thị trường quốc tế gồm các công ty đa quốc gia và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu.	03	HK4	Điểm kiểm tra, bài tập trong kỳ: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi cuối kỳ: 60%
3.	Đầu tư quốc tế: Chính sách và thực tiễn	Hiểu rõ được bản chất, đặc điểm và các hình thức hoạt động của ĐTQT. Nắm được các yếu tố quyết định lưu chuyển ĐTQT; biết được những tác động của ĐTQT đối với nền kinh tế thế giới và các nước tham gia đầu tư, trong đó đặc biệt đối với Việt Nam. Vận dụng các kiến thức lý thuyết cũng như thực tiễn về ĐTQT để triển khai và thực hiện các nghiên cứu liên quan, đưa ra giải pháp và kiến nghị. Biết được cách thức xây dựng các giả định, lập luận có cơ sở khoa học trong giải thích và dự đoán các hiện tượng ĐTQT; biết cách tổ chức, hợp tác trong nhóm	03	HK3	Bài tập cá nhân tuần 10% Bài tập nhóm 10% Kiểm tra giữa kỳ 20% Thi hết môn 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		nghiên cứu để giải quyết vấn đề khoa học; biết cách phân biện và bảo vệ quan điểm cá nhân trước tập thể.			
4.	Kinh doanh quốc tế: Thách thức trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu	Học phần giới thiệu cho người học những vấn đề của Kinh doanh quốc tế trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu như: giải thích tại sao các quốc gia có sự khác biệt; tổng hợp các yếu tố kinh tế và chính trị của thương mại và đầu tư quốc tế; giải thích hệ thống tiền tệ, tài chính toàn cầu; cung cấp các kiến thức chuyên sâu về chiến lược và cấu trúc của các công ty kinh doanh quốc tế; đánh giá vai trò, chức năng của các hoạt động kinh doanh quốc tế.	03	HK2	Điểm chuyên cần: 10 % Điểm bài tập nhóm: 10 % Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc học phần: 60%
5.	Chuỗi cung ứng: Lý thuyết và ứng dụng	Chuỗi cung ứng là một mạng lưới các nhà cung cấp, sản xuất, lắp ráp, phân phối và các cơ sở hậu cần để phục vụ các hoạt động chức năng của việc mua bán nguyên vật liệu, chuyển đổi chúng thành bán thành phẩm, thành phẩm, và phân phối tới khách hàng. Học phần sẽ cung cấp cho học viên kiến thức tổng thể về Quản trị chuỗi cung ứng với các chủ đề chính sau: Tổng quan về chuỗi ứng; Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng; Thiết lập mô hình quản trị chiến lược chuỗi cung ứng - Mô hình SCOR; Điều phối & đánh giá hiệu quả chuỗi cung ứng	03	HK3	Điểm chuyên cần: 10% Điểm kiểm tra, bài tập trong kỳ: 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi cuối kỳ: 60%
6.	Thương mại điện tử: Lý thuyết và ứng dụng	Cung cấp cho người học (i) lý thuyết phân tích thương mại điện tử và vận dụng các mô hình thương mại điện tử hiện nay vào kinh doanh toàn cầu để có cái nhìn toàn diện về kinh doanh trực tuyến. (ii) kiến thức về các hệ thống G2B đang hiện hành tại Việt nam (Hệ thống Hải quan điện tử, Kê khai thuế trực tuyến...); (iii) các công cụ E-marketing được sử dụng trong thương mại điện tử hiệu quả nhất. Giúp người học có khả năng: Đánh giá và giải quyết các vấn đề liên quan tới thương mại điện tử bao gồm nhận biết và phân tích vấn đề giúp đưa ra các kiến nghị và giải pháp cho từng trường hợp cụ thể, Ứng dụng có hệ thống, toàn diện, tìm ra các vấn đề trong thương mại điện tử và sự tương tác giữa chúng, Ứng dụng một số các hệ thống hỗ trợ thương mại điện tử trong doanh nghiệp.	03	HK2	Điểm chuyên cần: 10% Điểm kiểm tra, bài tập trong kỳ: 15% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 15% Điểm thi cuối kỳ: 60%
7.	Công ty xuyên quốc gia: Chuyển giao công nghệ và phát triển	Học phần giúp người học: Hiểu rõ tác động của TNCs đối với phát triển kinh tế-xã hội: thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, phát triển nguồn nhân lực và tạo việc làm, chuyên giao và phát triển công nghệ, tác động tới vấn đề môi trường và văn hóa. Nắm vững những vấn đề lý luận chung về TNCs bao gồm bản chất, đặc điểm, chiến lược phát triển của các TNCs, và một số lý thuyết giải thích sự hình thành TNCs, Vận dụng lý thuyết dự báo xu hướng phát triển của TNCs thuộc các nhóm nước và ở Việt Nam, Xây dựng các giả định, lập luận có cơ sở khoa học trong giải thích và dự đoán sự ra đời và phát triển của các TNCs, Phân tích định tính/định lượng trong nghiên cứu các tác động của TNCs đối với phát triển kinh tế và xã hội.	02	HK3	Điểm kiểm tra, bài tập trong kỳ: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
8.	Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam	Cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình toàn cầu hóa và liên kết kinh tế quốc tế – một trong những xu hướng trong phát triển kinh tế thế giới đương đại, các điều kiện hình thành và tham gia vào khối kinh tế thương mại. Trên cơ sở đó, xác định chính sách kinh tế cần điều chỉnh; ...	03	HK3	Chuyên cần và bài tập: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ 60%
9.	Kinh tế thế giới hiện đại	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	03	HK4	Chuyên cần: 10% Báo cáo nhóm (tính vào điểm kiểm tra tháng): 15% Viết tiểu luận (tính điểm kiểm tra giữa kỳ): 15% Thi hết môn : 60%
10.	Quản lý dự án quốc tế	Cung cấp cho người học kiến thức tổng thể về (i) chu trình dự án: các bước của quá trình quản lý dự án, nghiên cứu tình huống về một số dự án cụ thể. (ii) các kỹ năng và công cụ xây dựng một dự án phát triển quốc tế như kỹ năng xây dựng cây vấn đề, cây mục tiêu, nắm được phương pháp tham gia, phương pháp tiến cận hệ thống mang tính logic (LFA) để từ đó xây dựng các tài liệu dự án. Có khả năng áp dụng các kiến thức đã học vào quản lý một dự án quốc tế	03	HK4	Điểm kiểm tra, bài tập trong kỳ: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi cuối kỳ: 60%
11.	Nợ nước ngoài của các nước đang phát triển	Cung cấp những kiến thức cơ bản về nợ nước ngoài của một quốc gia, các tiêu chí đánh giá nợ (mức độ nợ), các biện pháp xử lý nợ; kinh nghiệm quản lý, vay nợ nước ngoài của một số nước để vận dụng vào thực tiễn quản lý nợ nước ngoài của Việt Nam, xây dựng bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong khâu huy động, sử dụng và trả nợ nước ngoài. Có khả năng lý giải một cách có cơ sở khoa học về sự cần thiết của vay nợ nước ngoài của các nước đang phát triển và các biện pháp tháo gỡ khi một nước mắc nợ quá nhiều, Có thể vận dụng những kiến thức lý luận chung về nợ, vay nợ vào điều kiện thực tiễn cuộc sống để giải quyết các tình huống cụ thể liên quan tới nợ nước ngoài	03	HK1	Điểm chuyên cần: 10% Điểm bài tập cá: 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi cuối kỳ: 60%
12.	Kinh tế Đông Á	Hiểu và phân tích được vai trò, vị trí, đặc trưng của Đông Á và Đông Nam Á trong nền kinh tế thế giới và những nhân tố quy định xu hướng phát triển kinh tế của Đông Á và Đông Nam Á. Hiểu và phân tích được các chiều hướng phát triển, tác động của kinh tế Đông Á và Đông Nam Á đến nền kinh tế thế giới trên các cấp độ: quốc gia, khu vực và toàn cầu. Hiểu và phân tích được vị trí, vai trò, tính đặc thù, lộ trình và bước đi của Việt Nam trong bối cảnh phát triển kinh tế Đông Á và Đông Nam Á.	03	HK2	Điểm chuyên cần: 10% Điểm bài tập cá: 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		Hình thành được khung khổ phân tích hệ thống và nhiều chiều cạnh về kinh tế Đông Á và Đông Nam Á, trên cơ sở đó phân tích thực trạng kinh tế Việt Nam và đánh giá được các lựa chọn chính sách của Việt Nam trong bối cảnh phát triển kinh tế Đông Á và Đông Nam Á. Xác lập được năng lực tư duy và phương pháp tiếp cận hiện đại về kinh tế Đông Á và Đông Nam Á.			
13.	Tài chính và tiền tệ quốc tế	Cung cấp các kiến thức có liên quan đến tài chính quốc tế, gồm: Các khái niệm và tác động của việc biến động và sai lệch tỷ giá hối đoái. Các mô hình xác định tỷ giá hối đoái. Xác định cố định có thể cải thiện kỷ luật kinh tế vĩ mô hay không Hình thành năng lực đánh giá về các vấn đề tỷ giá hối đoái, các điều kiện tiên quyết và hậu quả của đồng tiền chung, các tác động kinh tế của các liên minh tiền tệ.... trên cơ sở vận dụng những lý thuyết cơ bản của tài chính quốc tế để phân tích và đánh giá được các nghiên cứu chuyên sâu, các báo cáo có liên quan đến tài chính quốc tế của các chính phủ, các tổ chức tài chính quốc tế (IMF, WB, BIS....) hay các ấn phẩm của các tổ chức tài chính tư nhân (như The Wall Street Journal, Tạp chí The Economist...), các bình luận, đánh giá về các vấn đề có liên quan đến tài chính quốc tế trên các phương tiện thông tin đại chúng chúng như báo viết hàng ngày, đài, TV...	03	HK3	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm và thuyết trình nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi hết môn: 60%
14.	Hệ thống thông tin quản lý (MIS)	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị	03	HK3	
	Luận văn		15	HK4	Điểm bảo vệ: 100%

4. Tiên sỹ Kinh tế quốc tế

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
1.	Lý thuyết Đầu tư quốc tế	Cung cấp một cách hệ thống (i) các lý thuyết đầu tư quốc tế, các yếu tố (đặc biệt về thể chế, chính sách ở cấp độ quốc tế và quốc gia) quyết định sự di chuyển của các dòng vốn Đầu tư trực tiếp nước ngoài và tác động của nó tới các nền kinh tế liên quan nói chung và đối với Việt Nam nói riêng. (ii) các xu hướng vận động của đầu tư trực tiếp nước ngoài hiện nay, từ đó có thể vận dụng để đánh giá, tư vấn về chính sách hoặc đưa ra được cách tiếp cận mới cho các vấn đề liên quan tới các vấn đề về Đầu tư trực tiếp nước ngoài cả trên phương diện lý thuyết và thực tiễn.	02	HK1	Điểm chuyên cần: 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ (điểm báo cáo nhóm): 30% Viết tiểu luận theo chủ đề do giảng viên hướng dẫn : 60%
2.	Lý thuyết thương mại quốc tế	Cung cấp cho nghiên cứu sinh (NCS) (i) hệ thống các lý thuyết về Thương mại Quốc tế, bao gồm từ Cổ điển, Tân Cổ điển và hiện đại; đồng thời nghiên cứu sự phát triển của các lý thuyết đó. (ii) những xu hướng phát triển của thương mại quốc tế hiện nay và giải thích mối quan hệ giữa các lý thuyết và chính sách thương mại với các xu hướng phát triển của thương mại quốc tế. Vận dụng các lý thuyết và các phương pháp khoa học để đánh giá, tư vấn về chính sách hoặc đưa ra được cách tiếp cận mới cho các vấn đề liên quan tới TMQT.	02	HK1	Chuyên cần và tham gia thảo luận trên lớp: 20% Thuyết trình (giữa kỳ): 20% Tiểu luận (cuối kỳ): 60%
3.	Kinh doanh quốc tế: Thách thức trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sỹ Kinh tế Quốc tế	03	HK2	
4.	Kinh tế thế giới hiện đại	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sỹ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sỹ ngành gần và phù hợp)	03	HK4	Chuyên cần: 10% Báo cáo nhóm (tính vào điểm kiểm tra tháng): 15% Viết tiểu luận (tính điểm kiểm tra giữa kỳ): 15% Thi hết môn :60%
5.	Học phần tự chọn 1	Chọn 01 môn học trong khối kiến thức nhóm chuyên ngành hoặc chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Kinh tế quốc tế của Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN	2	HK3	Tùy thuộc vào môn học nghiên cứu sinh chọn và đánh theo đề

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
6.	Học phần tự chọn 2	Chọn 01 môn học trong khối kiến thức nhóm chuyên ngành hoặc chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Kinh tế quốc tế, Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế của Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN	2	HK3	cương môn học đã được phê duyệt

C3. KHOA TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

1. Cử nhân Tài chính ngân hàng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
I	Khối kiến thức chung		27		
	Các học phần được giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế				
II	Kiến thức theo lĩnh vực		10		
	Các học phần được giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế				
III	Kiến thức theo khối ngành		16		
	Các học phần được giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế				
IV.	Kiến thức theo nhóm ngành		20		
IV.1	Các học phần bắt buộc		14		
1	Luật kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	2		
2	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3		
3	Kinh tế tiền tệ - ngân hàng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ 4	
4	Nguyên lý kế toán	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ 4	
5	Nguyên lý Marketing	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ 4	
IV.2	Các học phần tự chọn				
3	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	Có kiến thức chung về (i) văn hóa kinh doanh và đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. (ii) các nguyên tắc, hình thức thực hành đạo đức kinh doanh vào thực thi trách nhiệm xã hội trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp và của các địa phương của Việt Nam.	3	Học kỳ 4	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		Trên cơ sở kiến thức về nội dung, vai trò, tác dụng của môn học, xây dựng các chương trình hành động và quản trị việc áp dụng và phát huy chúng trong thực tế hoạt động của doanh nghiệp, doanh nhân.			
4	Kinh tế quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ 4	
5	Kinh tế phát triển	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ 4	
6	Quản trị nguồn nhân lực	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong nền kinh tế thị trường hiện đại. Giúp người học hoàn thành cơ sở phương pháp luận trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động QTNNL trong các doanh nghiệp ở Việt Nam trong điều kiện đang xây dựng một nền kinh tế thị trường có định hướng XHCN Vận dụng các triết lý cơ bản của quản trị nguồn nhân lực để đưa ra các quyết định có hiệu quả trong hoạt động quản trị nguồn nhân lực tại các doanh nghiệp. Đồng thời biết cách phân tích, đánh giá thị trường lao động ở Việt Nam; gúp phân hoàn thiện kỹ năng viết, trình bày một bài luận hay một vấn đề khoa học.	3	Học kỳ 7	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
V	Khối kiến thức ngành		62		
V.1	Các học phần bắt buộc				
7	Các thị trường và định chế tài chính	Nắm rõ các khái niệm về lãi suất và những yếu tố tác động tới các mức lãi suất; yếu tố thuế, vỡ nợ, đường cong lợi suất chuẩn và ứng dụng của nó. Nắm được bản chất, cấu trúc và những yếu tố tác động tới quá trình vận hành của thị trường tiền tệ, thị trường cổ phiếu và trái phiếu; thị trường khoản vay thế chấp nhà (mortgages), Hiểu chức năng, vai trò của thị trường các công cụ phái sinh trong các hoạt động đầu cơ và hạn chế tổn thất của các cá nhân và định chế tài chính. Hiểu chức năng, vai trò, và sự tương tác trong hệ thống tài chính của những định chế tài chính ngân hàng và phi ngân hàng, như ngân hàng thương mại, các hãng bảo hiểm, công ty tài chính, quỹ hưu bổng, quỹ đầu tư, công ty chứng khoán.	3	Học kỳ 5	Chuyên cần: 5% Bài tập về nhà (bao gồm bài tập cá nhân và bài tập nhóm): 10% Kiểm tra nhanh 5% Kiểm tra giữa kỳ 20% Thi cuối kỳ 60%
8	Phân tích tài chính	Nhận biết, nhắc lại các nội dung phân tích, phương pháp phân tích về các vấn đề tài chính cụ thể của doanh nghiệp; Tổng hợp các tài liệu, thông tin được cung cấp để xác định vấn đề tồn tại của doanh nghiệp; Phân tích, đánh giá dữ liệu thứ cấp và sơ cấp nhằm đưa ra khuyến nghị, giải pháp cụ thể cho vấn đề tồn tại của doanh nghiệp; Xây dựng và thiết kế các tình huống hoặc đưa thêm vào các giả định để cải thiện tình hình tài chính, kinh doanh hiện nay của doanh nghiệp;	3	Học kỳ 5	Chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân và bài tập nhóm: 10% Kiểm tra nhanh: 5% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
9	Quản lý đầu tư	<p>Cung cấp cho người học các kiến thức về:</p> <p>(i) Các khái niệm cơ bản liên quan đến các công cụ đầu tư, quy trình giao dịch, lợi suất, rủi ro, đa dạng hóa, đường CAL, đường SML, CAPM, thị trường hiệu quả;</p> <p>(ii) Bản chất của các loại rủi ro tài chính trong hoạt động đầu tư, các loại lợi suất, tương quan giữa rủi ro và lợi suất, cách thức và ý nghĩa đa dạng hóa đầu tư, phân tích, định giá trái phiếu, cổ phiếu, chứng khoán phái sinh và có khả năng vận dụng vào các hoạt động đầu tư tài chính cụ thể;</p> <p>- Ứng dụng các kiến thức được học để (i) giải quyết các vấn đề quản trị rủi ro, phân tích đầu tư; kỹ năng tính toán, trình bày chính xác và mạch lạc. (ii) ứng dụng quy trình phân tích, lựa chọn, định giá cổ phiếu, trái phiếu. Dự báo được những thông số cần thiết cho quá trình này; Tính được các thông số lợi suất dự tính, phương sai, độ lệch chuẩn của một chứng khoán, một danh mục đầu tư đơn giản, trên một kỳ đầu tư xác định.</p> <p>- Bước đầu tiếp cận tới kỹ năng quản trị danh mục đầu tư: Phân biệt được rủi ro cá biệt và rủi ro hệ thống; hiểu mối quan hệ giữa lợi suất dự tính và rủi ro; hiểu khái niệm vòng đời bình quân (Duration) và những ứng dụng của nó trong lựa chọn đầu tư và quản trị rủi ro; áp dụng một số công cụ phái sinh trong quản trị rủi ro đầu tư.</p>	3	Học kỳ 5	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Bài tập cá nhân và bài tập nhóm: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
10	Tài chính doanh nghiệp	<p>Cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản và các vấn đề chính có liên quan đến tài chính doanh nghiệp, các phương pháp phân tích đánh giá giúp người quản lý đưa ra quyết định đúng dựa trên phân tích và đánh giá chi phí, lợi nhuận và rủi ro trong hoạt động kinh doanh.</p> <p>Hiểu rõ các rủi ro trong kinh doanh và áp dụng các phương pháp quản lý rủi ro. Nhận thức rõ vai trò của quản lý rủi ro và có thể giải quyết các vấn đề trên kiến thức nền tảng.</p>	3	Học kỳ 5	<p>Điểm bài tập cá nhân tuần: 10%</p> <p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ : 20%</p> <p>Thi hết môn: 60%</p>
11	Tài chính quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	Học kỳ 5	
12	Tài chính công	Cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản thuộc lĩnh vực tài chính công; Nắm được nội dung và kỹ năng cơ bản hoạch định, quản lý nguồn thu, chi của quỹ tài chính công và các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách gắn với các quy định hiện hành của Việt nam.	3	Học kỳ 5	<p>Điểm danh: 5%</p> <p>Bài tập cá nhân và bài tập nhóm: 10%</p> <p>Kiểm tra nhanh: 5%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
13	Thẩm định tài chính dự án	Cung cấp các kiến thức cơ bản và nâng cao, các phương pháp và công cụ để phân tích, đánh giá dự án đầu tư trên cả 3 giác độ: chủ sở hữu, ngân hàng và dự án. Trên cơ sở các kiến thức cơ bản có liên quan trong học phần tài chính doanh nghiệp 1, người học sẽ được cung cấp các kiến thức chuyên sâu về thẩm định tài chính dự án, đặc biệt về các công cụ và mô hình phân tích rủi ro dự án. Học phần tăng cường khả năng thực hành của người học trên cơ sở cung cấp các tình huống (case study) thực tế, từ đó người học có thể đưa ra các quyết định tư đầu tư dự án hoặc lựa chọn phương thức tài trợ có lợi nhất cho dự án. Sử dụng Excel cũng như một số phần mềm thông dụng trong phân tích tài chính dự án.	3	Học kỳ 5	Chuyên cần: 10% Bài tập cá nhân và bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
14	Pháp luật tài chính ngân hàng	Cung cấp cho người học (i) các vấn đề lý thuyết về pháp luật tài chính, pháp luật ngân hàng và pháp luật tài chính doanh nghiệp. (ii) các kiến thức chung, cơ bản và chủ yếu về tài chính doanh nghiệp; hoạt động của ngân hàng như tiền tệ, tín dụng ngân hàng, thanh toán, ngoại hối, đầu tư. Trên cơ sở kiến thức nền, có thể phân tích và vận dụng được các quy định của hệ thống pháp luật điều chỉnh về hoạt động tài chính doanh nghiệp và ngân hàng để giải quyết được các tình huống phát sinh trong thực tiễn hoạt động tài chính – ngân hàng theo các quy định của pháp luật.	3	Học kỳ 5	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
15	Quản trị ngân hàng thương mại	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và nâng cao về quản lý ngân hàng thương mại, bao gồm: (i) tổng quan về quản lý ngân hàng thương mại; (ii) báo cáo tài chính và hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại về hiệu quả kinh tế, rủi ro, phát triển bền vững; (iii) quản lý cơ bản các khoản tiền gửi ngân hàng đặc biệt bao gồm quản lý rủi ro lãi suất, thanh khoản và quản lý dự trữ, tiền gửi và quản lý tiền gửi, quản lý cho vay, v.v ... - Sử dụng các kỹ thuật và mô hình để đo lường rủi ro, đánh giá lãi suất, tỷ suất lợi nhuận, hiệu quả quản lý rủi ro. - Có thể áp dụng các mô hình kinh tế vào ngân hàng (tức là các chỉ số về âm thanh tài chính, Z-score, CAMELS, RAROC, v.v.)	3	Học kỳ 5	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Thuyết trình nhóm: 10% Thi cuối kỳ: 60%
16	Tín dụng ngân hàng	Cung cấp cho người học: (i) Tổng quan về hoạt động tín dụng ngân hàng bao gồm những khái niệm cơ bản về tín dụng, tín dụng ngân hàng và hoạt động tín dụng ngân hàng; các quan hệ tín dụng ngân hàng và vai trò của tín dụng ngân hàng trong nền kinh tế hội nhập; (ii) Các nguồn huy động vốn của ngân hàng thương mại gồm có vốn huy động tiền gửi của dân chúng và phát hành giấy tờ có giá; các kênh huy động vốn từ thị trường liên ngân hàng, từ ngân hàng trung ương	3	Học kỳ 5	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		và các tổ chức tài chính quốc tế; (iii) Các hoạt động tín dụng của ngân hàng thương mại đối với nền kinh tế gồm có tín dụng ngân hàng đối với khu vực doanh nghiệp; tín dụng ngân hàng đối với cá nhân, bảo lãnh tín dụng của ngân hàng thương mại; (iv) Cung cấp các phương pháp, kỹ năng áp dụng cũng như quá trình cải tiến những công cụ phòng ngừa đối với các loại hình rủi ro tín dụng.			
V.2	Các học phần tự chọn		21		
17	Ngân hàng Trung ương và Chính sách tiền tệ	Cung cấp những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành, mô hình tổ chức và quản lý, các chức năng của NHTW, cũng như các công cụ chính của chức năng quan trọng nhất của NHTW là xây dựng và điều hành CSTT. Trên cơ sở hệ thống những lý thuyết cơ bản về mục tiêu và cơ chế hoạt động của chính sách tiền tệ, tăng cường cho người học kỹ năng phân tích và đánh giá được tác động của chính sách tiền tệ đối với nền kinh tế của Việt Nam và so sánh thực trạng Việt Nam với những thông lệ quốc tế.	3	Học kỳ 6	Chuyên cần: 6% Bài tập học phần: 12% (3 bài tập; 4%/bài tập) Tham gia làm việc nhóm, thuyết trình và thảo luận: 7% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Thi cuối kỳ: 60%
18	Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư	Cung cấp (i) các kiến thức căn bản nhằm phục vụ cho việc phân tích các vấn đề căn bản về ngân hàng đầu tư và nghiệp vụ ngân hàng đầu tư, bao gồm hoạt động định giá, mua bán và sáp nhập, mua bán và sáp nhập bằng vốn vay (LBOs), tạo lập giá trị của ngân hàng đầu tư thông qua dịch vụ tư vấn, cung cấp giải pháp theo yêu cầu của khách hàng. (ii) các phương pháp và kỹ thuật sử dụng trong việc định giá đối với trường hợp định giá doanh nghiệp; mua lại, sáp nhập doanh nghiệp; mua lại và sáp nhập bằng vốn vay; (iii) các tình huống thực tế để người học tiếp cận, nâng cao khả năng phân tích và ứng dụng vào thực tiễn.	3	Học kỳ 6	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
19	Kế toán ngân hàng thương mại	Cung cấp lý thuyết cơ bản và các nguyên tắc, các phương pháp kế toán cơ bản đối với các hoạt động điển hình của một ngân hàng thương mại; hướng tới việc giới thiệu được những chuẩn mực và thông lệ quốc tế tốt nhất hiện hành trong kế toán ngân hàng, khả năng vận dụng những chuẩn mực và thông lệ này ở VN, các phương pháp và cách thức hạch toán đang được áp dụng ở VN. Trên cơ sở kiến thức cơ bản, có khả năng lập các BCTC dạng đơn giản cho một ngân hàng; có khả năng đọc và phân tích khái quát BCTC của một ngân hàng.	3	Học kỳ 6	Chuyên cần: 7,5% Bài tập cá nhân: 7,5% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
20	Marketing ngân hàng	- Giúp người học: Có phương thức nghiên cứu thị trường thông qua tìm hiểu môi trường kinh doanh của ngân hàng, đánh giá phân đoạn thị trường hiệu quả nhằm xác định thị trường mục tiêu. Trên cơ sở đó, xây dựng đồng bộ chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, chiến lược phân phối, chiến lược xúc tiến hỗn hợp. - Nắm vững lý luận để có thể phân tích thảo luận và bình luận về chiến lược marketing mà các NHTM Việt Nam đang sử dụng.	3	Học kỳ 6	Chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân: 5% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
21	Tài chính cá nhân căn bản	Cung cấp (i) các kiến thức về lập kế hoạch tài chính cá nhân, quản lý tiền tệ và các dịch vụ ngân hàng, quản lý tin dụng tiêu dùng, bảo hiểm nhân thọ, đầu tư tài sản tài chính, thị trường tài chính v.v... (ii) cách thức nghiên cứu môi trường đầu tư, phân biệt hai khía cạnh cơ bản trong đầu tư là lợi nhuận và rủi ro, khả năng kiểm soát và dự liệu tài chính tương lai của từng cá nhân. Hình thành khả năng so sánh và sử dụng các phương tiện thanh toán, sản phẩm ngân hàng một cách thông minh, có trách nhiệm.	3	Học kỳ 6	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
22	Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu	Cung cấp (i) các lý thuyết hiện đại về quản lý tài chính doanh nghiệp và các chủ đề mới về tài chính doanh nghiệp. sinh viên sẽ có kiến thức toàn diện và có hệ thống về tài chính doanh nghiệp. (ii) hình thành các kỹ năng phân tích các trường hợp tài chính doanh nghiệp và đánh giá các vị trí tài chính của các công ty có thể áp dụng các kiến thức và công cụ đã học để giải quyết các vấn đề thực tế về quản lý tài chính. (iii) sử dụng các phần mềm, đặc biệt là Excel, trong việc giải quyết các vấn đề về tài chính doanh nghiệp và có thể giải quyết các vấn đề quản lý tài chính khác nhau trong các doanh nghiệp.	3	Học kỳ 6	Bài tập cá nhân: 20% Chuyên cần: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi hết môn: 60%
23	Phương pháp định lượng ứng dụng trong tài chính	Cung cấp (i) kiến thức cơ bản và thực hiện phân tích các vấn đề chính của Phương pháp định lượng ứng dụng trong tài chính; (ii) các công cụ phân tích, đánh giá tình hình tài chính để ra quyết định trong đầu tư, tài trợ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trên cơ sở sử dụng các phương pháp định lượng trong tài chính; Ứng dụng các phương pháp toán học và các phần mềm máy tính để giải quyết các bài toán quản trị tài chính dựa trên các mô hình Tài chính doanh nghiệp.	3	Học kỳ 6	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 20% Kiểm tra giữa kỳ (1 bài) 20% Thi cuối kỳ (thi viết): 60%
24	Định giá doanh nghiệp	Có hệ thống hóa các khái niệm, mô hình lý thuyết về định giá doanh nghiệp Hiểu rõ bản chất, quy trình của các phương pháp định giá doanh nghiệp và những điều kiện phù hợp để vận dụng từng phương pháp trên cơ sở nhận thức sâu hơn, đầy đủ hơn về các khái niệm có liên quan như rủi ro, tỷ suất chiết khấu, tỷ lệ tăng trưởng, dòng tiền tự do, giá trị thanh lý...	3	Học kỳ 6	Bài tập cá nhân: 20% Chuyên cần: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Thi hết môn: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		Có phương pháp lập và trình bày báo cáo định giá một cách chuyên nghiệp; và áp dụng được các phương pháp định giá vào bài thực hành định giá một doanh nghiệp thực tế trong điều kiện ở Việt Nam;			
25	Thanh toán quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	Học kỳ 7	
26	Quản trị tài chính quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	Học kỳ 7	
27	Tài chính trong mua bán và sáp nhập doanh nghiệp	Cung cấp các kiến thức cơ bản trong hoạt động mua bán sáp nhập doanh nghiệp Hiểu rõ các vấn đề tài chính trong M&A, cách thức thu xếp và cấu trúc tài chính trong một thương vụ. Vận dụng lý thuyết để phân tích các yếu tố lợi nhuận, rủi ro, điểm mạnh và điểm yếu của các thương vụ M&A và giải quyết các vấn đề tài chính hậu M&A.	3	Học kỳ 7	Bài tập cá nhân: 20% Chuyên cần: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Thi hết môn: 60%
28	Thuế	Cung cấp những kiến thức cơ bản về (i) thuế và hệ thống thuế của một quốc gia; vai trò của thuế đối với quá trình điều tiết kinh tế vĩ mô và huy động nguồn lực tài chính cho Nhà nước (mức 1); (ii) các sắc thuế áp dụng cho doanh nghiệp Phân tích đánh giá các yếu tố cấu thành của một sắc thuế và các cách phân loại thuế; các tiêu thức cần thiết để xây dựng hệ thống thuế và chính sách thuế (mức 2) Vận dụng lý thuyết để tính toán xác định nghĩa vụ nộp thuế của doanh nghiệp trong từng trường hợp cụ thể (mức 3) Nắm được xu hướng sửa đổi, bổ sung các Luật Thuế của Việt Nam trong giai đoạn 2010-2020; trên cơ sở đó có sự so sánh với hệ thống thuế của một số nước trong khu vực (mức 2) Kết hợp lý thuyết với thực hành thông qua quá trình nghiên cứu nội dung, quy trình đăng ký và kê khai một số sắc thuế chủ yếu tại doanh nghiệp. Biết lập Bản kê khai nộp thuế, lập Báo cáo thuế và Quyết toán thuế...		Học kỳ 7	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
29	Kiểm toán căn bản	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản tổng quát về (i) lý thuyết kiểm toán. (ii) các bước xây dựng và thực hiện công tác kiểm toán và bước đầu biết thiết kế chương trình kiểm toán trong lập kế hoạch kiểm toán. (iii) cách phân loại hoạt động kiểm toán; Phân tích, so sánh nội dung và phạm vi ứng dụng của hai phương pháp kiểm toán chứng từ và kiểm toán ngoài chứng từ. Phương pháp chọn mẫu kiểm toán; kiểm toán khoản mục cơ bản trên bảng cân đối kế toán: Tiền, Doanh thu-Phải thu.	3	Học kỳ 7	Điểm chuyên cần hàng ngày (0,5%/buổi):7,5% Bài tập cá nhân:7,5% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ:15% Bài thi cuối kỳ:60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		Xây dựng và và thiết kế một số thủ tục kiểm toán nhằm phát hiện các sai sót khi kiểm toán khoản mục Tiền, Doanh thu-Phải thu.			
30	Kế toán tài chính	Cung cấp có hệ thống những kiến thức chuyên ngành về các nguyên tắc và phương pháp kế toán, các nghiệp vụ trong kế toán tài chính áp dụng trong các doanh nghiệp. Vận dụng sáng tạo các phương pháp nghiệp vụ kế toán/chuẩn mực kế toán vào giải quyết tình huống thực tế tại doanh nghiệp, đánh giá ảnh hưởng của việc thay đổi phương pháp kế toán đến kết quả kinh doanh (lợi nhuận) của doanh nghiệp và tư vấn cho nhà quản trị doanh nghiệp	3	Học kỳ 7	Điểm chuyên cần hàng ngày (0,5%/buổi): 7,5% Bài tập cá nhân: 7,5% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài thi cuối kỳ: 60%
31	Kế toán quản trị	Có kiến thức chung nhất về kế toán quản trị và sự khác biệt giữa kế toán quản trị và kế toán tài chính. Biết cách phân loại chi phí sản xuất kinh doanh; Các phương pháp xác định chi phí, phân bổ chi phí và phân tích sự biến động của các loại chi phí sản xuất kinh doanh. Phân tích mối quan hệ giữa chi phí – khối lượng – lợi nhuận và ứng dụng mối quan hệ này trong việc ra các quyết định quản lý. Vận dụng kiến thức của kế toán quản trị trong việc ra các loại quyết định ngắn hạn, quyết định đầu t dài hạn - theo từng trường hợp cụ thể. Biết cách lập dự toán sản xuất kinh doanh.	3	Học kỳ 7	Điểm chuyên cần hàng ngày (0,5%/buổi): 7,5% Bài tập cá nhân: 7,5% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài thi cuối kỳ: 60%
32	Quản trị học	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 2	
33	Thực tập và niên luận		5		
34	Thực tập thực tế và niên luận	Nâng cao tính thực tiễn trong kiến thức và kỹ năng của sinh viên được thực hiện thí điểm bằng việc tổ chức cho sinh viên của ngành Tài chính – Ngân hàng tiếp xúc với thực tế tại ngân hàng và các công ty; Học tập trải nghiệm và hình thành kỹ năng nghề với các chuyên gia trong lĩnh vực tài chính- ngân hàng các doanh nghiệp, ngân hàng, công ty chứng khoán, các định chế tài chính...	5	Học kỳ 7	Điểm niên luận: 100%
V.4	Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế		6		
35	Khóa luận tốt nghiệp		6	Học kỳ 8	Điểm khóa luận: 100%
	Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
36	Quản trị rủi ro	Học phần quản trị rủi ro giới thiệu những vấn đề cơ bản về rủi ro nói chung của doanh nghiệp và định chế tài chính, trong đó đi sâu vào các loại rủi ro chính như: rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá, rủi ro biến động giá. Các loại rủi ro sẽ	3	Học kỳ 7, 8	Bài tập cá nhân :10 % Bài tập nhóm 10 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		được nhận dạng, đo lường và quản trị bằng phương pháp quản trị rủi ro hiện đại. Học phần đồng thời cũng sẽ giúp sinh viên tìm hiểu tình hình thực tế trong việc phòng ngừa rủi ro chính của các doanh nghiệp Việt nam hiện nay.			Bài kiểm tra giữa kỳ 20% Điểm thi hết môn: 60%
37	Ngân hàng quốc tế	(Cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản và vai trò của ngân hàng quốc tế đối với nền kinh tế thế giới. Xác định rõ sự khác biệt giữa các loại hình ngân hàng quốc tế và hệ thống tài chính với ngân hàng khác nhau của các ngân hàng trong nền kinh tế. Hiểu rõ về các quy định ngân hàng trung ương và ngân hàng quốc tế, trong đó có thiết lập khung tổng thể về các hoạt động ngân hàng quốc tế. Trên cơ sở thực tiễn, xem xét vai trò của các ngân hàng quốc tế trong khủng hoảng và các chính sách có thể rút ra từ đó.	3	Học kỳ 7, 8	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%

2. Cử nhân Tài chính ngân hàng chất lượng cao

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
I	Kiến thức chung		32		
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin 1	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	2	Học kỳ 1,2	
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin 2		3	Học kỳ 1,2	
3	Tư tưởng HCM		2	Học kỳ 1,2	
4	Đường lối cách mạng của ĐCSVN		3	Học kỳ 1,2	
5	Tin học cơ sở 2		3	Học kỳ 1-2	
6	Tiếng Anh cơ sở 1		4	Học kỳ 1-4	
7	Tiếng Anh cơ sở 2		5	Học kỳ 1-4	
8	Tiếng Anh cơ sở 3		5	Học kỳ 1-4	
9	Tiếng Anh cơ sở 4		Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho người mới bắt đầu, những từ vựng được sử dụng trong	5	Học kỳ 1-4

		các tình huống hàng ngày để nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống; bảng phiên âm quốc tế và cách phát âm, các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở dạng làm quen ban đầu.			Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
10	Giáo dục thể chất				
11	Giáo dục quốc phòng an ninh	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế			
12	Kỹ năng bổ trợ				
II	Kiến thức theo lĩnh vực		10		
	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế				
III	Kiến thức theo khối ngành		18		
	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế				
IV.	Kiến thức theo nhóm ngành		21		
IV.1	Các học phần bắt buộc		15		
22	Luật kinh tế		2		
23	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3		
24	Kinh tế tiền tệ - ngân hàng* (Tiếng Anh)	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tiền tệ, hoạt động hệ thống ngân hàng trong một quốc gia; vai trò của ngân hàng thương mại và ngân hàng Trung ương đối với quá trình điều tiết và kiểm soát lượng tiền trong nền kinh tế mở. Có phương pháp phân tích thị trường để hình thành tư duy về vấn đề sử dụng vốn tiền tệ có hiệu quả trong kinh tế thị trường hiện đại.	4	Học kỳ 4	Chuyên cần, kiểm tra: 20% Thảo luận, tiểu luận: 20% Thi cuối kỳ: 60%
25	Nguyên lý kế toán*(Tiếng Anh)	Hiểu được bản chất và vai trò của kế toán; các nguyên tắc kế toán chung và sự vận dụng vào công tác kế toán một cách đơn giản. Hiểu được đối tượng và phương pháp của kế toán. Nắm được các yếu tố cấu thành bộ máy kế toán: chứng từ, tài khoản, sổ sách, báo cáo	3	Học kỳ 4	Điểm chuyên cần (0,5%/buổi): 7,5% Bài tập cá nhân: 7,5% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài thi cuối kỳ: 60%
26	Nguyên lý Marketing	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ 4	Kiểm tra cuối kỳ 60%
IV.2	Các học phần tự chọn		15		
27	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3		
28	Kinh tế quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3		

29	Kinh tế phát triển	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3		
30	Quản trị học	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ 4	
V	Khối kiến thức ngành		69		
31	Các thị trường và định chế tài chính (Tiếng Anh)	Nắm rõ các khái niệm về lãi suất và những yếu tố tác động tới các mức lãi suất; yếu tố thuế, vỡ nợ, đường cong lợi suất chuẩn và ứng dụng của nó. Nắm được bản chất, cấu trúc và những yếu tố tác động tới quá trình vận hành của thị trường tiền tệ, thị trường cổ phiếu và trái phiếu; thị trường khoản vay thế chấp nhà (mortgages). Hiểu chức năng, vai trò của thị trường các công cụ phái sinh trong các hoạt động đầu cơ và hạn chế tổn thất của các cá nhân và định chế tài chính. Hiểu chức năng, vai trò, và sự tương tác trong hệ thống tài chính của những định chế tài chính ngân hàng và phi ngân hàng, như ngân hàng thương mại, các hãng bảo hiểm, công ty tài chính, quỹ hưu bổng, quỹ đầu tư, công ty chứng khoán.	3	Học kỳ 5	Chuyên cần: 5% Bài tập về nhà (bao gồm bài tập cá nhân và bài tập nhóm): 10% Kiểm tra nhanh 5% Kiểm tra giữa kỳ 20% Thi cuối kỳ 60%
32	Phân tích tài chính	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3		
33	Quản lý đầu tư		3		
34	Tài chính doanh nghiệp (Tiếng Anh)	Cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản và các vấn đề chính có liên quan đến tài chính doanh nghiệp, các phương pháp phân tích đánh giá giúp người quản lý đưa ra quyết định đúng dựa trên phân tích và đánh giá chi phí, lợi nhuận và rủi ro trong hoạt động kinh doanh. Hiểu rõ các rủi ro trong kinh doanh và áp dụng các phương pháp quản lý rủi ro. Nhận thức rõ vai trò của quản lý rủi ro và có thể giải quyết các vấn đề trên kiến thức nền tảng.	3	Học kỳ 5	Điểm bài tập cá nhân tuần: 10% Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ : 20% Thi hết môn: 60%
35	Tài chính quốc tế (Tiếng Anh)	Cung cấp các kiến thức (cả về lý thuyết và thực tế) về tài chính quốc tế, bao gồm các khái niệm về cán cân thanh toán, lý thuyết tỷ giá hiện đại, lý thuyết và mô hình kinh tế vĩ mô mở, sự phát triển của hệ thống tiền tệ quốc tế, phong trào vốn quốc tế và thị trường vốn toàn cầu, tài chính và khủng hoảng tiền tệ và các vấn đề chính sách đối với các nước đang phát triển. Ngoài các vấn đề lý thuyết, học phần cũng thảo luận về các vấn đề chính sách có liên quan đến Việt Nam để tạo thuận lợi cho sự hiểu biết về các lý thuyết.	3	Học kỳ 5	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
36	Tài chính công	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3		
37	Thẩm định tài chính dự án		3		
38	Pháp luật tài chính ngân hàng		3	Học kỳ 5	

39	Quản trị ngân hàng thương mại (Tiếng Anh)	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và nâng cao về quản lý ngân hàng thương mại, bao gồm: (i) tổng quan về quản lý ngân hàng thương mại; (ii) báo cáo tài chính và hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại về hiệu quả kinh tế, rủi ro, phát triển bền vững; (iii) quản lý cơ bản các khoản tiền gửi ngân hàng đặc biệt bao gồm quản lý rủi ro lãi suất, thanh khoản và quản lý dự trữ, tiền gửi và quản lý tiền gửi, quản lý cho vay, v.v ... - Sử dụng các kỹ thuật và mô hình để đo lường rủi ro, đánh giá lãi suất, tỷ suất lợi nhuận, hiệu quả quản lý rủi ro. - Có thể áp dụng các mô hình kinh tế vào ngân hàng (tức là các chỉ số về âm thanh tài chính, Z-score, CAMELS, RAROC, v.v.)	3	Học kỳ 5	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Thuyết trình nhóm: 10% Thi cuối kỳ: 60%
40	Tín dụng ngân hàng (Tiếng Anh)	Cung cấp cho người học: (i) Tổng quan về hoạt động tín dụng ngân hàng bao gồm những khái niệm cơ bản về tín dụng, tín dụng ngân hàng và hoạt động tín dụng ngân hàng; các quan hệ tín dụng ngân hàng và vai trò của tín dụng ngân hàng trong nền kinh tế hội nhập; (ii) Các nguồn huy động vốn của ngân hàng thương mại gồm có vốn huy động tiền gửi của dân chúng và phát hành giấy tờ có giá; các kênh huy động vốn từ thị trường liên ngân hàng, từ ngân hàng trung ương và các tổ chức tài chính quốc tế; (iii) Các hoạt động tín dụng của ngân hàng thương mại đối với nền kinh tế gồm có tín dụng ngân hàng đối với khu vực doanh nghiệp; tín dụng ngân hàng đối với cá nhân, bảo lãnh tín dụng của ngân hàng thương mại; (iv) Cung cấp các phương pháp, kỹ năng áp dụng cũng như quá trình cải tiến những công cụ phòng ngừa đối với các loại hình rủi ro tín dụng.	3	Học kỳ 5	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
41	Ngân hàng quốc tế (Tiếng Anh)	(Học phân tự chọn). Cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản và vai trò của ngân hàng quốc tế đối với nền kinh tế thế giới. Xác định rõ sự khác biệt giữa các loại hình ngân hàng quốc tế và hệ thống tài chính với ngân hàng khác nhau của các ngân hàng trong nền kinh tế. Hiểu rõ về các quy định ngân hàng trung ương và ngân hàng quốc tế, trong đó có thiết lập khung tổng thể về các hoạt động ngân hàng quốc tế. Trên cơ sở thực tiễn, xem xét vai trò của các ngân hàng quốc tế trong khủng hoảng và các chính sách có thể rút ra từ đó.	3	Học kỳ 5	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
42	Quản lý, kinh doanh vốn và ngoại tệ ***	Cung cấp những kiến thức cơ bản về (i) vai trò và hoạt động của bộ phận quản lý, kinh doanh vốn và ngoại hối trong ngân hàng thương mại; Vai trò và các nghiệp vụ chính của bộ phận quản lý, kinh doanh vốn và ngoại tệ trong ngân hàng thương mại, Quản lý dự trữ và thanh khoản, Quản lý khe hở lãi suất, Quản lý trạng thái ngoại hối, Quản lý giá trị ròng ngân hàng, Công cụ phái sinh, Quản lý rủi ro trong Bộ phận quản lý, kinh doanh vốn và ngoại tệ.	3	Học kỳ 6	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
V.2	Các học phần tự chọn		18		

43	Ngân hàng Trung ương và Chính sách tiền tệ	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 6	
44	Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư và đầu tư	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 6	
45	Kế toán ngân hàng thương mại	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 6	
46	Marketing ngân hàng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 6	
47	Tài chính cá nhân căn bản	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 6	
48	Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu (Tiếng Anh)	Cung cấp (i) các lý thuyết hiện đại về quản lý tài chính doanh nghiệp và các chủ đề mới về tài chính doanh nghiệp. sinh viên sẽ có kiến thức toàn diện và có hệ thống về tài chính doanh nghiệp. (ii) hình thành các kỹ năng phân tích các trường hợp tài chính doanh nghiệp và đánh giá các vị trí tài chính của các công ty có thể áp dụng các kiến thức và công cụ đã học để giải quyết các vấn đề thực tế về quản lý tài chính. (iii) sử dụng các phần mềm, đặc biệt là Excel, trong việc giải quyết các vấn đề về tài chính doanh nghiệp và có thể giải quyết các vấn đề quản lý tài chính khác nhau trong các doanh nghiệp.	3	Học kỳ 6	Bài tập cá nhân: 20% Chuyên cần: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi hết môn: 60%
49	Phương pháp định lượng ứng dụng trong tài chính	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 6	
50	Định giá doanh nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 6	
51	Quản trị rủi ro	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 6	
52	Thanh toán quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	Học kỳ 7	
53	Quản trị tài chính quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	Học kỳ 7	
54	Tài chính trong mua bán và sáp nhập doanh nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 7	
55	Thuế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng		Học kỳ 7	

56	Kiểm toán căn bản	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 7	
57	Kế toán tài chính	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 7	
58	Quản trị nguồn nhân lực	Tương tự nguồn nhân lực cùng nội dung chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 7	
59	Kế toán quản trị	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 7	
V.3	Thực tập thực tế và niên luận		8		
60	Thực tập thực tế và niên luận	Nâng cao tính thực tiễn trong kiến thức và kỹ năng của sinh viên được thực hiện thí điểm bằng việc tổ chức cho sinh viên của ngành Tài chính – Ngân hàng tiếp xúc với thực tế tại ngân hàng và các công ty; Học tập trải nghiệm và hình thành kỹ năng nghề với các chuyên gia trong lĩnh vực tài chính- ngân hàng các doanh nghiệp, ngân hàng, công ty chứng khoán, các định chế tài chính...	8	Học kỳ 7	Điểm niên luận: 100%
V.4	Khóa luận tốt nghiệp		7	Học kỳ 7	Điểm khóa luận: 100%

3. Cử nhân Tài chính ngân hàng chất lượng cao theo thông tư 23

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
I	Khối kiến thức chung		21		
		Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế theo Thông tư 23			
II	Khối kiến thức theo lĩnh vực		13		
		Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế theo Thông tư 23			
III	Khối kiến thức theo khối ngành		18		
		Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế theo Thông tư 23			
IV	Khối kiến thức theo nhóm ngành		20		
IV.1	Các học phần bắt buộc				
		Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính Ngân hàng Chất lượng cao			
V	Khối kiến thức ngành		72		

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
1	Các thị trường và định chế tài chính (Tiếng Anh)	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng chất lượng cao	3	Học kỳ 5	
2	Phân tích tài chính	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 5	
3	Quản lý đầu tư	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 5	
4	Tài chính doanh nghiệp (Tiếng Anh)	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng chất lượng cao	3	Học kỳ 5	
5	Tài chính quốc tế (Tiếng Anh)	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng chất lượng cao	3	Học kỳ 5	
6	Tài chính công	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 5	
7	Thẩm định tài chính dự án	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 5	
8	Quản lý ngân hàng điện tử*** (Tiếng Anh)	Môn học bao gồm 4 chương với sự kết hợp giữa các bài giảng và các cuộc thảo luận trường hợp. Chương 1 sẽ giới thiệu cho sinh viên cái nhìn tổng quan về quản lý ngân hàng điện tử và quản lý ngân hàng điện tử, bao gồm các khái niệm cơ bản, vai trò, sự tiến hóa và xu hướng thực sự trong ngân hàng điện tử, các hình thức ngân hàng điện tử; quan điểm quản lý của ngân hàng điện tử cũng như các mối lo ngại về rủi ro liên quan đến các mạng ngân hàng điện tử. Chương 2 đưa ra các loại sản phẩm ngân hàng điện tử khác nhau sử dụng internet và mạng lưới các nhà cung cấp điện thoại dựa trên khuôn khổ để phân tích các mô hình kinh doanh cho ngân hàng điện tử. Chương 3 tập trung vào các vấn đề liên quan đến an ninh trong ngân hàng điện tử dựa trên các nghiên cứu cụ thể về hệ thống máy tính, virus và tội phạm trong ngân hàng điện tử. Chương cuối cùng đề cập đến quản lý rủi ro chiến lược trong ngân hàng điện tử, trong đó học sinh sẽ xác định các vấn đề liên quan đến công nghệ, rào cản pháp lý, môi trường cạnh tranh của kinh doanh ngân hàng; tìm ra các mạng lưới lập kế hoạch và kết nối chiến lược trong tổ chức ngân hàng liên quan đến ngân hàng điện tử cũng như các nền tảng và giải pháp cho rủi ro ngân hàng điện tử.	2	Học kỳ 5	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Thuyết trình nhóm: 10% Thi cuối kỳ: 60%
9	Quản trị ngân hàng thương mại (Tiếng Anh)	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng chất lượng cao	3	Học kỳ 5	

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
10	Tín dụng ngân hàng (Tiếng Anh)	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng chất lượng cao	3	Học kỳ 5	
11	Ngân hàng quốc tế (Tiếng Anh)	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng chất lượng cao	3	Học kỳ 5	
12	Ngân hàng Trung ương và Chính sách tiền tệ	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 6	
V.2	Các học phần tự chọn		18		
13	Tài chính vi mô***	Tài chính vi mô là các dịch vụ tài chính cung cấp cho người nghèo và người có thu nhập thấp và là một công cụ quan trọng trong xóa đói giảm nghèo, nâng cao mức sống cho người nghèo ở các nước đang phát triển. Học phần bắt đầu từ việc giới thiệu tổng quan thị trường tài chính vi mô, những hạn chế khiến cho khách hàng tài chính vi mô khó tiếp cận với dịch vụ tài chính thông thường và đặc điểm của sản phẩm tài chính vi mô giúp vượt qua những hạn chế này. Học phần cũng giới thiệu về các định chế tài chính chủ yếu cung cấp dịch vụ tài chính vi mô trên thị trường về sở hữu, cơ cấu vốn, quản trị, quản lý hoạt động và rủi ro, kết quả hoạt động và tác động kinh tế, xã hội của dịch vụ tài chính vi mô. Cuối cùng, người học sẽ tìm hiểu về hệ thống tài chính vi mô Việt Nam và so sánh những điểm tương đồng và khác biệt của hệ thống này với các thông lệ quốc tế.	3	Học kỳ 6	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
14	Pháp luật tài chính ngân hàng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 6	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
15	Kế toán ngân hàng thương mại	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 6	Chuyên cần: 7,5% Bài tập cá nhân: 7,5% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài thi cuối kỳ: 60%
16	Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 6	
17	Quản lý, kinh doanh vốn và ngoại tệ ***	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng chất lượng cao	3	Học kỳ 6	
18	Marketing ngân hàng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 6	

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
19	Tài chính cá nhân căn bản	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 6	
20	Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu (Tiếng Anh)	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng chất lượng cao	3	Học kỳ 6	
21	Phương pháp định lượng ứng dụng trong tài chính	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 6	
22	Định giá doanh nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 6	
23	Quản trị rủi ro	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 6	
24	Thanh toán quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	Học kỳ 7	
25	Quản trị tài chính quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	Học kỳ 7	
26	Tài chính trong mua bán và sáp nhập doanh nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 7	
27	Thuế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 7	
28	Kiểm toán căn bản	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 7	
29	Kế toán tài chính	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 7	
30	Quản trị nguồn nhân lực	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 7	
31	Kế toán quản trị	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 7	
32	Quản trị dòng tiền***	Học phần Quản trị dòng tiền sẽ trang bị các kiến thức cần thiết cho các nhà quản trị tương lai, để có thể tổ chức, điều hành, kiểm soát và ra quyết định cho các hoạt động về dòng tiền hàng ngày, cũng như đưa ra các dự đoán quan trọng liên quan đến tương lai của doanh nghiệp.. Quản trị dòng tiền chủ yếu bàn về các khái niệm,	3	Học kỳ 7	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		phân loại, phương pháp xác định, cách phân bổ, phân tích và đánh giá... về cách thức lưu chuyển của dòng tiền. Dựa trên nền tảng kiến thức cơ bản này, người học sẽ được trang bị các kiến thức, phương pháp và kỹ năng cần thiết để quản trị. Trên cơ sở đó giúp người học nắm được cách thức áp dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn công tác quản trị cũng như tiếp tục nghiên cứu các học phần chuyên ngành ở bậc cao hơn			
V.3	Thực tập thực tế và niên luận		12		
33	Kiến tập		2	Học kỳ 7	Điểm báo cáo: 100%
34	Thực tập thực tế 1		3	Học kỳ 7	Điểm báo cáo: 100%
35	Thực tập thực tế 2		3	Học kỳ 7	Điểm báo cáo: 100%
36	Niên luận		4	Học kỳ 7	Điểm niên luận: 100%
V.4	Khóa luận tốt nghiệp		7	Học kỳ 8	Điểm khóa luận: 100%

4. Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng (định hướng ứng dụng)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
I	Kiến thức chung		8		
		Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sỹ Kinh tế Chính trị			
II	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành		47		
II.1	Các học phần bắt buộc		26		
1	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính: Lý thuyết và thực tiễn	Cung cấp (i) các lý thuyết liên quan đến lĩnh vực tiền tệ-ngân hàng và thị trường tài chính; (ii) phương pháp tiếp cận hiện đại để hình thành tư duy phân tích, đánh giá chuyên sâu các hoạt động của thị trường tài chính nói chung, hệ thống ngân hàng nói riêng trong bối cảnh kinh tế hiện đại. Sử dụng các lý thuyết cơ bản được trang bị để phân tích, đánh giá tác động tác động chính sách tiền tệ, chính sách tài chính đến hoạt động của hệ thống ngân hàng và đến nền kinh tế Trên cơ sở vận dụng kiến thức, hình thành (i) năng lực nghiên cứu độc lập, khả năng phân tích thực tiễn và vận dụng lý thuyết vào giải quyết những vấn đề nóng bỏng trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng của thế giới và Việt Nam trong bối cảnh hội nhập ngày nay. (ii) năng lực dự báo những vấn đề của Việt Nam và thế giới trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.	3	Học kỳ 1	Chuyên cần: 10% Tiểu luận, 1 bài kiểm tra giữa kỳ, 1 bài kiểm tra hết môn: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
2	Quản trị ngân hàng thương mại nâng cao	Cung cấp hệ thống kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ quản trị của NHTM. Vận dụng kiến thức lý luận vào giải quyết những vấn đề thực tiễn nảy sinh trong lĩnh vực quản trị NHTM hiện đại. Hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá chuyên sâu về quản trị NHTM, phân tích, ra các quyết định về quản trị trong ngân hàng thương mại hiện đại	3	Học kỳ 1	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 20% Điểm Kiểm tra giữa kỳ (1 bài): 20% Thi cuối kỳ: 60%
3	Ngân hàng quốc tế nâng cao	Cung cấp (i) các kiến thức về nghiệp vụ ngân hàng quốc tế cơ bản như tín dụng quốc tế, tài trợ thương mại quốc tế, thanh toán quốc tế, quản trị và kinh doanh quốc tế... (ii) các công cụ để bình luận và phân tích được những cơ chế, chính sách và quy định quản trị hoạt động ngân hàng quốc tế, phân tích, bình luận nguyên nhân và tác động của các vấn đề có ảnh hưởng đến xu hướng phát triển ngân hàng... Vận dụng thành thạo những nghiệp vụ ngân hàng quốc tế cơ bản như tín dụng quốc tế và tài trợ thương mại quốc tế, thanh toán quốc tế, quản trị và kinh doanh vốn quốc tế v.v.; Phân biệt các hình thức rủi ro thường phát sinh trong hoạt động ngân hàng quốc tế và vận dụng thành thạo các biện pháp khắc phục rủi ro; Bình luận và phân tích được (i) những cơ chế, chính sách và quy định quản trị hoạt động ngân hàng quốc tế; (ii) nguyên nhân và tác động của các vấn đề có ảnh hưởng đến xu hướng phát triển ngân hàng quốc tế v.v.	3	Học kỳ 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
3	Tài chính cá nhân	Học phân trang bị cho học viên kiến thức về việc lập kế hoạch tài chính cá nhân, quản lý tiền tệ và các dịch vụ ngân hàng, quản lý tín dụng tiêu dung, bảo hiểm nhân thọ. Trang bị kiến thức cơ bản cho người học về đầu tư tài sản tài chính, thị trường tài chính, cách nghiên cứu môi trường đầu tư, phân biệt hai khía cạnh cơ bản trong đầu tư: lợi nhuận và rủi ro. Khả năng kiểm soát và dự liệu tương lai tài chính của từng cá nhân. Chương trình còn giúp người học khả năng so sánh và sử dụng các phương tiện thanh toán, sản phẩm ngân hàng một cách thông minh, có trách nhiệm.	2	Học kỳ 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
4	Phân tích đầu tư và quản trị danh mục đầu tư	Hiểu rõ về các yếu tố cấu thành nền tảng của các quyết định đầu tư, đặc biệt là quyết định chiến lược danh mục đầu tư; các chiến lược đặc thù trong quản trị danh mục đầu tư; phân biệt được các chiến lược chủ động, thụ động; các quy trình quản trị danh mục đầu tư và các phương pháp đánh giá hoạt động của danh mục.	3	Học kỳ 1	Bài tập cá nhân: 10%. Bài kiểm tra giữa kỳ: 15 % x 2 = 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		Có kiến thức nâng cao về lý thuyết đầu tư hiện đại, bao gồm các quyết định phân bổ tài sản, mô hình định giá tài sản vốn; các mô hình định giá chứng khoán; Hiểu Thành thạo các phép tính lợi suất, giá cả, rủi ro của từng công cụ riêng lẻ và của danh mục đầu tư. Có khả năng phân tích môi trường kinh tế vĩ mô, phân tích ngành và phân tích từng công ty để làm cơ sở cho việc xây dựng và quản trị danh mục đầu tư; Có khả năng lựa chọn, thiết kế những danh mục đầu tư phù hợp với từng chiến lược, mục tiêu cụ thể. Vận dụng được quy trình đánh giá hoạt động của danh mục đầu tư, từ đó có thể điều chỉnh danh mục để đạt được những mục tiêu đầu tư.			
5	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	Có kiến thức chuyên sâu về các lý thuyết hiện đại của tài chính công ty (tài chính doanh nghiệp), Vận dụng các công cụ phân tích, các phương pháp quản lý tài chính tại các doanh nghiệp vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Phân tích các tình huống và ra quyết định. Sử dụng phần mềm máy tính (Excel) để giải quyết một số bài toán quản lý tài chính.	3	Học kỳ 1	Chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân tuần :15% Kiểm tra giữa kỳ + cuối kỳ 20% Thi hết môn: 60%
6	Tài chính công nâng cao	Cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản thuộc lĩnh vực tài chính công Hình thành kỹ năng cơ bản hoạch định, quản lý nguồn thu, chi của quỹ tài chính công và các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách gắn với các quy định hiện hành của Việt nam.	3	Học kỳ 1	Chuyên cần và bài tập cá nhân:20% Kiểm tra giữa kỳ (1 bài): 20% Thi cuối kỳ (thi viết): 60%
7	Thiết kế nghiên cứu luận văn	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị	2	Học kỳ 2	
8	Thực tập thực tế	Học viên thực tập một nội dung chuyên môn tại một cơ sở thực tập thực tế là tổ chức tài chính hoặc doanh nghiệp. Học viên cần phát hiện một/một số vấn đề thực tế, cách giải quyết vấn đề tại nơi thực tập và trình bày quan điểm của học viên.	3	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
II.2	Các học phần tự chọn		21		
9	Quản trị tài chính ngắn hạn	Cung cấp kiến thức chuyên sâu về quản trị tài chính ngắn hạn: Các phương pháp rút ngắn chu kỳ chuyển đổi tiền mặt nhằm gia tăng giá trị của công ty; các nguyên lý, mô hình, phương pháp quản trị tồn quỹ, tồn kho, khoản phải thu; khoản phải trả; các phương pháp để hình thành hoặc thay đổi chính sách	3	Học kỳ 2	Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		tín dụng; phương pháp lựa chọn, quyết định đầu tư ngắn hạn; phương pháp lựa chọn và quyết định tài trợ ngắn hạn.			Điểm thi hết môn: 60%
10	Phân tích đầu tư bất động sản	Cung cấp kiến thức chung về bất động sản và thị trường bất động sản, những yếu tố tác động đến thị trường bất động sản và giá của bất động sản; những phương pháp cơ bản để xác định giá của bất động sản. Trên cơ sở kiến thức về kinh tế và bất động sản có thể phân tích các tình huống để đưa ra các quyết định liên quan đến bất động sản. Áp dụng những phương pháp cơ bản để xác định giá của bất động sản.	2	Học kỳ 2	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 25% Kiểm tra giữa kỳ (1 bài): 15% Thi cuối kỳ (thi viết): 60%
11	Phân tích tài chính nâng cao	Cung cấp (i) những kiến thức chuyên sâu và kỹ năng phân tích tài chính doanh nghiệp, trên cơ sở phân tích 3 hoạt động tài chính cơ bản của doanh nghiệp: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động đầu tư, từ đó thấy được mối liên hệ giữa các hoạt động tài chính của doanh nghiệp, và đề xuất các giải pháp giúp doanh nghiệp cải thiện tình hình tài chính doanh nghiệp. (ii) hệ thống các chỉ tiêu tài chính được sử dụng để phân tích bao gồm: chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán, hiệu quả hoạt động, khả năng cân đối vốn và khả năng sinh lời. Xây dựng đề xuất các giải pháp giúp doanh nghiệp cải thiện tình hình tài chính, từ đó, xây dựng kế hoạch tài chính ngắn hạn và dự báo BCTC.	3	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10% Bài tập cá nhân, kiểm tra giữa kỳ, hết môn: 30% Thi cuối kỳ: 60%
12	Quản trị rủi ro trong các tổ chức tài chính	Giúp người học: (i) nhận diện được các rủi ro chủ yếu trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung: rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng, rủi ro tỷ giá, rủi ro về giá. (ii) có phương thức đo lường hay lượng hóa rủi ro Vận dụng các phương pháp quản trị rủi ro vào tình huống quản trị cụ thể	3	Học kỳ 2	Bài tập cá nhân: 5% Bài tập nhóm: 15% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi hết môn: 60%
13	Tài chính phát triển	Học phần được chia làm bốn phần. Phần đầu , học phần sẽ đề cập tới các thành tố cấu thành của hệ thống tài chính, chức năng của hệ thống tài chính. Phần hai trình bày về các hoạt động ở bản của các định chế tài chính và thị trường tài chính trong hệ thống tài chính, phần này cũng đề cập tới các công cụ tài chính và nghiên cứu vấn đề cơ bản về lãi suất và tác động của nó tới hoạt động của hệ thống tài chính nói riêng và đến tăng trưởng kinh tế nói chung. Phần ba tập trung phân tích vai trò dòng vốn nước ngoài, bao gồm cả vốn viện trợ và vốn đầu tư trực tiếp, đến sự phát triển của hệ thống tài chính và tăng trưởng kinh tế. Phần bốn phân tích vai trò điều tiết của Chính phủ đối với hệ thống tài chính thông qua nghiên cứu cơ sở hạ tầng tài chính- một thành tố quan trọng trong hệ thống tài chính và hoạt động của Ngân hàng Trung ương.	3	Học kỳ 2	Chuyên cần: 5% Điểm bài tập cá nhân tuần :15% Kiểm tra giữa kỳ + cuối kỳ 20% Thi hết môn: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
14	Tài chính doanh nghiệp quốc tế	<p>Có kiến thức chuyên sâu về thị trường tài chính quốc tế, tỷ giá hối đoái và các nhân tố tác động đến tỷ giá hối đoái; các hệ thống tỷ giá hối đoái, các mô hình dự báo tỷ giá hối đoái, các biện pháp quản trị rủi ro tỷ giá hối đoái, phương thức thanh toán trong thương mại quốc tế, các hình thức tài trợ thương mại quốc tế.</p> <p>Giải thích được ảnh hưởng của biến động tỷ giá hối đoái đến tình hình hoạt động của các công ty hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và các công ty đa quốc gia, phân tích quản trị dòng tiền, các kỹ thuật để tối ưu hóa dòng tiền. Xác định những cơ hội và rủi ro mà các công ty hoạt động trên thị trường quốc tế có thể gặp phải, dự báo và phòng ngừa rủi ro tỷ giá</p> <p>Vận dụng các phương tiện, phương thức thanh toán phù hợp với từng thương vụ cụ thể trong thương mại quốc tế.</p> <p>Hình thành kỹ năng quản trị để tối ưu hóa dòng tiền cho doanh nghiệp hoạt động trên thị trường quốc tế.</p>	2	Học kỳ 2	<p>Chuyên cần: 5%</p> <p>Bài tập nhỏ, Kiểm tra giữa kỳ + cuối kỳ 35%</p> <p>Thi hết môn: 60%</p>
15	Thuế quốc tế	<p>Thuế quốc tế là học phần thuộc phần kiến thức chuyên ngành, được thiết kế gồm 7 chương, nghiên cứu những vấn đề về chính sách thuế trong thương mại và đầu tư quốc tế: các nguyên tắc thuế quốc tế, đánh thuế trùng và các biện pháp xử lý hiện tượng đánh thuế trùng, chuyển giá trong thuế quốc tế, hiệp định tránh đánh thuế trùng, thuế quốc tế với vấn đề bán phá giá.</p>	3	Học kỳ 2	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
16	Giám sát hệ thống tài chính	<p>Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về giám sát hệ thống tài chính. Đây là những kiến thức mới, luôn thay đổi theo các thông lệ quốc tế nhằm đạt sự an toàn tài chính trong môi trường kinh tế hội nhập và đầy bất ổn. Học viên được trang bị những kiến thức mới nhất về các quy định của Ủy ban Base 2, Basel 3, các lý luận về giám sát tài chính vĩ mô, giám sát tài chính vi mô, các kinh nghiệm quốc tế về thực thi giám sát hệ thống tài chính có hiệu quả</p>	2	Học kỳ 2	<p>Bài tập cá nhân: 20%</p> <p>Chuyên cần: 5%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 15%</p> <p>Thi hết môn: 60%</p>
17	Các công cụ có thu nhập cố định	<p>Có kiến thức về các công cụ có thu nhập cố định, đặc biệt là một số công cụ mới như khoản vay cầm cố, trái phiếu kèm quyền chọn và trái phiếu chuyển đổi;</p> <p>Hiểu rõ các quy trình lý thuyết định giá các chứng khoán có thu nhập cố định, tính toán các chỉ tiêu lợi suất, rủi ro, độ nhạy cảm của giá đối với thay đổi lãi suất của các công cụ có thu nhập cố định; bản chất và các yếu tố tác động tới giá cả, lợi suất của những công cụ này; các chiến lược thông dụng trong xây dựng và quản trị danh mục đầu tư với các công cụ có thu nhập cố định.</p>	3	Học kỳ 2	<p>Bài tập cá nhân: 20%.</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Bài thi kết thúc môn học: 60%</p>

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		Sử dụng thành thạo các phép tính lợi suất, giá cả, rủi ro của một số công cụ có thu nhập cố định quan trọng; Có khả năng lựa chọn, thiết kế những công cụ phù hợp với mục tiêu và chiến lược; Có khả năng đưa ra các ý tưởng thiết kế cũng như thực thi quản trị danh mục đầu tư có thu nhập cố định.			
18	Các công cụ phái sinh	Cung cấp cho học viên những hiểu biết về các công cụ tài chính phái sinh và các ứng dụng vào công tác quản trị chiến lược và quản trị rủi ro cho doanh nghiệp. Xây dựng mô hình, định giá các công cụ phái sinh, đánh giá nguy cơ rủi ro thông qua tình huống và đưa ra các cách giải quyết tình huống khác nhau, áp dụng cho các thị trường phái sinh khác nhau Vận dụng cho thực tiễn Việt Nam và thiết lập các yếu tố phát triển thị trường phái sinh trong tương lai.	2	Học kỳ 2	Bài tập, điểm danh: 20%. Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi kết thúc môn học: 60%
19	Tài chính sáp nhập và mua lại nâng cao	Cung cấp kiến thức cơ bản trong hoạt động mua bán sáp nhập doanh nghiệp Hiểu rõ các vấn đề tài chính trong M&A, cách thức thu xếp và cấu trúc tài chính trong một thương vụ. Vận dụng lý thuyết để giải thích, phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề tình huống trong M&A.	2	Học kỳ 2	Chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân: 20% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Thi hết môn: 60%
20	Kế toán quản trị nâng cao	Kế toán quản trị là học phần trang bị các kiến thức cần thiết cho các nhà quản trị tương lai, để có thể tổ chức, điều hành, kiểm soát và ra quyết định cho các hoạt động hàng ngày, cũng như đưa ra các dự đoán quan trọng liên quan đến tương lai của doanh nghiệp.	3	Học kỳ 2	Chuyên cần: 7,5% Bài tập cá nhân: 7,5% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài thi cuối kỳ: 60%
21	Kế toán tài chính nâng cao	Học phần cung cấp hệ thống những kiến thức khái quát nhất về kế toán tài chính áp dụng trong các loại hình doanh nghiệp và các ngành đặc thù, các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán, phát hiện các bất cập và xu hướng hoàn thiện, Phương pháp lập các Báo cáo tài chính và phân tích báo cáo tài chính... Xác định rõ các chuẩn mực kế toán Quốc tế và chuẩn mực kế toán Việt Nam về kế toán tài sản cố định, kế toán các nghiệp vụ đầu tư tài chính, kế toán thuế TNDN, các nghiệp vụ liên quan đến tỷ giá hối đoái và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Trên cơ sở định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các phần hành kế toán nói trên, hiểu rõ về BCTC Phân tích và đánh giá ảnh hưởng của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tài sản cố định, đầu tư tài chính và tỷ giá hối đoái đến các chỉ tiêu trên BCTC của doanh nghiệp, tổng hợp xác định kết quả sản xuất kinh doanh và	3	Học kỳ 2	Chuyên cần: 7,5% Bài tập cá nhân: 7,5% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		xác định số thuế doanh nghiệp phải nộp trong kỳ theo quy định hiện hành, đồng thời vận dụng các nguyên tắc và cơ sở lập BCTC để lập các BCTC tổng hợp của doanh nghiệp.			
22	Ngân hàng điện tử E - banking	Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản và nâng cao về ngân hàng điện tử và các nghiệp vụ giao dịch có liên quan. Học phần này đề cập lý thuyết cơ bản liên quan đến các nghiệp vụ ngân hàng thông qua kênh giao dịch điện tử, hệ thống corebanking cũng như hiểu biết chung về xu hướng phát triển công nghệ ngân hàng, quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng gắn với xu hướng phát triển này.	2	Học kỳ 2	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 10% Kiểm tra giữa kỳ (2 bài): 20% Thuyết trình nhóm: 10% Thi cuối kỳ: 60%
23	Dịch vụ ngân hàng ưu tiên	Người học (i) hiểu rõ về các loại hình dịch vụ tài chính cá nhân cao cấp tại các ngân hàng trên thế giới, được trang bị thêm các kiến thức nâng cao và mới chưa được học trong chương trình cử nhân tài chính ngân hàng. (ii) các công cụ phân tích, các phương pháp và biết vận dụng vào giải quyết những vấn đề thực tiễn trong quản trị các dịch vụ tài chính cá nhân cao cấp trong ngân hàng. Phân tích các tình huống và ra quyết định trong quản trị ngân hàng, tập trung vào các vấn đề liên quan tới dịch vụ ngân hàng cao cấp hay việc quản lý tài chính cá nhân .	2	Học kỳ 2	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thuyết trình nhóm: 10% Thi cuối kỳ: 60%
24	Quản trị Marketing nâng cao	Học phần trang bị cho học viên kiến thức nâng cao về (1) hoạch định marketing trong doanh nghiệp; (2) quản lý thương hiệu; (3) quản lý mối quan hệ với khách hàng; (4) quản trị marketing quốc tế; (5) quản trị phát triển sản phẩm mới; (6) những xu hướng mới trong quản trị marketing. Hình thành tư duy toàn cục, phát triển tầm nhìn và xử lý các tình huống có thật cũng như giả định về quản trị marketing của doanh nghiệp.	3	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
25	Quản trị chiến lược nâng cao	Cung cấp những kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về quản trị chiến lược trong doanh nghiệp; Phân tích chiến lược, chọn lựa chiến lược, thực thi chiến lược của doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh bất định và toàn cầu.	3	Học kỳ 2	Chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân: 20% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Thi hết môn: 60%
26	Kinh tế học quản lý	Cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô và ứng dụng của nó trong việc đưa ra quyết định của doanh nghiệp, từ đó áp dụng vào thực tiễn hoạt động kinh doanh Sử dụng các kiến thức kinh tế vi mô để cải thiện việc ra quyết định trong doanh nghiệp.	3	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		Có thể phân tích, lý giải một cách có khoa học các vấn đề nảy sinh, lựa chọn và ứng dụng những nguyên lý kinh tế phù hợp vào từng tình huống cụ thể.			
III.	Luận văn		9		

5. Tiến sỹ Tài chính ngân hàng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
a. Dành cho NCS chưa có bằng Thạc sỹ					
1	Triết học	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sỹ Kinh tế Chính trị	4	Học kỳ 1,2	
2	Tiếng Anh cơ bản	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sỹ Kinh tế Chính trị	4	Học kỳ 1	
3	Tiếng Anh học thuật	Theo quy định chung của ĐHQG Hà Nội	3	Học kỳ 2	Theo quy định chung của ĐHQG Hà Nội
4	Thiết kế nghiên cứu luận văn	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sỹ Kinh tế Chính trị	2	Học kỳ 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
5	Quản trị chiến lược nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3	Học kỳ 1,2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
6	Quản trị Marketing nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3	Học kỳ 1,2	
7	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	Quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa cung cấp những kiến thức chuyên sâu như: các trường phái quản trị nguồn nhân lực và hoàn cảnh ra đời, tiếp cận hiện đại về quản trị nguồn nhân lực; hoạt động tìm kiếm và tuyển chọn nhân sự của các doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh về nhân lực ngày càng tăng và mở rộng phạm vi toàn cầu; công tác bố trí, sử dụng nguồn nhân lực theo tiếp cận đa trí tuệ, dụng nhân như dụng mộc; tạo dựng mô hình doanh nghiệp học tập thông qua đào tạo và phát triển nhân sự nội bộ; chăm lo đời sống tinh thần và vật chất cho người lao động thông qua đãi ngộ nhân sự.	3	Học kỳ 1,2	Tham gia học tập trên lớp: 5%. Thảo luận và bài tập nhóm: 15% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi kết thúc môn học: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
8	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính: Lý thuyết và thực tiễn	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3	Học kỳ 3,4	Chuyên cần: 10% Tiểu luận, 1 bài kiểm tra giữa kỳ, 1 bài kiểm tra hết môn: 30% Thi cuối kỳ: 60%
9	Quản trị ngân hàng thương mại nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3	Học kỳ 3,4	
10	Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 3,4	Điểm bài tập cá nhân tuần :15% Chuyên cần: 5% Kiểm tra giữa kỳ + cuối kỳ 20% Thi hết môn: 60%
11	Phân tích đầu tư và quản trị danh mục đầu tư	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3	Học kỳ 3,4	Bài tập cá nhân: 10%. Bài kiểm tra giữa kỳ: 15 % x 2 = 30% Thi cuối kỳ: 60%
12	Các công cụ có thu nhập cố định	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3	Học kỳ 3,4	Bài tập, điểm danh: 20%. Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi kết thúc môn học: 60%
13	Các phương pháp định lượng dùng trong quản trị tài chính	Môn học trang bị các kiến thức về sử dụng Excel và các công cụ định lượng áp dụng trong việc giải quyết các bài toán của tài chính doanh nghiệp. Đồng thời cũng cung cấp các kỹ năng tính toán giúp cho các chuyên gia và các nhà quản lý ra quyết định trong quản trị tài chính. Nội dung chính của môn học bao gồm các chủ đề trình bày về các công cụ của Excel và các hàm tài chính ứng dụng để giải quyết các vấn đề như: 1. Xác định giá trị hiện tại và tương lai của tiền tệ 2. Định giá chứng khoán; 3. Xác định chi phí vốn ; 4. Phân tích tài chính dự án; 5.Ước tính hệ số beta; 6. Danh mục đầu tư; 7.Định giá quyền chọn. Môn học nhấn mạnh đến việc sử dụng Excel như là một công cụ tính toán mạnh và hữu hiệu hỗ trợ cho việc giải quyết các bài toán thực tế và phức tạp của tài chính doanh nghiệp.	3	Học kỳ 3,4	Chuyên cần và bài tập 20% Kiểm tra giữa kỳ (1 bài):20% Thi cuối kỳ (thi viết) 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
14	Kế toán tài chính nâng cao	Học phần Kế toán tài chính nâng cao nhằm trang bị có hệ thống cho học viên cao học những kiến thức khái quát nhất về kế toán tài chính áp dụng trong các loại hình doanh nghiệp và các ngành đặc thù. Đặc biệt, học phần Kế toán tài chính nâng cao sẽ đặt trọng tâm nghiên cứu cơ sở khoa học của các chế độ kế toán hiện hành cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán, phát hiện các bất cập và xu hướng hoàn thiện. Phương pháp lập các Báo cáo tài chính và phân tích báo cáo tài chính sẽ được quan tâm, nhằm giúp người học phát huy được hiệu quả của học phần trong thực tiễn quản lý kinh tế tài chính.	3	Học kỳ 3,4	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 10% Điểm Kiểm tra giữa kỳ (2bài): 20% Thuyết trình nhóm: 10% Thi cuối kỳ: 60%
15	Kế toán quản trị nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3	Học kỳ 3,4	Điểm chuyên cần hàng ngày (0,5%/buổi): 7,5% Bài tập cá nhân: 7,5% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài thi cuối kỳ: 60%
16	Quản trị rủi ro trong các định chế tài chính	Học phần cung cấp kiến thức liên quan tới quản trị các loại rủi ro điển hình của các định chế tài chính, các phương pháp nhận diện và đo lường các loại rủi ro, bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng, rủi ro các hoạt động ngoại bảng, rủi ro ngoại hối, rủi ro thanh khoản; phương pháp quản trị rủi ro liên quan tới những hoạt động thường xuyên của định chế tài chính. Áp dụng phương pháp, công cụ phù hợp để quản trị rủi ro trong từng tình huống cụ thể trên cơ sở đo lường các loại rủi ro của các định chế tài chính.	3	Học kỳ 3,4	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 20% Điểm Kiểm tra giữa kỳ (1 bài): 20% Thi cuối kỳ: 60%
17	Tài chính doanh nghiệp quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	2	Học kỳ 3,4	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ, thảo luận, tiểu luận: 30% Thi cuối kỳ: 60%
18	Phân tích tài chính	Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu và kỹ năng phân tích tài chính doanh nghiệp, trên cơ sở phân tích 3 hoạt động tài chính cơ bản của doanh nghiệp: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động đầu tư, từ đó thấy được mối liên hệ giữa các hoạt động tài chính của doanh nghiệp, Có thể đề xuất các giải pháp giúp doanh nghiệp cải thiện tình hình tài chính doanh nghiệp trên cơ sở các nghiên cứu tình huống, ứng dụng các phần mềm hiện đại trong phân tích tài chính doanh nghiệp cụ thể.	3	Học kỳ 3,4	Chuyên cần: 10% Tiểu luận, 1 bài kiểm tra giữa kỳ, 1 bài kiểm tra hết môn: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
19	Phân tích đầu tư bất động sản	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	2	Học kỳ 5,6	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 25% Kiểm tra giữa kỳ (1 bài): 15% Thi cuối kỳ (thi viết): 60%
20	Ngân hàng quốc tế nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3	Học kỳ 5,6	
21	Các công cụ phái sinh	Học phần cung cấp cho học viên những hiểu biết về các công cụ tài chính phái sinh và các ứng dụng vào công tác quản trị chiến lược và quản trị rủi ro cho doanh nghiệp. Học phần giúp học viên phân biệt giữa việc sử dụng công cụ phái sinh để quản trị rủi ro với mục tiêu để đầu cơ. Học phần cũng giới thiệu các công cụ toán học cần thiết để phân tích, thiết kế, định giá và giao dịch các chứng khoán phái sinh trên thị trường. Các chủ đề chính được nghiên cứu bao gồm hợp đồng tương lai, quyền chọn và hợp đồng hoán đổi, vấn đề rào chắn rủi ro, hoạt động ác bít và các mô hình định giá chứng khoán phái sinh. Thông qua các bài tập tình huống và thảo luận, học viên học cách xây dựng mô hình, định giá các công cụ phái sinh và đánh giá nguy cơ rủi ro.	2	Học kỳ 5,6	Bài tập cá nhân: 20% Chuyên cần: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Thi hết môn: 60%
22	Tài chính sáp nhập và mua lại nâng cao	Học phần trang bị kiến thức cho NCS trong các lĩnh vực tư vấn dịch vụ M&A, công ty quản lý quỹ, ở các doanh nghiệp thường xuyên có các hoạt động đầu tư chiến lược hoặc thoái đầu tư xoay quanh 5 nội dung chính bao gồm: giới thiệu tổng quan về hoạt động và môi trường M&A, quy trình thực hiện M&A, thiết kế cấu trúc giao dịch và định giá, cấu trúc tài trợ M&A, và một số chiến lược hậu M&A. Kết thúc học phần, NCS có khả năng nắm vững kiến thức và vận dụng các kiến thức được trang bị vào việc thực hiện các thương vụ mua bán và hợp nhất doanh nghiệp.	2	Học kỳ 5,6	Điểm chuyên cần hàng ngày (0,5%/buổi): 7,5% Bài tập cá nhân: 7,5% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài thi cuối kỳ: 60%
23	Kinh tế học quản lý	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3	Học kỳ 5,6	Bài tập cá nhân: 20% Chuyên cần: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Thi hết môn: 60%
24	Phương pháp nghiên cứu định lượng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	2	Học kỳ 5,6	

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
25	Thống kê kinh tế nâng cao	Học phần cung cấp cho NCS các chủ đề liên quan đến thống kê mô tả, phân tích các giả thuyết thống kê, kiểm định trung bình, tương quan, hồi quy và các kỹ thuật thống kê khác. NCS sẽ sử dụng phần mềm thống kê SPSS khi phân tích các số liệu thống kê. Việc đánh giá khoá học sẽ dựa trên các bài tập được thiết kế để minh họa cho các kỹ thuật thống kê và các bài tập phân tích dữ liệu. Học phần còn trau dồi cho NCS những kỹ năng thống kê cơ bản để sử dụng phân tích dữ liệu cho luận án tiến sĩ.	2	Học kỳ 5,6	Bài tập cá nhân: 20%. Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi kết thúc môn học: 60%
26	Lý thuyết Tiền tệ Ngân hàng chuyên sâu	Học phần cung cấp cho NCS những kiến thức chuyên sâu về tiền tệ, thị trường tài chính, các định chế tài chính, hoạt động hệ thống ngân hàng và các trung gian tài chính trong một quốc gia, vai trò của Ngân hàng trung ương đối với quá trình điều tiết và kiểm soát lượng tiền trong nền kinh tế mở. Kết thúc học phần, NCS có thể lựa chọn các chủ đề nghiên cứu hẹp trong lĩnh vực tiền tệ - ngân hàng nói trên để phân tích, đánh giá, và bình luận.	2	Học kỳ 5,6	Bài tập cá nhân: 20% Chuyên cần: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Thi hết môn: 60%
27	Lý thuyết Tài chính chuyên sâu	Học phần trang bị cho NCS những kiến thức tổng hợp về lĩnh vực đầu tư - tài chính. NCS sẽ được nghe từ 3-5 chủ đề về: mô hình kinh tế lượng ứng dụng trong tài chính, xu hướng phát triển hệ thống tài chính; các công cụ tài chính mới; các vấn đề của thị trường chứng khoán Việt Nam; M&A ở Việt Nam. Trên cơ sở đó sẽ viết một báo cáo thu hoạch theo một chủ đề được lựa chọn. Trên cơ sở những kiến thức được cung cấp, NCS sẽ tham gia thảo luận theo các chủ đề, từ đó gợi mở, hoàn thiện và phát triển các hướng nghiên cứu của cá nhân.	2	Học kỳ 7	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thuyết trình nhóm: 10% Thi cuối kỳ: 60%
28	Quản trị công ty trong các tổ chức tài chính	Học phần cung cấp các kiến thức chuyên sâu về quản trị công ty trong ngân hàng theo tiêu chuẩn của OECD và các nguyên tắc quản trị rủi ro của Basel, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu trong quản trị công ty của ngân hàng; qua đó NCS hiểu sâu hơn về các lý thuyết hiện đại của tài chính công, nắm vững các công cụ phân tích, các phương pháp và biết vận dụng vào giải quyết những vấn đề thực tiễn trong quản lý tài chính tại các doanh nghiệp. NCS có được các khả năng về phân tích các tình huống và ra quyết định trong quản trị công ty trong NH.	2	Học kỳ 7	Bài tập cá nhân: 20% Chuyên cần: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Thi hết môn: 60%
29	Quản trị Marketing trong các tổ chức tài chính	Học phần cung cấp các kiến thức chuyên sâu về Quản trị chiến lược Marketing trong ngân hàng, giới thiệu phương pháp đánh giá quản trị marketing của ngân hàng, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu trong quản trị thương hiệu, sản phẩm của ngân hàng; qua đó giúp NCS hiểu sâu hơn về các lý thuyết hiện đại của quản trị chiến lược marketing các tổ chức tài chính, các khả năng về phân tích các tình huống và ra quyết định trong quản trị chiến lược marketing và thương hiệu trong ngân hàng.	2	Học kỳ 7	Chuyên cần và bài tập cá nhân: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thuyết trình nhóm: 10% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
30	Kỹ thuật tài chính	Kỹ thuật tài chính là môn học liên quan việc ứng dụng các công cụ toán học để giải quyết các vấn đề của quản lý rủi ro tài chính bằng các phương pháp khác nhau. Các chủ đề được giới thiệu trong môn học bao gồm: các vấn đề căn bản của kỹ thuật tài chính, hợp đồng kỳ hạn và tương lai, công cụ phái sinh lãi suất, kỹ thuật hoán đổi, chiến lược thị trường Repo, hợp đồng quyền chọn, các công cụ định giá, kỹ thuật tài chính với các công cụ có thu nhập cố định, công cụ phái sinh tín dụng	3	Học kỳ 7	Chuyên cần: 10% Điểm Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
31	Tiếng Anh học thuật nâng cao	Theo quy định chung của ĐHQG Hà Nội	3	Học kỳ 7,8	Theo quy định chung của ĐHQG Hà Nội
b. Dành cho NCS có bằng Thạc sỹ chuyên ngành gần NCS sẽ tham gia học các học phần thuộc mục 5.1 có số thứ tự: 8,10,17,19,21, 24,25,26,27,28,29,30.					
c. Dành cho NCS có bằng Thạc sỹ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp NCS sẽ tham gia học các học phần thuộc mục 5.1 có số thứ tự: 24,25,26,27,28,29,30.					

C4. KHOA KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

1. Cử nhân Kế toán

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
I	Khối kiến thức chung		27		
		Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế			
II	Khối kiến thức theo lĩnh vực		10		
		Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế			
III	Khối kiến thức theo khối ngành		16		
		Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế			
IV	Khối kiến thức theo nhóm ngành		21		
IV.1	Các học phần bắt buộc		18		
1	Luật kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	2	HK3	
2	Nguyên lý quản trị kinh doanh		3	HK3	

3	Kinh tế tiền tệ - ngân hàng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	HK3	
4	Tài chính doanh nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	HK3	
5	Nguyên lý kế toán		3	HK3	
6	Nguyên lý Marketing	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	HK 3	
IV.2	Các học phần tự chọn		3		
7	Định giá doanh nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	HK 5	
8	Quản lý đầu tư		3	HK 5	
V	Khối kiến thức ngành		61		
V.I	Các học phần bắt buộc		33		
9	Kế toán tài chính	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	HK 7	Tham gia học tập trên lớp: 5% Bài tập cá nhân/tuần: 10% Bài tập nhóm/tháng: 10% Bài tập lớn/học kỳ 15% Thi cuối kỳ 60%
10	Kế toán tài chính chuyên sâu 1	Trang bị có hệ thống cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành về các nguyên tắc và phương pháp kế toán các nghiệp vụ: TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư, Nợ phải trả, kế toán xác định và phân phối kết quả, Lập và đọc BCTC. Trong mỗi nội dung kế toán, các nghiệp vụ cụ thể, người học sẽ được trang bị lý thuyết và, các chuẩn mực kế toán, quy định của chế độ kế toán, phương pháp hạch toán trên các tài khoản và làm các bài tập vận dụng cũng như giải quyết các tình huống.	3	HK 7	Đánh giá chuyên cần:5% Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 10%. Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài tập lớn :60%
11	Kế toán tài chính chuyên sâu 2	Trang bị có hệ thống cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành về các nguyên tắc và phương pháp kế toán các nghiệp vụ: TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư, Nợ phải trả, kế toán xác định và phân phối kết quả, Lập và đọc BCTC.	3	HK 6	Đánh giá chuyên cần:5% Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 10%. Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài tập lớn :60%
12	Kế toán quản trị	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	HK 7	Đánh giá chuyên cần: 5% Kiểm tra giữa kỳ : 15% Bài tập cá nhân: 10%

					Bài tập nhóm và Thuyết trình trên lớp theo nhóm: 10% Thi cuối kỳ :60%
13	Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	HK 6	
14	Thuế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	HK 4	Đánh giá chuyên cần:5% Đánh giá khả năng làm việc : 10% Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm : 10%. Đánh giá giữa kỳ (bài kiểm tra giữa kỳ): 15% Đánh giá cuối kỳ (Bài tập lớn): 60%
15	Hạch toán môi trường	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế học trong lĩnh vực môi trường, tài nguyên, các quan điểm về phát triển bền vững và các quy tắc ứng xử với môi trường, tài nguyên. Từ đó học phần này giúp cho người học nhận thức được tầm quan trọng của môi trường đối với nền kinh tế, và những tác động của hệ kinh tế đến môi trường, lý giải được các nguyên nhân kinh tế của ô nhiễm và suy thoái môi trường, qua đó đề ra những biện pháp kinh tế nhằm làm chậm lại, chấm dứt hoặc đảo ngược tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường	3	HK 6	Đánh giá chuyên cần: 10% Trình bày nhóm: 10% Kiểm tra giữa kì: 20% Bài thi kết thúc môn: 60%
16	Kế toán ngân hàng thương mại	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	HK 4	
17	Phân tích tài chính	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	HK 3	
18	Kiểm toán căn bản	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	HK 6	
19	Phân tích hoạt động kinh doanh	Rèn luyện cho người học kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng viết báo cáo thông qua bài tập nhóm (dưới hình thức chuẩn bị bài viết và thuyết trình). Tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp chuyên môn đối với nghề nghiệp kế toán kiểm toán và đáp ứng các yêu cầu công việc kế toán, kiểm toán và phân tích.	3	HK 7	Đánh giá chuyên cần: 5% Đánh giá khả năng làm việc cá nhân: 5% Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm: 10%. Đánh giá giữa kỳ: 20% Đánh giá cuối kỳ: 60%
V.2	Các học phần tự chọn		15/36		

20	Những vấn đề hiện tại của kế toán	Cung cấp cho sinh viên một sự hiểu biết sâu sắc hơn về chức năng của kế toán trong môi trường kinh doanh phức tạp ngày nay, kiến thức hiện tại về mô hình kế toán và giới thiệu cho sinh viên vai trò của lý thuyết trong việc xác định tác động của kế toán trong môi trường kinh tế, ...	3	HK 5	Tham gia học tập trên lớp: 5% Bài tập cá nhân: 15% Bài tập cuối chương: 10% Thuyết trình nhóm 10% Bài tập lớn 60%
21	Đàm phán trong kinh doanh	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đàm phán, đặc biệt là đàm phán trong kinh doanh; sinh viên nhận thức đúng về tầm quan trọng, vai trò của đàm phán trong kinh doanh; rèn luyện kỹ năng của đàm phán như các bước tiến hành của đàm phán, kỹ năng thỏa hiệp, kỹ năng hợp tác; ...	3	HK 6	Đánh giá chuyên cần: 5% Bài tập về nhà : 10% Kiểm tra nhanh: 5% Kiểm tra giữa kì: 20% Thi cuối kỳ (Bài tập lớn) :60%
22	Các thị trường và định chế tài chính	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	HK 6	
23	Quản trị tài chính quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	2	HK 5	Chuyên cần:10% Các bài kiểm tra ngắn: 10% Kiểm tra giữa kỳ:20% Thi kết thúc môn học: 60%
24	Hệ thống thông tin kế toán	Sinh viên nắm được việc sử dụng thông tin kế toán và các thông tin khác nhằm phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp, việc sử dụng các thông tin phù hợp cho công tác kế toán và quản lý tài chính doanh nghiệp, các rủi ro liên quan trong việc quản lý và khai thác hệ thống thông tin kế toán. Giải quyết được các bài tập tình huống về hệ thống thông tin kế toán.	3	HK 5	Đánh giá chuyên cần: 7,5% Kiểm tra giữa kỳ (1 bài kiểm tra tự luận): 15% Bài tập cá nhân): 7,5% Bài tập nhóm và Thuyết trình trên lớp theo nhóm : 10% Thi cuối kỳ :60%
25	Thanh toán quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	HK 5	
26	Kế toán quốc tế quốc tế	Người học hiểu rõ các nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận và hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế cũng như các mô hình vận dụng hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế, nắm được kiến thức cơ bản của nguyên lý kế toán, kiến thức đầy đủ về hệ thống kế toán Mỹ - từ chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán, xử lý số liệu đến xây dựng hệ thống báo cáo tài chính, ...	3	HK 3	Bài tập cá nhân (2 bài): 20% Bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi cuối kỳ: 60%

27	Thực hành toán tài chính	Trang bị có hệ thống cho sinh viên kỹ năng lập chứng từ kế toán; kỹ thuật làm sổ kế toán chi tiết và tổng hợp theo thông tư số 200/2014/TT-BTC (bao gồm mở sổ, ghi sổ, khóa sổ). Từ đó, tập hợp số liệu trên các sổ kế toán để lập báo cáo tài chính.	3	HK 5	Chuyên cần: 10% Bài tập cá nhân: 15% Thực hành: 15% Bài tập lớn: 60%
28	Kế toán thuế	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, tổng quát về Thuế, kế toán thuế và quản thuế nói chung, nắm đc nội dung cơ bản của các chính sách thuế hiện hành ở VN, biết tính toán chính xác các loại thuế phải nộp của doanh nghiệp, đồng thời biết lập bản kê khai thuế, vào sổ kế toán thuế, lập báo cáo thuế và quyết toán thuế	3	HK 6	Đánh giá chuyên cần :5% Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 10%. Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài tập lớn :60%
29	Kiểm toán tài chính	Giúp người học hiểu rõ chức năng, vai trò, nội dung của kiểm toán tài chính và các yêu cầu công việc trong một cuộc kiểm toán tài chính.	3	HK 6	Đánh giá chuyên cần:5% Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 10%. Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài tập lớn :60%
30	Kiểm toán nội bộ	- Xây dựng ý thức tự giác, kích thích trí tò mò, say mê học hỏi, nghiên cứu: hăng hái phát biểu ý kiến xây dựng bài, tích cực đối thoại với giáo viên, phản biện lại các vấn đề gây tranh cãi, chủ động tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu để hoàn thành bài tập và xử lý tình huống trên lớp, chủ động và tự tin khi chuẩn bị và thuyết trình nhóm. - Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng viết báo cáo thông qua bài tập nhóm (dưới hình thức chuẩn bị bài viết và thuyết trình).Tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp chuyên môn đối với kiểm toán viên nội bộ và đáp ứng các yêu cầu công việc kiểm toán nội bộ.	3	HK 6	Đánh giá chuyên cần: 5% Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm : 15%. Đánh giá giữa kỳ : 20% Đánh giá cuối kỳ : 60%
31	Thực hành kiểm toán tài chính	Cung cấp các kiến thức cơ bản và bản chất, chức năng, đối tượng, phương pháp của kiểm toán, các loại kiểm toán, các khái niệm và quy trình cơ bản sử dụng trong việc chuẩn bị, thực hiện và hoàn thành một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, tổ chức công tác kiểm toán và bộ máy kiểm toán trong các loại hình kiểm toán khác nhau.	3	HK 6	Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm : 20%. Đánh giá giữa kỳ : 20% Đánh giá cuối kỳ : 60%
V.3	Thực tập và niên luận		7		
32	Thực tập thực tế 1	Cung cấp kiến thức thực tế trong lĩnh vực Kế toán kiểm toán. Hình thành cho sinh viên kỹ năng tiếp cận với các vấn đề phát triển, kỹ năng xác định phương hướng học tập và làm việc sau khi ra trường. Tạo điều kiện để sinh viên được tiếp xúc trực tiếp với các cán bộ, nghiên cứu viên làm việc tại các cơ quan, tổ chức	2	HK7	Chuyên cần: 10% Báo cáo thu hoạch thực tế:90%

33	Thực tập thực tế 2	Cung cấp kiến thức thực tế trong lĩnh vực Kế toán kiểm toán. Hình thành cho sinh viên kỹ năng tiếp cận với các vấn đề phát triển, kỹ năng xác định phương hướng học tập và làm việc sau khi ra trường. Tạo điều kiện để sinh viên được tiếp xúc trực tiếp với các cán bộ, nghiên cứu viên làm việc tại các cơ quan, tổ chức	2	HK7	Chuyên cần: 10% Báo cáo thu hoạch thực tế: 90%
34	Niên luận	Cung cấp kiến thức thực tế trong lĩnh vực Kế toán kiểm toán. Hình thành cho sinh viên kỹ năng tiếp cận với các vấn đề phát triển, kỹ năng xác định phương hướng học tập và làm việc sau khi ra trường. Tạo điều kiện để sinh viên được tiếp xúc trực tiếp với kiến thức thực tế	3	HK7	Bài Niên luận: 100 %
V.4	Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế				
35	Khoá luận tốt nghiệp	Sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên môn để thực hiện một vấn đề nghiên cứu trong thực tiễn.	6		Bài khóa luận: 100%
36	Kế toán công	Trang bị có hệ thống cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành về kế toán công như: giới thiệu hệ thống chuẩn mực kế toán công quốc tế, tổ chức công tác kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp, xử lý và tổng hợp thông tin về nguồn kinh phí; ...	3	HK 8	Đánh giá chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân: 15% Bài tập nhóm: 10%. Bài kiểm tra giữa kỳ: 10% Bài tập lớn : 60%
37	Kiểm toán dự án	Cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về kiểm toán dự án; những kiến thức về nội dung, trình tự và các phương pháp kiểm toán cần thực hiện khi kiểm toán các khoản mục cơ bản trên báo cáo tài chính dự án như chi phí đầu tư, nguồn vốn đầu tư, các tài sản bàn giao; ...	3	HK 8	Đánh giá chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân: 15% Bài tập nhóm: 10%. Bài kiểm tra giữa kỳ: 10% Bài tập lớn : 60%

2. Cử nhân Kế toán chất lượng cao theo Thông tư 23

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
I	Khối kiến thức chung		21		
	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế theo Thông tư 23				
II	Khối kiến thức theo lĩnh vực		13		
	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế theo Thông tư 23				
III	Khối kiến thức theo khối ngành		18		
III.1	Các học phần bắt buộc		16		
	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế theo Thông tư 23				

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
III.2	Các học phần tự chọn				
1	Kỹ năng làm việc theo nhóm	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	2	HK2	
2	Lịch sử kinh tế Việt Nam	Học phần Lịch sử kinh tế Việt Nam nghiên cứu sự phát triển của các nền kinh tế ở Việt nam như nền kinh tế tự nhiên, nền kinh tế hàng hoá, nền kinh tế thuộc địa, nền kinh tế dân tộc độc lập, nền kinh tế nguyên thủy, nền kinh tế phong kiến...từ thời kỳ lập nước cho đến nay. Vạch rõ sự vận động phát triển của các kết cấu kinh tế, chủ yếu là các kết cấu kinh tế ngành, kết cấu kinh tế vùng, kết cấu các thành phần kinh tế và các kết cấu kinh tế khác, trong đó kết cấu kinh tế – xã hội là quyết định nhất, khái quát hoá thành các xu hướng, khuynh hướng phát triển của nó, tổng kết thành các bài học kinh nghiệm (từ thời kì nguyên thủy, thời kì dựng nước, thời kì phong kiến, thời kì Pháp thuộc, thời kì nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, thời kì nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam).	2	HK 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ:30% Thi cuối kỳ: 60%
3	Lịch sử văn minh thế giới	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	2	HK 2	
4	Logic học	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	2	HK2	
IV	Khối kiến thức theo nhóm ngành		21		
IV.1	Các học phần bắt buộc		15		
5	Luật doanh nghiệp	Có những kiến thức cơ bản về thương nhân và hành vi thương mại, về hợp đồng.. Vận dụng lý thuyết để (i) giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động của doanh nghiệp...; (ii) đánh giá các quy định pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng.	2	HK3	Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 10% Bài tập lớn: 20% Thi cuối kỳ: 60%
6	Kinh tế tiền tệ - ngân hàng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	HK3	
7	Quản trị học	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kì 5	
8	Tài chính doanh nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính – Ngân hàng	3	Học kì 5	
9	Nguyên lý kế toán	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	HK3	
IV.2	Các học phần tự chọn		6		
10	Nguyên lý Marketing (Tiếng Anh)	Môn nguyên lý Marketing cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của Marketing; phân tích các các yếu tố môi trường Marketing; hệ thống thông tin Marketing; công tác nghiên cứu thị trường; quá	3	Học kỳ 3	Tham gia học tập trên lớp: 5% Bài tập cá nhân 5%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		trình hoạch định và tổ chức thực hiện kế hoạch Marketing; hành vi mua của khách hàng đến quản trị các nhóm công cụ Marketing, cụ thể như: sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến hỗn hợp...			Bài tập nhóm 5% Bài tập lớn 5% Kiểm tra giữa kỳ 20% Kiểm tra cuối kỳ 60%
11	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kế toán chất lượng cao theo TT 23	3	Học kì 4	
12	Kinh tế quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kì 5	Tham gia học tập trên lớp: 5% Bài tập cá nhân 5% Bài tập nhóm 5% Bài tập lớn 5% Kiểm tra giữa kỳ 20% Kiểm tra cuối kỳ 60%
13	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kì 3	
V	Khối kiến thức ngành		69		
V.I	Các học phần bắt buộc		30		
14	Kế toán tài chính doanh nghiệp (tiếng Anh)	Cung cấp những kiến thức chung về kế toán tài chính DN; hướng dẫn sinh viên vận dụng các nguyên lý kế toán cơ bản để thực hiện việc kế toán đối với các hoạt động của doanh nghiệp như: Kế toán hàng tồn kho; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; kế toán vốn bằng tiền; kế toán doanh thu và xác định kết quả.	3	Học kì 6	Tham gia học tập trên lớp: 5% Bài tập cá nhân/ tuần: 10% Bài tập nhóm/tháng 10% Bài tập lớn/học kỳ 15% Thi cuối kỳ 60%
15	Kế toán quản trị doanh nghiệp (tiếng Anh)	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cơ bản về thông tin quản lý và kế toán quản trị và phương pháp luận trong việc phân tích và đánh giá các vấn đề liên quan. Đồng thời sẽ cung cấp định nghĩa và bản chất của thông tin quản lý, các vấn đề đạo đức trong kế toán quản trị, các phương pháp tính chi phí như thứ tự công việc, chi phí quy trình, chi phí tiêu chuẩn và hệ thống chi phí dựa trên hoạt động, ...	4	HK 5	Tham gia học tập trên lớp: 5% Bài tập cá nhân/ tuần: 10% Bài tập nhóm/tháng 10% Bài tập lớn/học kỳ 15% Thi cuối kỳ 60%
16	Thực hành kế toán 1***	Trang bị cho người học kiến thức và thực hành kế toán trên các phần mềm kế toán - đang trở thành công cụ hỗ trợ hiệu quả và chính xác nhất, các phần mềm	3	Học kì 6	Đánh giá chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân: 10%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		kế toán giúp các doanh nghiệp xử lý thông tin nhanh, an toàn; cung cấp các báo cáo kế toán kịp thời, hiệu quả.			Bài tập nhóm: 10%. Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài tập lớn :60%
17	Thực hành kế toán 2***	Tiếp tục trang bị cho người học kiến thức và thực hành kế toán trên các phần mềm kế toán. Với sự phát triển ngày càng nhanh của khoa học công nghệ, việc sử dụng thành thạo phần mềm kế toán để xử lý các nghiệp vụ khó và phức tạp phát sinh ngày càng trở nên quan trọng đối với người làm nghề kế toán.	2	Học kì 6	Đánh giá chuyên cần:5% Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 10%. Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài tập lớn :60%
18	Kiểm toán (tiếng Anh)	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản tổng quát về lý thuyết kiểm toán, cụ thể: khái niệm cơ bản thuộc nội dung kiểm toán; các loại kiểm toán; gian lận và sai sót, bằng chứng kiểm toán, báo cáo và hồ sơ kiểm toán, các phương pháp và thủ tục kiểm toán; tổ chức công tác kiểm toán, ...	4	Học kì 7	Đánh giá chuyên cần: 5% Kiểm tra giữa kỳ : 15% Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm và Thuyết trình trên lớp theo nhóm : 10% Thi cuối kỳ :60%
19	Kiểm toán nội bộ (tiếng Anh)	- Xây dựng ý thức tự giác, kích thích trí tò mò, say mê học hỏi, nghiên cứu: hằng hái phát biểu ý kiến xây dựng bài, tích cực đối thoại với giáo viên, phản biện lại các vấn đề gây tranh cãi, chủ động tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu để hoàn thành bài tập và xử lý tình huống trên lớp, chủ động và tự tin khi chuẩn bị và thuyết trình nhóm. - Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng viết báo cáo thông qua bài tập nhóm (dưới hình thức chuẩn bị bài viết và thuyết trình).Tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp chuyên môn đối với kiểm toán viên nội bộ và đáp ứng các yêu cầu công việc kiểm toán nội bộ.	4	Học kì 6	Đánh giá chuyên cần:5% Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm : 15%. Đánh giá giữa kỳ : 20% Đánh giá cuối kỳ : 60%
20	Phân tích hoạt động kinh doanh (tiếng Anh)	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kế toán	4	Học kì 7	Đánh giá chuyên cần:5% Đánh giá khả năng làm việc cá nhân : 5% Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm : 10%. Đánh giá giữa kỳ : 20% Đánh giá cuối kỳ :60%
21	Thuế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kì 4	

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
22	Tài chính và kế toán trong kinh doanh (tiếng Anh)	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về quá trình vận hành một doanh nghiệp và vai trò của nguồn tài chính và kế toán để đạt được các mục tiêu của doanh nghiệp, hiểu được bản chất, đặc điểm, ưu nhược điểm của các hình thức kinh doanh và cơ cấu tổ chức.	4	Học kì 5	Đánh giá chuyên cần: 10% Trình bày nhóm: 10% Kiểm tra giữa kì: 20% Bài thi kết thúc môn: 60%
V.2	Các học phần tự chọn		24		
23	Phân tích tài chính	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kì 3	
24	Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu (tiếng Anh)	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng chất lượng cao	3	Học kì 6	
25	Quản lý hiệu quả hoạt động (tiếng Anh)	Đảm bảo sinh viên có kiến thức nền tảng rộng hơn về kỹ thuật kế toán quản trị, các kỹ thuật lập ngân sách khác nhau và các vấn đề vốn có trong chúng, ...	4	Học kì 6	Tham gia học tập trên lớp: 5% Bài tập cá nhân: 15% Bài tập cuối chương 10% Thuyết trình nhóm 10% Bài tập lớn 60%
26	Kế toán thuế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kế toán	3	Học kì 6	
27	Kế toán công	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kế toán	3	Học kì: 8	
28	Kế toán ngân hàng thương mại	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kì 4	
29	Kế toán các ngành đặc thù	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và riêng biệt nhất trong các doanh nghiệp: thương mại, dịch vụ, xuất nhập khẩu, xây lắp, nông nghiệp và công ty cổ phần. Những điểm khác biệt về đặc điểm của các doanh nghiệp này đối với các doanh nghiệp công nghiệp và chi phối tới công tác kế toán như thế nào. Việc tổ chức công tác công tác kế toán ở các doanh nghiệp này cũng như quá trình xác định kết quả cũng là một nội dung của học phần.	3	Học kì 6	Tham gia học tập trên lớp: 5% Bài tập cá nhân: 15% Bài tập cuối chương 10% Thuyết trình nhóm 10% Bài tập lớn 60%
30	Hệ thống thông tin kế toán	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kế toán	3	Học kì 5	
31	Những vấn đề hiện tại của kế toán	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kế toán	3	Học kì 5	
32	Hạch toán môi trường	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kế toán	3	Học kì 6	
33	Kiểm toán tài chính	Xây dựng ý thức tự giác, cần cù chịu khó trong quá trình học tập: hăng hái phát	3	Học kì 6	Đánh giá chuyên cần: 5%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		biểu ý kiến tham gia xây dựng bài giảng, tích cực đối thoại với giáo viên, chủ động và sáng tạo trong bài trình bày nhóm, và các bài tập về nhà. Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng viết báo cáo thông qua bài tập nhóm (trình bày + bài viết). Hiểu rõ chức năng, vai trò, nội dung của kiểm toán tài chính và các yêu cầu công việc trong một cuộc kiểm toán tài chính.			Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 10%. Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài tập lớn :60%
34	Kiểm toán dự án	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kế toán	3	Học kì 6	Đánh giá chuyên cần:5% Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm : 15%. Đánh giá giữa kỳ : 20% Đánh giá cuối kỳ : 60%
35	Luật vương quốc Anh (tiếng Anh)	Môn học giúp sinh viên hiểu rõ tác động của luật dân sự đến kinh doanh và dịch vụ nghề nghiệp, công ty và luật mất khả năng thanh toán. Tác động của luật hình sự đối với kinh doanh và dịch vụ nghề nghiệp và tác động tổng thể của luật trong bối cảnh nghề nghiệp.	3	Học kì 6	Chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân: 15% Bài tập cuối chương10% Thuyết trình nhóm 10% Bài tập lớn 60%
36	Thuế vương quốc Anh (tiếng Anh)	Môn học giúp sinh viên hiểu các mục tiêu chung của thuế và tính thuế thu nhập, đóng góp bảo hiểm quốc gia, thuế lợi tức vốn, thuế doanh nghiệp và thuế VAT trong các tình huống đơn giản. Sau khi hoàn thành khóa học này, sinh viên sẽ có thể: giải thích các mục tiêu chung của thuế, những ảnh hưởng đến hệ thống thuế của Vương quốc Anh, các loại thuế khác nhau ở Vương quốc Anh và nhận ra các vấn đề đạo đức phát sinh trong quá trình thực hiện công việc thuế; xác định các nghĩa vụ mà hệ thống thuế của Vương quốc Anh áp dụng đối với người nộp thuế và các tác động của việc không tuân thủ. Nó bao gồm thuế thu nhập, thuế lợi tức vốn, thuế doanh nghiệp, thuế VAT.	4	Học kì 6	Chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân: 15% Bài tập cuối chương10% Thuyết trình nhóm 10% Bài tập lớn 60%
37	Thanh toán quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	Học kì 6	
38	Quản trị rủi ro	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kì 7	
39	Quản trị nguồn nhân lực	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kì 6	

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
40	Marketing điện tử	Giúp người học hiểu biết về Marketing điện tử sẽ cung cấp nền tảng cho những chiến lược marketing, như việc định vị sản phẩm, phân khúc thị trường, phát triển sản phẩm mới, những áp dụng thị trường mới, marketing toàn cầu, những quyết định marketing mix, và những hoạt động marketing và sự điều chỉnh bởi những tổ chức phi lợi nhuận và các cơ quan chính phủ. Mỗi hoạt động marketing chủ yếu này sẽ hiệu quả hơn khi được đặt trên cơ sở sự hiểu biết sâu sắc về Marketing điện tử.	3	Học kì 7	Chuyên cần: 5% Bài tập cá nhân: 15% Bài tập cuối chương 10% Thuyết trình nhóm 10% Bài tập lớn 60%
V.3	Thực tập và niên luận, khóa luận tốt nghiệp				
41	Thực tập thực tế ***	Cung cấp kiến thức thực tế trong lĩnh vực Kế toán kiểm toán. Hình thành cho sinh viên kỹ năng tiếp cận với các vấn đề phát triển, kỹ năng xác định phương hướng học tập và làm việc sau khi ra trường. Tạo điều kiện để sinh viên được tiếp xúc trực tiếp với các cán bộ, nghiên cứu viên làm việc tại các cơ quan, tổ chức	4	HK7	Chuyên cần: 10% Báo cáo thu hoạch thực tế: 90%
42	Niên luận	- Cung cấp kiến thức thực tế trong lĩnh vực Kế toán kiểm toán. - Hình thành cho sinh viên kỹ năng tiếp cận với các vấn đề phát triển, kỹ năng xác định phương hướng học tập và làm việc sau khi ra trường. Tạo điều kiện để sinh viên được tiếp xúc trực tiếp với kiến thức thực tế	4	HK7	Bài Niên luận: 100 %
43	Khoá luận tốt nghiệp	Sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên môn để thực hiện một vấn đề nghiên cứu trong thực tiễn.	7	HK8	Khóa luận

3. Thạc sĩ Kế toán

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
I	Khối kiến thức chung		8		
	Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị				
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		47		
II.2	Các học phần bắt buộc		25		
1	Kế toán quốc tế nâng cao	Giới thiệu cho người học những vấn đề kế toán phát sinh khi các doanh nghiệp tham gia các hoạt động kinh doanh và thương mại quốc tế; Phương pháp kế toán	2	Học kỳ 1	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20%

		các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu trong đầu tư và thương mại quốc tế, gồm kế toán các giao dịch ngoại tệ, hoạt động đầu tư tài chính và kế toán tập đoàn.			Thi cuối kỳ: 60%
2	Phân tích hoạt động kinh doanh nâng cao	Trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm phân tích chiến lược, phân tích kế toán, phân tích và dự báo tài chính doanh nghiệp, đồng thời thực hành phân tích phương sai để đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; tiếp cận và xử lý các tình huống thực tế tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước, tạo cơ sở cho người học áp dụng linh hoạt các kiến thức và kỹ năng đã học vào phân tích hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam.	3	Học kỳ 1	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
3	Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm	Học viên sẽ nắm được các vấn đề tổng quan của kiểm toán báo cáo tài chính như bản chất, đối tượng, mục tiêu, nội dung, quy trình kiểm toán... và các chương trình kiểm toán đối với các phân hành chủ yếu trong cuộc kiểm toán báo cáo tài chính	3	Học kỳ 2	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
4	Kế toán thuế nâng cao	Cung cấp kiến thức cho người học về kế toán thuế trong doanh nghiệp., gồm: Quản lý nhà nước về thuế; kế toán thuế trong các doanh nghiệp và các vấn đề hiện tại về kế toán thuế. Với các nội dung này, người học được trang bị kiến thức tổng hợp về kế toán thuế để có thể có thể xử lý các tình huống trong doanh nghiệp, đồng thời tiếp tục nghiên cứu sâu và rộng hơn.	3	Học kỳ 2	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
5	Đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán	Giúp học viên sẽ nắm được các vấn đề chuyên sâu về đạo đức nghề nghiệp và tính tất yếu khách quan về yêu cầu chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; nghiên cứu, sử dụng các mô hình để nhận diện các nguy cơ và ứng dụng xử lý xung đột khi nguy cơ xảy ra.	3	Học kỳ 2	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
6	Kế toán tài chính nâng cao	Trang bị có hệ thống cho học viên những kiến thức khái quát nhất về kế toán tài chính áp dụng trong các loại hình doanh nghiệp và các ngành đặc thù.	3	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
7	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3	Học kỳ 3	
8	Quản trị chi phí chiến lược	Cung cấp cho học viên các kiến thức về vấn đề chuyên sâu về quản trị chi phí chiến lược liên quan đến nội dung và tầm quan trọng của quản trị chi phí trong doanh nghiệp, nguyên tắc cơ bản trong quản trị chi phí và nguyên tắc được chấp nhận chung khác được áp dụng trong các mô hình quản trị chi phí hiện đại, thiết kế và thực hiện các mô hình quản trị chi phí trong các doanh nghiệp hiện đại, ...	3	Học kỳ 2	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
9	Thiết kế nghiên cứu luận văn	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị	2	Học kỳ 2	
II.2	Các học phần tự chọn		22		

10	Kế toán công nghệ cao	Cung cấp cho người học những nội dung cơ bản sau: - Khái quát về việc tổ chức công tác kế toán ở đơn vị công (thuộc lĩnh vực hoạt động Nhà nước); (Hành chính sự nghiệp). - Kế toán một số nội dung cơ bản: tài sản, thu - chi, xác định kết quả ở đơn vị công (thuộc lĩnh vực hoạt động Nhà nước); (Hành chính sự nghiệp). - Kế toán một số đơn vị đặc thù. - Lập và phân tích Báo cáo tài chính của đơn vị công.	2	Học kỳ 2	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
11	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao	Trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về quá trình thiết kế, duy trì và phát triển hệ thống thông tin trong công tác kế toán nhằm hỗ trợ cho các chu trình hoạt động sản xuất kinh doanh cơ bản của doanh nghiệp, ...	2	Học kỳ 2	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Bài tập lớn: 60%
12	Kế toán quản trị nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
13	Kiểm toán nội bộ nâng cao	Trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về kiểm toán nội bộ, bao gồm kiến thức về quản trị công ty và khung kiểm soát nội bộ, các phương pháp tiếp cận của kiểm toán nội bộ, lập kế hoạch chiến lược dựa trên rủi ro, thực hiện kiểm toán nội bộ và lập báo cáo kiểm toán nội bộ; chuẩn mực thực hành nghề nghiệp kiểm toán nội bộ và Sổ tay kiểm toán nội bộ Quốc tế,	2	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
14	Những vấn đề hiện tại của kế toán nâng cao	Cung cấp cho học viên kiến thức sâu sắc hơn về chức năng của kế toán trong môi trường kinh doanh phức tạp ngày nay. Học phần mở rộng thêm kiến thức hiện tại về những thực hành kế toán, một số vấn đề chưa được giải quyết và giới thiệu cho học viên vai trò của một số lý thuyết kế toán trong việc xác định các thực hành kế toán và quyết định quản trị trong các doanh nghiệp hiện nay.	3	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
15	Tài chính doanh nghiệp quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	2	Học kỳ 3	
16	Thuế quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3	Học kỳ 3	
17	Tài chính công nghệ cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3	Học kỳ 2	
18	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính: Lý thuyết và thực tiễn	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3	Học kỳ 2	

19	Quản trị rủi ro	Trang bị cho các học viên về ngành quản trị kinh doanh với các kiến thức chủ yếu sau: hiểu thế nào là quản trị rủi ro trong hoạt động điều hành kinh doanh, các nguyên tắc của quản trị rủi ro trong hệ thống tổ chức, định dạng các loại rủi ro thường xảy ra trong quản lý, phân tích và đánh giá rủi ro và các quyết định đưa ra xử lý các rủi ro tiềm năng trong điều kiện các thông tin bất đối xứng, tổ chức và phòng ngừa rủi ro trong các tổ chức kinh doanh.	3	Học kỳ 3	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
20	Quản trị chiến lược nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3	Học kỳ 2	
21	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Tài chính – Ngân hàng	3	Học kỳ 2	Điểm chuyên cần: 5% Bài tập nhóm/tháng: 15% Bài tập lớn/học kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
22	Quản trị công ty nâng cao	Học phần tập trung vào phân tích các nội dung của quản trị công ty trong môi trường đại chúng hoá công ty, cụ thể: (i) Phân tích các khía cạnh pháp lý liên quan đến quản trị doanh nghiệp như Luật doanh nghiệp (2005), các chuẩn mực quản trị công ty của OECD; (ii) Minh định vai trò của Hội đồng quản trị công ty và mối quan hệ của Hội đồng quản trị với ban giám đốc điều hành, ban kiểm soát và cổ đông của công ty; (iii) Cụ thể hoá các hoạt động quản trị công ty như kiểm soát nội bộ, định hướng chiến lược, quản trị rủi ro cũng như phát triển một nền nếp văn hoá công ty lành mạnh và các giá trị đạo đức quản trị mang tính phổ quát; (iv) Đề xuất một số tiêu chí đánh giá hoạt động quản trị công ty.	3	Học kỳ 3	
23	Quản trị Marketing nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3	Học kỳ 3	
24	Phân tích đầu tư và quản trị danh mục đầu tư	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3	Học kỳ 2	
25	Phân tích tài chính nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3	Học kỳ 3	
III.	Luận văn thạc sĩ		9		

C5. KHOA KINH TẾ PHÁT TRIỂN

1. Cử nhân Kinh tế phát triển

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
I	Khởi kiến thức chung		16		
1	Triết học Mác – Lê nin 1	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chất lượng cao theo Thông tư 23	3		
2	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin 2		2		
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2		
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam				
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh				
6	Tiếng Anh B1				
7	Giáo dục thể chất				
8	Giáo dục quốc phòng an ninh				
II	Khởi kiến thức theo lĩnh vực		13		
9	Tin học cơ sở 2	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế			
10	Toán cao cấp				
11	Xác suất thống kê				
12	Toán kinh tế				
III	Khởi kiến thức theo khối ngành		16		
III.1	Các học phần bắt buộc		14		
13	Nhà nước và pháp luật đại cương	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế			
14	Kinh tế vi mô	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 1	- Điểm kiểm tra làm bài tập trong học kỳ (0,2) - Điểm kiểm tra giữa kỳ (0,2) - Bài thi hết môn (0,6)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
15	Kinh tế vĩ mô	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 2	
16	Nguyên lý thống kê kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 2	
17	Kinh tế lượng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 4	
III.2	Các học phần tự chọn		2/8		
	Các học phần giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế				
IV	Khối kiến thức theo nhóm ngành		23		
IV.1	Các học phần bắt buộc		17		
18	Luật kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	2		
19	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3		
20	Kinh tế vi mô chuyên sâu	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 2	
21	Kinh tế vĩ mô chuyên sâu	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 3	
22	Kinh tế phát triển	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 4	
23	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3		
IV.2	Các học phần tự chọn		6/12		
24	Nguyên lý kế toán	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 2	
25	Nguyên lý quản trị kinh doanh	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3		
26	Nguyên lý Marketing	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 2	
27	Quản trị học	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 2	
V	Khối kiến thức ngành		59		
VI	Các học phần bắt buộc		24		

28	Kinh tế phát triển chuyên sâu	Kinh tế học phát triển chuyên sâu cung cấp cho người học những bằng chứng thực nghiệm và kinh nghiệm phát triển của các quốc gia, từ đó làm sáng tỏ định hướng chiến lược phát triển của Việt nam. sinh viên được rèn luyện ở về đạo đức nghề nghiệp (trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy), có kỹ năng tổ chức và sắp xếp công việc, nhận thức và bắt kịp với bối cảnh nền kinh tế thế giới mới. Ngoài ra, sinh viên được rèn luyện về sự linh hoạt, tự tin, chăm chỉ, nhiệt tình và say mê công việc, có tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, khám phá và học hỏi từ cuộc sống, tinh thần tự tôn, có các kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực, kỹ năng học và tự học, kỹ năng sử dụng máy tính	3	Học kỳ: 5	Tham dự/chuyên cần (5%). Đóng góp trên lớp (thảo luận, hỏi và đáp, tổng kết lại chương, tranh luận...) (10%). Thuyết trình theo nhóm (15%): Tiêu chí đánh giá cho điểm gồm: Kiểm tra giữa kỳ (20%): Bài kiểm tra cuối môn học (50%)
29	Kinh tế công cộng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 5	
30	Kinh tế môi trường	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 5	
31	Thương mại quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chất lượng cao theo TT 23	3	Học kỳ: 5	
32	Phân tích chi phí và lợi ích	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	Học kỳ: 5	
33	Kinh tế thể chế	Trang bị cho người học các kiến thức căn bản về Kinh tế học thể chế. Thông qua môn học này, sinh viên được phát triển và bồi dưỡng các kỹ năng nghề nghiệp liên quan tới ngành kinh tế phát triển nói chung và thể chế nói riêng. Sinh viên có thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu	3	Học kỳ: 5	Thuyết trình theo nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài kiểm tra cuối môn học: 60%
34	Tăng trưởng xanh	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức lý thuyết đại cương về tăng trưởng kinh tế cần thiết cho việc hiểu khái niệm và các yếu tố ảnh hưởng tới tăng trưởng xanh cùng với các chính sách nhằm kích thích tăng trưởng xanh. Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng cần thiết để áp dụng lý thuyết cơ bản cùng với khả năng thảo luận về các vấn đề liên quan tới tăng trưởng xanh Hình thành thái độ khoa học cho sinh viên trước các vấn đề về tăng trưởng kinh tế nói chung và tăng trưởng xanh nói riêng	3	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 10% Thuyết trình trên lớp theo nhóm: 15% Kiểm tra giữa kỳ (1 bài thi viết): 15% Thi cuối kỳ (thi viết): 60%

35	Phân tích năng suất hiệu quả	<p>Cung cấp một cách toàn diện các phương pháp hiện đại nhằm phân tích năng suất và hiệu quả của các đơn vị ra quyết định (decision-making units) khác nhau như cá nhân, doanh nghiệp, ngành công nghiệp, khu vực, nền kinh tế.</p> <p>Hiểu rõ các giả định khác nhau liên quan tới công nghệ, thị trường và hành vi của các doanh nghiệp có thể được sử dụng để hướng đến xây dựng chỉ số năng suất.</p> <p>Phân tích các chỉ số năng suất này được triệt để thành các chỉ số đo lường sự thay đổi công nghệ, thay đổi môi trường và các loại thay đổi về hiệu quả khác.</p> <p>Cung cấp phương pháp ước lượng các yếu tố trên bằng các phương pháp Phân tích màng dữ liệu (Data Envelopment Analysis - DEA), phương pháp phân tích biên xác định (Deterministic Frontier Analysis - DFA), phương pháp phân tích biên ngẫu nhiên (Stochastic Frontier Analysis - SFA). Qua đó, có thể ước lượng các yếu tố trên là tối quan trọng trong hoạch định chính sách công.</p> <p>Phân tích các dữ liệu đa dạng thông qua sử dụng các phần mềm như DPIN, DEAP, FRONTIER, EVIEWS và LIMDEP.</p>	3	Học kỳ: 6	<p>Chuyên cần:10%</p> <p>Bài tập về nhà: 10%</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Bài thi hết học phần: 60%</p>
V.2	Các học phần tự chọn		24		
V.2.1 Các học phần chuyên sâu			12/36		
V.2.1.1. Các học phần chuyên sâu về Chính sách công			12		
36	Chính sách công	<p>Cung cấp cho người học kiến thức về nhận diện, phân loại và vai trò của chính sách công với chức năng là công cụ quản lý Nhà nước đối với mọi mặt đời sống kinh tế xã hội của đất nước.</p> <p>Hình thành năng lực tư duy và phương pháp tiếp cận hiện đại, đa ngành và liên ngành về chính sách công. Hình thành cho người học năng lực lập luận và sáng tạo áp dụng kiến thức, thực tiễn trên thế giới vào việc phân tích, xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động hoạch định chính sách của khu vực công ở Việt Nam trong điều kiện đang chuyển sang nền kinh tế thị trường, hội nhập và mở cửa hiện nay. Hình thành cho người học thái độ khoa học trước những vấn đề của đời sống thực tiễn</p>	3	Học kỳ: 6	<p>Điểm danh: 10%</p> <p>Bài tập nhóm và thuyết trình: 30%</p> <p>Thi hết môn: 60%</p>
37	Phân tích chi tiêu công	<p>Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Lý thuyết về hiệu quả chi tiêu; Khung khổ phân tích chi tiêu công vĩ mô; các phương pháp phân tích hiệu quả phân bổ trong một và một số lĩnh vực chi tiêu cơ bản; và phân tích các nhân tố thể chế có tác động chi phối đến hiệu quả chi tiêu công; Các phương pháp phân tích chi phí-lợi ích, phương pháp phân tích hiệu quả phân bổ để có thể áp dụng phân tích hiệu quả phân bổ trong một lĩnh vực hoặc phân bổ giữa các lĩnh vực chi tiêu công cơ bản.</p>	3	Học kỳ: 6	<p>Chuyên cần : 5%</p> <p>Bài tập nhóm và Thuyết trình trên lớp theo nhóm: 15%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 20%</p> <p>Thi cuối kỳ : 60%</p>

38	Lựa chọn công cộng	Cung cấp cho người học kiến thức về quá trình hình thành và thực hiện các quyết định công cộng dưới tác động của các nhân tố chính trị-xã hội dưới góc độ của kinh tế học. Trang bị cho người học các kỹ năng sử dụng kiến thức đã học vào đánh giá, lí giải các vấn đề xã hội liên quan tới lựa chọn công cộng. Hình thành tư duy hệ thống, khả năng làm việc nhóm và làm việc độc lập trong quá trình phát hiện vấn đề, tìm kiếm thông tin và nguồn tài liệu, đánh giá một số lựa chọn công cộng trong bối cảnh cụ thể. Hình thành thái độ khoa học cho sinh viên trước các vấn đề về lựa chọn công cộng	3	Học kỳ: 6	Đi học đầy đủ & hoàn thành tốt các bài tập cá nhân/nhóm: 20% Kiểm tra giữa kì: 20% Bài thi kết thúc môn: 60%
39	Quản lý dự án phát triển	Trang bị cho người học một cách hệ thống và cụ thể những kiến thức và kỹ năng quản lý các dự án phát triển: Đặc điểm và vai trò của dự án phát triển, các mục tiêu và nội dung quản lý dự án phát triển; Phương pháp lập dự án phát triển dựa vào khung logic và phương pháp thẩm định dự án phát triển; Phương pháp và các chỉ số phân tích hiệu quả tài chính và hiệu quả kinh tế xã hội dự án phát triển; Hoạt động quản lý dự án phát triển được tiếp cận từ hai góc độ: (1) theo quá trình quản lý, bao gồm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá; (2) theo chức năng quản lý, bao gồm quản lý chi phí, quản lý nhân sự, quản lý thời gian, quản lý chất lượng. Phát triển kỹ năng đầu thầu và tài trợ cho dự án phát triển; kỹ năng quản lý dự án phát triển xuyên suốt quá trình học tập học phần này.	3	Học kỳ: 7	Tham dự/chuyên cần: 5% Đóng góp trên lớp: 5% Bài tập cá nhân về nhà: 10% (hoặc thuyết trình theo nhóm: 10%) Dự án môn học: 20% Bài kiểm tra cuối môn học: 60%
V.2.1.2 Các học phần chuyên sâu về Môi trường và phát triển bền vững			12		
40	Quản lý môi trường	Học phần giúp sinh viên hiểu được bối cảnh quản lý môi trường trong thế giới hiện đại, đồng thời trang bị những kiến thức cơ bản về cơ sở khoa học, khái niệm, nguyên tắc quản lý môi trường, chủ thể quản lý môi trường; trong đó đặc biệt nhấn mạnh các công cụ quản lý được các chủ thể sử dụng để đạt được các mục tiêu quản lý đề ra.	3	Học kỳ: 6	Chuyên cần & hoàn thành tốt các bài tập cá nhân/nhóm: 20% Kiểm tra giữa kì: 20% Bài thi kết thúc môn: 60%
41	Hạch toán môi trường	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kế toán	3	Học kỳ: 6	
42	Phát triển bền vững	Cung cấp cho sinh viên khái niệm phát triển bền vững, sự ra đời của khái niệm này, các thách thức, nội dung, quan điểm và nguyên tắc của phát triển bền vững; các thách thức, tiêu chí và các giải pháp có thể thực hiện nhằm mục tiêu phát triển bền vững trên cả ba trụ cột về kinh tế, xã hội và môi trường theo hướng phân tích chuyên sâu. Hiểu rõ về việc thực thi phát triển bền vững trên quy mô toàn cầu đặc biệt là vai trò hợp tác quốc tế và luật quốc tế đối với thực thi phát triển bền vững để có thể phân tích.	3	Học kỳ: 7	Chuyên cần: 10% Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 10% Dự án môn học: 10% Kiểm tra cuối kỳ: 60%

43	Nhập môn kinh tế học về Biến đổi khí hậu	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về biến đổi khí hậu tác động tới các quốc gia như thế nào; phân tích tồn thất do biến đổi khí hậu trong so sánh với chi phí nhằm giảm thiểu hoặc thích nghi với biến đổi khí hậu ra sao; các chính sách kinh tế trong việc không chế phát thải khí nhà kính; và vai trò của cộng đồng quốc tế cùng hành động để đối phó với biến đổi khí hậu.	3	Học kỳ: 6	Đánh giá chuyên cần: 10% Đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Trình bày nhóm: 10% Đánh giá cuối kỳ: 60%
V.2.1.3 Các học phần chuyên sâu về Kinh tế học			12		
44	Phân tích chính sách kinh tế xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 6	
45	Kinh tế lượng chuyên sâu	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức về một số mô hình kinh tế lượng hiện đại, là một sự phát triển tiếp tục của các mô hình kinh tế lượng cơ bản đã được giới thiệu trong môn học Kinh tế lượng trước đó	3	Học kỳ: 6	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Bài tập nhóm: 20% Thi cuối kỳ: 60%
46	Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế	Trang bị các hiểu biết cần thiết về ý nghĩa, vai trò, nguồn gốc và các yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế, những mô hình tăng trưởng kinh tế cơ bản thuộc trường phái tăng trưởng ngoại sinh và nội sinh, phương pháp phân tích tác động của các chính sách vĩ mô đối với những mục tiêu tăng trưởng kinh tế.	3	Học kỳ: 6	Thảo luận/bài tập cá nhân: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
47	Kinh tế nhân lực	Học phần cung cấp cho học viên bản chất và các hình thức của cầu về lao động gắn với những yêu cầu của một nền kinh tế thị trường đồng thời lý giải được bản chất của cầu lao động trong những điều kiện khác nhau, từ cấu trúc thị trường cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền mua, ... Các hình thái chuyển hóa của cầu lao động gắn với những hoạt động của các định chế thị trường như chính phủ, công đoàn cũng được phân tích một cách có hệ thống. Về mặt cung của lao động, môn học tiếp tục phân tích đặc điểm và cơ sở lý luận và thực tiễn của nguồn cung lao động trong toàn bộ nền kinh tế và trong các ngành riêng biệt	3	Học kỳ: 6	Thảo luận/bài tập cá nhân: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
V.2.2 Các học phần bổ trợ			12/18		
48	Lịch sử kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 7	
49	Kinh tế học về chi phí giao dịch	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 7	
50	Nông nghiệp, nông dân và nông thôn	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 7	
51	Kinh tế học về những vấn đề xã hội	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 7	
52	Toàn cầu hóa và phát triển kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	Học kỳ: 7	
53	Tài chính quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	Học kỳ: 7	

V.3	Thực tập thực tế và niên luận		5		
54	Thực tập thực tế	Hình thành cho sinh viên kỹ năng tiếp cận với các vấn đề phát triển, kỹ năng xác định phương hướng học tập và làm việc sau khi ra trường. Tạo điều kiện để sinh viên được tiếp xúc trực tiếp với các cán bộ, nghiên cứu viên làm việc tại các cơ quan, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực phát triển	2	Học kỳ: 6	Điểm chuyên cần: 10% Báo cáo thu hoạch: 90%
55	Niên luận	Sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên môn để thực hiện một vấn đề nghiên cứu trong thực tiễn	3	Học kỳ: 6	Đánh giá điểm bài viết
V.4	Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế		6		
56	Khóa luận tốt nghiệp	Sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên môn để thực hiện một vấn đề nghiên cứu trong thực tiễn	6	Học kỳ: 8	
57	Hoạch định chính sách phát triển	Hoạch định CSPT là học phần thuộc khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp, giúp người học liên kết kiến thức và kỹ năng đã học trong chương trình đào tạo của nhân ngành kinh tế phát triển để có thể nghiên cứu việc hoạch định chính sách phát triển nói chung, và tham gia một số công việc trong quá trình hoạch định chính sách phát triển tại Việt Nam nói riêng. Học phần cung cấp những kiến thức về vai trò, ý nghĩa, các công cụ, nguyên tắc, phương thức hoạch định chính sách phát triển và các nhân tố chi phối quá trình hoạch định. Trên cơ sở đó, học phân đi sâu về hoạch định các chính sách phát triển gắn với ba nhân tố cơ bản là: Lao động, vốn và công nghệ	3	Học kỳ: 8	Điểm chuyên cần: 10% Bài tập nhóm và thuyết trình: 30% Bài thi tự luận: 60%
58	Tài chính cho phát triển	Hiểu rõ tầm quan trọng của tài chính với phát triển; Cấu trúc của hệ thống tài chính, bao gồm các thị trường, định chế tài chính; Những vấn đề đặt ra trong quá trình xây dựng hệ thống tài chính và huy động nguồn lực nội địa ở các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng; Khái niệm, thực trạng dòng vốn quốc tế tới các nước đang phát triển, bao gồm vốn đầu tư tư nhân trực tiếp và gián tiếp, vốn hỗ trợ phát triển chính thức; Những vấn đề đặt ra cho Việt Nam trong việc huy động và sử dụng nguồn vốn nước ngoài; Đặc điểm của một số cuộc khủng hoảng tài chính điển hình trên thế giới và những những cảnh báo và bài học rút ra từ các cuộc khủng hoảng đó....	3	Học kỳ: 8	Điểm chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi hết môn: 60%

2. Thạc sĩ chính sách công và phát triển

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
I	Khối kiến thức chung		8		

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
	Các học phần được giảng dạy trong chương trình tương tự chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị		4	Học kỳ: 1	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành				
II.1	Các học phần bắt buộc		26		
1	Lý thuyết kinh tế vi mô	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị	3	Học kỳ 1	
2	Lý thuyết kinh tế vi mô	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị	3	Học kỳ 1	
3	Thiết kế nghiên cứu luận văn	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị	2	Học kỳ 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Bài tập lớn: 60%
4	Kinh tế học khu vực công	Nội dung học phần tập trung vào bốn mảng vấn đề cơ bản của khu vực công, gồm có: Cơ sở kinh tế của vai trò chính phủ trong nền kinh tế thị trường; Tiêu chí về hiệu quả của việc chi tiêu công cộng; Thuế và tác động của thuế đến hiệu quả; Lựa chọn công cộng và tác động qua lại của các nhân tố kinh tế, chính trị đến sự lựa chọn công cộng. Có phương pháp luận và công cụ phân tích về hiệu quả áp dụng xuyên suốt trong các chương, mục của học phần.	3	Học kỳ 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Bài tập lớn: 60%
5	Thế chế và Tổ chức lãnh đạo khu vực công	Cung cấp cho người học các nội dung bao quát từ tổng quan học phần, các vấn đề về sự lãnh đạo và nhà lãnh đạo, cho đến bối cảnh và nhân tố tác động đến hoạt động lãnh đạo. Tổng quan học phần bao gồm khái niệm, phân loại, quan điểm về việc lãnh đạo khu vực công; và phương pháp tiếp cận nghiên cứu học phần. Các vấn đề lãnh đạo khu vực công tập trung vào hai nội dung chính về việc lãnh đạo, và con người lãnh đạo. Các nhân tố tác động được trình bày thành hai nội dung gồm các nhân tố từ nội bộ, và các nhân tố ngoại cảnh.	3	Học kỳ 1	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Bài tập lớn: 60%
6	Chiến lược và Chính sách công cho phát triển	Học phần Chiến lược và Chính sách công cho Phát triển tập trung vào những nội dung quyết định làm hoặc không làm của chính phủ vì mục tiêu tăng trưởng và phát triển theo hướng bền vững. Hình thành phương pháp nghiên cứu, hướng đến (i) Quy trình thiết kế chính sách công; (ii) Các công cụ thiết kế chính sách; (iii) Thực hiện và điều chỉnh chính sách; (iv) Quản trị thực hiện chính sách.	3	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Bài tập lớn: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		Người học còn được trang bị những kiến thức về môi trường và các nhân tố chi phối chất lượng các chính sách công cho phát triển, đặc biệt là môi trường thể chế và mô hình tổ chức của bộ máy nhà nước			
7	Phân tích và hoạch định chính sách công	Trang bị cho học viên kiến thức về vai trò, ý nghĩa, phương thức, mức độ tác động của chính sách phát triển; các quy trình, cách thức và công cụ của việc hoạch định chính sách. Học viên có khả năng kết hợp các kiến thức được học với các công cụ và kỹ năng phân tích, lý giải, đánh giá để có thể đưa ra các khuyến nghị điều chỉnh, bổ sung, xây dựng mới chính sách phục vụ cho mục tiêu phát triển.	3	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Bài tập lớn: 60%
8	Chính sách tăng trưởng xanh	Học phần này cung cấp cho học viên các kiến thức lí thuyết đại cương về tăng trưởng kinh tế cần thiết cho việc hiểu khái niệm và các yếu tố ảnh hưởng tới tăng trưởng xanh cùng với các chính sách nhằm kích thích tăng trưởng xanh.	3	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Bài tập lớn: 60%
9	Quản lý, giám sát và đánh giá dự án công	Cung cấp những kiến thức về dự án công và quản lý dự án; cấu trúc tổ chức của dự án, cấu trúc sản phẩm và phân chia công việc trong dự án; đề xuất dự án và việc lập kế hoạch và lịch trình thực hiện một dự án; quá trình tổ chức thực hiện dự án như quản lý nhân sự, quản lý mua sắm, đánh giá tác động tới môi trường, quản lý tài chính và kế toán của dự án. HV có thể vận dụng kiến thức để thực hiện giám sát, đánh giá và kết thúc/báo cáo của một dự án.	3	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Bài tập lớn: 60%
II.2	Các học phần tự chọn		21/45		
10	Chiến lược, chính sách phát triển của các Tổ chức khu vực và quốc tế.	Học phần này nhằm cung cấp cho học viên các kiến thức về vai trò và hoạt động của các tổ chức quốc tế chính trong thế kỷ 21: triết lý và nguyên lý của các tổ chức quốc tế cũng như các vấn đề mà các tổ chức này giải quyết; nguồn gốc lịch sử, bản chất và các chức năng của các tổ chức quốc tế; Một số vấn đề chung về các tổ chức khu vực và quốc tế như lịch sử hình thành, các tổ chức quốc tế được hình thành trong thế kỷ 19, sự cần thiết của các tổ chức quốc tế. Các tổ chức quốc tế được giảng dạy trong học phần này gồm có: Các tổ chức của Liên hợp quốc, Quỹ tiền tệ quốc tế, Ngân hàng thế giới, Tổ chức thương mại thế giới, Các tổ chức phi chính phủ quốc tế, Các tổ chức khu vực. Ngoài ra học phần cũng sẽ thảo luận về tương lai của các tổ chức quốc tế.	3	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
11	Kinh tế học về biến đổi khí hậu	Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về biến đổi khí hậu tác động tới các quốc gia như thế nào; phân tích tổn thất do biến đổi khí hậu trong so sánh với chi phí nhằm giảm thiểu hoặc thích nghi với biến đổi khí hậu ra sao; các chính sách kinh tế trong việc không chế phát thải khí nhà kính; và vai trò của cộng đồng quốc tế cùng hành động để đối phó với biến đổi khí hậu.	3	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Bài tập lớn: 60%
12	Phân tích chi phí lợi ích và thẩm định dự án đầu tư	Trong điều kiện nguồn lực khan hiếm, các quyết định chính sách của chính phủ cần được thẩm định bằng phương pháp Phân tích chi phí - lợi ích (expanded CBA) nhằm xác định xem chúng có sử dụng hiệu quả các nguồn lực hay không. So với đánh giá các dự án tư, sử dụng CBA để đánh giá chính sách công ở hai khó khăn. Thứ nhất, xem xét tính hiệu quả của chính sách công liên quan tới chi phí và lợi ích của nhiều đối tượng khác trong xã hội chứ không chỉ các đối tượng liên quan trực tiếp (ví dụ: ô nhiễm, thuế, v.v). Thứ hai, chi phí và lợi ích xã hội của một chính sách không phải lúc nào cũng dễ dàng biểu diễn bằng đơn vị tiền tệ (ví dụ: môi trường, sức khỏe, v..v). Mở rộng cung cấp cho học viên các kiến thức lí luận và thực tiễn cùng với đó là các kĩ năng cần thiết trong tính toán chi phí chính sách, đánh giá tác động bằng giá thị trường, lượng giá các chi phí lợi ích phi thị trường và các vấn đề liên quan tới rủi ro và mạo hiểm.	3	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Bài tập lớn: 60%
13	Phân tích Thống kê cho Chính sách công	Học phần này cung cấp cho học viên kiến thức và kĩ năng cần thiết trong phân loại, xử lí, mô tả và phân tích dữ liệu giúp ích cho phân tích tác động của chính sách công và ra quyết định chính sách. Ứng dụng các khái niệm và phương pháp thống kê định lượng trong phân tích các vấn đề của chính sách công, đồng thời chỉ ra các vấn đề hạn chế của phương pháp này. Các nội dung chính của học phần này bao gồm: xử lí số liệu, phương pháp thống kê mô tả, phương pháp hồi quy đơn biến và đa biến và các mô hình kinh tế lượng.	3	Học kỳ 2	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Bài tập lớn: 60%
14	Phân cấp và quản trị địa phương	Cung cấp các khái niệm, phạm vi và ý nghĩa của phân cấp, đặc biệt là phân cấp trong quản lý kinh tế, tài chính công và dịch vụ công; Lý luận phân cấp là nội dung cốt lõi của học phần, được đặt trên cơ sở lý thuyết của kinh tế học về hiệu quả phát triển và chi phí giao dịch; Phân cấp được nhận diện, đánh giá từ góc độ thực tiễn phát triển thông qua cách phân tích quá trình cải cách phát triển của một số quốc gia, một số nhóm nước trên thế giới; Các vấn đề nêu trên cần được rút ra bài học kinh nghiệm để liên hệ với thực tiễn phân cấp và phát triển tại Việt Nam.	3	Học kỳ 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Bài tập lớn: 60%
15	Chính sách Phát triển vùng	Cung cấp lý thuyết căn bản cũng như kinh nghiệm thực tế của các nước trên thế giới khái quát về phát triển vùng như mục tiêu phát triển vùng, các mô hình phát	3	Học kỳ 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		triển vùng, những bài học thành công và thất bại khi áp dụng các mô hình phát triển vùng trên thế giới. Áp dụng kiến thức để phân tích mô hình phát triển vùng hiện tại của Việt Nam và có thể đề xuất ra những giải pháp điều chỉnh mô hình cũng như là những chính sách về phát triển vùng của Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo.			Bài tập lớn: 60%
16	Quản lý tài chính công	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị	3	Học phần tự chọn	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Bài tập lớn: 60%
17	Cải cách dịch vụ công	cung cấp cho học viên lí luận cơ bản về dịch vụ công, các đặc trưng của dịch vụ công, làm rõ phạm vi và trách nhiệm của Nhà nước trong việc cung ứng các dịch vụ công. Phân tích thực trạng cung ứng các loại dịch vụ công quan trọng và cơ bản nhất đối với đời sống xã hội hiện nay như giáo dục, y tế, giao thông công cộng cũng như các dịch vụ công của cơ quan hành chính nhà nước như cấp đăng kí kinh doanh, thu thuế, cấp giấy phép đầu tư nước ngoài. Phân tích kinh nghiệm của các nước trên thế giới, học phần giúp học viên tiếp cận phương hướng đổi mới và các phương pháp cải tiến cụ thể nhằm nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công cộng và dịch vụ hành chính công.	3	Học kỳ 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
18	Bất bình đẳng và phát triển	Cung cấp cho người học các nội dung bao quát từ tổng quan học phần, khái niệm, thước đo nghèo đói, cho đến các nguyên nhân và giải pháp xóa đói, giảm nghèo nhằm bảo đảm sự phát triển. Hiểu rõ mối quan hệ tương tác nhân quả giữa nghèo đói và phát triển, đồng thời đi sâu hiểu rõ nội dung từng nhóm giải pháp khắc phục căn nguyên dẫn đến nghèo đói từ phía cá nhân, và từ phía xã hội. Từ góc độ cá nhân, nghèo đói có thể khắc phục từ giải pháp giáo dục, y tế và trợ cấp. Từ góc độ xã hội, nghèo đói được khắc phục từ việc hoàn thiện thị trường đầy đủ và tự do, tránh được tác động bất lợi từ khiếm khuyết của thị trường và tình trạng dân số biến động bất hợp lý.	3	Học kỳ 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
19	Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	3	Học kỳ 3	
20	Ra quyết định đa tiêu chuẩn trong kinh tế và quản trị	Học phần sẽ cung cấp kiến thức cơ bản về các phương pháp, công cụ ra quyết định đa tiêu chuẩn, cụ thể phương pháp TOPSIS, phân tích thứ bậc (AHP), mô hình triển khai chức năng chất lượng (QFD), và các mô hình ra quyết định khác. Đặc biệt, học phần cũng sẽ cung cấp kiến thức cơ bản về tập mờ, số mờ và sự mờ	3	Học kỳ 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		<p>Ứng dụng của các mô hình ra quyết định đa tiêu chuẩn trong giải quyết các bài toán ra quyết định trong môi trường thông tin không hoàn hảo, đầy đủ.</p> <p>Ứng dụng của các mô hình ra quyết định đa tiêu chuẩn trong lĩnh vực kinh tế và quản trị cũng được giới thiệu trong học phần.</p>			
21	Phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm cho phân tích định tính	<p>Phát triển kỹ năng phỏng vấn, thảo luận nhóm và làm báo cáo thực địa.</p> <p>Cung cấp các phương pháp tiếp cận khác nhau để phân tích dữ liệu phỏng vấn, bao gồm cả việc sử dụng các phần mềm được phát triển cho mục đích phân tích dữ liệu định tính từ phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm.</p>	3	Học kỳ 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
22	Công cụ bảng hỏi cho phân tích định lượng	<p>Nghiên cứu khảo sát là phổ biến và hữu ích khi chúng ta đang quan tâm đến việc phân phối các thông số đặc trưng cho xã hội (cộng đồng). Học phần công cụ này tất nhiên giới thiệu một số vấn đề lý thuyết và thực tiễn liên quan đến việc thiết kế và thực hiện một cuộc khảo sát, dựa trên việc sử dụng một bảng câu hỏi trong phân tích định lượng. Bài tập thực hành bao gồm các bước cơ bản trong nghiên cứu khảo sát, chẳng hạn như hiện thực hoá một câu hỏi nghiên cứu, thực hành lấy mẫu, thiết kế bảng câu hỏi, thực hiện điều tra, nhập dữ liệu và phân tích cũng như các trình bày kết quả nghiên cứu.</p>	3	Học kỳ 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
23	Quản lý và phát triển đô thị	<p>Học phần này sẽ giới thiệu các lý thuyết tổng quan về quy luật hình thành và phát triển đô thị. Học phần cũng nghiên cứu xây dựng các mối quan hệ quản lý trong việc phân bổ và sử dụng các nguồn lực của đô thị và của nền kinh tế cho phát triển đô thị. Ngoài ra học phần sẽ đưa ra các giải pháp, chính sách cho phát triển đô thị và các vấn đề nảy sinh trong quá trình phát triển các đô thị như tắc nghẽn giao thông, đất đai và nhà ở đô thị, nghèo đói đô thị.....</p>	3	Học kỳ 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%
24	Môi trường kinh doanh và phát triển doanh nghiệp	<p>Học phần cung cấp một cách có hệ thống các kiến thức về khái niệm, đặc điểm; nhân tố kinh tế, thể chế, văn hoá và tự nhiên có ảnh hưởng tới chất lượng môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế. Những phân tích và đánh giá các cơ hội và thách thức từ môi trường kinh doanh tới sự hình thành, xây dựng và phát triển doanh nghiệp tư nhân.</p>	3	Học kỳ 3	Chuyên cần: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 30% Thi cuối kỳ: 60%

C6. VIỆN QUẢN TRỊ KINH DOANH

1. Cử nhân Quản trị Kinh doanh

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
I	Khối kiến thức chung		27		
	Các học phần được giảng dạy trong chương trình tương tự CTĐT cử nhân Kinh tế				

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
II	Khối kiến thức theo lĩnh vực		10		
	Các học phần được giảng dạy trong chương trình tương tự CTĐT cử nhân Kinh tế				
III	Khối kiến thức theo khối ngành		16		
	Các học phần được giảng dạy trong chương trình tương tự CTĐT cử nhân Kinh tế				
IV	Khối kiến thức theo nhóm ngành		17		
IV.1	Các học phần bắt buộc		14		
1	Luật kinh tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	2	HK3	
2	Nguyên lý quản trị kinh doanh		3	HK3	
3	Nguyên lý kế toán		3	HK2	
4	Nguyên lý Marketing		3	HK2	
5	Văn hóa và đạo đức kinh doanh		Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	HK4
IV.2	Các học phần tự chọn		3		
6	Đàm phán và giải quyết xung đột	Mức 1: Nắm được những kiến thức, khái niệm về giải quyết xung đột và đưa ra phản ứng trong quản trị; Trình bày được quy trình đàm phán để giải quyết xung đột trong tổ chức. Mức 2: Hiểu được các chiến lược và chiến thuật đàm phán để giải quyết xung đột trong tổ chức; Hiểu được các lựa chọn giải pháp để giải quyết xung đột; Phân biệt được các lựa chọn để giải quyết xung đột. Mức ba: Thảo luận được các cơ chế phòng ngừa, hạn chế xung đột trong tổ chức;	3	HK5	Chuyên cần và tham gia vào bài học: 20% Hoạt động nhóm: 20% Thi hết học phần: 60%
V	Khối kiến thức ngành		65		
V.I	Các học phần bắt buộc		27		
7	Quản trị học	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	HK3	
8	Quản trị chiến lược	Kiến thức: Nắm được những kiến thức cơ bản và có hệ thống về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị chiến lược trong doanh nghiệp Kỹ năng: Có kỹ năng cơ bản về ra quyết định và xử lý các tình huống phát sinh trong công tác quản trị chiến lược	3	HK5	Tham gia học tập trên lớp (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực phát biểu,...): 10%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
					Thảo luận và bài tập nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Kiểm tra cuối kỳ: 60%
9	Quản trị nguồn nhân lực	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	HK5	Tham dự và tham gia:10% Nhóm làm việc:15% Bài kiểm tra giữa kỳ:15% Kiểm tra cuối cùng:60%
10	Tài chính doanh nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	HK6	
11	Đại cương về lãnh đạo trong tổ chức	Mức 1: Giải thích được các khái niệm cơ bản về lãnh đạo trong tổ chức việc. Mức 2:Là m rừ tầ m quan trọ ng củ a lónh đ ạ o trong tổ chức, Phõn biệ t đ ư ợ c mụ hõnh lónh đ ạ o và cõc lý thuyế t về lónh đ ạ o, Nhậ n điệ n đ ư ợ c cõc cấ p đ ộ lónh đ ạ o trong tổ chức, Nhậ n thứ c đ ư ợ c nguồ n hõnh thà nh quyề n lự c và ả nh hử ở ng củ a quyề n lự c trong tổ chức, Hiế u và ọ p dụ ng đ ư ợ c cõc cụng cụ tạ o đ ộ ng lự c và quy trõnh tạ o đ ộ ng lự c, Hiế u và áp dụng đ ư ợ c cách thứ c tạo dựng quan hệ và truyền đạ t thông tin, Nhậ n thứ c đ ư ợ c xung đ ộ t và hử ở ng xử lý, Phõn biệ t đ ư ợ c cõc mụ hõnh ra quyế t đ ị nh, Nhậ n điệ n đ ư ợ c các vấ n đề phải đ ối mặ t trong quá trình thay đ ổi. Mức 3: Phân tích đ ư ợ c các tình huớ ng lã nh đạ o trong tổ chức và đề xuấ t huớ ng giã i quyế t.	3	HK4	Đ iể m danh và đ ả nh giá thá i cá nhậ n đ ựa vào thá i đ ộ học tậ p: 10% Thảo luận bài tậ p nhó m: 10% Bài kiểm tra giũa kỳ: 20% Bài thi hế t học phầ n: 60%
12	Khởi sự và tạo lập doanh nghiệp	Khóa học này là về cách tạo ra một doanh nghiệp kinh doanh. Khóa học này sẽ tập trung vào các doanh nhân, kế hoạch kinh doanh và các doanh nghiệp phù hợp với các nhà đầu tư tinh thần và /hoặc chuyên nghiệp (đặc biệt là đầu tư mạo hiểm). Nó cũng giúp các nhà doanh nghiệp quản lý một bộ động lực ngày càng tăng và cần thiết phức tạp bằng cách cung cấp các milepost và chỉ ra các nguồn lực cần thiết để đạt được chúng. Cuối cùng, nó cung cấp một bộ tiêu chuẩn để so sánh hiệu suất thực tế có thể được so sánh. Nhưng một kế hoạch tuyệt vời của chính nó là không đảm bảo thành công. Việc khởi động thành công đòi hỏi phải thực hiện không ngừng đối với kế hoạch và tính linh hoạt trong việc đánh giá lại và thay đổi kế hoạch. Xác nhận cuối cùng là các đơn đặt hàng của khách hàng và một doanh nghiệp có thể mở rộng, có thể lặp lại và sinh lợi	3	HK5	Chuyên cần:5% Bài kiểm tra giữa kỳ:15% Nhóm dự án & trình bày: 20% Kiểm tra cuối cùng:60%
13	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	Học phần này giới thiệu tư duy và phương pháp quản trị khoa học bằng cách dùng trí tuệ của con người để cắt giảm tối đa các chi phí lãng phí để mang lại giá	3	HK6	Chuyên cần:10% Bài kiểm tra giữa kỳ:20%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		trị gia tang cho doanh nghiệp và tổ chức. Quản trị các hoạt động tác nghiệp sẽ giúp sinh viên có khả năng xây dựng các phương pháp và quy trình làm việc khoa học, học phần có một số module: Mối quan hệ chiến lược giữa hoạt động tác nghiệp với các chức năng khác trong doanh nghiệp, kích cỡ và loại quá trình sản xuất, mua vật liệu đầu vào phù hợp, lập kế hoạch và lịch trình vận động của vật liệu, bản chất và nội dung của tồn kho. Học phần trang bị cho sinh viên các phương pháp định lượng về tác nghiệp, bao gồm các mô hình dự báo, kiểm soát quá trình và các phương pháp quản lý dự án phù hợp. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên kiến thức về quản trị chuỗi cung ứng, xem xét các triết lý hiện tại về chuỗi cung ứng như JIT, Lean...			Bài tập nhóm:10% Thi hết môn:60%
14	Quản trị Marketing	Kiến thức: các nội dung cơ bản về lý thuyết và thực tiễn về hoạt động quản trị marketing. Kỹ năng: Xử lý các tình huống cơ bản trong công tác quản trị marketing của doanh nghiệp trên cơ sở vận dụng lý thuyết đã học.	3	HK6	Điểm chuyên cần: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc môn học: 60%
15	Quản trị thương hiệu	Quản trị thương hiệu giúp sinh viên nhận biết sâu sắc rằng thương hiệu là một tài sản hết sức to lớn, đem lại sự ổn định và phát triển thị phần, nâng cao lợi thế cạnh tranh, tạo ra danh tiếng và lợi nhuận. Với mục đích đó, nội dung cơ bản của học phần gồm những khía cạnh sau: Nắm được những thuật ngữ chuyên môn, kiến thức cơ bản nhất về thương hiệu; nắm được những khía cạnh chủ yếu của tiến trình quản trị thương hiệu như: tạo dựng, duy trì, phát triển, bảo vệ và khai thác giá trị thương hiệu; hiểu biết một cách khái quát những công việc, nhiệm vụ, vai trò của nhà quản trị thương hiệu và môi trường làm việc trong lĩnh vực quản trị thương hiệu.	3	HK5	Chuyên cần:5% Bài kiểm tra giữa kỳ:20% Bài tập cá nhân:5% Bài tập nhóm:10% Thi hết môn:60%
V.2	Các học phần tự chọn		27		
16	Đại cương về chiến lược cạnh tranh	Mỗi doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế thị trường đều theo đuổi những chiến lược cạnh tranh dựa trên những hiểu biết của nhà quản lý về thực tiễn môi trường ngành và đối thủ cạnh tranh nhằm duy trì và phát triển vị thế của mình trên thị trường. Học phần đòi hỏi có sự kết hợp kiến thức của các học phần khác như quản trị chiến lược, quản trị marketing, quản trị tác nghiệp, quản trị nhân lực, nhằm giúp nhà quản trị nhìn chiến lược cạnh tranh một cách bao quát và hệ thống đồng thời phát huy vai trò của các chiến lược chức năng. Nội dung học phần sẽ bao gồm các câu phần như: phân tích ngành kinh doanh; phân tích đối thủ cạnh	3	HK6	Điểm chuyên cần: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi kết thúc môn học: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		tranh, khách hàng và nhà cung cấp; những chiến lược cạnh tranh tổng quát, và những quyết định chiến lược cạnh tranh của doanh nghiệp.			
17	Quản trị đổi mới sáng tạo	Mức 1: Nhớ được các khái niệm cơ bản về đổi mới sáng tạo, quản trị đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển sản phẩm, thương mại hóa đổi mới sáng tạo. Mức 2: Hiểu rõ các mục tiêu chính của đổi mới sáng tạo, Hiểu rõ và hình thành tư duy đổi mới sáng tạo, áp dụng tư duy đổi mới sáng tạo trong giải quyết các tình huống thực tế, Phân tích và đề xuất được ý tưởng đổi mới sáng tạo và kế hoạch chiến lược sơ bộ thực hiện ý tưởng đó.	3	HK7	Điểm danh: 10% Bài tập nhóm: 10% Viết báo cáo dự án cuối học phần: 20% Bài thi kết thúc học phần: 60%
18	Hành vi tổ chức	Mức 1: Nhớ được các khái niệm cơ bản về hành vi tổ chức Mức 2: Hiểu được các nhân tố của các vấn đề liên quan đến cơ sở hành vi cá nhân và hành vi nhóm, Áp dụng được phương pháp để đánh giá hành vi cấp độ tổ chức. Mức 3: Phân tích được hiện tượng quy tắc, cơ cấu và văn hóa tổ chức, Phân tích được bối cảnh cụ thể để chọn được phương pháp hợp lý để thay đổi và phát triển tổ chức, Đánh giá được tính hợp lý của một phương án thay đổi và phát triển tổ chức.	3	HK7	Chuyên cần: 10% Bài tập nhóm: 15% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài thi hết học phần: 60%
19	Hành vi người tiêu dùng	Kiến thức: Hiểu biết sâu sắc và khoa học về hành vi người tiêu dùng nhằm trở thành một nhà quản trị marketing hiệu quả, có được những quyết định marketing tốt hơn; Nâng cao sự hiểu biết chung về một khía cạnh chủ yếu của hành vi con người; Nhận biết các nhân tố tác động đến quá trình ra quyết định mua sắm của người tiêu dùng, và mô hình hoạt động của hành vi người tiêu dùng; Những hướng của hành vi người tiêu dùng đối với chiến lược marketing. Kỹ năng: Môn học giúp sinh viên rèn kỹ năng phân tích và tổng hợp vấn đề, kỹ năng điều tra, phỏng vấn, làm việc theo nhóm. Thái độ: Hình thành và phát triển thái độ làm việc, nghiên cứu một cách khoa học, nghiêm túc, cẩn trọng trong khi đánh giá, luôn có ý thức tôn trọng trong những phản ứng của khách hàng, có tinh thần cầu thị, học hỏi, biết lắng nghe những ý kiến phê phán của khách hàng, Có tinh thần đổi mới, sáng tạo.	3	HK6	
20	Kế toán quản trị	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	HK7	
21	Kế toán tài chính	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 5	
22	Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học kỳ 7	

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
23	Thương mại quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chất lượng cao theo TT 23	3	HK7	
24	Thương mại điện tử	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chất lượng cao theo TT 23	3	HK4	
V.3	Thực tập và niên luận		7		
25	Thực tập thực tế 1	Thực tập thực tế 1 là học phần bắt buộc đối với sinh viên từ năm thứ 2 trở đi. Đây là học phần mang tính thực tiễn cao. Sinh viên đi thực tập tại doanh nghiệp theo nhóm trong 04 tuần để tìm hiểu và nghiên cứu về tổ chức của doanh nghiệp và ngành nghề doanh nghiệp kinh doanh. Mỗi nhóm thực tập phải viết báo cáo tổng hợp theo định hướng kiến tạo các ý tưởng khởi nghiệp. Sinh viên thực tập tại doanh nghiệp được sự hướng dẫn của cán bộ tại doanh nghiệp là các cộng tác viên của Khoa QTKD và Trường ĐH Kinh tế – ĐHQGHN. Báo cáo tổng hợp chỉ được nghiệm thu khi có sự đồng ý của người hướng dẫn tại doanh nghiệp.	2	HK4	
26	Niên luận	Theo quy định về niên luận của trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN.	3	HK6	
V.4	Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế				
27	Khóa luận tốt nghiệp	Tổng hợp, phân tích, nghiên cứu, vận dụng các kiến thức trong toàn khóa học để hoàn thành bài niên luận và trình bày báo cáo trước hội đồng	7	HK8	
28	Quản trị công ty	Học phần tập trung vào phân tích các nội dung của quản trị công ty trong môi trường đại chúng hoá công ty, cụ thể: Phân định khái niệm quản trị công ty và phân biệt với quản trị kinh doanh; làm rõ các thiết chế quản trị công ty như điều lệ công ty, đại hội cổ đông, hội đồng quản trị, ban kiểm soát... và mối quan hệ giữa các đối tượng liên quan đến quản trị công ty. Phân tích các khía cạnh pháp lý liên quan đến quản trị công ty như Luật doanh nghiệp (2005), Luật chứng khoán (2006), các chuẩn mực quản trị công ty của OECD; Tình hình ứng dụng các thông lệ tốt nhất về quản trị công ty ở Việt Nam. Minh định chức trách chính của Hội đồng quản trị công ty và mối quan hệ nội bộ công ty nhằm phát triển bền vững công ty và tối đa hoá lợi ích của cổ đông.	3	HK8	Chuyên cần:5% Bài kiểm tra giữa kỳ:20% Bài tập nhóm:15% Thi hết môn:60%
29	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Tạo ra sự giàu có khi mà hạnh phúc của xã hội phụ thuộc. Khi họ tạo ra sự giàu có đó, hành động của họ tác động đến xã hội, bao gồm rất nhiều bên liên quan. Đòi lại, xã hội định hình các quy tắc và kỳ vọng mà các doanh nghiệp phải điều hướng môi trường bên trong và bên ngoài của họ. Sự tương tác giữa các tập đoàn và xã hội (theo nghĩa rộng nhất) là mối quan tâm của trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR).	3	HK8	Chuyên cần: 5% Trình bày trường hợp nhóm: 15% Dự án nhóm: 20% Bài kiểm tra giữa kỳ: 60% Kiểm tra cuối cùng: 100%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		Bắt kể quan điểm cá nhân của một người về sự tương tác của doanh nghiệp và xã hội, sự đồng tồn tại của các tổ chức vì lợi nhuận là điều cần thiết. Khóa học này tìm cách khám phá các khía cạnh của tương tác đó từ góc độ đa bên liên quan. Việc thăm dò đó có ý định tương tác, với hành trình thăm dò liên quan đến phân tích các vấn đề liên quan đến CSR và nghiên cứu điển hình qua Internet.			

2. Cử nhân Quản trị Kinh doanh chất lượng cao theo Thông tư 23

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
I	Khối kiến thức chung		21		
		Tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế theo Thông tư 23			
II	Khối kiến thức theo lĩnh vực		13		
		Tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế theo Thông tư 23			
III	Khối kiến thức theo khối ngành		18		
III.1	Các học phần bắt buộc		16		
		Tương tự chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế theo Thông tư 23			
III.2	Các học phần tự chọn				
	Kỹ năng làm việc theo nhóm	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	2	HK2	
IV	Khối kiến thức theo nhóm ngành		21		
IV.1	Các học phần bắt buộc		15		
1	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	- Học phần tập trung vào việc giới thiệu nội dung, vai trò, tầm quan trọng của văn hóa kinh doanh và đạo đức kinh doanh như một nguồn lực phát triển kinh tế và kinh doanh, trên cơ sở để xây dựng các chương trình hành động và quản trị việc áp dụng và phát huy chúng trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp, doanh nhân - Giới thiệu về khái niệm, nội dung của đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Đưa ra các nguyên tắc, hình thức thực hành đạo đức kinh doanh vào thực thi trách nhiệm xã hội trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp và của các địa phương của Việt Nam.	3	HK3	Chuyên cần, tham gia thảo luận trên lớp: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài tập nhóm: 15% Thi hết môn: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
2	Luật doanh nghiệp***	Luật doanh nghiệp là học phần cần thiết đối với sinh viên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh và các ngành học liên quan đến lĩnh vực kinh tế ở các bậc đại học. Học phần này trình bày những vấn đề cơ bản về luật kinh doanh trong nền kinh tế thị trường dưới góc độ khoa học pháp lý cũng như đòi hỏi của môi trường kinh doanh trong thực tiễn hiện nay ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, nội dung của học phần gồm những nội dung chính như: những quy định chung về doanh nghiệp, pháp luật đầu tư, giải quyết tranh chấp trong thương mại.	3	HK4	Bài tập cá nhân tuần:10% Bài tập nhóm/tháng:10% Bài tập lớn/học kỳ:20% Thi hết môn:60%
3	<i>Quản trị học*</i>	Cung cấp và hình thành kiến thức: - Liệt kê và mô tả các lý thuyết quản lý chính được thể hiện thông qua lịch sử của những suy nghĩ về Quản lý Modern. - Xác định và mô tả các chức năng lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát của quản lý. - Mô tả môi trường bên trong và bên ngoài của quản lý. - Thể hiện kỹ năng giao tiếp bằng văn bản phù hợp với nghề quản lý. - Thảo luận về đạo đức và trách nhiệm xã hội trong bối cảnh quản lý. - Giải thích khái niệm quản lý. Hình thành các kỹ năng và thuộc tính cá nhân và chuyên nghiệp: kỹ năng phân tích, kỹ năng chuyển nhượng dự án về ý tưởng kinh doanh) và áp dụng kiến thức trong suốt khóa học...., kỹ năng quản lý thời gian và tài nguyên, học và tự học, tự quản lý và thuyết trình, lãnh đạo (truyền đạt tầm nhìn, sứ mệnh, mục tiêu; lựa chọn, triển khai, thúc đẩy, đánh giá thành viên), truyền thông....	3	HK3	Chuyên cần, tham gia thảo luận trên lớp: 5% Bài tập nhóm: 15% Kỳ thi giữa kì: 20% Thi cuối kì: 60%
4	<i>Nguyên lý Marketing*</i>	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kế toán chất lượng cao theo Thông tư 23	3	HK3	Tham dự và đóng góp trong lớp:5% Bài kiểm tra giữa kỳ:10% Bài tập nhóm:15% Trình bày trường hợp nhóm:10% Kiểm tra cuối cùng:60%
5	Nguyên lý kế toán	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế	3	HK4	
IV.2	<i>Các học phần tự chọn</i>		6		
6	Hành vi tổ chức	(Học phần tự chọn) Quản lý hiệu quả nguồn nhân lực trong các tổ chức yêu cầu các nhà lãnh đạo, quản lý phải có một sự hiểu biết sâu sắc về các quy trình và hành vi của từng cá nhân trong tổ chức. Các nhà quản lý cần phải hiểu lý do tại sao mọi người cư xử như vậy trong đến công việc của cá nhân, trong nhóm làm	3	Chưa được lựa chọn	Chuyên cần và thảo luận trên lớp:10% Bài kiểm tra giữa kỳ:15% Bài tập nhóm:15%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		việc của họ và trong tổ chức của họ. Hiểu biết về nhận thức, thái độ, hành vi và động lực của từng cá nhân sẽ cho phép các nhà quản lý không chỉ hiểu rõ hơn về nhân viên của mình, mà còn có thể áp dụng chính sách quản lý và phong cách lãnh đạo phù hợp để nâng cao hiệu quả của họ			Thi hết môn:60%
7	Tài chính doanh nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	HK5	
8	Quản trị xung đột	(Học phần từ chọn) Học phần này cung cấp cho người học những vấn đề lý thuyết căn bản về xung đột và giải quyết xung đột trong tổ chức. Từ đó, người học có thể xác định quan điểm tiếp cận hợp lý đối với xung đột và lựa chọn chiến lược phù hợp để giải quyết tận gốc rễ các loại xung đột khác nhau trong tổ chức	3	Chưa được lựa chọn	Chuyên cần:5% Bài kiểm tra giữa kỳ:15% Bài tập nhóm:20% Thi hết môn:60%
9	Kinh doanh quốc tế*	Khóa học trang bị kiến thức lý thuyết và thực hành trong Kinh doanh quốc tế, cũng như phát triển các kỹ năng và thuộc tính cá nhân, chuyên nghiệp và giữa các cá nhân cho sinh viên.	3	HK5	Lớp học (5%) Chuyên cần:(5%) Trình bày trường hợp nhóm (10%) Dự án khóa học (20%) Thi cuối kỳ (60%)
V	Khối kiến thức ngành		69		
V.I	Các học phần bắt buộc		27		
10	Khởi sự và tạo lập doanh nghiệp*	Cung cấp các kiến thức có liên quan đến các vấn đề: doanh nhân, kế hoạch kinh doanh và các doanh nghiệp phù hợp với các nhà đầu tư tinh thần và / hoặc chuyên nghiệp (đặc biệt là đầu tư mạo hiểm); các milestone và chỉ ra các nguồn lực cần thiết để đạt quản lý . Hiểu rõ bộ tiêu chuẩn để so sánh hiệu suất thực tế có thể được so sánh.	3	HK4	Tham dự và tham gia:5% Bài kiểm tra giữa kỳ:15% Nhóm dự án & trình bày: 20% Kiểm tra cuối cùng:60%
11	Đại cương về phát triển doanh nghiệp***	Học phần trang bị cho người học những nội dung kiến thức cơ bản về doanh nghiệp và phát triển doanh nghiệp. Hệ thống kiến thức cấu thành nội dung học phần này bao gồm: (i) Các khái niệm cơ bản về phát triển doanh nghiệp, (ii) Các nhân tố quyết định đến sự phát triển doanh nghiệp, (iii) Phát triển các loại hình doanh nghiệp, (iv) Nhà nước và phát triển doanh nghiệp, (v) Phát triển doanh nghiệp quốc tế. Sau khóa học, người học sẽ có được kiến thức nền tảng về các loại hình doanh nghiệp, các yếu tố nền tảng để phát triển doanh nghiệp và từ đó họ có thể vận dụng vào quá trình phát triển doanh nghiệp của bản thân trong tương lai.	3	HK3	Chuyên cần:5% Bài kiểm tra giữa kỳ:15% Bài tập nhóm:20% Thi hết môn:60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
12	Chiến lược kinh doanh***	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chiến lược kinh doanh để các nhà quản trị doanh nghiệp, những người khởi nghiệp kinh doanh có thể phân tích và lựa chọn giải pháp chiến lược phù hợp cho doanh nghiệp của mình ở từng giai đoạn phát triển khác nhau.	3	HK7	Chuyên cần:5% Bài kiểm tra giữa kỳ:15% Bài tập nhóm:20% Thi hết môn:60%
13	Quản trị nguồn nhân lực*	Dựa trên lý thuyết cổ điển và đương đại và nghiên cứu thực nghiệm, hình thành một phân tích nhân văn và pháp lý của các tổ chức, hiểu rõ các nguyên tắc cơ bản của quản lý nguồn nhân lực: (i) vai trò của quản lý nguồn nhân lực đối với người sáng tạo. của chiến lược tổ chức. (ii) chức năng nguồn nhân lực là một chức năng chiến lược quan trọng trong các tổ chức thành công. (iii) mối quan hệ năng động giữa chiến lược, con người, công nghệ và các quy trình thúc đẩy các tổ chức. Các lĩnh vực chủ đề chính bao gồm: luật việc làm, nhân sự, lương thưởng, phát triển nguồn nhân lực và quản lý hiệu suất.	3	HK6	Chuyên cần: 10% Thảo luận / tham gia: 10% Bài tập về nhà! Bài tập: 10% Kỳ thi giữa kỳ: 10% Thi cuối kỳ: 60%
14	Đại cương về lãnh đạo*	Khóa học tập trung vào việc cung cấp kiến thức của sinh viên về lãnh đạo: sự quan trọng của việc hiểu bản thân và thế giới, tìm hiểu bối cảnh và hiện tượng để dẫn dắt tổ chức; các bước để dẫn dắt nhóm của họ và giải quyết các vấn đề Có thể áp dụng các kỹ năng lãnh đạo tại nơi làm việc của họ một cách hiệu quả. Nghiên cứu về cách tiếp cận để đánh giá nhóm và cách thúc đẩy họ vượt qua khó khăn. Phát triển kỹ năng cần thiết để trở thành một nhà lãnh đạo.	3	HK5	Điểm danh và đánh giá cá nhân dựa vào thái độ học tập: 10% Thảo luận bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% bài thi hết học phần: 60%
15	Quản trị sự thay đổi***	Cung cấp các kiến thức mang tính liên ngành trong quản trị; Có thể áp dụng kiến thức khoa học hành vi để quản trị tổ chức. Hiểu rõ về khả năng cạnh tranh của tổ chức và doanh nghiệp.	3	HK7	Chuyên cần: 5% Thảo luận/Bài tập nhóm: 15% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Tiểu luận học phần: 60%
16	Quản trị rủi ro***	Học phần trang bị cho sinh viên về ngành quản trị kinh doanh với các kiến thức chủ yếu sau: hiểu thế nào là quản trị rủi ro trong hoạt động điều hành kinh doanh, các nguyên tắc của quản trị rủi ro trong hệ thống tổ chức, định dạng các loại rủi ro thường xảy ra trong quản lý, phân tích và đánh giá rủi ro và các quyết định đưa ra xử lý các rủi ro tiềm năng trong điều kiện các thông tin bất đối xứng, tổ chức và phòng ngừa rủi ro trong các tổ chức kinh doanh.	3	HK6	Chuyên cần (Kiểm tra tính chuyên cần) 10% Thảo luận, Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn: 60%
17	Quản trị chiến lược*	Cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát tình hình kinh doanh, sự tương tác giữa các lĩnh vực chức năng khác nhau như nguyên tắc quản lý, tiếp thị, quản lý vận hành, tài chính và kế toán. Người học hiểu rõ: quy trình quản lý chiến lược của các công ty trong môi trường cạnh tranh.	3	HK5	Chuyên cần: 5% Thảo luận / tham gia: 5% Bài tập về nhà / Bài tập: 15% Kỳ thi giữa kỳ: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
18	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp*	Cung cấp và hình thành kiến thức: hiểu biết về phạm vi của các vấn đề CSR, phát triển quan điểm nhiều bên liên quan trong việc xem xét các vấn đề CSR, khám phá các kết nối giữa chiến lược và CSR, so sánh và đối chiếu nhiều quan điểm và sự đánh đổi tồn tại trong khu vực của CSR, phân tích các vấn đề phức tạp mà các nhà lãnh đạo tổ chức phải đối mặt khi họ phát triển các chương trình CSR của họ, đánh giá mức độ cam kết với CSR của các tổ chức khác nhau và giải thích làm thế nào nó có thể là một nguồn lợi thế cạnh tranh, hiểu biết về các vấn đề phức tạp đang đối mặt với các nhà lãnh đạo doanh nghiệp và xã hội.	3	HK6	Tham dự lớp học, đóng góp trong lớp và thảo luận: 10% Thuyết trình nhóm, dự án khóa học: 10% Kỳ thi giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
V.2	Các học phần tự chọn		27		
19	Đàm phán thương mại quốc tế***	Học phần cung cấp cho người học: Những nghiên cứu các vấn đề cơ bản trong đàm phán thương mại quốc tế bao gồm những đặc điểm của đàm phán thương mại quốc tế, các kiểu đàm phán thương mại quốc tế, một số mô hình đàm phán. Nghiên cứu những yếu tố ảnh hưởng đàm phán thương mại quốc tế. Giới thiệu các chiến lược, các phương pháp tiếp cận và các kỹ thuật trong đàm phán thương mại quốc tế cũng như quá trình tổ chức đàm phán trong thương mại quốc tế từ việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, kết thúc và kiểm tra quá trình đàm phán...	3	Học phần chưa chọn lựa	Chuyên cần:5% Bài kiểm tra giữa kỳ:15% Bài tập nhóm:20% Thi hết môn:60%
20	Quản trị thành tích và thù lao lao động	Cung cấp các kiến thức cơ bản về quản lý thành tích và thù lao lao động của tổ chức là một trong chức năng quan trọng của quản trị nhân lực. Hiểu rõ một số vấn đề quan trọng để thực hiện quản lý: phân tích công việc, đánh giá việc thực hiện công việc, khuyến khích động viên nhân viên, hệ thống thù lao lao động, vấn đề tiền lương, tiền thưởng.	3	Học phần chưa chọn lựa	Chuyên cần:10% Bài kiểm tra giữa kỳ:30% Thi hết môn:60%
21	Đào tạo và phát triển nhân lực	Hiểu rõ những khái niệm cơ bản về đào tạo và phát triển, công tác lập kế hoạch đào tạo và phát triển, nắm được lý thuyết dạy học người lớn, lý thuyết đường cong học hỏi, biết thiết kế chương trình đào tạo huấn luyện nhân viên trong đơn vị và tổ chức thực hiện.	3	HK7	Chuyên cần:10% Bài kiểm tra giữa kỳ:30% Thi hết môn:60%
22	Các mô hình ra quyết định	Học phần tập trung vào việc giới thiệu các vấn đề liên quan đến các mô hình ra quyết định, bao gồm: các mô hình ra quyết định dạng tuyến tính và phi tuyến... Vai trò của dùng mô hình trong việc ra quyết định của nhà quản trị trong môi trường kinh doanh ngày nay; sự tương phản của việc nhiều nhà quản trị thường ra quyết định . Rèn luyện kỹ năng ra quyết định thông qua thực tế và các bài tập tình huống trong quá trình giảng dạy.	3	HK6	Chuyên cần:10% Bài kiểm tra giữa kỳ:20% Bài tập nhóm:10% Thi hết môn:60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
23	Nghiên cứu Marketing	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản trong việc xác định vấn đề và mục tiêu nghiên cứu của một cuộc nghiên cứu Marketing; thiết kế các mô hình nghiên cứu; phê chuẩn dự án nghiên cứu; xác định loại thông tin cần thu thập, các phương pháp thu nhập thông tin; cách đo lường và đánh giá trong nghiên cứu Marketing; phân tích và diễn giải các dữ liệu; Hình thành năng lực viết báo cáo và trình bày dự án nghiên cứu.	3	Học phần chưa chọn lựa	Chuyên cần: 5% Bài tập, thảo luận: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi hết môn: 60%
24	Quản trị thương hiệu	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Quản trị Kinh doanh	3	HK5	
25	Hành vi người tiêu dùng*	Hình thành cho người học có cách nhìn tổng quan về hành vi người tiêu dùng, đánh giá mức độ tin cậy của khách hàng; Nhận diện về các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng; quá trình ra quyết định mua sắm của người tiêu dùng, các phương pháp thu hút và nỗ lực giữ khách hàng, đánh giá độ trung thành và tạo mối quan hệ thân thiện với khách hàng; Hình thành năng lực ra quyết định đúng đắn trên cơ sở các chính sách Marketing	3	HK7	Bi tập nhóm/cá nhân: 15% Câu đố: 5% Đóng góp trong lớp: 5% Tham dự: 5% Kiểm tra cuối cùng: 60%
26	Marketing quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế Quốc tế	3	Học phần chưa chọn lựa	Chuyên cần: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 10% Bài tập cá nhân: 10% Bài tập nhóm: 15% Thi hết môn: 60%
27	Marketing dịch vụ	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản tổng quan về kinh tế dịch vụ, bản chất sản phẩm dịch vụ và Marketing dịch vụ, quá trình nhận thức và quản trị chất lượng dịch vụ; xác định các mục tiêu, nguyên tắc, phương pháp định giá trong sản phẩm dịch vụ; xây dựng hệ thống kênh và những quyết định trong phân phối dịch vụ; Nhận biết bản chất của xúc tiến hỗn hợp trong dịch vụ, các yêu cầu, nội dung công tác quảng cáo, xúc tiến bán hàng, quan hệ với công chúng trong dịch vụ. Xác định được vị trí, vai trò của yếu tố con người trong cung ứng dịch vụ, như: Bản chất giao tiếp trong dịch vụ, giao tiếp cá nhân, chính sách giao tiếp giữa công ty và khách hàng trong Marketing dịch vụ, những yếu tố chi phối và chính sách dịch vụ khách hàng.... trên cơ sở kiến thức nền tảng	3	Học phần chưa chọn lựa	Chuyên cần: 5% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài tập, thảo luận: 15% Thi hết môn: 60%
28	Marketing điện tử	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kế toán chất lượng cao theo TT 23	3	Học phần chưa chọn lựa	
29	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Quản trị Kinh doanh	3	HK5	

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
30	Quản trị chất lượng	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản và hiện đại về chất lượng và quản trị chất lượng trong doanh nghiệp và các tổ chức. Nội dung học phần bao gồm các vấn đề: các quan niệm về chất lượng trong nền kinh tế thị trường; thực chất và nội dung của quản trị chất lượng; chi phí chất lượng; bản chất và cách áp dụng các hệ thống quản trị chất lượng hiện đại: ISO 9000, TQM; hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng, các công cụ thống kê ứng dụng trong quản trị chất lượng, các phương pháp kiểm tra, đánh giá chất lượng...	3	Học phần chưa chọn lựa	Chuyên cần:5% Bài kiểm tra giữa kỳ:20% Bài tập cá nhân:5% Bài tập nhóm:10% Thi hết môn:60%
31	Quản trị công ty	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Quản trị Kinh doanh	3	Học phần chưa chọn lựa	
32	Quản trị công nghệ***	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức có hệ thống về công nghệ và quản trị công nghệ, đặc biệt là các nội dung liên quan đến quản trị yếu tố phần cứng và phần mềm. Nội dung chính của học phần tập trung vào việc giới thiệu các vấn đề liên quan quản trị công nghệ trong doanh nghiệp, bao gồm: Tổng quan về quản trị công nghệ; Chiến lược sử dụng và phát triển công nghệ; Lựa chọn công nghệ và phát triển công nghệ; Quản trị tác nghiệp và các dự án công nghệ; Chuyển giao công nghệ.	3	HK6	Chuyên cần:10% Bài kiểm tra giữa kỳ:15% Bài tập nhóm:15% Thi hết môn:60%
33	Quản trị dự án	Học phần trang bị cho sinh viên các phương pháp và thực tế hàng đầu trong lĩnh vực quản trị dự án. Quản trị dự án là yêu cầu cần có trong rất nhiều ngành nghề nhiều lĩnh vực, nhiều chủ doanh nghiệp hiện nay cho rằng các kỹ năng quản trị dự án là kỹ năng sống còn cho sự thành công của doanh nghiệp.	3	Học phần chưa chọn lựa	Chuyên cần:10% Bài kiểm tra giữa kỳ:30% Thi hết môn:60%
34	Quản lý đầu tư	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học phần chưa chọn lựa	
35	Kế toán quản trị	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	HK7	Chuyên cần:7.5% Bài kiểm tra giữa kỳ:15% Bài tập cá nhân:7.5% Thi hết môn:60%
36	Kiểm toán căn bản	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học phần chưa chọn lựa	
37	Phân tích tài chính	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học phần chưa chọn lựa	Chuyên cần:5% Bài kiểm tra giữa kỳ:15% Bài tập cá nhân:10% Bài tập nhóm:10%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
					Thi hết môn:60%
38	Các thị trường và định chế tài chính	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Tài chính ngân hàng	3	Học phần chưa chọn lựa	Chuyên cần:20% Bài kiểm tra giữa kỳ:20% Thi hết môn:60%
39	Quản trị tài chính quốc tế***	Khóa học giới thiệu và mở rộng việc ra quyết định tài chính để tối đa hóa giá trị của doanh nghiệp trong bối cảnh quốc tế. Người học có thể giải thích các biến động tỷ giá hối đoái trên cơ sở kiến thức kiểm tra tỷ giá hối đoái, quan sát các tác động và điều tra các yếu tố; xác định các chiến lược để giảm thiểu tác động của thay đổi tỷ giá hối đoái; Hiểu rõ các vấn đề liên quan đến toàn cầu hoá thị trường vốn cũng sẽ được đề cập, bao gồm đầu tư quốc tế, chi phí đa quốc gia về vốn và cơ cấu vốn, lập ngân sách vốn đa quốc gia và tái cơ cấu. Phát triển kỹ năng tài chính quốc tế thông qua nghiên cứu các trường hợp dự án tập đoàn đa quốc gia ...	3	HK7	Tham dự và tham gia:10% Bài kiểm tra giữa kỳ:10% Đề xuất & trình bày nghiên cứu:20% Kiểm tra cuối cùng:60%
40	Thương mại điện tử	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chất lượng cao theo TT 23	3	HK4	
41	Thương mại quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chất lượng cao theo TT 23	3	Học phần chưa chọn lựa	
V.3	Thực tập, thực tế và khóa luận tốt nghiệp		15		
42	Thực tập thực tế 1	Thực tập thực tế 1 là học phần bắt buộc đối với sinh viên từ năm thứ 2 trở đi. Đây là học phần mang tính thực tiễn cao. Sinh viên đi thực tập tại doanh nghiệp theo nhóm trong 04 tuần để tìm hiểu và nghiên cứu về tổ chức của doanh nghiệp và ngành nghề doanh nghiệp kinh doanh. Mỗi nhóm thực tập phải viết báo cáo tổng hợp theo định hướng kiến tạo các ý tưởng khởi nghiệp. Sinh viên thực tập tại doanh nghiệp được sự hướng dẫn của cán bộ tại doanh nghiệp là các cộng tác viên của Khoa QTKD và Trường ĐH Kinh tế – ĐHQGHN. Báo cáo tổng hợp chỉ được nghiệm thu khi có sự đồng ý của người hướng dẫn tại doanh nghiệp.	2	HK4	Chuyên cần: 40% Báo cáo thu hoạch: 60%
43	Thực tập thực tế 2	Thực tập thực tế 2 là học phần bắt buộc đối với sinh viên từ năm thứ 3 trở đi. Sinh viên thực tập tại doanh nghiệp theo nhóm trong 06 tuần để nghiên cứu thực tiễn và viết một đề án liên quan đến nội dung khởi sự doanh nghiệp của mình.	3	HK6	Chuyên cần: 40% Báo cáo thu hoạch: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		Mỗi nhóm sinh viên sẽ phải bảo vệ đề án trước hội đồng do Khoa QTKD thành lập. Sinh viên thực tập tại doanh nghiệp được sự hướng dẫn của cán bộ tại doanh nghiệp là các cộng tác viên của Khoa QTKD và Trường ĐH Kinh tế – ĐHQGHN. Đề án chỉ được nghiệm thu khi có sự nhất trí thông qua của hội đồng đánh giá.			
44	Niên luận	Hình thành cho sinh viên kỹ năng tiếp cận với các vấn đề phát triển, kỹ năng xác định phương hướng học tập và làm việc sau khi ra trường. Tạo điều kiện để sinh viên được tiếp xúc trực tiếp với kiến thức thực tế	3	HK6	Bài Niên luận: 100%
45	Khóa luận tốt nghiệp	Tổng hợp, phân tích, nghiên cứu, vận dụng các kiến thức trong toàn khóa học để hoàn thành bài khóa luận và trình bày báo cáo trước hội đồng	7	HK8	

3. Thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng ứng dụng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
I	Khối kiến thức chung		8		
		Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị			
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		47		
II.1	Các học phần bắt buộc		25		
1.	Quản trị chiến lược nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	03	HKI	
2.	Quản trị Marketing nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	03	HKII	
3.	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Tài chính – Ngân hàng	03	HKI	

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
4.	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, phát triển kinh doanh bền vững và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập kinh tế quốc tế. Có kỹ năng phân tích phát triển kinh doanh bền vững và đạo đức trong kinh doanh, áp dụng kiến thức văn hóa doanh nghiệp vào thực.	03	HKII	Chuyên cần:10% Thảo luận Bài tập nhóm:10% Bài kiểm tra giữa kỳ:20% Bài thi hết môn:60%
5.	Lãnh đạo trong tổ chức	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến lãnh đạo, phong cách lãnh đạo, năng lực lãnh đạo... Có kỹ năng phân tích, thuyết trình, thuyết phục và lãnh đạo phục vụ cho việc điều hành và quản trị doanh nghiệp.	02	HKII	Chuyên cần:10% Thảo luận và Bài tập nhóm:10% Bài kiểm tra giữa kỳ:20% Bài thi hết môn:60%
6.	Thiết kế và nghiên cứu luận văn	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị	02		
7.	Quản trị sản xuất và tác nghiệp nâng cao	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến hoạt động quản trị sản xuất và điều hành như phân tích hoạt động sản xuất, quản trị dự án, quản trị hàng tồn kho... Có kỹ năng phân tích các hoạt động sản xuất và tác nghiệp trong điều kiện thực tiễn doanh nghiệp Việt Nam.	03	HK1	Chuyên cần:10% Thảo luận Bài tập nhóm:10% Bài kiểm tra giữa kỳ :20% Bài thi hết môn:60%
8.	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	Học viên có thể phân tích các hoạt động tài chính doanh nghiệp và nghiên cứu các lý thuyết tài chính, thực tế về quản lý tài chính trong môi trường hoạt động của các công ty. Các phương pháp đánh giá cơ hội đầu tư và hoạt động tài chính cũng được thảo luận trên lớp. Học viên có khả năng phân tích các hoạt động tài chính doanh nghiệp, đánh giá cơ hội đầu tư trong doanh nghiệp phù hợp với thực tiễn Việt Nam.	03	HK3	Chuyên cần:10% Thảo luận Bài tập nhóm:10% Bài kiểm tra giữa kỳ:20% Bài thi hết môn:60%
9.	Quản trị công ty nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kế toán	03	Học phần chưa chọn lựa	
II.2	Các học phần tự chọn		22/46		
10.	Các lý thuyết quản trị hiện đại	Học viên hiểu rõ các học thuyết quản trị hiện đại phương Tây và những tư tưởng quản trị phương Đông; những yêu cầu và thách thức đối với công tác quản trị và lãnh đạo trong thế kỷ 21.	02	HK3	Chuyên cần:10% Thảo luận Bài tập nhóm:10%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		Học viên có khả năng vận dụng lý thuyết quản trị hiện đại vào công tác quản trị doanh nghiệp phù hợp với thực tiễn Việt Nam.			Bài kiểm tra giữa kỳ :20% Bài thi hết môn:60%
11.	Kinh tế học quản lý	Học viên hiểu rõ các nguyên lý kinh tế học vi mô như: phân tích cung cầu thị trường, phân tích hàm sản xuất và chi phí, phân tích rủi ro và các quyết định đầu tư Học viên có khả năng phân tích và vận dụng các nguyên lý kinh tế học vi mô vào công tác quản trị doanh nghiệp phù hợp với thực tiễn Việt Nam.	02	Học phần chưa chọn lựa	Chuyên cần:10% Thảo luận Bài tập nhóm:10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn:60%
12.	Các thị trường và định chế tài chính	Học viên được cung cấp những kiến thức về các vấn đề liên quan đến thị trường tài chính và các khái niệm về các định chế tài chính. Có kỹ năng phân tích và tổng hợp thông tin về thị trường tài chính và cấu trúc của hệ thống tài chính, phân tích và nhận định được các cơ hội đầu tư.	02	Học phần chưa chọn lựa	Chuyên cần:10% Thảo luận Bài tập nhóm:10% Bài kiểm tra giữa kỳ:20% Bài thi hết môn:60%
13.	Kế toán quản trị nâng cao	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến kế toán quản trị, bao gồm: đối tượng, chức năng và các phương pháp dùng trong kế toán quản trị, phân loại chi phí và các phương pháp xác định chi phí. Có kỹ năng phân tích về chi phí, giá bán, hòa vốn, kết cấu mặt hàng, dự toán ngân sách.	02	Học phần chưa chọn lựa	Chuyên cần:10% Thảo luận Bài tập nhóm:10% Bài kiểm tra giữa kỳ:20% Bài thi hết môn:60%
14.	Ra quyết định quản trị	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến công tác ra quyết định quản trị như phát hiện vấn đề, các bước giải quyết vấn đề, mô hình ra quyết định... Có kỹ năng phân tích và tổng hợp thông tin cũng như đánh giá để đưa ra các quyết định nhanh chóng và chính xác trong môi trường kinh doanh bất định.	02	HK2	Chuyên cần:10% Thảo luận Bài tập nhóm:10% Bài kiểm tra giữa kỳ:20% Bài thi hết môn:60%
15.	Chiến lược cạnh tranh	Hiểu rõ khung phân tích về ngành kinh doanh và đối thủ cạnh tranh, để định vị chiến lược cạnh tranh cho doanh nghiệp. Có kỹ năng thu thập, phân tích và tổng hợp thông tin cũng như đánh giá để chỉ ra những nhân tố quyết định hay những lực lượng cạnh tranh ẩn giấu trong ngành kinh doanh	03	HK3	Chuyên cần:10% Thảo luận Bài tập nhóm:10% Bài kiểm tra giữa kỳ:20% Bài thi hết môn:60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
16.	Quan hệ công chúng	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến quan hệ công chúng, giao tiếp trong PR, và hoạt động quan hệ công chúng của doanh nghiệp. Có kỹ năng thực hiện các hoạt động quan hệ công chúng, giao tiếp, PR phục vụ doanh nghiệp	02	HK1	Chuyên cần:10% Thảo luận Bài tập nhóm:10% Bài kiểm tra giữa kỳ:20% Bài thi hết môn:60%
17.	Quản trị rủi ro	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kế toán	02	HK3	Chuyên cần:10% Thảo luận Bài tập nhóm:10% Bài kiểm tra giữa kỳ:20% Bài thi hết môn:60%
18.	Tinh thần doanh nghiệp	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến điều hành và thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ phát triển nằm trong chuỗi tuần hoàn của sáng tạo tại Việt Nam. Có kỹ năng phân tích, đánh giá, tư duy liên quan đến phát triển doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh bất định Việt Nam	02	HK3	Chuyên cần:10% Thảo luận Bài tập nhóm:10% Bài kiểm tra giữa kỳ:20% Bài thi hết môn:60%
19.	Quản trị công nghệ	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị khoa học và công nghệ của cơ quan, của doanh nghiệp. Có kỹ năng phân tích, đánh giá, tư duy liên quan đến lựa chọn các giải pháp phù hợp để phát triển năng lực công nghệ và duy trì khả năng cạnh tranh bền vững	03	HK2	Chuyên cần: 10% Thảo luận/Bài tập nhóm: 10% Bài kiểm tra giữa kỳ:20% Bài thi hết môn: 60%
20.	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế cạnh tranh và toàn cầu hóa. Có kỹ năng phân tích, đánh giá trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, thiết lập và triển khai các chính sách và tiêu chuẩn liên quan đến trách nhiệm xã hội	02	HK3	Chuyên cần:10% Thảo luận Bài tập nhóm:10% Bài kiểm tra giữa kỳ:20% Bài thi hết môn:60%
21.	Quản trị dự án	Hiểu bản chất về quản trị dự án; các nội dung của quản trị dự án và phương pháp thực hiện dự án; hình thành kỹ năng làm việc nhóm;	02	HK2	Chuyên cần:10% Thảo luận Bài tập nhóm:10% Bài kiểm tra giữa kỳ:20% Bài thi hết môn:60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
22.	Quản trị thương hiệu	Học viên được cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến quản trị thương hiệu trong doanh nghiệp. Có kỹ năng phân tích, đánh giá, lựa chọn các phương án thiết kế và bảo vệ thương hiệu; quảng bá và khai thác thương hiệu, xử lý những tình huống thương hiệu tại doanh nghiệp	02	HK3	Chuyên cần:10% Thảo luận Bài tập nhóm:10% Bài kiểm tra giữa kỳ:20% Bài thi hết môn:60%
23.	Hành vi tổ chức nâng cao	Học viên được cung cấp những kiến thức về các vấn đề liên quan đến hành vi trong tổ chức bao gồm những thay đổi, xung đột về hành vi cá nhân, nhóm trong tổ chức. Có kỹ năng phân tích, đánh giá những thay đổi, xung đột về hành vi cá nhân, nhóm trong doanh nghiệp. .	02	Học phần chưa chọn lựa	Chuyên cần:10% Thảo luận Bài tập nhóm:15% Bài kiểm tra giữa kỳ:15% Bài thi hết môn:60%
24.	Kinh doanh quốc tế: Thách thức trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Quốc tế	3	Học phần chưa chọn lựa	
25.	Thương mại điện tử: Lý thuyết và ứng dụng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Quốc tế	2	Học phần chưa chọn lựa	Chuyên cần:10% Thảo luận Bài tập nhóm:10% Bài kiểm tra giữa kỳ:20% Bài thi hết môn:60%
26.	Quản trị tài chính quốc tế	Kiến thức - Hiểu sâu hơn về thị trường tài chính quốc tế, tỷ giá hối đoái và các nhân tố tác động đến tỷ giá hối đoái - Nắm rõ các hệ thống tỷ giá hối đoái, các mô hình dự báo tỷ giá hối đoái - Hiểu và giải thích được ảnh hưởng của biến động tỷ giá hối đoái đến tình hình hoạt động của các công ty hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và các công ty đa quốc gia. - Hiểu được các biện pháp quản trị rủi ro tỷ giá hối đoái. - Hiểu được phương thức thanh toán trong thương mại quốc tế, các hình thức tài trợ thương mại quốc tế. - Có khả năng phân tích quản trị dòng tiền, các kỹ thuật để tối ưu hóa dòng tiền. Kỹ năng:	3	Học phần chưa chọn lựa	Chuyên cần:10% Thảo luận Bài tập nhóm:10% Bài kiểm tra giữa kỳ:20% Bài thi hết môn:60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết những cơ hội và rủi ro mà các công ty hoạt động trên thị trường quốc tế có thể gặp phải. - Biết áp dụng những chiến lược để dự báo và phòng ngừa rủi ro tỷ giá. - Biết sự khác biệt giữa các phương thức thanh toán trong thương mại quốc tế để sử dụng các phương tiện, phương thức thanh toán phù hợp với từng thương vụ cụ thể trong thương mại quốc tế. - Biết kỹ năng quản trị để tối ưu hóa dòng tiền cho doanh nghiệp hoạt động trên thị trường quốc tế. 			
27.	Phân tích đầu tư và quản trị danh mục đầu tư	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3	Học phần chưa chọn lựa	
28.	Tài chính doanh nghiệp quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	2	Học phần chưa chọn lựa	
29.	Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Kinh tế Chính trị (áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần và phù hợp)	3	Học phần chưa chọn lựa	
30.	Luận văn thạc sĩ		9		

4. Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh định hướng nghiên cứu

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
I	Khối kiến thức chung		8		
		Tương tự các học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế Chính trị			
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		41		
II.1	Các học phần bắt buộc		21		

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
1.	Thiết kế và nghiên cứu luận văn	-Mục tiêu của học phần là trang bị cho học viên những kiến thức, kỹ năng nghiên cứu khoa học, kỹ năng viết và sử dụng các nguồn tài liệu, giúp cho học viên hoàn thành luận văn thạc sĩ. -Thông qua học phần viên nắm được mục tiêu, bản chất của nghiên cứu khoa học, áp dụng phương pháp nghiên cứu ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh. Nắm vững vai trò cũng như các công cụ khác nhau của kinh tế lượng trong công tác nghiên cứu phân tích và dự báo cũng như kiểm định các lý thuyết kinh tế. -Hiểu biết sâu về bản chất cũng như nội hàm của các giả thiết của mô hình hồi quy cổ điển, các hệ quả đối với các ước lượng tham số, các phương pháp kiểm định các giả thiết cũng như một số trường hợp mở rộng mô hình hồi quy cơ bản thường gặp.	03	HKII	Chuyên cần:10% Thảo luận, Bài tập nhóm:10% Bài kiểm tra giữa kỳ :20% Bài thi hết môn:60%
2.	Các lý thuyết quản trị hiện đại	Học viên hiểu rõ các học thuyết quản trị hiện đại phương Tây và những tư tưởng quản trị phương Đông; những yêu cầu và thách thức đối với công tác quản trị và lãnh đạo trong thế kỷ 21. Học viên có khả năng vận dụng lý thuyết quản trị hiện đại vào công tác quản trị doanh nghiệp phù hợp với thực tiễn Việt Nam.	03	HK3	Chuyên cần:10% Thảo luận Bài tập nhóm:10% Bài kiểm tra giữa kỳ :20% Bài thi hết môn:60%
3.	Quản trị chiến lược nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	03	HKI	
4.	Quản trị Marketing nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	03	HKII	
5.	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành	03	HKII	
6.	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo tiến sĩ Tài chính – Ngân hàng	03	HKI	
7.	Lãnh đạo trong tổ chức	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành	03	HKII	
II.2	Các học phần tự chọn		20/40		
8.	Tinh thần doanh nghiệp	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành	02	HK3	

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
9.	Quản trị sản xuất và tác nghiệp nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành	03	HK1	
10.	Ra quyết định quản trị	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành	02	HK2	
11.	Kinh tế học quản lý	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành	02	Học phần chưa chọn lựa	
12.	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành	03	HK3	
13.	Các thị trường và định chế tài chính	Học viên được cung cấp những kiến thức về các vấn đề liên quan đến thị trường tài chính và các khái niệm về các định chế tài chính. Có kỹ năng phân tích và tổng hợp thông tin về thị trường tài chính và cấu trúc của hệ thống tài chính, phân tích và nhận định được các cơ hội đầu tư.	03	Học phần chưa chọn lựa	Chuyên cần:10% Thảo luận Bài tập nhóm:10% Bài kiểm tra giữa kỳ: 20% Bài thi hết môn:60%
14.	Kế toán quản trị nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	02	Học phần chưa chọn lựa	
15.	Quản trị công ty nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kế toán	03	Học phần chưa chọn lựa	
16.	Chiến lược cạnh tranh	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành	03	HK3	
17.	Quan hệ công chúng	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành	02	HK1	
18.	Quản trị rủi ro	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kế toán	02	HK3	
19.	Quản trị công nghệ	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành	03	HK2	

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
20.	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Học viên nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế cạnh tranh và toàn cầu hóa. Có kỹ năng phân tích, đánh giá trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, thiết lập và triển khai các chính sách và tiêu chuẩn liên quan đến trách nhiệm xã hội	03	HK3	Chuyên cần:10% Thảo luận Bài tập nhóm:10% Bài kiểm tra giữa kỳ :20% Bài thi hết môn:60%
21.	Quản trị dự án	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành	02	HK2	
22.	Quản trị thương hiệu	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành	02	HK3	
23.	Hành vi tổ chức nâng cao	<i>Kiến thức:</i> Học viên nắm được những kiến thức về các vấn đề liên quan đến hành vi trong tổ chức bao gồm những thay đổi, xung đột về hành vi cá nhân, nhóm trong tổ chức. <i>Kỹ năng:</i> Có kỹ năng phân tích, đánh giá những thay đổi, xung đột về hành vi cá nhân, nhóm trong doanh nghiệp.	03	Học phần chưa chọn lựa	Chuyên cần:10% Thảo luận Bài tập nhóm:15% Bài kiểm tra giữa kỳ: 15% Bài thi hết môn:60%
III	Luận văn		15		

5. Tiến sĩ Quản trị kinh doanh

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
I	PHẦN 1. KHỐI KIẾN THỨC BỔ SUNG (Áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần)				
I.1	Học phần bắt buộc				
1	Quản trị chiến lược nâng cao	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	3		
2	Các lý thuyết quản trị hiện đại	Tương tự học phần được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng (định hướng ứng dụng)	2		
I.2	Học phần tự chọn Giáo viên hướng dẫn chọn 01 học phần trong khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN.		3		
II	PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN (Áp dụng cho NCS có bằng thạc sĩ ngành đúng, phù hợp và ngành gần)				

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
II.1	Các học phần tiến sĩ		12		
II.1.1	Các học phần bắt buộc				
1	Phương pháp nghiên cứu định lượng	Tương tpháp nghiên cứu định lượngngành đúng, phù hợp và ngành gần) gia Hà Nội.óm trong tổ chức. ho NCS có b nghiên cứĩ ngành gần và phù hợp)	2		
2	Quản trị tri thức	Sau khi kết thúc môn học, học người học: Hiểu bản chất của quản trị tri thức; Nhận thức được tầm quan trọng của tri thức, của quản trị tri thức; Hiểu rõ những kiến thức cập nhật nhất về quản trị tri thức trong tổ chức về những đặc điểm của tri thức, mô hình tạo ra tri thức; Phân tích, đánh giá được bối cảnh tổ chức để có thể đề ra cách thức tổ chức quản trị tri thức phù hợp. Sử dụng một cách thành thực các công cụ phương tiện lưu trữ, truyền bá tri thức Có thể áp dụng các phương pháp và công cụ quản trị tri thức trong các loại hình tổ chức khác nhau như doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, tổ chức phi chính phủ.	2		Điểm kiểm tra, bài tập trong kỳ: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi cuối kỳ: 60%
3	Đổi mới và sáng tạo trong kinh doanh	Người học được cung cấp các kiến thức: bản chất của đổi mới, sáng tạo trong kinh doanh và doanh nghiệp gắn với môi trường bất định. Hiểu rõ các nội dung đổi mới, sáng tạo cũng như quy trình đổi mới trong kinh doanh và nắm chắc các cách thức đổi mới, sáng tạo cũng như các chủ thể thúc đẩy đổi mới, sáng tạo. Hiểu sâu về môi trường và văn hóa kinh doanh liên quan đến đổi mới sáng tạo trong kinh doanh ở Việt Nam cũng như một số ví dụ điển hình về các trường hợp đổi mới thành công trong thực tiễn. Áp dụng các kỹ năng duy trì sự đổi mới, sáng tạo trong một lĩnh vực cụ thể, duy trì khả năng phân tích và áp dụng các ý tưởng và khái niệm được giới thiệu trong khóa học. phát triển các kỹ năng mềm khác như quản lý thời gian, quản lý nguồn lực, khả năng học và tự học, thuyết trình; phân tích tình huống và thuyết trình, học viên được phát triển các kỹ năng khác như kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng giao tiếp ...	2	Môn học được giảng dạy trong 15 tuần, bao gồm các giờ lý thuyết và thảo luận	Điểm kiểm tra, bài tập trong kỳ: 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% Điểm thi cuối kỳ: 60%
II.1.2	Các học phần tự chọn		2		

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
	Giáo viên hướng dẫn chọn 01 môn học trong khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Tài chính-Ngân hàng, Kinh tế quốc tế, Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế của Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN.				
III.2	Các chuyên đề tiến sĩ				
4	Chuyên đề tự chọn 1		2		
5	Chuyên đề tự chọn 2		2		
6	Chuyên đề tự chọn 3		2		
	Tiểu luận tổng quan				
	NGHIÊN CỨU KHOA HỌC: - Báo cáo NCKH tại các seminar cấp Bộ môn/Viện; - Tham gia tối thiểu 02 hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; - Công bố sản phẩm NCKH: (i) 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong đó tối thiểu có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI/Scopus; hoặc (ii) 02 báo cáo trong kì yếu hội thảo quốc tế có uy tín xuất bản bằng tiếng nước ngoài có phản biện, có mã số ISBN; hoặc (iii) 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài.				
	THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO: - Tham gia đầy đủ các seminar khoa học, hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định; - Trợ giảng bậc đại học/thạc sĩ hoặc hướng dẫn sinh viên, học viên thực hành, thực tập; - Hướng dẫn 02 khóa luận tốt nghiệp đại học hoặc tham gia giảng dạy, trợ giảng các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do đơn vị tổ chức.				
IV.	PHẦN 4. LUẬN ÁN TIẾN SĨ				
	Luận án tiến sĩ		70		

D. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ GIÁO TRÌNH, TÀI LIỆU THAM KHẢO CƠ SỞ GIÁO DỤC TỔ CHỨC BIÊN SOẠN

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	Nguyên lý thống kê kinh tế	2020	
2	Những vấn đề kế toán đương đại	2020	
3	Giáo trình Ngân hàng quốc tế	2020	Quản trị ngân hàng thương mại

E. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ ĐỒ ÁN, KHÓA LUẬN, LUẬN VĂN, LUẬN ÁN TỐT NGHIỆP

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	
				HD1	HD2
I	Tiến sĩ				
1		Quản trị trường đại học công lập ở Việt Nam	Hoàng Thị Cẩm Thương	PGS.TS. Vũ Hoàng Ngân	TS. Đinh Văn Toàn
2		Tác động của tạo động lực làm việc đến kết quả công việc của giảng viên: Nghiên cứu điển hình tại Đại học Quốc gia Hà Nội	Bùi Hồng Phượng	PGS.TS. Nguyễn Anh Thu	TS. Lưu Quốc Đạt
3		Nghiên cứu nhân tố tác động đến lượng tiền gửi tại các ngân hàng thương mại Việt Nam	Vũ Thị Phương Thảo	PGS.TS. Lê Trung Thành	
4		Đề xuất Bộ chỉ tiêu cảnh báo sớm nhằm tái cơ cấu chủ động Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam	Đoàn Đức Minh	PGS.TS. Trần Thị Thanh Tú	
5		Phát triển dịch vụ dành cho khách hàng giàu tại các Ngân hàng thương mại Việt Nam	Bùi Thị Thu Trang	PGS.TS. Trần Thị Thanh Tú	
6		Quản lý vốn vay nước ngoài cho phát triển sinh kế hộ gia đình dân tộc thiểu số tỉnh Lào Cai	Nguyễn Thành Luân	PGS.TS. Vũ Thanh Sơn	TS. Trần Quang Tuyền
7		Tác động của Quản trị tri thức đến kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học của trường đại học: Nghiên cứu điển hình tại Đại học	Lê Đình Bình	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Thắng	
8		Xây dựng phương pháp và bộ công cụ hoạch định chiến lược cho các hiệp hội danh nghiệp Việt Nam	Phạm Tiến Dũng	PGS.TS. Nguyễn Đăng Minh	
9		Phát triển kinh tế hộ phi nông nghiệp ở các tỉnh Bắc Trung Bộ, Việt Nam	Nguyễn Thị Thùy Dung	TS. Trần Quang Tuyền	TS. Hoàng Khắc Lịch

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	
10		Chính sách hỗ trợ sinh kế cho hộ nông dân ở tỉnh Thái Nguyên	Nguyễn Thị Huyền	TS. Trần Quang Tuyền	TS. Nguyễn Thu Hà
11		Chuỗi giá trị du lịch ASEAN và sự tham gia của ngành du lịch Việt Nam	Lê Hồng Ngọc	PGS.TS. Nguyễn Việt Khôi	
12		Các nhân tố quản trị ảnh hưởng đến kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên tại Đại học Quốc gia Hà Nội	Trương Thị Huệ	PGS.TS. Nguyễn Anh Tuấn	TS. Vũ Văn Hương
13		Các nhân tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận mạng xã hội tại các doanh nghiệp thương mại bán lẻ Việt Nam	Đào Phú Quý	PGS.TS. Nguyễn Anh Tuấn	TS. Lưu Thị Minh Ngọc
14		Tác động của Quản lý tài chính đối với hoạt động các trường cao đẳng công lập tại địa bàn các tỉnh phía Bắc	Hoàng Xuân Cường	PGS.TS. Nguyễn Chiến Thắng	TS. Vũ Văn Hương
15		Quản lý vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước trong phát triển hệ thống thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thái Bình	Lê Công Thanh	PGS.TS. Lê Văn Chiến	TS. Nguyễn Thị Hương
16		Quản lý chuỗi cung ứng nông sản xanh trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	Trịnh Đình Uyên	PGS.TS. Đặng Thị Phương Hoa	TS. Nguyễn Thu Hà
17		Quản lý nhà nước về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông tỉnh đường bộ trên địa bàn thành phố Hà Nội	Võ Thị Hồng Lan	GS.TS. Phan Huy Đường	
18		Quản trị chuỗi cung ứng tinh gọn tại các hợp tác xã nông nghiệp Việt Nam	Nguyễn Thu Trâm	PGS.TS. Nguyễn Đăng Minh	
19		Năng suất lao động tại các doanh nghiệp may ở Việt Nam	Nguyễn Thanh Hải	PGS.TS. Chu Tiến Quang	TS. Trương Minh Đức
20		Những yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của nhân viên văn phòng tại các công ty có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn Hà	Trịnh Hoàng Phương	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn	
21		Tài chính toàn diện tại Việt Nam: Nhân tố quyết định và tác động đến phúc lợi của người dùng	Lê Thị Phương Thảo	PGS.TS. Lê Thanh Tâm	
22		Quản lý nhà nước đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư ở tỉnh Quảng Ninh	Nguyễn Tuấn Anh	PGS.TS. Phạm Văn Dũng	
23		Chính sách quản lý nợ dự phòng ở Việt Nam	Nguyễn Thành Chung	PGS.TS. Trần Đức Hiệp	
24		Quản lý nhà nước về an ninh năng lượng Điện tại Việt Nam	Nguyễn Đức Lâm	PGS.TS. Lê Quốc Hội	TS. Lưu Quốc Đạt

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	
25		Ảnh hưởng của ô nhiễm bom mìn đến sinh kế của người dân ở Việt Nam	Nguyễn Ngọc Thụy	TS. Vũ Văn Hưởng	TS. Nguyễn Thế Kiên
26		Ảnh hưởng của các yếu tố môi trường cửa hàng đối với hành vi khách hàng sử dụng dịch vụ ẩm thực	Nguyễn Thị Hương Giang	PGS.TS. Nhâm Phong Tuấn	
27		Tác động của stress đến kết quả thực hiện công việc của giảng viên tại các Trường Đại học trên địa bàn Hà Nội	Vũ Thị Yến	PGS.TS. Trần Anh Tài	TS. Đinh Văn Toàn
II	Thạc sĩ				
1		Quản lý nhân lực tại Công ty cổ phần chứng khoán Đại Nam	Nguyễn Thị Như Quỳnh	PGS.TS Đinh Văn Thông	
2		Quản lý chi ngân sách nhà nước tại Tổng cục biển và hải đảo Việt Nam	Nguyễn Xuân Tùng	TS. Hoàng Xuân Lâm	
3		Quản lý nhân lực tại Công ty cổ phần SOHACO Việt Nam	Phan Văn Học	TS. Lê Thị Hồng Điệp	
4		Quản lý nhân lực tại Công ty TNHH bảo hiểm phi nhân thọ FUBON Việt Nam	Phạm Huy	TS. Lê Thị Hồng Điệp	
5		Đánh giá kết quả làm việc của người lao động tại Công ty VNPT Technology	Trần Xuân Hiếu	TS. Nguyễn Thùy Dung	
6		Tăng cường thanh tra, giám sát đối với các tổ chức tín dụng của Ngân hàng Nhà Nước – Chi nhánh Tỉnh Tuyên Quang	Hà Hiếu Huế	PGS. TS Lê Hoàng Nga	
7		Chất lượng tín dụng doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (Pvcombank) - Chi nhánh Thái Bình	Phạm Kiều Yên	PGS.TS. Lê Hoàng Nga	
8		Quản lý nhân lực tại Tổng công ty thăm dò khai thác dầu khí Việt Nam	Nguyễn Thị Ngọc Tú	PGS.TS Phạm Văn Dũng	
9		Văn hóa doanh nghiệp của Công ty TNHH New Hope Hà Nội	Bùi Đình Chung	TS. Nguyễn Thùy Dung	
10		Năng lực cạnh tranh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu Điện Liên Việt trong bối cảnh hội nhập quốc tế	Trần Thị Ngọc Ánh	TS. Lưu Thị Minh Ngọc	
11		Chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh tại Khoa Khám Bệnh, Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức	Nguyễn Tiến Thành	PGS.TS. Phan Chí Anh	

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
12		Tuyển dụng nhân lực tại Công ty Liên doanh TNHH Hino Motors Việt Nam	Hoàng Huy Hùng	PGS.TS. Lê Quân
13		Hoạt động kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Nội	Đinh Thị Bích Xuân	TS. Nguyễn Phương Mai
14		Phân tích và dự báo tài chính Công ty cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	Đào Thị Thanh Giang	TS. Trịnh Thị Phan Lan
15		Chất lượng dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại Ngân hàng TMCP An Bình	Nguyễn Thùy Linh	TS. Trần Thị Vân Anh
16		Hoạt động thu thuế tại chi cục Hải Quan Bắc Ninh	Trần Trung Thắng	PGS.TS. Lê Trung Thành
17		Phát triển cho vay tiêu dùng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà	Bùi Thanh Bình	PGS.TS. Nguyễn Anh Tuấn
18		Phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà	Trịnh Thị Thu Dung	PGS.TS. Nguyễn Anh Tuấn
19		Quản trị rủi ro cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội	Nguyễn Thị Diệu Ly	TS. Nguyễn Thị Nhung
20		Ảnh hưởng của việc khôi phục dịch vụ đến sự hài lòng của khách hàng: Trường hợp tại nhà hàng Sunshine Thái Bình	Nguyễn Thu Thủy	TS. Nguyễn Thị Phi Nga
21		Tuyển dụng nhân lực tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	Nguyễn Thanh Long	TS. Đỗ Xuân Trường
22		Chất lượng nhân lực tại nhà máy E112 Công ty TNHH MTV Thanh Bình - BCA	Thái Duy Trường	TS. Nguyễn Duy Lạc
23		Quản lý nhân lực tại Công ty cổ phần xây dựng và nhân lực Việt Nam	Nguyễn Thị Điệp	TS. Lưu Quốc Đạt
24		Quản lý tài chính tại Công ty TNHH phát triển Hương Việt	Nguyễn Thị Phương	TS. Nguyễn Thị Thu Hoài
25		Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng kiểm toán: Trường hợp tại Kiểm toán nhà nước Chuyên ngành Ib	Phạm Đức Hùng	TS. Nguyễn Thị Phi Nga
26		Chất lượng dịch vụ Khách hàng ưu tiên tại Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Lê Hải Vinh	TS. Đặng Công Hoàn

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
27		Phát triển dịch vụ tài trợ thương mại tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Nguyễn Thị Huyền	TS. Đặng Công Hoàn
28		Hiệu quả sử dụng vốn Nhà nước tại tập đoàn viễn thông Quân đội Viettel	Nguyễn Bá Sơn	PGS.TS. Trịnh Thị Hoa Mai
29		Nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng trong công việc của nhân viên tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Hội	Hà Thị Thanh Thúy	TS. Nguyễn Thu Hà
30		Chất lượng dịch vụ hành chính công tại Trung tâm hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc	Nguyễn Thị Ngọc Mai	TS. Trương Minh Đức
31		Quản trị nhân lực tại Công ty TNHH Môi trường công nghiệp xanh	Đỗ Huy Đạt	PGS.TS. Hoàng Văn Hải
32		Quản trị tinh gọn tại Đại học Lâm nghiệp Việt Nam	Nguyễn Thị Thu Nga	PGS.TS. Nguyễn Đăng Minh
33		Quản lý tài chính tại Trường Cao đẳng Y - Dược Asean	Nguyễn Thị Minh	TS. Nguyễn Thùy Anh
34		Triển khai áp dụng kết hợp ISO 9001:2015 và Scrum cho các dự án phần mềm của Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	Tôn Thị Oanh	PGS.TS. Phan Chí Anh
35		Đánh giá hiệu quả kinh tế đầu tư dự án dầu khí tại Tổng công ty thăm dò khai thác dầu khí (PVEP)	Lê Thanh Tùng	PGS.TS Nguyễn Trúc Lê
36		Quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thăng Long	Lê Thanh Sơn	PGS.TS. Trịnh Thị Hoa Mai
37		Quản trị văn hóa doanh nghiệp của Công ty trách nhiệm hữu hạn Long Giang	Đặng Thị Kim Anh	PGS.TS. Đỗ Minh Cường
38		Phân tích và dự báo tài chính công ty cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	Nguyễn Thị Tuyền	TS Nguyễn Thị Hồng Thúy
39		Chiến lược kinh doanh tại Công ty TNHH Tiềm năng sinh thái Hòa Lạc	Vũ Thị Thúy Ngân	PGS.TS. Nhâm Phong Tuấn
40		Phân tích và dự báo tài chính công ty CP Phát triển Công nghệ Viễn Thông tin học Sun Việt.	Vũ Thị Huyền	TS. Nguyễn Thị Thanh Hải
41		Quản lý sử dụng vốn tại Tổng công ty xây dựng Hà Nội - CTCP	Trần Huy Quang	PGS.TS Đinh Văn Thông

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
42		Hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn tại CTCP Thành Thành Công – Biên Hòa.	Trương Thị Huyền	TS.Nguyễn Thế Hùng
43		Chất lượng dịch vụ thẻ thanh toán tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Trần Thùy Dung	TS Nguyễn Xuân Quang
44		Marketing mix cho sản phẩm điện thoại di động tại Công ty TNHH Thế giới di động	Lê Thị Lan	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn
45		Chất lượng hoạt động cho vay đối với khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Bắc Ninh	Hoàng Quốc Dũng	TS. Trần Thế Nữ
46		Hoạt động cho vay khách hàng doanh nghiệp FDI tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	Nguyễn Thị Linh	PGS.TS. Trịnh Thị Hoa Mai
47		Phát triển hoạt động Bancassurance tại Tổng Công Ty Bảo Hiểm Dầu Khí Việt Nam	Phạm Thu Hương	TS. Trần Thị Vân Anh
48		Quản lý đầu tư xây dựng Đại học Quốc Gia Hà Nội tại Hòa Lạc	Mai Hoàng Dũng	PGS.TS Nguyễn Trúc Lê
49		Nhượng quyền thương mại trong lĩnh vực đào tạo ngoại ngữ - Trường hợp tại công ty cổ phần công nghệ giáo dục Istar	Phạm Thị Liên	TS Nguyễn Cẩm Nhung
50		Cơ chế tự chủ tài chính tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình	Nguyễn Thị Ngọc	TS. Phạm Minh Tuấn
51		Chất lượng dịch vụ thanh toán thẻ trong hệ thống ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	Nguyễn Thị Minh Loan	PGS.TS. Phan Chí Anh
52		Nhân tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Lê Duy Ngọc	PGS.TS. Trịnh Thị Hoa Mai
53		Phân tích và dự báo tài chính công ty cổ phần Traphaco	Đào Thị Thu Thảo	TS. Trần Thế Nữ
54		Trách nhiệm xã hội của Tập đoàn Hoa Sen	Trần Ngọc Hiếu	TS. Vũ Thị Minh Hiền
55		Chất lượng dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	Ngô Thị Thu Thủy	TS Trịnh Mai Vân
56		Tăng cường thanh tra ngân sách nhà nước cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Phạm Việt Cường	PGS.TS Nguyễn Trúc Lê

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
57		Quản trị nhân sự tại Khoa Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	Thái Thị Huyền	TS. Đỗ Anh Đức
58		Phát triển dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Thanh Xuân	Nguyễn Thị Trang	TS.Hoàng Khắc Lịch
59		Chất lượng dịch vụ tại một số doanh nghiệp bán lẻ trực tuyến tại Việt Nam	Nguyễn Ngọc Yên	TS. Nguyễn Thu Hà
60		Tạo động lực cho cán bộ nhân viên Viện Quản trị và Công nghệ FSB - Trường Đại học FPT	Đoàn Thị Minh Hồng	TS. Đặng Thị Hương
61		Quản lý chất lượng lương thực tại Tổng cục dự trữ nhà nước	Phạm Thị Quỳnh	PGS.TS Lê Danh Tôn
62		Quản lý nợ xấu tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank)	Trịnh Văn Nam	TS Hoàng Xuân Hòa
63		Phát triển hoạt động tín dụng khách hàng cá nhân tại Ngân Hàng TMCP Hà Nội - Sài Gòn (SHB) - Chi nhánh Thăng Long	Đỗ Việt Anh	TS Nguyễn Thị Nhung
64		Thương mại nội khối Asean sau khi thành lập AEC dưới góc nhìn lý thuyết lợi thế so sánh	Nguyễn Xuân Bắc	PGS.TS Nguyễn Xuân Thiên
65		Phát triển dịch vụ E-Banking tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế	Nguyễn Thị Hải Hà	TS Nguyễn Tiên Minh
66		Chuỗi cung ứng toàn cầu của tập đoàn Microsoft: Nghiên cứu trường hợp Việt Nam	Phạm Ngọc Thạch	PGS.TS Nguyễn Việt Khôi
67		Môi trường thu hút FDI vào ngành nông nghiệp tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp	Lê Thị Thúy Quỳnh	TS Phạm Thu Phương
68		Nguồn vốn ODA Nhật Bản vào Việt Nam trong lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng	Trần Phương Linh	TS Nguyễn Thị Vũ Hà
69		Rào cản kỹ thuật trong thương mại đối với nông sản Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản	Nguyễn Thị Huệ	PGS.TS Nguyễn Xuân Thiên
70		Đầu tư thiên thần cho Startup tại Israel: Kinh nghiệm và hàm ý cho Việt Nam	Trần Thị Thu Trang	PGS.TS Nguyễn Thị Kim Anh
71		Phân bổ ngân sách Nhà nước: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam	Nguyễn Trọng Vinh	TS Nguyễn Cẩm Nhung

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
72		Quản lý đầu thầu các dự án đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước tại Ban Quản lý các dự án Đại học Quốc Gia Hà Nội	Vũ Thị Quỳnh	PGS.TS Lê Danh Tôn
73		Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương tỉnh Hưng Yên	Doãn Thế Hưng	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu
74		Cơ chế tự chủ tài chính tại bệnh viện Sản- Nhi - Hưng Yên	Nguyễn Trúc Quỳnh	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu
75		Quản lý hoạt động cho vay của Ngân hàng First Commercial Bank chi nhánh Hà Nội	Nguyễn Quỳnh Hương	TS. Trần Quang Tuyền
76		Hiệu quả huy động vốn của ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội	Trương Quang Minh	TS. Đỗ Hồng Nhung
77		Quản trị rủi ro tín dụng đối với doanh nghiệp ngành xây dựng tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh TP. Hà	Nguyễn Tiến Phong	TS. Trịnh Thị Phan Lan
78		Chính sách sản phẩm tại Công ty thông tin M1	Nguyễn Quang Minh	PGS.TS. Bùi Xuân Sơn
79		Chiến lược kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại và phát triển công nghệ Khai Quốc	Nguyễn Bá Đức	TS. Cảnh Chí Dũng
80		Quản lý thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Tô Thị Thủy	PGS.TS Nguyễn Anh Tuấn
81		Kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại thành phố Hà Nội	Chu Trọng Nghĩa	PGS.TS Nguyễn Anh Tuấn
82		Quản lý nhân lực tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Bình	Nguyễn Mạnh Hùng	TS. Cảnh Chí Dũng
83		Quản lý tài chính tại Trung tâm Hội nghị 37 Hùng Vương	Nguyễn Danh Tinh	TS. Nguyễn Anh Tuấn
84		Rủi ro tín dụng tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam-Chi nhánh Hà Tây	Đặng Thị Lan Anh	TS. Phạm Minh Tuấn
85		Quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	Kiều Văn Tâm	PGS.TS Phan Kim Chiến
86		Quản lý nhân lực tại Tổng công ty Bảo Việt Nhân Thọ	Nguyễn Phương Trà My	TS. Đào Bích Thủy

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
87		Chính sách ưu đãi thuế và tránh thuế của các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Chu Tiến Minh	TS. Nguyễn Cẩm Nhung
88		Quản lý nhà nước về phòng, chống hàng giả trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc	Nguyễn Đình Toàn	TS. Nguyễn Mạnh Hùng
89		Quản lý dự án đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước tại Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng - Văn phòng	Vũ Thị Quỳnh Hương	PGS.TS Đoàn Xuân Thủy
90		Thu hút nguồn lực tài chính khởi nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam	Nguyễn Hoàng Thu Trang	TS. Phạm Minh Tuấn
91		Nâng cao chất lượng kiểm toán ngân sách địa phương tại Kiểm toán nhà nước khu vực X	Nguyễn Văn Thìn	TS. Phạm Minh Tuấn
92		Hạn chế rủi ro tín dụng theo tiêu chuẩn Basel II tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam(VIB)	Nguyễn Thanh Xuân	TS. Nguyễn Thị Hương Liên
93		Quản lý khai thác thủy sản theo chuẩn mực quốc tế ở Việt Nam	Trần Quốc Hưng	PGS.TS Phạm Văn Dũng
94		Chất lượng cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Bắc Ninh	Nguyễn Tuyết Yên	PGS.TS. Trịnh Thị Hoa Mai
95		Quản lý cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh vượng	Nguyễn Duy Tú	PGS.TS Lê Thị Anh Vân
96		Quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn thành phố Hưng Yên	Đoàn Mạnh Hùng	PGS.TS Phạm Văn Dũng
97		Quản trị vốn lưu động tại công ty mẹ Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Bùi Quang Hưng	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu
98		Hiệu quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội	Vũ Thị Thúy Nhung	PGS.TS. Chu Tiến Quang
99		Phát triển bancassurance tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	Phạm Thị Phương Thúy	TS. Đinh Thị Thanh Vân
100		Chính sách thu hút FDI gắn với mục tiêu đảm bảo an ninh kinh tế: Nghiên cứu trường hợp tỉnh Bắc Ninh	Nguyễn Huyền Trang	PGS.TS Lê Cao Đoàn
101		Quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài của Trung Quốc vào lĩnh vực kết cấu hạ tầng ở Việt Nam	Lê Hùng Duy	TS. Phạm Thu Phương

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
102		Phát triển hoạt động môi giới chứng khoán của CTCP Alpha	Nguyễn Quốc Hùng	TS. Nguyễn Thị Hồng Thúy
103		Phát triển nhân lực tại cơ quan Kho bạc nhà nước Hà Nội	Nguyễn Văn Hanh	PGS.TS Phạm Thị Hồng Điệp
104		Chất lượng dịch vụ khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	Bùi Quang Tuấn	TS. Hồ Chí Dũng
105		Quản lý cho vay hộ nghèo tại Chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Hải Dương	Nguyễn Hải Yến	TS. Trần Quang Tuyền
106		Đào tạo nghề cho lao động xuất khẩu ở Việt Nam	Đặng Cao Cường	TS. Đinh Quang Ty
107		Quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu, Bộ Công An	Bùi Quốc Việt	PGS.TS Phạm Thị Hồng Điệp
108		Phát triển hoạt động cho vay tiêu dùng khách hàng cá nhân tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt nam - chi nhánh Đền Hùng	Đào Minh Thư	TS. Nguyễn Thế Hùng
109		Phân tích và dự báo tài chính công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong	Đoàn Mạnh Tuấn	TS. Trần Thế Nữ
110		Thu hút vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh Yên Bái	Bùi Mạnh Cường	PGS.TS Ngô Tuấn Nghĩa
111		Quản lý tài chính tại Văn phòng đài tiếng nói Việt Nam	Lê Hoàng Linh	PGS.TS. Lê Trung Thành
112		Quản lý nhân lực tại Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na	Trần Hữu Lập	PGS.TS Trần Đức Hiệp
113		Quản lý tài chính tại Công ty cổ phần Thủy điện Đăkdrinh	Nguyễn Thị Hằng	PGS.TS Nguyễn Anh Tuấn
114		Phát triển huy động tiền gửi dân cư tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đô	Nguyễn Kim Chi	TS. Nguyễn Phú Hà
115		Quản lý nhân lực tại Công ty TNHH MTV thông tin điện tử Hàng hải Việt Nam	Dương Mạnh Tuấn	PGS.TS Mai Thị Thanh Xuân
116		Các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi lựa chọn Chương trình đào tạo đại học trực tuyến của khách hàng tại Trường Đại học Kinh tế	Nguyễn Đỗ Quyên	TS. Nguyễn Phương Mai

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
117		Phát triển huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tràng An	Vũ Thùy Mai	PGS.TS. Trần Thị Thái Hà
118		Hoạt động tín dụng bán lẻ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc	Hà Văn Trọng	PGS.TS. Nguyễn Trọng Thân
119		Quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ	Trần Hồng Quân	PGS.TS Nguyễn Xuân Thiên
120		Đánh giá sự hài lòng của sinh viên nội trú đối với chất lượng dịch vụ ký túc xá tại Học viện Tài chính	Nguyễn Hồng Nhung	TS. Bùi Hồng Cường
121		Hoạch định chiến lược kinh doanh của Công ty cổ phần Maica	Phạm Đình Mạnh Hùng	TS. Đặng Quý Dương
122		Đánh giá mức độ hoàn thành công việc tại Nhà khách La Thành - Văn phòng chính phủ	Nguyễn Hoài Nam	GS.TS. Lê Quân
123		Quản lý tài chính tại Công ty cổ phần điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2	Bùi Thị Hồng Vân	PGS.TS Nguyễn Anh Tuấn
124		Quản lý nhân lực tại Kiểm toán nhà nước chuyên ngành IV	Nguyễn Hữu Bảo	TS. Vũ Văn Hương
125		Quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài của Tổng cục Hải quan	Giáp Quỳnh Phương	TS. Nguyễn Xuân Thành
126		Tuyển dụng nhân lực tại Công ty cổ phần Sách văn hóa tổng hợp Hòa Bình	Nguyễn Quỳnh Anh	TS. Đặng Thị Hương
127		Chất lượng hoạt động thanh toán quốc tế tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - chi nhánh Thăng Long	Nguyễn Tuấn Việt	PGS.TS. Đào Minh Phúc
128		Quản trị nhân lực tại Trung tâm Đo kiểm và Sửa chữa thiết bị Viễn thông Mobifone	Cao Thị Kim Thúy	TS. Đỗ Xuân Trường
129		Quản lý nhân lực tại Công ty trách nhiệm hữu hạn tiếp vận Hoàng Kim	Nguyễn Thê Linh	TS. Đỗ Anh Đức
130		Quản trị nguồn nhân lực tại công ty cổ phần may Sông Hồng	Vũ Thu Hà	PGS.TS. Đỗ Minh Cương
131		Chống buôn bán hàng giả tại Cục quản lý thị trường tỉnh Phú Thọ	Trần Quyền	TS. Hoàng Khắc Lịch

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
132		Quản lý tín dụng tại Ngân hàng thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Thăng Long	Bùi Thị Minh Hạnh	PGS.TS Nguyễn Anh Tuấn
133		Đánh giá sự hài lòng của người nộp thuế về công tác kê khai, nộp thuế trên địa bàn Thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Thu Trang	TS. Trần Thế Nữ
134		Marketing sản phẩm thẻ tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	Trình Thị Huyền	TS. Nguyễn Thu Hà
135		Tạo động lực cho người lao động tại Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Công đoàn Việt Nam	Nguyễn Thùy Dương	TS. Đặng Thị Hương
136		Phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở tỉnh Hà Nam	Nguyễn Thị Xuân	PGS.TS. Đào Thị Ngọc Minh
137		Quản trị chất lượng tại Công ty Nhựa đường Petrolimex	Trần Ngọc Công	PGS.TS. Phan Chí Anh
138		Marketing-mix của Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT	Lê Hồng Oanh	TS. Nguyễn Thu Hà
139		Hoạt động marketing cho phần mềm Quản lý bán hàng Shop.One của Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel	Nguyễn Thị Bắc	PGS.TS. Nhâm Phong Tuấn
140		Phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	Nguyễn Thúy Hà	TS. Vũ Văn Hùng
141		Quản lý thu sự nghiệp tại Bệnh viện 19-8 Bộ Công An	Nguyễn Thị Thanh Phúc	PGS.TS Phạm Thị Hồng Điệp
142		Quản trị rủi ro tín dụng đầu tư tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Nguyễn Quỳnh Đông	TS. Nguyễn Thị Hương Liên
143		Quản lý thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc	Hoàng Văn Bình	TS. Hoàng Khắc Lịch
144		Quản lý tài chính tại Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na	Lê Huyền Trang	TS. Trần Quang Tuyền
145		Truyền thông nội bộ tại Tổng công ty Viễn Thông Mobifone giai đoạn 2020-2025	Cao Thị Hồng	TS. Hồ Chí Dũng
146		Quản lý nhân lực tại Khối vận hành của Ngân hàng TMCP Quân đội	Nguyễn Hồng Nhật	TS. Đỗ Anh Đức

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
147		Chất lượng nguồn nhân lực của Công ty Cổ phần than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin	Phạm Thị Mỹ Linh	PGS.TS. Đỗ Minh Cường
148		Đánh giá năng lực làm việc của nhân viên tại công ty cổ phần Sông Đà 2	Lê Thanh Hải	PGS.TS. Đỗ Minh Cường
149		Quản trị nguồn nhân lực tại Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam -CTCP	Nguyễn Hà Thanh	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn
150		Chuyên dịch cơ cấu ngành kinh tế tại huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Hoàng Thị Lâm Oanh	TS. Vũ Văn Hùng
151		Quản lý dòng tiền tại Tổng công ty Điện lực dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần	Phan Lan Anh	PGS.TS Nguyễn Trúc Lê
152		Chất lượng dịch vụ tín dụng khách hàng cá nhân tại sở giao dịch 1 - Ngân hàng TMCP Quân Đội	Nguyễn Thị Hồng Đào	TS. Lưu Thị Minh Ngọc
153		Tạo nguồn nhân lực kỹ thuật tại Tổng công ty Điện lực dầu khí Việt Nam - CTCP	Trần Xuân Hải	PGS.TS Nguyễn Trúc Lê
154		Quản trị tinh gọn trong sản xuất bún tại làng nghề Thanh Lương - Hà Nội	Bùi Văn Bách	TS. Nguyễn Đăng Minh
155		Tạo động lực làm việc cho người lao động tại công ty cổ phần X20	Bùi Đăng Dũng	TS. Nguyễn Thùy Dung
156		Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin tại Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam	Bùi Hoàng Giang	PGS.TS. Vũ Đức Thanh
157		Tuyển dụng nhân lực tại Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam	Khương Thanh Tùng	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn
158		Quản trị dự án công nghệ thông tin tại Sở Tư pháp thành phố Hà Nội	Lã Hoàng Hưng	PGS.TS. Nguyễn Đăng Minh
159		Ứng dụng thẻ điểm cân bằng (BSC) tại công ty Hyperlogy	Đặng Văn Kỳ	PGS.TS. Nhâm Phong Tuấn
160		Đào tạo nguồn nhân lực tại Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	Nguyễn Chí Hiếu	PGS.TS. Đỗ Minh Cường
161		Hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Thông tin M1	Hà Khắc Thành	PGS.TS. Phan Chí Anh

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
162		Quản trị nguồn nhân lực tại Công ty Cổ phần Hoàng Thịnh Đạt	Trương Đắc Vương	PGS.TS. Hoàng Văn Hải
163		Phát triển dịch vụ thẻ tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô	Trần Hải Hoàn	PGS.TS. Trịnh Thị Hoa Mai
164		Quản lý tài chính tại Lữ đoàn 229 - Bộ Tư lệnh công binh	Nguyễn Văn Tuấn	PGS.TS Nguyễn Trúc Lê
165		Phát triển thị trường cho sản phẩm MobiTV tại tỉnh Lạng Sơn	Nguyễn Đỗ Mạnh	TS. Hồ Chí Dũng
166		Quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội	Bùi Thanh Nam	PGS.TS. Trịnh Thị Hoa Mai
167		Phát triển hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội	Nguyễn Hữu Hà	PGS.TS. Lê Trung Thành
168		Chất lượng dịch vụ khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội 1	Nguyễn Thị Thu Trang	TS. Hồ Chí Dũng
169		Quản lý tài chính tại Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc Gia Hà Nội	Nguyễn Thị Huyền	TS. Nguyễn Anh Thái
170		Marketing trực tuyến - Nghiên cứu tình huống tại Công ty TNHH Dệt len thời trang Hà Nội	Nguyễn Hải Trang	TS. Trần Đoàn Kim
171		Phát triển tín dụng phân khúc khách hàng bán lẻ tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc	Lưu Thị Kim Tuyến	TS. Trần Thị Vân Anh
172		Quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng tại Cục thuế thành phố Hà Nội	Vũ Thị Thùy Linh	TS. Trần Đức Vui
173		Lượng giá kinh tế thiệt hại môi trường của cơn bão Xangsane tại các tỉnh ven biển miền Trung	Phạm Ngọc Anh	PGS.TS Nguyễn Ngọc Thanh
174		Tạo động lực làm việc cho cán bộ công nhân viên tại Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng -	Vương Văn Hạnh	PGS.TS. Hoàng Văn Hải
175		Đào tạo nguồn nhân lực tại Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Nguyễn Văn Dũng	PGS.TS. Hoàng Văn Hải
176		Quản trị rủi ro lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Duy Đức Dũng	TS. Nguyễn Thị Nhung

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
177		Quản lý nhân lực tại Văn phòng cơ quan Tập đoàn điện lực Việt Nam	Vũ Quang Huy	TS. Lê Kim Sa
178		Quản lý nhân lực giảng viên tại Trường Cao đẳng Công nghệ thông tin hữu nghị Việt - Hàn	Nguyễn Lê Duy Quang	PGS.TS Đinh Văn Thông
179		Quản lý tài chính đối với đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường	Nguyễn Thị Kim Loan	PGS.TS Nguyễn Ngọc Thanh
180		Quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước tỉnh Nghệ An	Vương Gia Thiết	PGS.TS Bùi Văn Huyền
181		Quản lý đội ngũ cán bộ công chức Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Lương Quang Việt	TS. Phan Trung Chính
182		Quản lý chi thường xuyên tại Kho bạc nhà nước tỉnh Nam Định	Nguyễn Duy Long	TS. Trần Đức Vui
183		Hiểu biết tài chính của các hộ gia đình trên địa bàn thị trấn Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	Phạm Thị Trà My	TS. Nguyễn Phú Hà
184		Xây dựng chiến lược kinh doanh sản phẩm rau quả sạch bằng công nghệ thủy canh tại Công ty cổ phần IMC Đông Dương	Trần Trung Tuấn	PGS.TS. Nhâm Phong Tuấn
185		Quản lý rủi ro tín dụng trong cho vay khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	Nguyễn Tiến Đạt	PGS. TS. Trần Thị Thanh Tú
186		Quản lý tài chính các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Bộ của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Trịnh Thị Hương Thảo	PGS.TS Nguyễn Ngọc Thanh
187		Quản trị rủi ro tín dụng theo BASEL II tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Nguyễn Thị Mai Hương	TS. Nguyễn Phú Hà
188		Áp dụng Basel II trong quản trị rủi ro của các Ngân hàng Thương mại Việt Nam	Phùng Thị Thúy Nga	TS Phạm Bảo Khánh
189		Mở rộng hoạt động cho vay tiêu dùng đối với khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh	Nguyễn Hà Lan Dung	TS. Nguyễn Xuân Thành
190		Thẩm định cho vay tại trung tâm thẩm định khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCP Quân đội	Nguyễn Tiến Đạt	TS. Trịnh Thị Phan Lan
191		Ứng dụng chỉ số đo lường trong quản trị hoạt động tại công ty Planet Courier Services	Bùi Sơn Anh	PGS.TS. Nhâm Phong Tuấn

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
192		Quản lý nhân lực tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh	Lê Diệu Hà	TS. Lê Thị Hồng Điệp
193		Quản trị rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi	Nguyễn Thị Thu Hà	TS. Nguyễn Thị Kim Oanh
194		Kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Nguyễn Thị Phương Thảo	PGS.TS Lê Trung Thành
195		Chất lượng nguồn nhân lực tại Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính	Nghiêm Đức Anh	PGS.TS. Phí Mạnh Hồng
196		Quản lý rủi ro trong hoạt động sử dụng ngân quỹ nhà nước tại Kho bạc Nhà nước Việt Nam	Đặng Thị Dịu	TS. Phan Anh
197		Phát triển dịch vụ Mobile Banking tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Nguyễn Hồng Vân	TS. Trần Thị Vân Anh
198		Quản lý nhân lực tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình, Hà Nội	Hà Ngọc Bắc	PGS.TS Nguyễn Duy Lạc
199		Phát triển hoạt động tài chính tiêu dùng tại Công ty tài chính TNHH MB SHINSEI	Nguyễn Thị Thu Huyền	TS. Đinh Thị Thanh Vân
200		Quản lý chi ngân sách nhà nước của Tổng cục Hải quan	Nguyễn Thị Mai Huyền	PGS.TS Phạm Văn Dũng
201		Quản lý nhân lực tại Công ty cổ phần lọc hóa dầu Bình Sơn	Trần Ngọc Nguyên	TS. Cảnh Chí Dũng
202		Quản lý nhân lực tại Sở nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Phú Thọ	Hoàng Tuấn Huy	TS. Phạm Quang Vinh
203		Quản lý tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ	Nguyễn Thị Thanh Huyền	TS. Lê Thị Hồng Điệp
204		Quản lý chi thường xuyên đối với các viện nghiên cứu thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường	Nguyễn Thúy Mai	PGS.TS Lê Trung Thành
205		Phát triển nguồn lực tài chính ở Đại học Quốc Gia Hà Nội	Mạc Thị Thảo	TS. Hoàng Xuân Lâm
206		Quản lý nhân lực tại Công ty cổ phần Quốc tế Nam Thành	Nguyễn Văn Phi	PGS.TS. Đinh Văn Thông

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
207		Nâng cao năng lực cạnh tranh cấp huyện tại tỉnh Lào Cai	Nguyễn Thúy Nhị	PGS.TS Đinh Văn Thông
208		Quản lý hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu tại Cục hải quan tỉnh Bắc Ninh	Lưu Minh Thông	TS. Lê Thị Hồng Điệp
209		Chiến lược thích nghi của tập đoàn quốc tế Marriott tại Việt Nam: Trường hợp khách sạn JW Marriott Hanoi	Nguyễn Thị Thanh Nga	TS. Nguyễn Thị Phi Nga
210		Phát triển nhân lực tại Văn phòng Tỉnh ủy tỉnh Vĩnh Phúc	Nguyễn Anh Tiến	GS.TS Phan Huy Đường
211		Quản lý nhân lực tại Công ty cổ phần lâm nghiệp Tháng Năm	Bùi Thị Minh Thơm	GS.TS Phan Huy Đường
212		Quản lý nhân lực tại Sở tài chính tỉnh Hưng Yên	Lê Thu Thảo	PGS.TS Trần Thị Lan Hương
213		Quản lý nhân lực tại Xí nghiệp kinh doanh nước sạch Cầu Giấy	Phạm Tuấn Việt	TS. Cảnh Chí Dũng
214		Quản lý rủi ro cho vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thái Thụy	Nguyễn Thị Hồng Nhung	TS. Hoàng Xuân Lâm
215		Quản lý nhân lực tại Chi cục thuế huyện Gia Lâm	Chu Thị Trang	PGS.TS Trần Thị Lan Hương
216		Huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thạch Thất	Nguyễn Thị Hương	PGS.TS Nguyễn Ngọc Khánh
217		Quản lý nhân lực tại Hội Liên hiệp phụ nữ thành phố Hà Nội	Hoàng Thị Lan	TS. Lưu Quốc Đạt
218		Chất lượng thẩm định dự án cho vay tại Ngân hàng TMCP Quân Đội	Phạm Văn Phúc	PGS. TS. Trịnh Thị Hoa Mai
219		Chiến lược kinh doanh của Công ty cổ phần xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh	Phạm Thị Hồng Mai	PGS.TS Đỗ Hữu Tùng
220		Năng lực cạnh tranh của Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình	Nguyễn Thị Minh Huệ	TS. Ngô Đăng Thành
221		Quản lý nhân lực tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đống Đa	Phạm Thị Sam Thương	TS. Phạm Quang Vinh

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
222		Nâng cao hiệu quả hoạt động huy động vốn dân cư ở Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	TS. Đặng Công Hoàn
223		Quản lý hoạt động du lịch tại di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	Hoàng Ngọc Ánh	TS. Trần Quang Tuyền
224		Nâng cao năng lực cạnh tranh của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu	Hoàng Bích Liên	PGS.TS Trần Anh Tài
225		Quản lý mua sắm tài sản công tại Tổng cục biển và hải đảo Việt Nam	Nguyễn Thị Bích Hằng	TS. Vũ Văn Hương
226		Quản lý dịch vụ hành chính công trực tuyến của Quận Long Biên, Hà Nội	Phạm Việt Hùng	PGS.TS Mai Thị Thanh Xuân
227		Quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội	Trương Thị Hảo	GS.TS Phan Huy Đường
228		Quản lý nhà nước về bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội	Dương Thị Việt Yến	TS. Nguyễn Thuỳ Anh
229		Phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi	Lưu Tiến Đạt	TS Nguyễn Tiến Dũng
230		Phát triển hoạt động xuất nhập khẩu của công ty cổ phần hàng hải MACS trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế	Võ Quỳnh Vinh	PGS.TS Nguyễn Việt Khôi
231		Quản lý vốn đầu tư xây dựng công trình từ ngân sách nhà nước tỉnh Bắc Giang	Nguyễn Thế Hải	PGS.TS. Phạm Thị Hồng Điệp
232		Quản lý dự án đầu tư tại Ban quản lý các dự án nông nghiệp, Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn	Nguyễn Chí Trần Hà	PGS.TS. Đinh Văn Thông
233		Tạo động lực cho người lao động tại Công ty Liên doanh TNHH KFC Việt Nam	Hoàng Thị Thúy Nga	GS.TS. Bùi Xuân Phong
234		Hoàn thiện chiến lược kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên thông tin M1	Phạm Đồng Khởi	PGS.TS. Phan Kim Chiến
235		Nâng cao năng lực lãnh đạo cho cán bộ quản lý tại Công ty TNHH Một thành viên Thông tin M1	Bùi Ngọc Đông	PGS.TS. Phan Kim Chiến
236		Phát triển nguồn nhân lực tại Công ty thông tin M1	Lê Hoàng Hà	TS. Dương Ngọc Thanh

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
237		Quản lý nguồn lực khoa học và công nghệ tại Công ty Thông tin M1	Hoàng Hồng Quân	TS. Nguyễn Thị Vũ Hà
238		Quản trị khách hàng cá nhân trong hoạt động huy động vốn tại hội sở ngân hàng TMCP Tiên Phong - Hội Sở	Mai Hoàng Vũ	PGS.TS. Nguyễn Đăng Minh
239		Quản trị chuỗi cung ứng trong hệ thống nhà hàng buffet lẩu nướng SeasonBBQ	Nguyễn Thị Hiền	PGS.TS. Trần Anh Tài
240		Mức độ hài lòng của khách hàng đối với sản phẩm nhà ở của Tổng công ty Đầu tư Phát triển nhà và đô thị	Vũ Tiến Hiệu	TS. Lưu Thị Minh Ngọc
241		Quản lý hoạt động quyết toán ngân sách nhà nước tại Kho bạc nhà nước Việt Nam	Trần Thị Hương Giang	TS. Vũ Thị Dậu
242		Phát triển dịch vụ phi tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Trì	Ngô Phương Anh	TS. Nguyễn Thị Kim Oanh
243		Nâng cao hiệu quả huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	Trương Thị Thu Hiền	TS. Trần Trung Tuấn
244		Quản trị nhân sự tại Công ty Bia Sài Gòn Miền Bắc	Nguyễn Thị Diệu Linh	TS. Đỗ Anh Đức
245		Giám sát tài chính các doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu ở Bộ xây dựng	Nguyễn Thị Linh Đa	PGS.TS. Phạm Thị Hồng Điệp
246		Sự tham gia của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu ngành công nghiệp ô tô	Nguyễn Hồng Hạnh	PGS.TS. Nguyễn Anh Thu
247		Xây dựng chiến lược phát triển của Công ty TNHH MTV Thanh Bình - BCA	Lê Minh Tuấn	TS. Nguyễn Thị Thu Hoài
248		Quản lý doanh thu từ dịch vụ viễn thông tại Công ty viễn thông quốc tế	Nguyễn Hồng Hạnh	TS. Nguyễn Cẩm Nhung
249		Quản lý đội ngũ nữ cán bộ cấp xã trên địa bàn huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Nguyễn Thị Hằng	TS. Nguyễn Thị Thu Hoài
250		Xử lý nợ xấu tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy	Vương Hồng Trung	TS. Nguyễn Mạnh Hùng
251		Quản lý đại lý bảo hiểm nhân thọ tại Vietinbank Aviva	Nguyễn Thị Liên Hoa	TS. Nguyễn Thị Thu Hoài

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
252		Quản lý nhân lực tại Văn phòng Bộ Tài chính	Nguyễn Thị Thu Hằng	TS. Lưu Quốc Đạt
253		Hoạt động marketing cho sản phẩm bánh kẹo tại Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Phú Cường	Tạ Tương Hùng Dũng	TS. Trần Đoàn Kim
254		Quản lý vốn tại Công ty cổ phần bột giặt Lix	Nguyễn Văn Quý	TS. Lưu Quốc Đạt
255		Quản lý tín dụng bán lẻ tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh	Nguyễn Đình Phương	TS. Đỗ Anh Đức
256		Tạo động lực làm việc cho người lao động tại Công ty cổ phần Thú y Xanh Việt Nam	Vũ Thị Phương Thảo	PGS.TS. Đỗ Minh Cường
257		Quản lý hoạt động nhập khẩu nguyên, phụ liệu dệt may tại Cục hải quan thành phố Hà Nội	Phạm Thị Thanh Hiền	PGS.TS. Lê Danh Tồn
258		Tạo động lực cho người lao động tại Hội sở chính Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Nguyễn Kim Trung	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn
259		Tạo động lực làm việc cho người lao động tại Tổng công ty điện lực dầu khí Việt Nam	Vũ Hồng Vân	PGS.TS. Nguyễn Anh Tuấn
260		Quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước tại Bệnh viện Y học cổ truyền - Bộ Công An	Nguyễn Thị Hồng Thương	PGS.TS Phạm Thị Hồng Diệp
261		Quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Mai Trung Hiếu	PGS.TS Đỗ Hữu Tùng
262		Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin của Kho bạc nhà nước Việt Nam	Phạm Hải Thái	PGS.TS Phan Thế Công
263		Kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc tỉnh Vĩnh Phúc	Lê Mạnh Cường	PGS.TS Phạm Văn Dũng
264		Quản lý đầu tư công của thành phố Hà Nội	Hoàng Thị Thu Hường	TS. Trần Đức Vui
265		Chất lượng tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	Lý Quang Sơn	GS.TS Phan Huy Đường
266		Tạo động lực làm việc đối với kiểm toán viên nhà nước chuyên ngành la thuộc Kiểm toán Nhà nước ở Việt Nam	Võ Huy Phương	GS.TS Phan Huy Đường

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
267		Quản lý nhân lực tại Công ty TNHH khóa Huy Hoàng	Hồ Hoàng Long	PGS.TS Phạm Thị Hồng Diệp
268		Phát triển nhân lực tại Công ty TNHH Sun Asterisk Việt Nam	Nguyễn Việt Anh	TS. Trần Quang Tuyền
269		Quản lý nguồn nhân lực tại Văn phòng chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Trần Anh Tuấn	PGS.TS Nguyễn Trúc Lê
270		Nâng cao chất lượng hoạt động môi giới chứng khoán tại công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Trịnh Thị Minh Thảo	TS. Nguyễn Thị Nhung
271		Đào tạo nguồn nhân lực tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	Nguyễn Thị Hà	TS. Trương Minh Đức
272		Quản lý nhân lực tại Kho bạc Nhà nước Vĩnh Phúc	Đường Lê Trọng Nhân	PGS.TS Lê Danh Tồn
273		Quản trị chất lượng dịch vụ của hệ thống cửa hàng xăng dầu - Công ty TNHH MTV BCA - Thăng Long	Vũ Tư An	TS. Trương Minh Đức
274		Phát triển ngân hàng điện tử dành cho khách hàng tổ chức tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội	Nguyễn Tân Thắng	PGS.TS Phạm Thị Túy
275		Chất lượng dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV chi nhánh Đại La	Nguyễn Anh Sơn	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn
276		Dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy	Bùi Thu Hằng	TS. Lê Xuân Sang
277		Kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước Hoàn Kiếm	Vũ Thị Quỳnh Phương	TS. Trần Đức Vui
278		Chất lượng tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	Đào Chiến Thắng	TS. Phạm Bảo Khánh
279		Quản lý tài chính tại Bệnh viện Đa khoa Đông Anh, thành phố Hà Nội	Phùng Thị Hồng Hạnh	TS. Vũ Thị Dâu
280		Quản lý tài chính tại Bệnh viện Đa khoa huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Hồng	PGS.TS Mai Thị Thanh Xuân
281		Hoạt động marketing sản phẩm gửi tiết kiệm cho khách hàng cá nhân tại ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	Nguyễn Thị An	TS. Nguyễn Thu Hà

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
282		Dịch vụ Internet Banking tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam	Nguyễn Thu Vân	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn
283		Chất lượng tín dụng bán lẻ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang	Trương Lâm Tùng	PGS.TS. Trần Thị Thái Hà
284		Quản lý chi ngân sách nhà nước tại huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ	Trần Hoàng Hưng	TS. Hoàng Triều Hoa
285		Quản lý nhà nước về thu hút vốn đầu tư nước ngoài theo hướng bền vững tại tỉnh Tuyên Quang	Nguyễn Thành Nam	TS. Nguyễn Thùy Anh
286		Hiệu quả quản trị dòng tiền tại công ty cổ phần CLAY Việt Nam	Mai Thị Thu	TS. Đỗ Hồng Nhung
287		Phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Cầu Giấy	Lê Thị Hồng Nhung	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu
288		Kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản tại Kho bạc nhà nước huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc	Lê Hà Phương	PGS.TS Phan Thế Công
289		Quản lý tài chính tại Công ty cổ phần đường sắt Thanh Hóa	Cao Hoàng Linh	TS. Nguyễn Thị Thu Hoài
290		Quản lý nhân lực khảo thí tại Đại học Quốc Gia Hà Nội	Nguyễn Thị Mỹ Linh	PGS.TS Trần Đức Hiệp
291		Quản lý mua sắm trang thiết bị y tế tại Bệnh viện Bạch Mai	Nguyễn Hoàng Yên	TS. Hoàng Triều Hoa
292		Văn hóa kinh doanh tại Khu du lịch - Di tích Đền Sóc Sơn	Nguyễn Nam Nho	PGS.TS. Đỗ Minh Cường
293		Chất lượng dịch vụ thẻ tại ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dầu khí Toàn cầu - Chi nhánh Thăng	Vương Thu Thảo	TS. Đinh Thị Thanh Vân
294		Hiệu quả quản trị tài chính tại Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật	Lê Thanh Tùng	TS. Vũ Thị Loan
295		Quản lý nhân lực tại Công ty TNHH Một thành viên truyền thông và công nghệ GSMART	Đỗ Thu Hiền	GS.TS Phan Huy Đường
296		Quản lý nhân lực tại Công ty TNHH Một thành viên cơ khí 17	Nguyễn Thị Thu Hà	GS.TS Phan Huy Đường

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
297		Quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn Thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Lê Thanh Hải	PGS.TS Trần Đức Hiệp
298		Sự hài lòng với công việc của nhân viên Viện khoa học Đo đạc và Bản đồ	Phạm Kim Ngân	TS. Đỗ Xuân Trường
299		Quản lý thu thuế nhập khẩu sau thông quan tại Cục hải quan tỉnh Lạng Sơn	Nguyễn Hoàng Sơn	TS. Nguyễn Thị Thu Hoài
300		Quản lý nhân lực tại Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	Vũ Thái Nam	TS. Hoàng Khắc Lịch
301		Xây dựng định mức lao động tại Công ty Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel	Trần Hồng Thái	TS. Trương Minh Đức
302		Quản lý nhân lực tại Công ty Cổ phần Copom thương mại và công nghệ	Dương Thị Hà	GS.TS Phan Huy Đường
303		Phát triển dịch vụ phi tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chi nhánh Hòa Lạc - Hà Nội 1	Lê Thị Mỹ Lệ	TS. Nguyễn Xuân Thành
304		Trách nhiệm xã hội của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt	Cao Anh Trung	TS. Nguyễn Phương Mai
305		Quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước tại Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nguyễn Thị Hồng Hải	TS. Ngô Đăng Thành
306		Quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước tại Trường Đại học phòng cháy chữa cháy, Bộ Công An	Hà Đăng Tuấn	PGS.TS Phí Mạnh Hồng
307		Phát triển đội ngũ biên tập viên Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật	Trần Thị Khánh Vân	PGS.TS Phạm Thị Túy
308		Chất lượng dịch vụ đời sống sinh viên tại Trường Đại học FPT Cơ sở Hà Nội	Nguyễn Văn Tuyên	PGS.TS. Phan Chí Anh
309		Quản lý tài chính tại Tổng công ty 36	Nguyễn Xuân Phương	PGS.TS. Trần Đức Hiệp
310		Quản lý nhân lực tại Kho bạc Nhà nước Nam Định	Hồ Anh Sơn	PGS.TS Phí Mạnh Hồng
311		Phát triển nhân lực du lịch thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Thu Hoài	PGS.TS Phạm Thị Túy

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
312		Phát triển thị trường nước ngoài của công ty TNHH Thanh An giai đoạn 2020-2025	Phan Thanh Thúy	TS. Đinh Văn Toàn
313		Quản lý nợ tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Agribank	Trần Xuân Định	TS. Nguyễn Thùy Anh
314		Dịch vụ tín dụng đối với doanh nghiệp FDI tại ngân hàng TMCP Việt Á	Nguyễn Thu Hà	TS Nguyễn Tiến Minh
315		Rào cản kỹ thuật của EU và tác động đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam sang EU	Phạm Trung Phương	PGS.TS Hà Văn Hội
316		Quản lý tài chính theo cơ chế tự chủ tài chính tại Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội	Bùi Quốc Lân	TS. Phạm Minh Tuấn
317		Quản lý rủi ro trong kiểm soát chi nhân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Sơn Tây, thành phố Hà Nội	Nguyễn Văn Lâm	TS. Phạm Minh Tuấn
318		Chính sách đối với đầu tư thiên thần tại Trung Quốc và hàm ý cho Việt Nam	Nguyễn Thị Hòa	PGS.TS Nguyễn Thị Kim Anh
319		Thu hút và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức của Ngân hàng thế giới tại tỉnh Cần Thơ	Trần Mạnh Quyền	PGS.TS Hà Văn Hội
320		Nghiên cứu tác động giữa đặc điểm của Hội đồng quản trị với khẩu vị rủi ro của ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam	Nguyễn Khánh Linh	PGS. TS. Trần Thị Thanh Tú
321		Thu hút và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức của Pháp vào Việt Nam	Vũ Thu Hiền	PGS.TS Nguyễn Thị Kim Chi
322		Quản lý nhà nước về chuyển giao công nghệ ở Việt Nam	Nguyễn Hữu Hưng	PGS.TS. Nguyễn Trúc Lê
323		Văn hóa doanh nghiệp tại Công ty TNHH Tư vấn giải pháp sáng tạo	Nguyễn Thị Vinh	TS. Đặng Thị Hương
324		Năng lực cạnh tranh của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị	Nguyễn Thị Mai Trang	PGS.TS. Nguyễn Anh Thu
325		Giải pháp chống thất thu thuế tại chi cục hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài	Đinh Cát Luân	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu
326		Quản lý nhân lực tại Ban quản lý các dự án Bộ Giáo dục và Đào tạo	Trần Công	TS. Trần Đức Vui

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
327		Nghiên cứu triển khai Dịch vụ công trực tuyến trong kiểm soát chi Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước	Đặng Minh Ngọc	PGS.TS. Lê Hùng Sơn
328		Tạo động lực làm việc cho cán bộ Đoàn Thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	Võ Hồ Thanh Trường	TS. Nguyễn Hồng Chinh
329		Phát triển hệ thống nhượng quyền thương mại: Nghiên cứu điển hình một số chuỗi cửa hàng F&B tại Việt Nam	Phạm Việt Tiệp	PGS.TS. Nguyễn Anh Tuấn
330		Ứng dụng KPI đánh giá kết quả thực hiện công việc nhân viên phòng kỹ thuật - Chất lượng Công ty TNHH kỹ thuật Quản lý	Phạm Quang Tiến	TS. Nguyễn Phương Mai
331		Hoạt động marketing sản phẩm gửi tiết kiệm cho khách hàng cá nhân tại ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	Nguyễn Thị An	TS. Nguyễn Thu Hà
332		Kiểm soát chi cho các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại Kho bạc Nhà nước Điện Biên	Hoàng Phương Thao	TS. Phan Hữu Nghị
333		Xây dựng văn hóa doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần đầu tư Kenli	Đoàn Thanh Tùng	PGS.TS Hoàng Văn Hải
334		Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản của công ty TNHH Hồ Tây Một Thành Viên	Bùi Minh Nhật	TS. Vũ Thị Loan
335		Giải pháp truyền thông Marketing cho phần mềm quản lý bán hàng Sapo của công ty cổ phần công nghệ Sapo	Nguyễn Nhật Minh	TS. Nguyễn Thị Phi Nga
336		Xây dựng thương hiệu nhà tuyển dụng tại Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam	Nguyễn Thúc Đoàn	TS. Đỗ Xuân Trường
337		Đãi ngộ nhân sự tại công ty dịch vụ Mobifone khu vực I	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	PGS.TS. Nhâm Phong Tuấn
338		Tạo động lực cho nhân sự công nghệ thông tin tại Trung tâm phần mềm và giải pháp viễn thông VIETTEL	Nguyễn Thành Nhân	PGS.TS. Hoàng Văn Hải
339		Các nhân tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn dịch vụ của khách hàng cá nhân của Agribank tại Thành phố Nam Định	Nguyễn Minh Đức	TS. Nguyễn Thị Phi Nga
340		Công tác kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp tại chi cục thuế huyện Gia Lâm	Lê Trung Vĩnh Luân	TS. Nguyễn Thị Hồng Thúy
341		Mối quan hệ giữa chất lượng dịch vụ và lòng trung thành của khách hàng tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Quang Minh	Bùi Thị Thúy Hằng	TS. Lưu Thị Minh Ngọc

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
342		Thẩm định cho vay đầu tư dự án lớn, đặc thù tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Hoàng Tường Minh	PGS.TS. Trần Thị Thanh Tú
343		Phát triển dịch vụ thẻ tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đại La	Trần Chung Thành	TS Hoàng Việt Trung
344		Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại Kho bạc nhà nước Bắc Ninh	Hoàng Công Quang	TS. Lê Đình Thăng
345		Thẩm định tín dụng trong hoạt động cho vay hộ kinh doanh tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Khuất Duy Hải	TS. Trần Trung Tuấn
346		Phát triển hoạt động cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Ngân hàng TMCP Quân Đội	Nguyễn Thị Minh Huyền	TS. Nguyễn Thế Hùng
347		Văn hóa kết hợp Đông Tây của Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội Viettel trong đầu tư ra nước ngoài	Nông Thị Minh Hiến	PGS.TS. Đỗ Minh Cường
348		Phát triển hoạt động cung cấp thông tin tín dụng cho khách hàng vay thẻ nhân tại Trung tâm thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam	Bùi Thị Thúy Hồng	PGS.TS Trần Thị Thái Hà
349		Phát triển dịch vụ Smartbanking tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Cầu Giấy	Nguyễn Hữu Tài	TS. Nguyễn Thị Hương Liên
350		Quản lý tài chính tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	Lê Quốc Tùng	TS. Nguyễn Thị Hương Liên
351		Quản lý nợ xấu tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	Lê Duy Hưng	TS. Phạm Minh Tú
352		Quản lý nhân lực tại Công ty cổ phần phát triển nguồn mở Việt Nam (Vinades)	Nguyễn Trọng Tấn	PGS.TS. Đinh Văn Thông
353		Quản lý tài chính tại Trung tâm Phát thanh - Truyền hình quân đội	Đỗ Phương Linh	TS. Hoàng Triều Hoa
354		Chiến lược kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Phú Nghĩa	Trần Quang Nghĩa	PGS.TS. Nguyễn Anh Tuấn
III	Đại học			
1		Tăng cường quản lý thuế Giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.	Lã Thu Trang	TS. Trần Thị Vân Anh
2		Vai trò của Hợp đồng tương lai chỉ số trên thị trường chứng khoán Việt Nam: Khía cạnh truyền dẫn thông tin và giá.	Nguyễn Tố Nga	TS. Nguyễn Thị Nhung

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
3		Các yếu tố ảnh hưởng tới nợ nước ngoài ở các nước đang phát triển: bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	Dương Cẩm Tú	TS. Phạm Thu Phương
4		Bộ phận nhân sự	Nguyễn Thị Nhung	TS. Lưu Thị Minh Ngọc
5		Xác định mức độ ưu tiên của các nhóm tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả hoạt động xử lý nước thải của Doanh nghiệp	Nguyễn Thị Lan	TS. Lưu Quốc Đạt
6		Nâng cao hoạt động Quản lý dự án tại Công ty cổ phần Việt Vương	Nguyễn Thu Hương	TS. Trương Minh Đức
7		Nâng cao chất lượng tuyển dụng nhân sự ngành CNTT tại công ty TNHH phần mềm FPT Software	Nguyễn Thị Nga	ThS. Cao Tú Oanh
8		Xây dựng kế hoạch Marketing cho Workshop Trí tuệ tuổi trẻ	Ngô Thị Loan	TS. Vũ Thị Minh Hiền
9		Chất lượng dịch vụ ngành Khách sạn tại Việt Nam	Cung Thị Lan Anh	TS. Nguyễn Thu Hà
10		Hoàn thiện công tác chăm sóc khách hàng tại Công ty TNHH văn hóa truyền thông NEW	Hoàng Thị Ngọc	TS. Nguyễn Thị Phi Nga
11		Xây dựng và phát triển chiến lược marketing trực tuyến cho Công ty TNHH thiết bị văn phòng phẩm Ánh Dương	Trần Thị Thanh Lịch	TS. Lê Thị Việt Hà
12		Chế độ đãi ngộ nhân sự của Công Ty CP xây dựng và Thương Mại Đức Tài	Hà Phương Quỳnh	TS. Nguyễn Thùy Dung
13		Kinh tế xanh cho sự phát triển bền vững trong ngành kinh doanh ẩm thực ở Việt Nam	Phạm Thị Phương Tây	TS. Nguyễn Thu Hà
14		Bộ phận Nhân sự	Nguyễn Thị Nhớ Xuyên	TS. Đỗ Xuân Trường
15		Quản trị tinh gọn nhân sự	Lê Anh Đức	TS. Lưu Hữu Văn
16		Quản lý dự án	Phan Huy Hoàng	TS. Đặng Thị Hương
17		Nghiên cứu năng suất chất lượng dịch vụ	Lê Trung Hiếu	TS. Nguyễn Thu Hà

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
18		Tính hiệu quả của truyền bá thông tin tới người tiêu dùng đối với sản phẩm liên quan đến sức khỏe (Inefficiency of information)	Nguyễn Thanh Huyền	TS. Trương Minh Đức
19		Sự quan trọng của yếu tố con người và những phương pháp thực tế để các doanh nghiệp nâng cao chất lượng dịch vụ của mình	Hoàng Thúy Hằng	TS. Vũ Thị Minh Hiền
20		Nghiên cứu phương pháp đào tạo nhân lực tại hệ thống giáo dục quốc tế ECORP ENGLISH	Vũ Thanh Loan	TS. Vũ Thị Minh Hiền
21		Productivity improvement of software projects in FPT Software	Nguyễn Minh Phương	PGS.TS. Nguyễn Đăng Minh
22		Quy trình giao nhận FLC hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển	Nguyễn Thị Hương	TS. Trần Việt Dung
23		Thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam và bài học quốc tế	Ngô Mai Anh	PGS.TS. Hà Văn Hội
24		Improvement on Full-container-load (FCL) cargo transport procedures of Sotrans Logistics company	Lê Danh Lam	PGS.TS. Nguyễn Việt Khôi
25		Hệ thống giao thông thông minh trong vận tải tại Hàn Quốc và bài học cho Việt Nam.	Nguyễn Thị Hương	ThS. Nguyễn Thị Phương Linh
26		Nâng cao năng lực cạnh tranh xuất khẩu ngành mây, tre, cói và thảm Việt Nam	Ngô Thị Phương Thảo	TS. Nguyễn Thị Vũ Hà
27		Tác động của quản trị công ty đến hiệu quả tài chính của các công ty niêm yết Việt Nam	Nguyễn Đức Phong	TS. Nguyễn Thị Hương Liên
28		Quy trình kiểm toán Doanh thu tại Công ty TNHH KPMG Việt Nam	Nguyễn Thị Thùy Dung	ThS. Khiếu Hữu Bình
29		Kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	Nguyễn Thị Thu Thủy	TS. Đỗ Kiều Oanh
30		Phân tích và dự báo tài chính công ty cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam	Nguyễn Thị Dinh	TS. Trần Thế Nữ
31		Nghiên cứu mức độ công bố thông tin của các doanh nghiệp y dược niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Đặng Thị Hoài Thương	TS. Nguyễn Thị Hồng Thúy
32		Thông tin kế toán và biến động giá cổ phiếu của các công ty niêm yết Việt Nam	Vũ Thị Thùy Dung	TS. Phạm Ngọc Quang

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
33		Ứng dụng Blockchain trong ngành kế toán - kiểm toán tại Việt Nam	Bùi Thị Phương	TS. Nguyễn Thị Thanh Hải
34		Nâng cao hiệu quả hoạt động của ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Lê Thùy Linh	Th.s Nguyễn Thị Hải Hà
35		Kiểm toán khoản mục TSCD trong báo cáo tài chính do tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện	Nguyễn Thị Lan	Ths.Nguyễn Hoàng Thái
36		Kế toán xác định kết quả bán hàng, cung cấp dịch vụ tại tổng công ty viễn thông Viettel	Đoàn Thị Thúy	TS. Đỗ Kiều Oanh
37		Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dutuno&Hava	Nguyễn Thị Tuyết Mai	TS. Trần Thế Nữ
38		Kiểm soát nội bộ quy trình cho vay tín dụng cá nhân ngân hàng Techcombank	Nguyễn Thị Hoài Linh	TS. Nguyễn Thị Hương Liên
39		Phát triển hoạt động thanh toán quốc tế tại sở giao dịch ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam trong bối cảnh gia nhập TPP	Nguyễn Văn Anh	PGS.TS. Hà Văn Hội
40		Mối liên hệ giữa chính sách tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán quốc tế tại Việt Nam	Hoàng Lê Kiên	PGS.TS. Hà Văn Hội
41		EVFTA và những tác động tới xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang EU	Đỗ Việt Phương Linh	PGS.TS. Hà Văn Hội
42		Phát triển ngành dịch vụ logistic của công ty cổ phần Vinalines Logistic Vietnam	Đoàn Việt Bách	PGS.TS. Hà Văn Hội
43		Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang CHLB Đức trong bối cảnh EVFTA được ký kết	Nguyễn Hoàng Tùng	PGS.TS. Hà Văn Hội
44		Tác động của nguồn vốn FDI đến kinh tế-xã hội tại VN: Thực trạng và giải pháp	Nguyễn Phương Dung	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh
45		Tác động của cơ sở hạ tầng kinh tế đến thu hút FDI tại Việt Nam	Vũ Thị Thùy Dương	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh
46		Đánh giá tác động của nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đến chất lượng thể chế tại một số nước đang phát triển.	Nguyễn Thị Hương	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh
47		ODA trong lĩnh vực quản lý môi trường đô thị tại Việt Nam	Vũ Kim Anh	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Chi

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
48		Kinh nghiệm quản lý ODA của một số quốc gia và hàm ý chính sách cho Việt Nam	Vũ Thị Phương Linh	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Chi
49		Bất cập quản lý nguồn vốn ODA trong chống sét ở Việt Nam và giải pháp	Hoàng Ngọc Mai	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Chi
50		Xuất khẩu lao động của Việt Nam sang các thị trường truyền thống và các vấn đề đặt ra	Nguyễn Khánh Vy	PGS.TS. Nguyễn Việt Khôi
51		Áp dụng Affiliate Marketing vào thương mại điện tử và bài học cho các nhà bán lẻ Việt Nam	Nguyễn Thị Minh Anh	PGS.TS. Nguyễn Việt Khôi
52		Năng lực cạnh tranh quốc tế của Tổng công ty Mobifone trong bối cảnh toàn cầu hóa ở Việt Nam	Lê Khánh Tường Vân	PGS.TS. Nguyễn Việt Khôi
53		Chiến lược hoạt động của tập đoàn Prudential Việt Nam trong bối cảnh hội nhập Kinh tế quốc tế	Đào Lương Thuý Hiền	PGS.TS. Nguyễn Xuân Thiên
54		Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA): Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam	Nguyễn Thị Uyên	PGS.TS. Nguyễn Xuân Thiên
55		Quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Thái Lan	Đỗ Minh Trang	PGS.TS. Nguyễn Xuân Thiên
56		Tác động của FDI đến các doanh nghiệp trong nước	Đỗ Thị Linh Linh	ThS. Nguyễn Thị Phương Linh
57		Nhượng quyền thương mại	Nguyễn Thị Thu Uyên	ThS. Nguyễn Thị Phương Linh
58		Tác động của FDI đến các doanh nghiệp trong nước	Đỗ Quỳnh Anh	ThS. Nguyễn Thị Thanh Mai
59		Thị trường vận tải hàng không ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế	Nguyễn Thanh Phong	ThS. Nguyễn Thị Thanh Mai
60		Đầu tư trực tiếp nước ngoài trong bối cảnh hội nhập kinh tế	Nguyễn Kim Chi	ThS. Nguyễn Thị Thanh Mai
61		Nghiên cứu sự tác động của các yếu tố nhập khẩu, xuất khẩu, đầu tư ảnh hưởng đến tổng sản phẩm quốc nội (GDP) Việt Nam	Nguyễn Minh Anh	TS. Bùi Hồng Cường
62		Xuất khẩu trái cây Việt Nam sang thị trường Đài Loan	Hoàng Thị Quỳnh Trang	TS. Bùi Hồng Cường

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
63		Phân tích chiến lược kinh doanh của Tiki	Lương Thị Thanh Tú	TS. Bùi Hồng Cường
64		Tác động của EVFTA đến xuất khẩu ngành dệt may của Việt Nam	Nguyễn Thu Uyên	TS. Bùi Hồng Cường
65		Ngành dệt may Việt Nam và tăng cường khả năng cạnh tranh của hàng dệt may trên thị trường Mỹ	Đinh Phương Linh	TS. Hoàng Thị Bảo Thoa
66		Ảnh hưởng của hàng rào kỹ thuật của Mỹ đối với hoạt động xuất khẩu thủy hải sản của Việt Nam	Nguyễn Thiên Trang	TS. Hoàng Thị Bảo Thoa
67		Tăng cường vai trò của trường Đại học trong hệ sinh thái khởi nghiệp thông qua các cuộc thi khởi nghiệp trong bối cảnh hội	Nguyễn Thu Hồng	TS. Hoàng Thị Bảo Thoa
68		Phân tích hiệu quả của Influencer marketing trong ngành công nghiệp mỹ phẩm tại thị trường Việt Nam	Ông Vũ Quỳnh Như	TS. Nguyễn Lan Anh
69		Tác động của chiến tranh thương mại Mỹ-Trung đến hoạt động thu hút nguồn vốn FDI của Việt Nam	Nguyễn Minh Trang	TS. Nguyễn Lan Anh
70		Quan hệ thương mại hàng hóa giữa Việt Nam và Trung Quốc giai đoạn 2010-2019	Vũ Duy Khánh	TS. Nguyễn Lan Anh
71		ODA Nhật Bản đầu tư vào lĩnh vực y tế Việt Nam 2002-2017	Lê Xuân Hiền	TS. Nguyễn Thị Vũ Hà
72		Đánh giá rủi ro phá sản của các Doanh nghiệp Việt Nam năm 2019	Bùi Giang Nhi	TS. Nguyễn Thị Vũ Hà
73		Thực trạng đầu tư ngoại hối tại Việt Nam và phương pháp tham đầu tư an toàn	Hoàng Thị Hồng Uyên	TS. Nguyễn Thị Vũ Hà
74		Tác động của CMCN 4.0 đối với ngành Tài chính - Ngân hàng tại Việt Nam	Nguyễn Thu Phương	TS. Nguyễn Thị Vũ Hà
75		Đánh giá về việc phối hợp điều hành giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ	Nguyễn Thị Thuý Vi	TS. Nguyễn Tiến Dũng
76		Tác động của FDI đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 2011-2015	Nguyễn Thị Thúy Hằng	TS. Nguyễn Tiến Dũng
77		Thực trạng và giải pháp phát triển xuất khẩu thủy sản khi Việt Nam gia nhập CPTPP	Phan Khánh Linh	TS. Nguyễn Tiến Dũng

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
78		Sử dụng trung gian thương mại trong hoạt động xuất nhập khẩu ở Việt Nam - Thực trạng và giải pháp	Đào Thị Hồng Nhung	TS. Nguyễn Tiến Dũng
79		Phân tích hành vi người tiêu dùng với Toyota ở Việt Nam	Bùi Bích Ngọc	TS. Nguyễn Tiến Minh
80		Thực trạng hệ thống dịch vụ logistics Việt Nam, cơ hội, giải pháp phát triển dịch vụ Logistics: Trường hợp thành phố Vũng Tàu	Nguyễn Đức Tâm	TS. Nguyễn Tiến Minh
81		Marketing điện tử trong ngành bán lẻ trên thị trường Quốc Tế và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	Bùi Nguyệt Hoa	TS. Nguyễn Tiến Minh
82		Xây dựng và phát triển Digital Marketing cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam	Nguyễn Anh Trung	TS. Nguyễn Tiến Minh
83		Nâng cao năng lực cạnh tranh xuất khẩu mặt hàng cà phê Việt Nam tại thị trường Châu Âu	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	TS. Phạm Thu Phương
84		Sự phát triển ngành dịch vụ du lịch đối với nền kinh tế Thái Lan và bài học cho Việt Nam	Trần Thẩm Tuấn	TS. Phạm Thu Phương
85		Thu hút FDI vào ngành nông nghiệp Việt Nam giai đoạn 2010-2018: Thực trạng và Giải pháp	Lưu Minh Trang	TS. Phạm Thu Phương
86		Tăng trưởng kinh tế, thương mại quốc tế và ô nhiễm môi trường: phân tích trường hợp của EU	Nguyễn Ngọc Diệp	TS. Phạm Vũ Thắng
87		Phân tích đánh giá chiến lược kinh doanh của tập đoàn CJ trong thời đại 4.0	Nguyễn Vũ Thuỳ Linh	TS. Phạm Vũ Thắng
88		Kinh nghiệm quản lý tiền ảo, Bitcoin ở một số quốc gia trên thế giới và bài học cho Việt Nam	Vương Trung Ân	TS. Trần Việt Dung
89		Tình hình nợ xấu và các biện pháp xử lý nợ xấu tại các ngân hàng thương mại Việt Nam	Trịnh Phong	TS. Trần Việt Dung
90		Nâng cao năng lực cạnh tranh trong phát triển ngành du lịch khách sạn tại Việt Nam	Nguyễn Thị Hương Giang	TS. Trần Việt Dung
91		Tác động của EVFTA đến xuất khẩu lúa gạo của Việt Nam	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	TS. Trần Việt Dung
92		Export strategy to international market of Vietnamese enterprises: Case study of Vinamilk	Trịnh Đình Thượng	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
93		Improvement on Full-container-load (FCL) shipment process of Sotrans Logistics	Lê Danh Lam	TS. Trần Việt Dung
94		Nâng cao chất lượng nguồn lao động xuất khẩu sang thị trường Đài Loan	Trương Thảo Phương	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Chi
95		Quan hệ thương mại của Việt Nam với các nước ASEAN sau khi thành lập AEC	Nguyễn Thành Hai	PGS.TS. Nguyễn Xuân Thiên
96		Tác động của hàng rào phi thuế quan đến xuất khẩu ngành dệt may Việt Nam sang Mỹ	Hoàng Ngọc Mai	ThS. Nguyễn Thị Phương Linh
97		Hoạt động xuất khẩu cà phê Việt Nam sang thị trường châu Âu và cơ hội từ EVFTA	Vương Thị Phượng Loan	TS. Nguyễn Thị Vũ Hà
98		Amazon thâm nhập thị trường Việt Nam: cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp Việt	Đặng Thị Thu Trang	TS. Nguyễn Tiến Minh
99		Tăng trưởng kinh tế, đầu tư trực tiếp nước ngoài và ô nhiễm môi trường: Phân tích trường hợp khu vực ASEAN	Bùi Tú Anh	TS. Phạm Vũ Thắng
100		Phân tích tác động của hiệp định EVFTA đến hoạt động xuất khẩu hàng thủy sản của Việt Nam sang EU	Trần Văn Tuấn	TS. Phạm Thu Phương
101		Đánh giá các yếu tố tác động đến sự tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu của Việt Nam trong ngành máy móc thiết bị điện	Phạm Thị Thảo Chi	TS. Vũ Thanh Hương
102		Thực trạng các biện pháp phi thuế quan trong ASEAN và tác động tới thương mại nội khối	Hoàng Đức Chính	TS. Vũ Thanh Hương
103		Đào tạo và phát triển nhân sự tại Công ty Cổ phần JobsGO	Đỗ Đăng Tùng Nhật	TS. Lưu Hữu Văn
104		Thực trạng công tác tuyển dụng nhân sự tại Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Thái Sơn	Nguyễn Thục Hiền	TS. Lê Thị Việt Hà
105		Hệ thống dịch vụ tại khách sạn 5*	Đông Quang Vinh	TS. Nguyễn Thu Hà
106		Công tác đãi ngộ nhân sự tại Công ty Cổ phần dinh dưỡng nông nghiệp Greenhope Việt Nam	Nguyễn Thu Trang	TS. Lưu Thị Minh Ngọc
107		Nâng cao hiệu quả hoạt động bán hàng tại công ty TNHH giáo dục quốc tế Super English	Nguyễn Thị Huyền	PGS.TS. Nguyễn Đăng Minh

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
108		Một số biện pháp nâng cao hiệu quả công tác quản trị nhân sự tại công ty	Cao Hoàng Yên Linh	TS. Đỗ Xuân Trường
109		Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả chiến lược Marketing tại Công ty Cổ phần kết nối truyền thông Việt Nam Vinalink	Nguyễn Nhật Linh	TS. Nguyễn Thu Hà
110		Công tác đào tạo nhân lực tại công ty TNHH Đầu tư thương mại và truyền thông Trường Giang	Nguyễn Phương Anh	TS. Đặng Thị Hương
111		Thực trạng công tác tuyển dụng tại Công ty TNHH MTV TM&DV Truyền hình HD	Nguyễn Hồng Nhung	TS. Đỗ Xuân Trường
112		Thực trạng và một số giải pháp cho hoạt động bán hàng của Công ty cổ phần Lozi Việt Nam	Nguyễn Thu Hiền	PGS.TS. Phan Chí Anh
113		Thực trạng công tác tuyển dụng và đãi ngộ nhân sự tại Công ty TNHH VTTM Khánh Minh	Nguyễn Thị Ly	TS. Đặng Thị Hương
114		Công tác đãi ngộ nhân sự tại Công ty cổ phần giáo dục Topica English	Vũ Thị Thanh Huyền	TS. Đặng Thị Hương
115		Thực trạng công tác đãi ngộ nhân sự tại Ngân hàng Quân đội MB Bank	Vũ Thị Phương Thảo	TS. Trương Minh Đức
116		Quy trình sale của công ty NQA	Trần Thu Thảo	PGS.TS. Nguyễn Đăng Minh
117		Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực tại công ty TNHH Phát triển Công nghệ Thái Sơn	Vũ Trung Anh	TS. Lê Thị Việt Hà
118		Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Beatrix	Hoàng Thu Trang	TS. Đỗ Xuân Trường
119		Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động Marketing Mix tại trung tâm tiếng anh Apollo English	Vũ Thị Tú Lệ	TS. Vũ Thị Minh Hiền
120		Thực trạng công tác tuyển dụng nhân sự tại Công ty cổ phần XKLD và dịch vụ thương mại biển Đông	Nguyễn Đăng Bảo Quyên	PGS.TS. Nhâm Phong Tuấn
121		Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả truyền thông Marketing cho sản phẩm mới tại công ty TNHH Chùm Ngây Việt	Nguyễn Thu Hà	TS. Nguyễn Thùy Dung
122		Marketing cho thương hiệu trà chanh tại thị trường Mỹ	Nguyễn Thái Sơn	TS. Phạm Việt Thắng

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
123		Chiến lược SALE tại công ty TNHH	Nguyễn Cẩm Tú	TS. Nguyễn Thùy Dung
124		Hoạt động logistics kinh doanh của công ty TNHH Savor Việt Nam	Đinh Phương Thảo	PGS.TS. Phan Chí Anh
125		Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của nhân viên về công việc tại công ty CP Jobsgo	Nguyễn Thị Phương Thảo	TS. Lưu Hữu Văn
126		Phân tích các yếu tố marketing ảnh hưởng tới tình hình mảng kinh doanh trực tuyến tại công ty cổ phần CCGroup toàn cầu	Nguyễn Hữu Dũng	TS. Phạm Việt Thắng
127		Công tác đãi ngộ nhân sự tại công ty	Trịnh Yến Hằng	TS. Trương Minh Đức
128		Thực trạng công tác tuyển dụng nhân sự tại công ty PowerGate Software	Lê Thị Mai	TS. Trương Minh Đức
129		Xây dựng hệ thống kênh phân phối tại công ty cổ phần truyền thông và công nghệ QMedia	Hoàng Thị Huyền	PGS.TS. Nhâm Phong Tuấn
130		Đề xuất nâng cao hiệu quả hoạt động bán hàng tại Công ty Cổ phần May Hưng Yên	Hoàng Huyền Trang	TS. Lưu Thị Minh Ngọc
131		Văn hóa doanh nghiệp	Nguyễn Thanh Tùng	TS. Nguyễn Thùy Dung
132		Một số giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của khách sạn Lâm Ký	Đỗ Anh Hào	TS. Lưu Hữu Văn
133		Thương hiệu tuyển dụng	Nguyễn Đình Phước	ThS. Đinh Phương Hoa
134		Nghiệp vụ giao dịch viên tại Ngân hàng Việt Á, phòng giao dịch La Khê	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	ThS. Phạm Nhật Linh
135		Chiến lược tiếp thị khách hàng: Quá trình ra quyết định	Nguyễn Thị Hoàng Yến	ThS. Trần Thị Thu Hải
136		Marketing online	Kim Trung Chính	ThS. Hoàng Trọng Trường
137		Marketing tuyển sinh trường Mầm non Quốc tế	Nguyễn Đình Tân	ThS. Hoàng Đàm Lương Thúy

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
138		Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực tại công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	Ngô Thị Trung Anh	ThS. Đinh Phương Hoa
139		Tác động của Marketing sử dụng người có ảnh hưởng tới thái độ người tiêu dùng	Nguyễn Thị Thanh Huyền	ThS. Hoàng Trọng Trường
140		Ảnh hưởng của Marketing du lịch đến người tiêu dùng ở Hà Nội	Vũ Trà My	ThS. Hoàng Đàm Lương Thúy
141		Marketing online	Nguyễn Mạnh Tiến	ThS. Phạm Nhật Linh
142		Tìm hiểu và nghiên cứu về hoạt động nghiên cứu khách hàng của Công ty Cổ phần New World Aod và đề xuất định hướng	Phan Thu Hà	ThS. Trần Thị Thu Hải
143		Nâng cao hoạt động quản trị tinh gọn tại Công ty cổ phần Việt Vương	Nguyễn Thu Hương	TS. Lưu Hữu Văn
144		Xác định mức độ ưu tiên của các nhóm tiêu chuẩn đánh giá hoạt động xử lý nước thải tại Công ty cổ phần Vina café miền Bắc.	Nguyễn Thị Lan	TS. Lưu Quốc Đạt
145		Ảnh hưởng của Marketing bên ngoài tới sự hài lòng của khách hàng tại nhà hàng Food House	Phạm Thị Phương Tây	TS. Nguyễn Thu Hà
146		Nâng cao hoạt động quản trị tinh gọn tại Công ty cổ phần Việt Vương	Nguyễn Thu Hương	TS. Lưu Hữu Văn
147		Tín dụng xanh ở Việt Nam: thực trạng và giải pháp	Đặng Thị Trang	ThS. Tô Lan Phương
148		Dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại hệ thống NHTM Việt Nam: Thực trạng và giải pháp phát triển trong thời kỳ cách mạng công	Dương Thái Bình	ThS. Lê Thị Phương Thảo
149		Quản trị rủi ro tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam BIDV: thực trạng và giải pháp.	Trịnh Thị Hồng Linh	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu
150		Tài chính xã hội ở Việt Nam; Thực trạng và giải pháp	Nguyễn Đăng Anh	PGS. TS Trần Thị Thanh Tú
151		Các mô hình định giá hợp đồng quyền chọn và điều kiện áp dụng tại Việt Nam	Nguyễn Thị Thu Trang	TS. Nguyễn Thị Nhung
152		Nâng cao chất lượng cho vay tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.	Phạm Ngọc Huyền	ThS. Phùng Thị Thu Hương

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
153		Nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng cá nhân của ngân hàng VPbank chi nhánh Hà Nội	Nông Khánh Trang	ThS. Tô Lan Phương
154		Green lending: International experience and lesson for VietNam	Đỗ Hoài Phương	ThS. Nguyễn Khánh Tín
155		Bad debt situation in Vietnamese commercial banks in the period of 2016-2019, causes and solutions	Nguyễn Thị Hương Nhài	TS. Nguyễn Phú Hà
156		Marcoeconomic factor affecting the stock market in Việt Nam	Lê Thị Hải Yến	TS. Nguyễn Thị Nhung
157		Assessment of Economics and Business - Vietnam National University Students' Personal Financial Management	Phan Thị Tuyết Mai	TS. Trịnh Thị Phan Lan
158		The effects of industry 4.0 to VietNameese banking system in 2020	Lữ Thu Hằng	TS. Trần Thị Vân Anh
159		Evaluating factors that affect the liquidity of Vietnam's security market	Trần Hợp Sơn	ThS. Nguyễn Quốc Việt
160		Evaluating the development of Private Equity (PE) funds in Viet Nam in the period of 2005-2020 and the expected development in	Lê Thị Tâm	TS. Vũ Thị Loan
161		The effects of political fluctuations on exchange rate risks of commercial banks in Vietnam	Trần Thị Kim Oanh	ThS. Lê Thị Phương Thảo
162		The Impact of Big Data on Banking and Financial system in Vietnam	Phạm Thị Hồng Ngọc	TS. Đinh Thị Thanh Vân
163		Development trend of Fintech and proactive implementation of banking system in Vietnam	Nguyễn Thị Hoàng Khanh	TS. Trịnh Thị Phan Lan
164		Improve the quality of electronic banking services	Ngô Phương Thảo	TS. Nguyễn Phú Hà
165		attracting foreign direct investment in Vietnam at the period 2015-2019: situations & lessons.	Nguyễn Trần Hạnh Ngân	PGS.TS. Lê Trung Thành
166		Fintech and the effects on financial field	Vũ Thị Hải Anh	TS. Vũ Thị Loan
167		Potential to develop fintech ecosystem in Vietnam	Lê Ngọc Ly	TS. Trần Thị Vân Anh

TT	Trình độ đào	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
168		The ability to mobilize capital of small and medium-sized enterprises in Viet Nam from 2010 to present: situation and	Trần Thị Đào	ThS. Phùng Thị Thu Hương
169		Creditcard and the market of creditcard in Vietnam	Bùi Đức Tuấn	ThS. Nguyễn Khánh Tín
170		Quản trị rủi ro tín dụng ngân hàng Ngoại thương Việt Nam Vietcombank	Phạm Hiền Dung	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu

G. CÔNG KHAI THÔNG TIN ĐÀO TẠO THEO ĐƠN ĐẶT HÀNG CỦA NHÀ NƯỚC, ĐỊA PHƯƠNG VÀ DOANH NGHIỆP (không có)

H. CÔNG KHAI HỘI NGHỊ, HỘI THẢO KHOA HỌC DO CƠ SỞ GIÁO DỤC TỔ CHỨC

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Hội thảo công bố kết quả nghiên cứu "Hoạt động đầu tư của Trung Quốc tại Việt Nam"	23/7/2019	Khách sạn Sheraton	100
2	Hội nghị Kinh tế trẻ Châu Á	12-14/8/2019	Đại học Quốc gia Hà Nội	450
3	Diễn đàn sinh viên Châu Á 2019	26-31/8/2019	Đại học Quốc gia Hà Nội	130
4	Hội thảo công bố kết quả nghiên cứu "Nền kinh tế thị trường xã hội Đức"	10/09/2019	Khách sạn Sheraton	100
5	Hội thảo QT "Sự thay đổi của thương mại quốc tế và chuỗi cung ứng toàn cầu"	18/9/2019	Trường ĐH Kinh tế - ĐHQGHN	100
6	HTQT "Sự cần thiết của chính sách tài chính nhằm phát triển giáo dục đại học giai đoạn 2012-2030: Những vấn đề lý luận và bài học kinh nghiệm"	02/10/2019	Trường ĐH Kinh tế - ĐHQGHN	54
7	Diễn đàn Nông nghiệp mùa thu 2019 "Chính sách đất đai và sự phát triển Nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế"	24/10/2019	Khách sạn Sheraton	110
8	Diễn đàn chính sách tài khóa và phát triển 2019	30/10/2019	Khách sạn Sheraton	96
9	HTQT lần thứ nhất về "Kinh tế, phát triển và bền vững: Biến đổi toàn cầu và phát triển bền vững đối với những nền kinh tế mới nổi châu Á"	14-15/11/2019	Trường ĐH Kinh tế - ĐHQGHN	150

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
10	Hội thảo "Năng suất chất lượng trong kỷ nguyên chuyển đổi số"	03-04/12/2019	Trường ĐH Kinh tế - ĐHQGHN	130
11	Hội thảo QT "Những vấn đề đương đại về tài chính kế toán hướng tới phát triển bền vững"	6 - 7/01/2020	Trường ĐH Kinh tế - ĐHQGHN	150

I. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT THỦ VÀ TƯ VẤN

TT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện (BĐ/KT)	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
I	ĐỀ TÀI CẤP NHÀ NƯỚC/NAFOSTED					
1	"Nghiên cứu đánh giá an ninh nguồn nước phục vụ xây dựng quy hoạch tài nguyên nước: áp dụng thử nghiệm trên lưu vực sông Đồng Nai" Mã số: BDKH.12/16-20	Nguyễn Trúc Lê (Nghiệm thu)		2016-2019	8,700	- 04 bài báo trên Tạp chí chuyên ngành trong nước và 02 bài báo quốc tế đăng trên tạp chí có uy tín (ISI/Scopus); Hỗ trợ đào tạo 03 NCS; Đào tạo 04 Thạc sỹ
2	Lương tối thiểu có ảnh hưởng như thế nào đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường quốc tế: Bằng chứng từ các doanh nghiệp Việt Nam; Mã số: 502.99-2017.44	TS. Nguyễn Xuân Đông		2017-2019	620	01 báo cáo tổng hợp; 01 bài báo ISI; 01 bài báo Scopus
3	Tác động của động lực làm việc đến kết quả công việc của giảng viên tại Đại học Quốc gia Hà Nội, Mã số: 503.01-2018.03	TS. Đỗ Anh Đức		2018-2020	674	01 báo cáo tổng hợp; 04 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu SCOPUS; 01 bài thuộc tạp chí quốc gia; 01 hỗ trợ đào tạo ThS
4	Chất lượng quản trị công cấp tỉnh và phúc lợi hộ gia đình Việt Nam: phân tích kinh tế lượng vi mô với dữ liệu mảng, Mã số: 502.99-2015.10	TS. Trần Quang Tuyền		2017-2019	850	01 báo cáo tổng hợp; 03 bài báo thuộc cơ sở ISI; 02 bài báo đăng trên tạp chí trong nước; 02 NCS

TT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đôi tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện (BĐ/KT)	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
5	Sự tham gia của các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam vào chuỗi giá trị toàn cầu; Mã số: 502.99-2018.15	PGS.TS. Nguyễn Việt Khôi		2018-2020	760	01 báo cáo tổng hợp; 02 bài báo thuộc cơ sở dữ liệu SCOPUS; 02 bài báo tạp chí trong nước; 01 sách ck; 01 Thạc sỹ; 01 NCS
6	Xây dựng mô hình ra quyết định đa tiêu chuẩn mờ tích hợp mới: ứng dụng trong đánh giá năng lực giảng viên tại Đại học Quốc gia Hà Nội; Mã số: 502.01-2015.16	TS. Lưu Quốc Đạt		2017-2019	650	01 Bài báo công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế ISI; 02 Bài báo công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế uy tín; 01 Bài báo công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia uy tín; 01 Bài báo công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia khác; 01 Sách chuyên khảo (bản thảo); 01 tham gia đào tạo Thạc sỹ
7	Tiến trình và mô hình công nghiệp hóa tại các nước đang phát triển trong khung khổ hội nhập kinh tế quốc tế; Mã số: 502.01-2015.06	TS. Phạm Quỳnh Anh		2017-2019	480	01 báo cáo tổng hợp; 02 bài báo quốc tế uy tín thuộc danh mục quỹ; 02 bài báo trong nước; 02 Đào tạo Thạc sỹ
8	Nghiên cứu thực chứng về mối quan hệ giữa chia sẻ tri thức cá nhân, đổi mới sáng tạo và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam; Mã số: 502.02-2016.03	PGS.TS.Nhâm Phong Tuấn		2017-2019	780	02 Bài báo công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế khác; 02 Bài báo công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia; 02 Báo cáo khoa học trình bày tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia; Tham gia đào tạo Tiến sỹ: 01; Tham gia đào tạo Thạc sỹ: 02
9	Nghiên cứu mô hình ra quyết định tối ưu cho doanh nghiệp và tổ chức dựa trên tích hợp lý thuyết mô phỏng và phương pháp Quản trị	TS. Nguyễn Đăng Minh		2017-2019	565	02 Bài báo công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế uy tín; 01 Bài báo công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế

TT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện (BĐ/KT)	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	ting gọn " made in Vietnam"; Mã số: 502.02-2015.11					khác; 02 Bài báo công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia uy tín; 01 Sách chuyên khảo (bản thảo); Tham gia đào tạo Tiến sỹ: 02; Tham gia đào tạo Thạc sỹ: 02
10	Phát triển hệ thống tài chính xanh nhằm thúc đẩy kinh tế xanh ở Việt Nam, KX.01.27/16.20	PGS.TS. Trần Thị Thanh Tú		2018-2020	3010	01 báo cáo tổng hợp; 01 báo cáo tóm tắt; 01 báo cáo kiến nghị; 03 kỹ yếu Hội thảo; 03 bài báo quốc tế; 05 bài báo trong nước; 01 sách ck; 03 Thạc sỹ; 02 Tiến sỹ
11	Luận cứ khoa học và thực tiễn, đề xuất định hướng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển giao tri thức phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc giai đoạn 2019-2025, KHCN-TB.27X/13-18	GS.TS. Mai Trọng Nhuận		2018-2019	5200	04 báo cáo kết quả đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu chương trình Tây Bắc; 01 báo cáo tổng hợp NC; 01 báo cáo đánh giá; 01 báo cáo đề xuất giải pháp; 15 sản phẩm truyền thông; 01 sách Ck; 01 bài báo trong nước
12	Những vấn đề cơ bản và cấp bách về đất đai ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi, CTDT.39.18/16-20	PGS.TS. Trần Đức Hiệp		2018-2021	4200	01 báo cáo tổng hợp; 01 báo cáo tóm tắt; 01 bản kiến nghị; Cơ sở dữ liệu; 03 bài báo đăng trên tạp chí trong nước; 01 SÁCH CK; Hỗ trợ đào tạo 01 NCS và 02 ThS; 10 Báo cáo kết quả liên quan nd đề tài
13	Một số giải pháp đột phá về chính sách tài chính nhằm phát triển giáo dục đại học ở Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2035	PGS.TS. Lê Trung Thành		2019-2021	3000	01 báo cáo tổng hợp; 2 bài báo quốc tế thuộc danh mục SCOPUS; 2 bài báo trong nước; 1 sách chuyên khảo; 2 thạc sỹ

TT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đôi tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện (BĐ/KT)	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
14	Nghiên cứu mối quan hệ giữa chi tiêu công và tăng trưởng kinh tế sử dụng phương pháp phân tích đa biến”, Mã số 502.01- 2018.308	TS. Hoàng Khắc Lịch		2019-2021	780	01 báo cáo tổng hợp; 2 bài báo quốc tế thuộc danh mục quỹ; 2 bài trong nước; 01 thạc sỹ
15	Xây dựng mô hình đánh giá năng suất nghiên cứu khoa học của giảng viên tại Đại học Quốc gia Hà Nội, 503.01-2019.03	Nguyễn Anh Tuấn		2019-2021	832	- 01 báo cáo tổng hợp; 2 bài báo quốc tế thuộc danh mục quỹ; 01 tạp chí quốc tế khác; 2 bài trong nước; 01 Tiến sỹ
16	“Quản trị công ty trong các doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam” (dưới đây viết tắt là Đề tài) - Mã số 502.01- 2019.302,	TS. Lưu Thị Minh Ngọc		2020-2022	800	- 01 báo cáo tổng hợp; 2 bài báo quốc tế thuộc danh mục quỹ; 1 bài trong nước; 01 thạc sỹ; 01 HN quốc gia
17	Luận cứ khoa học cho sự hình thành và phát triển các khu kinh tế xuyên biên giới ở Việt Nam; mã số: KX.01.09/16-20	PGS.TS. Nguyễn Anh Thu		2016-2019	2470	- 03 kỹ yếu Hội thảo; Báo cáo điều tra khảo sát 6 tỉnh; Báo cáo chốt lọc; Báo cáo tổng hợp; Báo cáo tóm tắt; Báo cáo kiến nghị - Địa chỉ ứng dụng: Viện chiến lược và phát triển
18	Phân bổ nguồn lực trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Thực trạng, vấn đề đặt ra và định hướng giải pháp	PGS.TS. Nguyễn Hồng Sơn		2016-2019	3,000	- 01 Báo cáo tổng hợp; 01 Báo cáo tóm tắt; 01 Báo cáo kiến nghị; 04 báo cáo trung gian kết quả nghiên cứu; Địa chỉ ứng dụng: Hội đồng lý luận TW, Ban Kinh tế TW
II	ĐỀ TÀI ĐỊA PHƯƠNG					
1	Các giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư từ ngân sách trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2025”, chủ nhiệm đề tài;	GS.TS. Phan Huy Đường	Hà Nội	2017-2019	700	- 01 báo cáo tổng hợp; 02 bài báo trong nước
III	ĐỀ TÀI CẤP ĐHQGHN					

TT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đôi tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện (BĐ/KT)	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	QG.17.35. Nghiên cứu giải pháp điều hành chính sách tỷ giá hối đoái trong bối cảnh hội nhập Kinh tế Quốc tế	TS. Nguyễn Cẩm Nhung		2017-2019	250	- 01 Báo cáo tổng hợp; 01 bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus; 01 bài báo quốc tế; 01 sách chuyên khảo; 02 báo trong nước; Đào tạo ThS: 01 và Tiến sỹ: 01
2	QG.17.35. Đánh giá hiệu quả kinh tế về sử dụng tài nguyên hướng tới tăng trưởng xanh ở Việt Nam	TS. Nguyễn Việt Thành		2017-2019	400	- 01 Báo cáo tổng hợp -04 bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus - 04 báo cáo - Đào tạo ThS: 01
3	QG.17.33. Phát triển nhân lực gắn với sinh kế trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở các tỉnh miền núi phía bắc	PGS.TS. Trần Anh Tài		2017-2019	300	- 01 bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus - 01 sách chuyên khảo - 02 báo trong nước - Đào tạo ThS: 01 và Tiến sỹ: 01
4	QG.17.31. Phát triển nhân lực gắn với sinh kế trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở các tỉnh miền núi phía bắc	TS. Nguyễn Đăng Minh		2017-2019	250	- 01 sản phẩm chuyên giao - 01 Báo cáo tổng hợp -01 bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus - 02 báo trong nước - Đào tạo ThS: 02
5	QG.17.34. Nghiên cứu đánh giá tác động của Hội nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN đến năng lực cạnh tranh của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam	PGS.TS. Nguyễn Hồng Sơn		2017-2019	400	- 01 báo cáo tổng hợp -01 bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus - 01 bài báo quốc tế - 01 sách chuyên khảo - 02 báo trong nước - Đào tạo ThS: 02 và Tiến sỹ: 01
7	QG.18.24. “Nghiên cứu đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi vay tiêu dùng của	PGS.TS. Hoàng Văn Hải		2018-2020	300	- 01 báo cáo tổng hợp - 01 bài báo quốc tế thuộc cơ sở dữ

TT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện (BĐ/KT)	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	người dân Việt Nam hiện nay và những khuyến nghị, đề xuất”					<ul style="list-style-type: none"> liệu ISI/Scopus - 02 bài báo trong nước - Số báo cáo khoa học kiến nghị, tư vấn chính sách theo đặt hàng của đơn vị sử dụng: 01 - Sản phẩm đào tạo: Đào tạo 01 ThS
8	Mã số: QG.18.23.Thu hút nhà đầu tư “thiên thần kinh doanh” (angel Bussiness) nước ngoài cho phát triển Startup ở nước chủ nhà: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam”	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh		2018-2020	350	<ul style="list-style-type: none"> - 01 báo cáo tổng hợp - Số lượng bài báo công bố trên tạp chí khoa học quốc tế theo hệ thống ISI/Scopus: 02 - Số báo cáo khoa học kiến nghị, tư vấn chính sách theo đặt hàng của đơn vị sử dụng: 01 - Kết quả dự kiến được ứng dụng tại các cơ quan hoạch định chính sách hoặc cơ sở ứng dụng KH&CN: 01 Sản phẩm đào tạo: Đào tạo 01 ThS
9	QG.18.25:“Chứng khoán nợ xấu ngân hàng: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam”	TS. Trần Thị Vân Anh		2018-2020	250	<ul style="list-style-type: none"> - 01 báo cáo tổng hợp - Số lượng bài báo công bố trên tạp chí khoa học quốc tế theo hệ thống ISI/Scopus: 01 - Bài báo trong nước 01 - 01 sách chuyên khảo - Đào tạo 01 Ths
10	QG.18.26.“Báo cáo thường niên Kinh tế Việt Nam năm 2018”	PGS.TS. Nguyễn Đức Thành		2018-2020	500	<ul style="list-style-type: none"> - 01 Báo cáo tổng hợp - Số lượng bài báo công bố trên tạp chí khoa học quốc tế theo hệ thống ISI/Scopus: 01

TT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện (BĐ/KT)	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
						<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng sách chuyên khảo được xuất bản hoặc ký hợp đồng xuất bản: 02 - 01 bài báo trong nước - Đào tạo 01 Thạc sỹ
11	QG.19.44.Quản trị chất lượng chuỗi cung ứng dịch vụ trong bối cảnh phát triển nền công nghiệp 4.0: Cơ sở lý luận, kinh nghiệm quốc tế, thực trạng trong nước và một số gợi ý cho Việt Nam”	PGS.TS. Phan Chí Anh		2019-2021	280	<ul style="list-style-type: none"> - Luận cứ khoa học và kinh nghiệm quốc tế - Báo cáo thực trạng quản trị chất lượng Mô hình quản trị - Báo cáo tư vấn - 01 bài báo quốc tế thuộc dữ liệu Scopus
12	QG.19.42.“Tác động của mạng xã hội đối với chuyển đổi phương thức kinh doanh tại Việt Nam, nghiên cứu điển hình với cá nhân và hộ gia đình kinh doanh bán lẻ”	TS. Lưu Thị Minh Ngọc		2019-2021	280	<ul style="list-style-type: none"> - 01 báo cáo khoa học - 01 báo cáo thực trạng - 01 báo cáo kiến nghị - 01 bài báo trên cơ sở dữ liệu Scopus -Đào tạo 01 Thạc sỹ
13	QG.19.41.Báo cáo thường niên kinh tế Việt Nam năm 2019	TS. Nguyễn Cẩm Nhung		2019-2021	280	<ul style="list-style-type: none"> - 01 báo cáo khoa học 01 bài báo trên cơ sở dữ liệu Scopus - 02 sách ck - 02 bài báo trong nước
14	“Hội nhập Kinh tế Quốc tế của Việt Nam: Thuận lợi hóa thương mại và đầu tư”; Mã số: QG.19.43	PGS.TS. Nguyễn Anh Thu		2019-2021	280	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo hàng năm - Báo cáo kiến nghị - 01 bài báo công bố trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống Scopus - 02 bài báo công bố trên tạp chí

TT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện (BĐ/KT)	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
						khoa học chuyên ngành trong nước. - 01 Thạc sỹ
15	TXXTCN.19.09. Xây dựng và công bố Báo cáo Kinh tế Vĩ mô hàng Quý năm 2019:Nguy cơ và ảnh hưởng của lạm phát - các khuyến nghị chính sách	Nguyễn Đức Thành		2019-2020	250	- 01 báo cáo tổng hợp - 04 báo cáo quý - 03 thạc sỹ
16	QG.19.64. Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng thời kỳ đến năm 2020 và vấn đề đổi mới mô hình tăng trưởng thời kỳ đến năm 2030, kế hoạch 5 năm 2021-2025.	Nguyễn Đức Thành		2019-2020	500	- 01 báo cáo tổng hợp - 01 báo cáo kiến nghị - 01 báo cáo chính sách
17	QG.19.66.Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu phát triển các ngành dịch vụ, bao gồm cả mục tiêu cơ cấu lại ngành dịch vụ (bao gồm dịch vụ du lịch, logistic,...) thời kỳ 2011-2020 và phương hướng mục tiêu phát triển ngành dịch vụ thời kỳ 2021-2030, kế hoạch 5 năm 2021-2025;	Phan Chí Anh		2019-2021	500	- 01 báo cáo tổng hợp - 01 báo cáo kiến nghị - 01 báo cáo chính sách
18	Phân tích nguyên nhân và bài học kinh nghiệm (tổng quát) rút ra từ việc thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội môi trường được đề ra trong chiến lược 2011-2020 và những nguyên tắc xác định mục tiêu, chỉ tiêu phát triển trong chiến lược 2021-2030	Nguyễn Đức Thành		2019-2021	500	- 01 báo cáo tổng hợp - 01 báo cáo kiến nghị - 01 báo cáo chính sách
19	Xây dựng và công bố báo cáo kinh tế vĩ mô hàng quý năm 2020: Chính sách thuế hướng tới bền vững ngân sách	PGS.TS. Nguyễn Anh Thu		2020	250	- 01 báo cáo tổng hợp - 04 báo cáo quý - 03 Thạc sỹ

TT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đôi tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện (BĐ/KT)	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
20	Báo cáo thường niên Kinh tế năm 2020	TS. Nguyễn Quốc Việt		2020-2022	500	- 01 báo cáo tổng hợp - 01 bài báo quốc tế Scopus - 01 sách chuyên khảo - 01 thạc sỹ
21	Đổi mới phương pháp giảng dạy qua game mô phỏng: Trường hợp học phân tài chính cá nhân căn bản trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN	TS. Đinh Thị Thanh Vân		2020-2021	200	- 01 báo cáo tổng hợp - 01 bài trong nước - 01 báo cáo nghiên cứu ứng dụng
22	Phát triển lý thuyết về đánh giá tác động xã hội của doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam	TS. Phạm Vũ Thăng		2020-2022	280	- 01 báo cáo tổng hợp - 01 bài báo quốc tế Scopus - 01 bài báo trong nước - 01 thạc sỹ
ĐỀ TÀI CẤP CƠ SỞ						
1	KT.18.01. Nâng cao năng lực nhà quản lý cấp trung trong Tập đoàn Vàng bạc đá quý DOJI	TS. Đỗ Vũ Phương Anh		2018 - 2019	Tự phí	- Kết quả khoa học: 01 báo cáo tổng hợp - 01 bài báo trong nước - Kết quả đào tạo: hỗ trợ đào tạo 01 cử nhân.
2	KT.18.02. Nâng cao năng lực sinh viên chuyên ngành kế toán, kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế- ĐHQGHN để đáp ứng các tiêu chí tuyển dụng của các công ty kiểm toán hàng đầu	ThS. Khiếu Hữu Bình		2018 - 2019	30	- Kết quả khoa học: 01 báo cáo tổng hợp - 01 bài báo trong nước - Kết quả đào tạo: hỗ trợ đào tạo 01 cử nhân.
3	KT.18.03. Phát triển bảo hiểm nông nghiệp – kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam	ThS. Lê Thị Ngọc Phượng		2018 - 2019	20	- Kết quả khoa học: 01 báo cáo tổng hợp - 01 bài báo trong nước - Kết quả đào tạo: hỗ trợ đào tạo 01 cử nhân.

TT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện (BĐ/KT)	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
4	KT.18.04. Kinh tế thế giới 2018 và hàm ý đối với Việt Nam	TS. Nguyễn Cẩm Nhung		2018 - 2019	50	- Kết quả khoa học: 01 báo cáo tổng hợp - 01 bài báo trong nước - Kết quả đào tạo: hỗ trợ đào tạo 01 cử nhân.
5	KT.18.05. Văn hóa kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành thủ công mỹ nghệ tại Hà Nội	TS. Nguyễn Thùy Dung		2018 - 2019	20	- Kết quả khoa học: 01 báo cáo tổng hợp - 01 bài báo trong nước - Kết quả đào tạo: hỗ trợ đào tạo 01 cử nhân.
6	KT.18.06. Giáo dục kỹ năng và trí tuệ sáng tạo tại Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN	TS. Hoàng Khắc Lịch		2018 - 2019	30	- Kết quả khoa học: 01 báo cáo tổng hợp - 01 bài báo trong nước - Kết quả đào tạo: hỗ trợ đào tạo 01 cử nhân.
7	KT.18.07. Tinh thần doanh nghiệp trong quản trị và điều hành trường đại học công lập ở Việt Nam	TS. Đinh Văn Toàn		2018 - 2019	0	- Kết quả khoa học: 01 báo cáo tổng hợp - 01 bài báo trong nước - Kết quả đào tạo: hỗ trợ đào tạo 01 cử nhân.
8	KT.18.08. Tác động của năng lực động chuỗi cung ứng tới lợi thế cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh: Bằng chứng tại các doanh nghiệp sản xuất ở Hà Nội	TS. Đặng Quý Dương		2018 - 2019	20	- Kết quả khoa học: 01 báo cáo tổng hợp - 01 bài báo trong nước - Kết quả đào tạo: hỗ trợ đào tạo 01 cử nhân.
9	KT.18.09. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào nông nghiệp công nghệ cao tại Việt Nam	TS. Phạm Thu Phương		2018 - 2019	0	- Kết quả khoa học: 01 báo cáo tổng hợp - 01 bài báo trong nước - Kết quả đào tạo: hỗ trợ đào tạo 01 cử nhân.

TT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện (BĐ/KT)	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
10	Đánh giá tác động của chi trả dịch vụ môi trường rừng đến sử dụng đất và thu nhập của hộ gia đình tại tỉnh Sơn La, Việt Nam KT.19.01	TS. Nguyễn Đình Tiến		2019-2020	40	- Kết quả khoa học: 01 báo cáo tổng hợp - 01 bài báo trong nước - Kết quả đào tạo: hỗ trợ đào tạo 01 cử nhân.
11	Hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp sau dồn điền đổi thửa, nghiên cứu trường hợp tại huyện Cẩm Khê - tỉnh Phú Thọ, KT.19.02	TS. Hoàng Thị Hương		2019-2020	15	- Kết quả khoa học: 01 báo cáo tổng hợp - 01 bài báo trong nước - Kết quả đào tạo: hỗ trợ đào tạo 01 cử nhân.
12	KT.19.03. Đo lường hiệu lực của Kiểm toán nội bộ tại các Ngân hàng thương mại Việt Nam	TS. Nguyễn Thị Hải Hà		2019-2020	15	- Kết quả khoa học: 01 báo cáo tổng hợp - 01 bài báo trong nước - Kết quả đào tạo: hỗ trợ đào tạo 01 cử nhân.
13	KT.19.04. Tác động của Quản trị nguồn nhân lực đến sự cam kết của nhân viên tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Nội	TS. Đặng Thị Hương		2019-2020	15	- Kết quả khoa học: 01 báo cáo tổng hợp - 01 bài báo trong nước - Kết quả đào tạo: hỗ trợ đào tạo 01 cử nhân.
14	Các nhân tố ảnh hưởng tới tiêu dùng xanh của các hộ gia đình tại Hà Nội, KT.19.05	TS. Nguyễn Thị Nhung		2019-2020	30	- Kết quả khoa học: 01 báo cáo tổng hợp - 01 bài báo quốc tế thuộc danh mục Scopus - Kết quả đào tạo: hỗ trợ đào tạo 01 cử nhân.
15	Đầu tư trực tiếp nước ngoài của các MNCs vào các nước ASEAN trong bối cảnh chuyển đổi số và hàm ý cho Việt Nam, KT.19.06	ThS. Nguyễn Thị Thanh Mai		2019-2020	30	- Kết quả khoa học: 01 báo cáo tổng hợp - 01 bài báo quốc tế

TT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện (BĐ/KT)	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
						- Kết quả đào tạo: hỗ trợ đào tạo 01 cử nhân.
16	Tăng cường vai trò của trường Đại học trong hệ sinh thái khởi nghiệp thông qua hoạt động tổ chức các cuộc thi khởi nghiệp, KT.19.07	TS. Hoàng Thị Bảo Thoa		2019-2020	40	- Kết quả khoa học: 01 báo cáo tổng hợp - 01 bài báo trong nước - Kết quả đào tạo: hỗ trợ đào tạo 01 cử nhân.
17	Nghiên cứu xây dựng khoá đào tạo ngắn hạn về kỹ năng thích ứng với những yêu cầu của Chính phủ số và kinh tế số, KT.19.08	TS. Nguyễn Thị Hương Lan		2019-2020	15	- Kết quả khoa học: 01 báo cáo tổng hợp (có kèm theo khung chương trình đào tạo ngắn hạn) - 01 bài báo trong nước - Kết quả đào tạo: hỗ trợ đào tạo 01 cử nhân.
18	Nghiên cứu xây dựng chương trình: Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam: Chiến lược của các công ty xuyên quốc gia và môi trường kinh doanh, KT.19.09	TS. Nguyễn Tiến Minh		2019-2020	15	- Kết quả khoa học: 01 báo cáo tổng hợp (có kèm theo khung chương trình đào tạo ngắn hạn) - 01 bài báo trong nước - Kết quả đào tạo: hỗ trợ đào tạo 01 cử nhân.
19	Nghiên cứu xây dựng và triển khai chương trình đào tạo ngắn hạn giáo dục môi trường cho trẻ em tại trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN, KT.19.10	TS. Đào Thị Thu Trang		2019-2020	15	- Kết quả khoa học: 01 báo cáo tổng hợp (có kèm theo khung chương trình đào tạo ngắn hạn) - 01 bài báo trong nước - Kết quả đào tạo: hỗ trợ đào tạo 01 cử nhân.
20	Nghiên cứu xây dựng chương trình đào tạo tài chính cá nhân của sinh viên trên địa bàn Hà Nội, KT.19.11	Trịnh Thị Phan Lan		2019-2020	15	- Kết quả khoa học: 01 báo cáo tổng hợp (có kèm theo khung chương trình đào tạo ngắn hạn) - 01 bài báo trong nước

TT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện (BĐ/KT)	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
						- Kết quả đào tạo: hỗ trợ đào tạo 01 cử nhân.
21	Nghiên cứu xây dựng chương trình: Ứng dụng tư duy thiết kế trong thiết kế cuộc đời của sinh viên thế kỷ 21, KT.19.12	TS. Nguyễn Thị Hương Liên		2019-2020	15	- Kết quả khoa học: 01 báo cáo tổng hợp (có kèm theo khung chương trình đào tạo ngắn hạn) - 01 bài báo trong nước - Kết quả đào tạo: hỗ trợ đào tạo 01 cử nhân.
22	Nghiên cứu xây dựng chương trình đào tạo MiniMBA KT.19.13	PGS.TS.Hoàng Văn Hải		2019-2020	15	- Kết quả khoa học: 01 báo cáo tổng hợp (có kèm theo khung chương trình đào tạo ngắn hạn) - 01 bài báo trong nước - Kết quả đào tạo: hỗ trợ đào tạo 01 cử nhân.

K. CÔNG KHAI THÔNG TIN KIỂM ĐỊNH CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Cộng nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/ Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	Mạng lưới các trường ĐH Đông Nam Á (CT Kinh tế quốc tế chất lượng cao)	2011	4,67	AP23VNUHNDEC10	Công nhận đạt tiêu chuẩn KĐCL các trường ĐH Đông Nam Á	08/1/2011	07/1/2015
2	Mạng lưới các trường ĐH Đông Nam Á (CT Quản trị kinh doanh)	2015	4,2	AP67VNUHNMAY14	Công nhận đạt tiêu chuẩn KĐCL các trường ĐH Đông Nam Á	29/1/2015	28/1/2019

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
3	Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục	Năm 2016	86,89%	03/NQ-HĐKĐCLGD ngày 18/7/2016	Công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT	09/9/2016	09/9/2021
4	CTĐT chất lượng cao trình độ đại học ngành Tài chính ngân hàng	Năm 2018	48/50 (96%)	08/NQ-HĐKĐCLGD ngày 27/4/2018	Công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT		02/7/2023
5	CTĐT chuẩn trình độ đại học ngành Kế toán	Năm 2018	43/50 (86%)	09/NQ-HĐKĐCLGD ngày 27/4/2018	Công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT		05/9/2023
6	CTĐT chuẩn trình độ đại học ngành Kinh tế	Năm 2019	92%	11/NQ-HĐKĐCLGD ngày 18/3/2020	Công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT	27/4/2020	27/4/2025

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(đã ký)

PGS.TS Nguyễn Mạnh Tuấn